HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

59

THÁNG 6 & 7 NĂM 2001

TRỊNH CÔNG SƠN
một cõi đi về



ĐẶNG TIẾN HÀ THÁI THỦY HÀ VŨ TRỌNG TRỊNH CÔNG SƠN BÙI BẢO TRÚC NGUYỄN HOÀNG VĂN NGUYỄN DUY HUỲNH HỮU ỦY HUỲNH NGỌC NGA HOÀNG XUÂN SƠN THẬN NHIÊN MIÊNG NGUYỄN THỊ THANH BÌNH PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN ĐINH TRƯỜNG CHINH NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG LAFCADIO HEARN HIRAI TELICHI NGUYỄN NAM TRÂN PHẠM TRỌNG LUẬT TRẦN MỘNG TÚ VÕ ĐÌNH LÊ QUỲNH MAI DƯƠNG THU HƯƠNG KIM THI



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

http://saigonline.com/hopluu

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 59 tháng 6 & 7 năm 2001

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ biên

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



Trịnh Công Sơn
28.2.1939 - 1.4.2001

HỢP LƯU

số 59, tháng 6&7 năm 2001

TƯỞNG NHỚ TRỊNH CÔNG SƠN

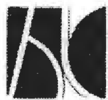


Tranh bìa

Trịnh Công Sơn qua **Đinh Cường**

Minh họa trang trong: **Đinh Cường & KT**





thư tòa soạn



Qua các cầu thông tin hiện đại nhất, khắp thế giới đều nhanh chóng hay tin, vào lúc 12 giờ 45 phút sáng Chủ nhật ngày 1 tháng 4 năm 2001, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã trút hơi thở cuối cùng tại Việt Nam, nơi ông đã sinh ra, đã lớn lên, đã gắn liền đời mình với những ca khúc, đã dùng những ca khúc này như phương tiện hữu hiệu nhất, chở tâm tư tình cảm của mình, của cả một thế hệ, đến với cuộc đời này.

Trịnh Công Sơn đã để lại cho chúng ta trên 500 nhạc phẩm. Gia tài ấy tuy đồ sộ, nhưng chắc chắn tên tuổi ông sẽ không được nhắc đến bằng nhiều cảm phục và yêu mến bởi hầu hết mọi người Việt Nam, nếu sáng tác của ông không phổ cập, không đại biểu, không từng nằm trên môi từng người, từ Nam chí Bắc, và cả hải ngoại, ngót bốn thập niên qua.

Dù, do hoàn cảng nghiệt ngã của lịch sử, sau biến cố 1975, trên dưới hai triệu người rời bỏ quê hương, mang theo không ít thương cảm lẫn hận thù. Là một nghệ sĩ lớn, tên tuổi cùng những thành quả của Trịnh Công Sơn tất nhiên không thể tách lìa ra ngoài dòng vận động của lịch sử. Vì thế, có thời, ông bị một thiểu số cực đoan ở hải ngoại kết tội, lên án, tẩy chay.

Nhưng dù lên án, kết tội, tẩy chay, nhạc của ông vẫn được hát,

được sử dụng, được mang đến cho nhau, như những lời tụng ca ngọt ngào và đằm thắm nhân danh tình yêu, tình người, tình quê hương, nòi giống.

Điều ấy chứng tỏ hận thù chỉ biểu tỏ một thứ tình cảm thuần cảm tính, thiếu hẳn lý tính. Người nghệ sĩ tài hoa của chúng ta, trước sau, chỉ là một ca nhân, ông bước xuống cuộc đời và hiến tặng không dè xẻn những rung động chân thực xuất phát từ trái tim cực kỳ nhạy cảm của mình. Rung động ấy có thể đúng, có thể sai, do vị trí, hướng nhìn của người phê phán. Điều quan trọng là ông đã rất thực, chính vì rất thực, ông tồn tại được trong lòng dân tộc, trong lòng mỗi người Việt Nam.

Ban đầu, tòa soạn dự định thực hiện một số Hợp Lưu đặc biệt tưởng nhớ và vinh danh nhạc sĩ Trinh Công Sơn. Trong dự tính, số báo sẽ thật xứng đáng với tầm vóc của ông, xuyên qua những nghiêm cứu nghiêm túc, công phu, cùng nhiều tư liệu và hình ảnh sống động.

Nhưng rồi chúng tôi nhận thấy việc ấy bất khả thi, do thời gian quá ngắn, xúc động trong lòng mọi người chưa tan, hầu hết các bài viết chỉ có tính chất hoài nhớ, thương cảm, chưa có được những lý giải chuyên môn giá trị.

Vì thế, số báo này chưa thể gọi là số đặc biệt mang chủ đề Trịnh Công Sơn, mà chỉ là một số báo bình thường, với dăm bảy bài viết xuất phát từ cảm nghĩ của những tác giả đã từng yêu mến tài năng ông. Hợp Lưu sẽ trở lại chủ đề này dịp khác, trong tương lai.

Về phần sáng tác văn học, nhằm mục đích tạo một bầu khí vui nhộn, nhẹ nhỏm bằng chữ nghĩa, nửa năm trước, các tác giả có mặt ở những trang sau cùng hẹn nhau xuất hiện đồng loạt trên Hợp Lưu kỳ này, với điều kiện: mỗi người phải mang theo với tên tuổi mình một con.... ma.

Nay, đúng hẹn, họ đồng loạt hiện diện.

Hợp Lưu hy vọng phần sáng tác văn học liên quan đến... ma (cả sống lẫn chết) sẽ giúp độc giả tìm thấy một chút cảm giác thú vị.

Đặc biệt, nhà phê bình Đặng Tiến, vì lý do riêng đã không có dịp đến với độc giả Hợp Lưu một thời gian dài, nay, ông tái ngộ chúng ta, với một bài điểm sách giá trị : *Chuyện kể năm 2000.*

Cuối cùng, vì cần dành số trang cho những bài viết tưởng nhớ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, chúng tôi xin lỗi tạm gác một số tiểu luận, nhận định, thơ, truyện của các tác giả trong, ngoài nước đã gửi đến Hợp Lưu thời gian gần đây. Sáng tác của quí vị sẽ được đi trong số tới.

HỢP LƯU



HÀ THÁI THỦY

thư mục tác phẩm trịnh công sơn

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn chào đời ngày 28.2.1939 tại Lạc Giao, Đắc lắc, cao nguyên miền Trung Việt Nam.

Tốt nghiệp tú tài ban triết tại Chasseloup Laubat, Sài Gòn.

Dạy học tại Qui Nhơn một thời gian ngắn.

Tự học nhạc.

Từ lúc những tác phẩm đầu tay chào đời vào năm 1958 (Ướt Mi, Chiều Chủ Nhật Buồn...) *đến khi từ trần (12 giờ 45 Chủ nhật ngày 1 tháng 4 năm 2001) dù trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, Trịnh Công Sơn vẫn không ngừng sáng tác, nhạc của ông được khai sinh và tồn tại, trở thành hơi thở, máu thịt của nhiều thế hệ Việt Nam, cả trong lẫn ngoài nước. Trên 40 năm qua, ông để lại cho đời trên 500 ca khúc, trong đó có khoảng 200 bài nổi tiếng, số còn lại có thể ông đã không phát hành, hoặc chỉ phổ biến trong số bạn bè, sinh viên... hoặc ngẫu hứng sáng tác tại chỗ rồi sau đó bị mai một! Thư mục này tạm đưa ra 194 bài xếp theo thứ tự abc, độc giả thấy thiếu bài nào xin bổ sung giúp (có được thời điểm sáng tác càng tốt*). Hy vọng trong tương lai*

một thư mục hoàn chỉnh sẽ được thực hiện.

Hà Thái-Thủy, Canada
(tác phẩm bổ sung xin gửi về địa chỉ email: hathaithuy@hotmail.com)*

B
Bà mẹ Ô lí
Bay đi thầm lặng
Bên đời hiu quạnh
Biển nhớ
Biển sáng (nhạc: Phạm Trọng Cầu - lời: TCS)
Biết đâu nguồn cội
Bốn mùa thay lá
Bống bồng ơi
Bống không là Bống
Buồn từng phút giây

C
Ca dao mẹ
Cánh chim cô đơn
Cát bụi
Chỉ có ta trong một thời
Chiếc lá thu phai
Chiều trên quê hương tôi
Chìm dưới cơn mưa
Cho đời chút ơn
Cho một người nằm xuống
Chờ nhìn quê hương sáng chói
Chuyện đoá Quỳnh Hương
Chưa mất niềm tin
Có một dòng sông đã qua đời
Có một ngày như thế
Có nghe đời nghiêng
Có những con đường
Cỏ xót xa đưa
Con mắt còn lại
Còn ai với ai
Còn có bao ngày

D, Đ

E

G

Giọt nước cành sen
Giọt nước mắt cho quê hương
Gọi tên bốn mùa
Góp lá cho mùa xuân

H
Hạ trắng
Hai mươi mùa nắng lạ
Hành hương trên đồi cao
Hát trên những xác người
Hãy cứ vui như mọi ngày
Hãy đi cùng tôi
Hãy khóc đi em
Hãy nhìn lại
Hãy sống dùm tôi
Hãy yêu nhau đi
Hoa vàng mấy độ
Hoa xuân ca
Hôm nay tôi nghe
Huế -Sài gòn-Hà Nội
Huyền thoại mẹ

K
Khói trời mênh mông

L
Lại gần với nhau
Lặng lẽ nơi này
Lời buồn thánh
Lời của dòng sông
Lời ở phố về
Lời mẹ ru
Lời ru đêm
Lời thiên thu gọi

M
Mãi mãi tìm nhau
Mênh mông Đồng Tháp
Môi hồng đào

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui
Một buổi sáng mùa xuân
Một cõi đi về
Một lần thoáng có
Một ngày như mọi ngày
Mưa hồng
Mưa mùa hạ

N
Này em có nhớ
Nắng thuỷ tinh
Ngày dài trên quê hương
Ngày nay không còn bé
Ngẫu nhiên
Nghe những tàn phai
Nghe tiếng muôn trùng
Ngủ đi con
Ngụ ngôn mùa đông
Nguyệt ca
Người con gái Việt Nam da vàng
Người già em bé
Người về bỗng nhớ
Nhìn những mùa thu đi
Nhớ mùa thu Hà Nội
Như cánh vạc bay
Như chim ưu phiền
Như hòn bi xanh
Như một lời chia tay
Như một vết thương
Như tiếng thở dài
Những con mắt trần gian
Những giọt máu trổ bông
Níu tay nghìn trùng
Nối vòng tay lớn
Nước mắt cho quê hương

O
Ở trọ

P
Phôi pha
Phúc âm buồn

Q
Quê hương đau nặng
Quỳnh Hương

R
Ra đồng giữa ngọ
Rồi như đá ngây ngô
Rơi lệ ru người
Ru đời đã mất
Ru đời đi nhé!
Ru em
Ru em từng ngón xuân nồng
Ru ta ngậm ngùi
Ru tình
Rừng xanh xanh mãi
Rừng xưa đã khép

S
Sao mắt mẹ chưa vui
Sẽ còn ai
Sóng về đâu

T
Ta phải thấy mặt trời
Ta thấy gì đêm nay
Tạ ơn
Tiến thoái lưỡng nan
Thành phố mùa xuân
Thuở bống là người
Thương một người
Tình ca người mất trí
Tình xót xa vừa
Tình khúc Ơ-bai
Tình nhớ
Tình sầu
Tình xa

Tình yêu tìm thấy
Tôi đã mất
Tôi đang lắng nghe
Tôi ơi đừng tuyệt vọng
Tôi ru em ngủ
Tôi sẽ đến
Tôi sẽ đi thăm
Trả lại em (TCS/Phạm Trọng Cầu)
Trên cánh đồng hoà bình
Trong nỗi đau tình cờ
Tuổi đá buồn
Tuổi đời mênh mông
Tự tình khúc
Từng ngày qua
Tưởng rằng đã quên

U
Ướt mi

V
Vàng phai trước ngõ
Vẫn nhớ cuộc đời
Về thăm mái trường xưa
Vết lăn trầm
Vì tôi cần thấy em yêu đời
Vì bé ngoan (nhạc thiếu nhi)
Vườn xưa

X
Xa dấu mặt trời
Xanh lòng phai tàn
Xin cho tôi
Xin mặt trời ngủ yên
Xin trả nợ người
Xuân nguyện

Y
Yêu dấu tan theo

HÀ THÁI THỦY sưu tầm và sắp xếp


Trịnh Công Sơn & Vĩnh Trinh (em gái)

TRỊNH CÔNG SƠN
đóa hoa vô thường

I

Tìm em tôi tìm
Mình hạc xương mai
Tìm trên non ngàn
Một cành hoa khôi
Nụ cười mong manh
Một hồn yếu đuối
Một bờ môi thơm
Một hồn giấy mới

Tìm em tôi tìm
Nhủ lòng tôi ơi
Tìm đêm chưa từng
Tìm ngày tinh khôi
Tìm chim trong đàn
Ngậm hạt sương bay
Tìm lại trên sông
Những dấu hài

Tìm em xa gần
Đất trời rộn ràng
Tìm trong sương hồng
Trong chiều bạc mệnh
Trăng tàn nguyệt tận
Chưa từng tuyệt vọng đâu em

Tìm trong vô thường
Có đôi dòng Kinh
Sấm bay rền vang
Bỗng tôi thấy em
Dưới chân cội nguồn
Tôi mời em về
Đêm gội mưa trong
Em ngồi bốn bề
Thơm ngát hương trầm

Trong vườn mưa tạnh
Tiếng nhạc hân hoan
Trăng vàng khai hội
Một đoá hoa quỳnh

II

Từ nay tôi đã có người
Có em đi đứng bên đời líu lo
Từ nay tôi đã có tình
Có em yêu dấu lẫy lừng nói thưa

Từ em tôi đã đắp bồi
Có tôi trong dáng em ngồi trước sân

Mùa đông cho em nỗi buồn

Chiều em ra đứng hát kinh đầu sông
Tàn đông con nước kéo lên
Chút tình mới chớm đã viên thành

Từ nay anh đã có nàng
Biết ơn sông núi đáp đền tiếng ca
Mùa xuân trên những mái nhà
Có con chim hót tên là ái ân

III

Sen hồng một nụ
Em ngồi một thuở
Một thuở yêu nhau
Có vui cùng sầu
Từ rạng đông cao
Đến đêm ngọt ngào
Sen hồng một độ
Em hồng một thuở xuân xanh
Sen buồn một mình
Em buồn đền trọn mối tình

Một chiều em đứng cuối sông
Gió mùa thu rất ân cần
Chở lời kinh đến núi non
Những lời tình em trối trăng
Một thời yêu dấu đã qua
Gót hồng em muốn quay về
Dù trần gian có xót xa
Cũng đành về với quê nhà

IV
Từ đó trong vườn khuya
Ôi áo xưa em là
Một chút mây phù du
Đã thoáng qua đời ta
Từ đó trong hồn ta
Ôi tiếng chuông não nề
Ngựa hí vang rừng xa
Vọng suốt đất trời kia
Từ đó ta ngồi mê
Để thấy trên đường xa
Một chuyến xe tựa như
Vừa đến nơi chia lìa

Từ đó ta nằm đau
Ôi núi cũng như đèo
Một chút vô thường theo
Từng phút cao giờ sâu
Từ đó hoa là em
Một sớm kia rất hồng
Nở hết trong hoàng hôn
Đợi gió vô thường lên
Từ đó em là sương
Rụng mát trong bình minh
Từ đó ta là đêm
Nở đoá hoa vô thường.

TRỊNH CÔNG SƠN

---

* Chữ in nghiêng các điệp khúc và phân đoạn lời thơ bài ĐHVT thành bốn khúc là theo Hà Vũ Trọng.



HÀ VŨ TRỌNG
Chiêm ngắm đóa hoa vô thường

Chìm dưới cơn mưa một người chết đêm qua
Chìm dưới đất kia một người sống thiên thu
Chìm khuất trong ta một lời nói vu vơ
Chìm dưới sương thu là một đoá thơm tho...
(Chìm dưới cơn mưa)
Trịnh Công Sơn

Bởi chàng nhập vai Orpheus, nhà thơ... nhà kiến trúc nên huyền thoại, thuật sĩ trước sự man rợ, và là người hành hương về cõi chết...

(Because he is part Orpheus, the poet... is architect of myth, magician over savagery, and pilgrim toward death...)
- George Steiner
"Silence and the Poet"

Khúc dạo

Chúng ta yêu nhạc Trịnh Công Sơn vì trong nhạc của anh có thơ. Vậy, chúng ta có được cả hai. Tự thơ đã là một loại nhạc biểu hiện cái đẹp và sự hài hoà của chữ nghĩa. Nhạc thơ ở anh song sinh từ niềm thôi thúc muốn tỏ tình với cuộc đời. Nhạc thơ đó cũng lung linh ảo diệu như bóng trăng in trên mặt nước mà chúng ta thường không phân biệt nổi đâu là nhạc là thơ. Nếu nhạc là con sông thì thơ là con trăng nhập vào mặt nước thành con thuyền chở tình yêu của anh. Nói cách khác, thơ và nhạc là đôi cánh để bay chở tình yêu trong những ca khúc của TCS, không thể tách lìa được. Từ đó thơ nhạc sẽ la đà bay vào lòng người, khiến tai ta có thể nghe được những âm thanh vọng xuống từ trời cao, tiếng của *đất trời rộn ràng... Dù em khẽ bước không thành tiếng, cõi đời bao la vẫn ngân dài*. Mỗi khúc hát của TCS là mỗi giấc mơ hoá thân thu mình bé lại *làm mưa tan giữa trời*, là mỗi lần tâm hồn bụi bặm thường nhật của chúng ta được gột rửa.

Thơ ca đích thực [như nhạc sĩ Sufi Inayat Khan từng nói] nảy sinh từ vũ điệu của tâm hồn. Từ thơ mà nhịp điệu của tâm hồn được thể hiện. Có người sẽ cho rằng nét nhạc của TCS giản dị, đơn điệu. Hẳn là anh chuộng sự đơn sơ, giản dị, nhưng đây là cái giản dị của sự đạm bạc, khổ hạnh, *nghèo* mà vẫn giàu những cảm thức mĩ học tao nhã. Nét nhạc "đơn điệu" (*monotone* hay thể *monophonic ballade*) đó lại là dòng cảm thức cô tịch, của cá nhân trực cảm được nỗi cô đơn với vũ trụ, thiên nhiên. *Người ôm lấy muôn loài nằm trong tiếng bi ai*. Tiếng bi ai đó thấm cả vào lòng cảnh vật, sỏi đá tưởng là vô tri. *Làm sao em biết bia đá không đau... Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau...* Cảm được cái u ẩn của *vết lăn trầm hằn trên phiến đá nâu thêm ưu phiền...* hoặc *Có một dòng sông đã qua đời...* Lời thơ nhạc của anh "diệu" ở chỗ đánh thức được giấc mơ của mỗi người và tính vô tận của đời sống. *Trên mỗi thân người có nghìn phím tơ, búng ngón tay đàn thức dậy ước mơ... Đôi khi thấy trên lá khô một dòng suối...*

Và nếu để đi tới chỗ rốt ráo vượt trên cả cái tiếng nhạc: đó là *tiếng người* trong tiếng thơ TCS. Tiếng của thân phận cát bụi *úp mặt bùi ngùi* trên đường: tiếng thiết tha ân cần của một tình yêu vô ngã, hỉ xả *để gió cuốn đi*, để *tim lăn trên đường mòn*, để *tình yêu xay mòn thành đá cuội*, để *treo tình trên chiếc đinh không* [trên cây thập giá đời], để ru tình nên chịu *quì gối vong nô*, để *làm đá cuội mà lăn theo gót hài* tình yêu,... Chúng ta có thể kết tinh tất cả những hình ảnh đó từ sự tự nguyện chọn "qui y"/*ở trọ* trong chính đôi chân đoạn trường của một người đẹp: *Đi đứng ở trọ đôi chân Thuý Kiều*. Yêu cái *giọng người nhu mì* của TCS rõ ràng đã đồng điệu với thi sĩ Lorca: "*Thi ca*

đích thực chính là tình yêu, hết mình, quên mình... Tôi có thể nói với bạn rằng tôi ghét tiếng phong cầm, đàn, sáo. Tôi yêu cái tiếng người. Cái tiếng người đã chịu hạ mình vì tình yêu." (trích thư gửi thi sĩ Jorge Guillén). Tình yêu hết mình đó chính là viên ngọc để Dã Tràng nghe và cảm thông được tiếng của muôn loài... Hoặc dẫu biết *gập gềnh nhiều kiếp lưu vong* nhưng vẫn gánh kiếp tuyệt vọng làm Sisyphus (*Le Mythe de Sisyphus* – A. Camus) để lăn tảng đá đời: *Ta lăn đời đã quá đôi tay vẫn còn ôm mịt mùng...*

Tâm hồn thơ của TCS cũng rất gần với những đoản khúc *hoà ca* (waka): "đem quả tim làm hạt giống gieo, để từ đó nở ra vạn lá biếc của lời" (*Vạn Diệp Tập*). TCS đã hoà điệu được cả hai mặt cảm xúc và biểu hiện phương Đông bằng con đường khổ hạnh và tối thiểu (Minimalism) cần phải có trong tâm linh và nghệ thuật. Hơn nữa, cảm thức thẩm mĩ của anh trong nỗi ám ảnh về cái đẹp, vô thường, cái chết... cũng như khúc thức ballade của anh (mang âm hưởng chung của Đông [Nam] Á) màu sắc gần với những bài dân dao (minyo) của Nhật — giải thích một phần cho tầm ảnh hưởng không nhỏ các ca khúc của anh đối với người Nhật vốn nổi tiếng về khiếu thẩm mĩ. Về mặt lịch sử, có sự đồng cảm của Nhật đối với một đất nước trong và sau cuộc chiến cũng tang thương, đầy hiểm nguy và thường trực giáp mặt với cái chết. Sự gặp gỡ của TCS trong Thiền học cũng là để tìm ra một đạo sống, một lối thoát bằng ý niệm đồng hoá sống với chết, sinh không tách li khỏi tử. Đời sống được cái chết hầu cận, cái chết tháp tùng đời sống, cả hai cùng *nối liền một vòng tử sinh. Trong khi ta về lại thấy ta đi.* TCS đã thăng hoa cho *cát bụi tuyệt vời... Chìm dưới đất kia hạt cát bao la.* Bởi không chỉ riêng cái chết mới là một khủng hoảng toàn diện, mà sống cũng là một khủng hoảng[1]. *Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đời...* Sống trong cái chết cũng có thể hình dung một cách nghịch lí bằng đời sống được ngắm nhìn từ cõi chết: "*...Tôi muốn nhìn thế giới này bằng nhãn quan từ bờ bên kia... Tất cả phụ thuộc vào cái nhìn của tôi lên bạn như kẻ chết nhìn vào kẻ chết; Tôi đang sống trong một hoàng hôn vĩnh cửu của cõi chết, tôi ngửi thấy những đoá hoa tựa như mùi tử thi...*" (Valle Inclán).

Trịnh Công Sơn đã từng và ngay lúc này đây đang vọng nhìn cuộc đời từ bờ bên kia: *mệt quá thân ta này, nằm xuống với đất muôn đời. Kìa còn biết bao người, dìu dặt tới quanh* đây. Đã từng *ta thấy em trong tiền kiếp* tới cách nhìn sau này với nhãn quan lưỡng nguyên pha thêm tính u mặc (humour) kiểu Bùi Giáng trong bài hát *Con mắt còn lại.* (*Cõi bờ con mắt Hoa Nghiêm, con mắt còn lại một con khóc người/ Bây giờ riêng đối diện tôi, còn hai con mắt khóc người một con.* –

B.G.).

Văn Cao đã gọi chính danh TCS là người *ca thơ* – để nói về các thi ca sĩ *troubadour/minstrel* — những sứ giả sống để phụng thờ và ca tụng tình yêu như là nguồn sáng cứu rỗi trong đêm trường Trung cổ. Một khoảnh khắc sống với quả tim yêu nồng nhiệt đáng giá hơn một trăm năm sống bằng quả tim khô héo, dù ngay cả khi ca tụng tình yêu bằng *những bài tình ca không có hạnh phúc*.

Đời thi ca sĩ là một *kiếp rong chơi*:

Đời vẽ tôi tên mục đồng
Rồi vẽ thêm con ngựa hồng
Từ đó lên đường phiêu linh.

Đời vẽ trong tôi một ngày
Rồi vẽ thêm đêm thật dài
Từ đó tôi thề sẽ rong chơi...
(Chỉ có ta trong một thời)

Chính phong thái *bohemien/ gypsy* này mà hình ảnh người du ca TCS với cây đàn guitar cùng "nữ hoàng chân đất" Khánh Ly thời ấy (1967) hiện ra giữa trời và trong các quán càfê (sau đó là cặp tình nhân Lê Uyên và Phương), họ là những *café cantanta* (ca sĩ hát trong quán càfê) là một luồng sinh khí mới thu hút được một thế hệ rất lớn những *aficionado* (người hâm mộ), và đã trở nên một dấu ấn sâu đậm khó quên đối với họ. Phong thái này mặc dù thiếu cái *passion*[2] động của tiết nhịp flamenco nhưng nó lại là cái *Passion*[3] tĩnh — đúng lúc để lặng mình mà chiêm ngắm lại những vết thương lòng của người VN, của những *vết lăn trầm,* của thân xác quê hương đang tan nát từng giờ trong những *Ca Khúc Da Vàng* (1967). Những bài hát ru như *Ngủ đi con, Lời mẹ ru* và đặc biệt bài *Ca dao mẹ*: hình ảnh người *mẹ ngồi trăm năm như thân tượng buồn để lại quê hương* là pho tượng bi cảm *Pieta* (Thương xót) sống động về người mẹ VN ru con, ru mình, ru quê hương trong tiếng võng bấp bênh phận người, trong lúc thần chết đang bay chập chờn... Cũng có thể nói phần lớn ca khúc TCS là những bài hát ru và hát kể và là những *tự tình khúc*. Rất nhiều lời *tỏ tình* mở đầu ca khúc của anh luôn là ngôn ngữ nói đằm thắm gần gũi đời thường như: *Chiều nay em ra phố về... Ngày mai em đi..., Đi về đâu hỡi em... Em còn nhớ hay em đã quên... Không có đâu em này...* TCS đã thăng hoa cho

cái hồn đầy nhạc tính của tiếng Việt.

Những khúc ca thơ chủ đề thân phận như *Vết lăn trầm, Dấu chân địa đàng, Từng ngày qua, Ru ta ngậm ngùi, Xin mặt trời ngủ yên, ...* làm ta nhớ tới những *Cante Jondo* (*Trầm Ca* của García Lorca)[4], chúng thổ lộ được hết cái hồn *duende* — tiếng kêu bi thương phát toả được từ đáy lòng u uẩn — được hát lên trong những quán café, góc phố, hoặc trong không khí bè bạn. Chúng biểu lộ được cái thân phận *du mục* của người VN trong thời chiến, trong khi không thể kiếm được tình tự đó nơi những rạp hát hào nhoáng thường là nơi mua bán cảm xúc như những sản phẩm; những nơi đó khó có thể là môi trường thích hợp cho nhạc Trịnh Công Sơn. *Ca khúc Da Vàng, Kinh Việt Nam, Ta Phải Thấy Mặt Trời...* cũng làm thức dậy cái tính độc lập "vô chính phủ" (arnachy) trong tiềm thức của thanh niên. Từ đó ta hiểu tại sao nhạc TCS từng là mối "taboo" (cấm kị) đối với chính quyền của cả hai phía, nó bị kết án với cái tên gọi là nhạc *Xanh*. *Xanh,* bởi nó không theo *Vàng* hoặc *Đỏ*. Hay có thể nói nhạc *Xanh* cũng là *Blues*[5] bởi nó nói lên được cái thân phận *nô lệ da vàng* đầy tủi nhục. Nhìn lại *Gia tài của mẹ* là khát vọng "giải thực" (decolonization) cho cái tinh thần bị tha hoá của người Việt, đặc biệt là ở giới cầm quyền và trí thức trong thời *nội chiến*[6]. Rất nhiều hình tượng về người Mẹ và người Nữ biểu tượng cho tình yêu xuyên suốt trọn đời sáng tác của TCS, đó là sự hướng về Nữ tính Vĩnh cửu (*Éternal Féminin*) làm biểu tượng cho sự cứu rỗi chung.

Định mệnh của người thi ca sĩ TCS như định mệnh của chàng Orpheus [trong thần thoại Hi lạp] đã phải hành hương xuống tận cõi âm ti, bằng mãnh lực của lời thơ tiếng nhạc làm nguôi dịu những linh hồn đang bị đày đoạ và để cứu lại người tình đã bị rắn độc giết hại. Tiếng hát cung đàn lyra của Orpheus cũng đã cứu bao người khỏi chết vì giọng mật ngọt của ngư nữ Siren huyễn hoặc giữa trùng khơi... Do màu sắc tâm linh trong những ca khúc của TCS nên tự chúng không thể là loại ca khúc phổ thông để tiêu khiển, vì khi hát lên được cái hồn trầm uất của mình là giải nguôi được cho tâm bệnh của mình. Ở trong đó đã tiềm ẩn chức năng chữa trị của các *shaman* (thầy mo) là dùng những khúc phù chú để chữa lành xoa dịu nỗi đau tâm hồn và thể xác. *Shaman* là nhà thơ, nhạc sĩ, hoạ sĩ, thầy thuốc đồng thời hiệp thông giữa hai cõi sống và chết — làm vai trò giải tà, giải oan và chiêu tụ. Điều này thấy trong *Ca Khúc Da Vàng* và như trong lời mở đầu kêu gọi thống thiết của TCS trong *Kinh Việt Nam* (1968): *Ta phải đi tới bằng con tim sứ giả mang niềm tin và lời hứa hẹn của những người đã nằm xuống... Xin đừng bao giờ làm kẻ phản bội với một quá khứ hiển linh...*

Dõi trông cuộc hành hương của người du ca sĩ Trịnh Công Sơn ta thấy nhạc khởi đầu đã hoà chung vào với từng giọt nước mắt buồn rơi trong đêm mưa từ độ ấy... và từ đó đêm bao trùm lên những ca khúc của anh – như những bài *Tụng ca Đêm* của thi sĩ Novalis: "Đêm đã trở nên, dạ con kết trái, đầy những mạc khải..." – *Đêm ta nằm nghe tiếng trăm năm... đêm nghe tiếng muôn trùng, đêm nghe tiếng khóc cười của bào thai.* Hoá thân vào dòng thác đêm là cái chết đang cuốn trôi đi tất cả trong *Đêm thấy ta là thác đổ*. Đêm mạc khải cho *trăng vàng khai hội một đoá hoa quỳnh. Từ đó ta là đêm nở đoá hoa vô thường...*

Từ thánh vịnh ca *Cát bụi* (1967) tới hương thiền ca *Đoá hoa vô thường (1974/75),* ở thời khoảng giữa đã là một hành trình vượt qua những chặng thương khó của từng *Ca Khúc Da Vàng* đầy ắp những hình ảnh thánh giá, khổ nạn, phúc âm, lời kinh đêm, vực sâu, những lời truyền tin đợi chờ phục sinh... là nỗi tuyệt cùng chỉ còn hi vọng vào sự cứu rỗi của tình yêu. *Chúa đã bỏ loài người, Phật đã bỏ loài người, này em xin cứu một người, này em có nhớ cuộc đời... Đợi chờ yêu thương trên cây thánh giá. Đời có sân si dưới bóng bồ đề...* Cho tới thời điểm tĩnh tịch giữa ngọ[7]*cây trưa thu bóng dài và tôi thu bóng tôi* là nỗi khát khao đi tìm lại sự an nhiên (*người về soi bóng mình*) trong cõi tâm linh với hương thiền đầy tính mĩ học (mà thiền sư Nhật Suzuki Daisetz đã tung gieo ra ngoài thế giới). Những tác phẩm mang hương vị Thiền thời kì này (1972 –75) như *Ở trọ, Biết đâu nguồn cội, Ngẫu nhiên, Nguyệt ca, Níu tay nghìn trùng, Giọt lệ thiên thu, Lời thiên thu gọi, Phôi pha, Bê đời hiu quạnh, Đêm thấy ta là thác đổ, Cũng sẽ chìm trôi, Tự tình khúc, Một cõi đi về*,... và được "viên thành" bằng tổ khúc *Đoá hoa vô thường. Đoá hoa vô thường* có thể coi là bức "tứ bình" bằng nhạc, thơ và hoạ mở ra cho ta thấy trọn cuộc hành trình tâm linh đi tìm ý nghĩa trong cuộc hội ngộ với tình yêu, cái đẹp, cái vô thường.

Khát khao đi tìm sự bình an của TCS trong Thiền tông, không hẳn là để tìm sự giải thoát hoặc để đạt tới cõi hoàn toàn an nhiên tự tại, mà có phần gần với lí tưởng Bồ tát [như đối với nhà thơ Cao Bá Quát] là "mang cái bệnh Duy-ma" vì chúng sinh[8] Lí tưởng này không nhằm đạt tới Niết Bàn, cho dù tình yêu ở đây có mang tính vô ngã đi nữa: *Tôi xin làm quán đợi buồn chân em ghé chơi/ Tôi xin làm đá cuội mà lăn theo gót hài/ Tôi thu tôi bé lại làm mưa tan giữa trời.* Trong ca khúc *Biết đâu nguồn cội* đó, đầy những hình ảnh [mang Âm tính, Nữ tính, Mẫu tính và Pháp tính] thường thấy trong Thiền tông: nước, trăng, thuyền [chứa chở trời đất và người] đều nổi trôi, che chở và uyển chuyển. Ở trong bài nhạc này để nói về sự tương tác luôn "ở trọ"

trong nhau và "thiếu nợ" lẫn nhau giữa cõi đời và với trời đất *(trăng muôn đời thiếu nợ mà sông không nhớ ra)* hơn là để nói tới cái tâm chân như hay cái tánh không: "Kìa xem bóng nguyệt lòng sông. Ai hay không có có không là gì" (Thiền sư Đạo Hạnh). Ở Trịnh Công Sơn, cái đẹp bi luỵ còn in dấu khi *bước tới hư vô khoác áo chân như* nhưng vẫn còn *long lanh giọt lệ thiên thu* (Giọt lệ thiên thu). Đôi khi trầm tư về cái đẹp với cảm xúc bâng khuâng trước cái mênh mang mà sự giải thoát thì diệu vợi tận cõi "bỉ ngạn" (bờ kia):

Bên kia sông nước vô bờ
Hồng nhan em có bao giờ bâng khuâng. (Lời ở phố về)

Nhan sắc Đoá hoa Vô thường

Tim tôi đã nở
Đoá hoa dưới trời
Chùm cánh khát mong
Bầu nhuỵ mơ mòng.
(García Lorca)

Nếu chiêm ngắm kĩ, bạn sẽ thấy con người là một bông hoa năm cánh. Một thiền giả Nhật đã có chiêm nghiệm như vậy.

"Giao hưởng thơ" *Đoá hoa vô thường* là một dụ ngôn/ẩn dụ bằng ý thơ nẻo nhạc để kể về cuộc hành hương đi tìm ý nghĩa của tình yêu, nghệ thuật và cái chết. Tương tự như trong truyền thuyết đi tìm Đoá hoa Xanh biểu trưng cho nghệ thuật của thi sĩ Lãng mạn Đức Novalis — Một cuộc luyện đan (alchemy) trong tình yêu và nghệ thuật.

Bốn "chương" (movement) nhạc của *ĐHVT* tương ứng với bốn mùa hay bốn tâm cảnh về một đời người, như vòng "qui hồi vĩnh cửu" (eternal recurrence) trong *Một cõi đi về*. Lối tiến hành âm hình giai điệu của *ĐHVT* là một cuộc chuyển hoá liên tục giọng, điệu tính, tiết nhịp, tâm thái... trong từng đoạn, câu hoặc tiết nhạc. Ý thơ dựa trên một chủ đề chính tái hiện nhiều lần là bông hoa xuyên suốt tác phẩm. Sự chuyển hoá sắc thái liên tục này làm gợi nhớ tới ý niệm "giao hưởng thơ" [*symphonic poem* của các nhà soạn nhạc Đức như F. Liszt thời Lãng mạn] đưa ra tính tự do của một nhạc thể và khả năng sử dụng dàn nhạc như là một bảng pha màu, từ đó vẽ ra một bức tranh linh động bằng âm thanh-hình ảnh.

Chương I

Tìm tình, nhịp thong dong

Kể bằng nhịp thơ rảo bước bốn chữ cuộc khởi đầu đi tìm Người Tình hay vẻ Đẹp mà hình ảnh thanh tao, mong manh in bóng trong: *mình hạc xương mai, cành hoa khôi, nụ cười mong manh, hồn yếu đuối, bờ môi thơm...* và trong tấm lòng sơ nguyên (hay sơ tâm) của *hồn giấy mới.* Khiến chúng ta liên tưởng tới những vần thơ tình tâm linh diễm tuyệt "vì tình tôi phải tìm tình" trong *Nhã Ca* (*Song of Songs* – Kinh Thánh) hoặc trong *Tụng ca Tâm linh* [của San Juan de la Cruz].

(rộn rã bồi hồi)

Đường nét "hướng thượng" trong giai điệu này: "*Tìm em tôi tìm nhủ lòng tôi ơi...*" là nỗi quyết tâm tìm trong cả những thấp thoáng ảo hoá (maya) của vạn vật, thời gian: *tìm đêm chưa từng, tìm ngày tinh khôi*. Trên trời: *tìm chim trong đàn ngậm hạt sương bay.* Dưới đất: *tìm lại trên sông những dấu hài. (Trầm tưởng).*

(Dịu lắng)

"Tìm em xa gần đất trời rộn ràng..." lòng người đi tìm bây giờ đã lắng xuống để quán tưởng mà ôm lấy đất trời xa gần trong cả cái tính phù du, bạc mệnh, tàn và tận của tấn tuồng ảo hoá đó: *Tìm trong sương hồng, trong chiều bạc mệnh, trăng tàn nguyệt tận, chưa từng tuyệt vọng đâu em.*

(Rộn ràng)

"Tìm trong vô thường, có đôi dòng Kinh Sấm bay rền vang..." Lúc cảnh giới của đất trời giao hội từ khi *câu Kinh đã bước vào đời* (Nguyệt ca) — đôi dòng *Kinh Sấm* (Vajracchedika) ấy bay rền vang là ánh kim cương chẻ toang bóng tối âm u... Cũng chính là lúc *bỗng tôi thấy em dưới chân cội nguồn — cội nguồn* của chân như, bản lai diện mục – Người Tình sẽ tự hiển hiện cho *thấy* khi thôi *tìm* trong hình sắc, âm thanh... Giờ *tôi mời em về* trong đêm thiêng liêng có ơn mưa trời gội rửa tuôn tưới. *Em* giờ hiện hữu ở khắp bốn bề tẩm hương trầm thơm ngát. [*Tiếng đàn*... như tiếng mưa nhỏ giọt]. Khi vườn mưa tạnh, tiếng nhạc liền cất lên hân hoan để soạn sửa cho cuộc lễ mạc khải thiêng liêng dưới ánh trăng vàng: *một đoá hoa quỳnh* với chùm cánh ngọc thuôn dài lồng với bóng trăng tròn. Cũng từ lòng đoá hoa tố tâm đó được mở ra [chỉ trong một đêm thấp sáng] mà vạn vật được phản chiếu và mở phơi như trong một tấm gương trong. Cái nôi vũ trụ tình yêu

nhiệm màu đó là những ngón tay xoè bung ôm lấy tất cả làm Một.

Tới đây lời thơ ngưng. [*Tiếng đàn*... giờ là ánh trăng lung linh tĩnh mặc] để chiêm ngắm vẻ đẹp của đoá ngọc quỳnh. Như cái thị kiến ân sủng (beatific vision) của thi sĩ Dante chói mắt trước ánh sáng tâm linh phát toả từ tình yêu được kết thành đoá hoa hồng trắng.

Chương II
Đưa tình về, nhịp hớn hở (Nhạc...)
Thanh thoảng (Nhạc...)

Bình an
Lời bày tỏ khoảnh khắc mùa xuân an bình của cuộc hội ngộ: từ khi cái hai giờ đã trở thành cái một, như hình với bóng. Bằng một nhịp thơ lục bát liền lạc, vui và đầm ấm: "*Từ nay tôi đã có người, có em đi đứng bên đời líu lo... Từ em tôi đã đắp bồi, có tôi trong dáng em ngồi trước sân.*"

Hát tự do
Đoạn nhạc chuyển giọng đột ngột chùng xuống thành khúc *hoài cảm* (melancholy) đượm vẻ nuối tiếc, man mác, buốt lạnh: *Mùa đông cho em nỗi buồn, chiều em ra đứng hát kinh đầu sông... chút tình mới chớm đã viên thành.*

Nhịp nhàng thơ thới
Điệp khúc được nhắc lại với lời hai, cung giọng cao hơn, nhấn nhá vui hơn, nhưng ngôi thứ đã đổi ở đoạn trên từ *tôi-người, tôi-tình* sang *tôi-em;* cho tới đoạn này là *anh-nàng:* như là giai điệu chim hót trầm bổng cùng với tiếng đồng xướng (homophony) của đất trời sông núi gửi tới cuộc hội ngộ ấy.

Chương III
Bốn mùa yêu nhau trong lẽ vô thường của trời đất
(Nhạc chuyển... Chậm lại...)

Bình an
Khúc *arioso* (vịnh tự khúc): "*Sen hồng một nụ...*" Chuyển từ hình ảnh đoá quỳnh trắng của chương một sang một hoá thân khác là

nụ sen hồng — khoảng cách từ "thơ ngây" tới "kinh nghiệm" — bằng một giọng kể hoài tưởng lại thời thanh xuân êm đềm chuyển sang sắc màu "chín" của tình yêu đã nếm trải *từ rạng đông cao đến đêm ngọt ngào*. Bảng màu "mùa xuân chín" rõ rệt hơn: *Em* hồng *một thuở xuân* xanh... giờ còn lại nỗi buồn hoài niệm để *đền trọn mối tình*. (*Hồng đi nhé xin hồng với nụ. Vàng phai sẽ cuốn đi mịt mù* – Vàng phai trước ngõ).

(nhạc chuyển...)

Hiu hắt

Từ đây chuyển đoạn trầm xuống hiu hắt như tiếp nối đoạn *hoài cảm* ở chương II. Cảnh mùa thu cuối sông: "*Một chiều em đứng cuối sông, gió mùa thu rất ân cần chở lời kinh đến núi non...* " có thể hiểu là cuộc tình đã trải qua cả hạnh phúc lẫn sự chia lìa, bị xô dạt vì cuộc biển dâu từ *đầu sông* cho tới *cuối sông* của dòng đời. Giờ đây nhờ nhạc gió chở lời Kinh hát về thân phận gửi tới non nước. Từ khúc *hoài cảm* ở trên giờ hợp lại trở thành khúc *hoài hương* (nostalgia) trối trăng rằng*: dù trần gian có xót xa cũng đành về với quê nhà*[9]

(Con sóng biển dâu đã mang tình về quê quán cũ)
[Nhạc...]

Chương IV

(Nhạc chuyển...) Rộng rãi
Dồn dập vừa
Mênh mông

Tình đi, người ở lại — (Đoạn cuối)
Êm đềm, xa vắng

Khúc 1: *"Từ đó trong vườn khuya, ôi áo xưa em là một chút mây phù du.."*.

Khúc *bi ca* (elegy) u huyền này là tiếng thở dài mênh mang khi tình đã đi, người ở lại. Có thể diễn tả lại bằng lời thơ trong *Lửa Thiêng*:

Bóng đêm toả không lấp niềm thương nhớ,
Tình đi mau, - sầu ở lại lâu dài.
Ta đã để hồn tan trong tiếng thở

Kêu gọi người đưa tiễn nỗi tàn phai.
("Bi ca" – Huy Cận)

Từ cảnh vườn đêm hội ngộ có ánh trăng vàng mạc khải của chương I tới cảnh vườn khuya cô tịch trong chương cuối này, là nỗi thấu cảm tính phù du của chữ tình, của vẻ đẹp mong manh là hình ảnh chính cái chết. Nỗi tuyệt vọng mênh mang, nhịp tim xao động trong lòng là tiếng chuông não nề văng vẳng như tiếng chuông cầu hồn. Tiếng *ngựa hí vang rừng xa vọng suốt đất trời kia*, mang tính ẩn dụ đầy âm-hình (audo-visual) loan báo cho giờ phút khởi hành chuyến xe cuối cùng của đời người[10].

(Tình do tâm mà sinh, có khi tình mất mà tâm còn động vọng. Đến lúc tâm bình an thì tình kia cũng đoạn nỗi).

[Nhạc] Mạnh và liền nhau

Êm dịu lại

Khúc 2: *"Từ đó ta nằm đau, ôi núi cũng như đèo..."*

Khúc ca thơ cuối cùng này như bức tranh thuỷ mặc của cõi tâm bao la vô cùng.

Từ đó... từ chốn vô thuỷ vô chung để mà chiêm nghiệm toàn cảnh lộ trình đã qua của người nghệ sĩ – kẻ hành hương — giờ nằm đau não lòng trước vẻ đẹp, nhìn thấy rõ như tính của sự vật; chẳng còn biện biệt nữa không gian (*ôi núi cũng như đèo*) với thời gian (*từng phút cao giờ sâu*) để rồi nhập vào với trạng thái tịnh mặc (samadhi) ngay trong nỗi đau – [ở một nghĩa nào đó] là đang trải qua kinh nghiệm về cái chết. Đi vào cõi chết như một âm điệu ngân vang rồi *cũng sẽ chìm trôi* vào với cái tịch lặng: *cõi đi về* thiết yếu của âm nhạc, của chính đời người.

Từ đó tình yêu là hoa nở hồng ban sớm nở hết trong hoàng hôn, vẫn còn mãi khát mong, lại phải nhờ tới ngọn gió vô thường thổi qua để tiếp tục hoá thân thành sương tinh khiết rụng mát trong bình minh.

Vườn khuya đoá hoa nào mới nở, đời ta có ai vừa qua...
(Đêm thấy ta là thác đổ)

` đó ta là đêm, nở đoá hoa vô thường.

Từ đó người đi hành hương nhập thể vào với bóng đêm vô tận (là chính cõi không - sunyata)

Từ đó đoá hoa là biểu hiện rõ nhất về sự vô thường: hiện, hiển và biến:

Mùa mưa tới cành hoa trắng ngần
Đã ra đời đùa vui phút giây
Sau một lần đến bên người
Khép lại tấm lòng nghìn năm nhớ ai...
(Chuyện đoá quỳnh hương)

Từ đó đoá hoa vô thường ấy đã khép lại những cánh mong manh trước cả lúc *trăng tàn nguyệt tận.*

Từ đó...
Chìm dưới sương thu là một đoá thơm tho.
(Chìm dưới cơn mưa)

Nhưng *từ đó*, để kết tinh nên một đoá mong manh, thơm tho ấy dâng cho đời, đã là sự cưu mang và hi hữu kể từ *trăm năm trong cõi người ta...*

(Nhạc để chấm dứt...)

Khúc kết
Những phương trời gió loạn nào đã đi qua,
Còn lại đoá hoa vô thường
Phất phơ giữa tuế nguyệt không thời.[11]

Hà Vũ Trọng
Toronto, *mùa hoa vàng*, 2.5.2001

HÀ VŨ TRỌNG

Chú thích:
1 Xem vấn đề "Sinh tử sự đại" và "Cái Chết Lớn" trong bài "Mondo: At the Death of a Great-Death-Man" trong *A Zen Life: D. T. Suzuki Remembered.* (Vấn đáp: cái Chết của một Đại-Tử-Nhân — *Một đời Thiền: Hồi tưởng về D. T. Suzuki*]. Masao Abe chủ biên, Nxb Weatherhill, Tokyo, 1986.
2 *passion:* cuồng nhiệt.

3 *Passion* (viết hoa): sự thương khó, thống khổ.
4 *Poem del Cante Jondo* (Thi tập Trầm ca): Tác phẩm chính đầu tay của Federico García Lorca, 1921, nhà thơ 23 tuổi lúc đó đã kết tinh được những chủ đề sẽ đi xuyên suốt các tác phẩm của ông: tình yêu, cái chết, và sự lạc loài. Như Lorca nói: "Sắc thái địa phương [của nhạc phổ thông Flamenco] đối lập với sắc thái tâm linh [của Trầm Ca] — đó là sự khác biệt rất sâu xa. *Sắc thái tâm linh* trong các khúc ca của TCS cũng khác biệt xa với loại ca khúc phổ thông VN khác (tương tự như Blues đối với Rock and Roll ở Mĩ).
5 Chất *Blues* da đen có thể thấy trong các ca khúc chủ đề về thân phận của TCS đặc biệt những năm 1964-66 tuy không có tính u mặc và giọng mai mỉa da đen, và cấu trúc nhịp cũng đơn giản hơn. Riêng ở những *CKDV* và Kinh Việt Nam, chất Blues được "TCS hoá" và nâng lên thành những khúc hát Kinh, để tụng (lập đi lập lại lời đầu của đoạn một: *Chiều đi lên đồi cao hát trên những xác người...*) mà sắc thái gần với thể Gospel (Phúc âm ca) và nhạc Tâm linh Da đen (Spirituals) có thang âm ngũ cung, tiết tấu thường có thể vỗ tayhoặc dậm chân đệm khi hát.
6 Để hiểu rõ quan điểm về chiến tranh VN cũng như thái độ, ý thức chính trị của TCS trước và sau 1975. Xin xem cuộc tiếp xúc và nói chuyện giữa kí giả Henry Kamm với Trịnh Công Sơn trong cuốn *Dragon Ascending — Vietnam and the Vietnamese* (Thăng long – Nước Việt và người Việt), chương 15: "The Wages of the Just" (Lương bổng của người Công chính), Nxb Arcade, NY 1996.
7 Nietzsche: *Zarathustra đã nói thế*, phần IV chương *Về giữa ngọ*. Bản Anh ngữ của R J Hollingdale.
8 "Bồ tát vì chúng sinh mà vào vòng sinh tử, đã có sinh tử thì có bệnh, bao giờ chúng sinh hết bệnh thì Bồ tát sẽ không còn bệnh". (Kinh *Duy-ma-cật*).
9 Ta nhớ tới định nghĩa của Novalis rằng *Triết học là nỗi nhớ nhà. Niềm thôi thúc được hiện diện ở mọi nơi trong nhà*. Nhà – cỗi nguồn, cõi uyên nguyên. Nếu tâm thức của TCS có theo nghĩa *nostalgia* [nỗi đau nhớ quê nhà] này, thì đó là nỗi khắc khoải lạc loài khôn nguôi của một "trích tiên" ở đậu trần gian, nuối tiếc về *quê nhà* — thiên đàng đã mất. *Tôi là ai mà còn trần gian thế... Chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà...*
10 Hình ảnh chuyến xe của Tử thần [với đàn ngựa phi hành về cõi Chết/Vĩnh Cửu] đã được nhà thơ nữ Emily Dickinson bất tử hoá trong bài thơ đánh số 712: *Because I could not stop for Death* (Bởi tôi không thể dừng lại đón Tử thần).
11 Dịch nghĩa thơ của Vương Duy. Trích trong *Đường thi - Vương Duy chân diện mục* của VũThế Ngọc, Eastwest Institute Press, CA 1987.



Trái sang phai:
Huỳnh Tâm
Phạm Trọng Cầu
Trịnh Công Sơn



ĐINH CƯỜNG
tình bạn, hồi sinh cơn hôn mê

"May thay trong đời vừa có tình yêu vừa có tình bạn. Tình bạn thường có khuôn mặt thật hơn tình yêu. Sự bội bạc trong tình bạn cũng có, nhưng không nhiều. Tôi thấy tình bạn quý hơn tình yêu vì tình bạn có khả năng làm hồi sinh một cơn hôn mê và làm phục sinh một cuộc đời tưởng rằng không còn tái tạo được nữa."

(Trịnh Công Sơn).

Tôi và Sơn cùng tuổi Kỷ Mão. Sơn sinh ngày 28 tháng 2 (hai năm mới có ngày 29). Theo mấy con giáp Tây Phương thì Sơn con Cá, tôi con Cua.

Trở thành bạn với nhau năm 20 tuổi. Lúc tôi ra Huế học Mỹ Thuật, năm 1959. Huế là quê ngoại, và nhà thờ Nội tôi cũng ở đây (làng Nam Trung - những người trong Nam ra Huế làm việc dưới triều Nguyễn). Thời gian này, Sơn cũng vừa từ giã Sài Gòn, từ giã mái trường trung học Chasseloup Laubat mà Sơn đang học năm cuối, classe philo. để về Huế sống với gia đình.

Những năm sống tự lập, Sơn kể đã trọ tại nhà bác Kỉnh tại Sài Gòn, là gia đình người bạn thân của ba Sơn. Sau khi ba Sơn mất năm 1954 trong một tai nạn xe, khi đang đi vespa. Sơn kể là hồi nhỏ đã từng vào ở trong tù với ba Sơn ở lao Thừa Phủ thời kháng chiến chống Pháp.

Những tối đi chơi khuya về, Sơn thường rủ tôi ở lại nhà, lúc đó là tiệm Thanh Tâm, bán xe đạp ở Ngã Giữa (đường Gia Long, rồi Phan Bội Châu, nay là Phan Đăng Lưu). Tôi còn nhớ rõ, ở chân cầu thang lên lầu, bên vách, Sơn treo bức hình James Dean thật lớn, hình như Lê Vinh vẽ . Lúc đó, Lê Vinh là họa sĩ vẽ phông xi-nê rất giỏi, không ai vẽ đẹp và nhanh bằng - cả Sài Gòn và Huế.

Má Sơn thường nhường cho chúng tôi ngủ trên chiếc giường Hồng Kông rộng, có bốn cột trụ treo mùng bằng sắt đen, chạm trổ ... Đêm, cứ nằm nói chuyện bâng quơ, không dứt. Chuyện gì cũng tâm sự. Ngay cả chữ ký cũng hỏi nhau. Tôi còn nhớ, Sơn ký nhiều chữ ký, rồi quyết định chọn chữ có gạch ngang chạy dài trên đầu, hỏi tôi chịu không. Tôi nói, gạch ngang phía trên là cao thượng, chịu chứ. *Sao ông không vẽ thêm con cá vào cho vui.* Thế là Sơn vẽ con cá dưới góc mặt chữ ký, như cái triện cuả mình. Sơn chỉ vẽ một nét với cái vòng tròn con cá trước mặt tôi, tôi nói *ông phải thành họa sĩ mới đúng ...* Những năm sau này, Sơn thường nói với bạn bè, Sơn vẽ là vì sự kích thích và gần gủi với những nơi chốn mà tôi đặt atelier. "*Tôi là khách vãng lai thường trực cuả atelier Đinh Cường. Đêm cũng như ngày. Thế giới tranh cuả Cường đối với tôi không có gì xa lạ, bởi vì chúng tôi đã cùng sống trong thế giới ấy từ những ngày lòng chưa hề vướng bận về một tiếng thở dài...* " (Trịnh Công Sơn - Thanh Niên số 47, 21.11.1988).

Chữ ký có gạch ngang kéo dài trên đầu và con cá, biểu trưng cho tuổi Sơn, đã theo Sơn suốt từ những sáng tác nhạc, tranh và trên thư từ gởi cho bạn bè. Cho đến gần mười năm sau cùng, Sơn mới đổi chữ ký, bỏ gạch ngang. Ký ba chữ với ba chữ hoa ở đầu, lên xuống tùy theo tâm trạng ... "*Trong từng giọng nói có màu tàn phai*", nghe Sơn hát

đến câu này khi nào tôi cũng thấy rưng rưng, và tôi hay nói với Sơn "*có nghe đời nghiêng*".

Đời mới nghiêng thôi mà Sơn đã rơi xuống vực ... "*Con diều rơi cho vực thẳm buồn theo*". Vực thẳm là tôi, đang âm thầm khóc bạn. Tôi cứ ngồi nhìn qua cửa sổ, khu rừng đàng sau nhà mà nhớ lại bao nhiêu kỷ niệm ... "*Giữa cuộc đời điên đảo này đây, tôi chỉ còn sống trong vùng kỷ niệm. Lạ lùng thay cho phần số tôi : quân bình giữa cuộc đời này và một cõi đời khác, giữa ranh giới những gì đã qua và những cái nhãn tiền.*" (Paul Klee).

Kỷ niệm đã ghi dấu trên từng năm tháng, từng chặng đường. Còn để lại gì .

Thời xuân xanh

Khi tôi ra Huế, thì đã nghe "ba Sơn, ba Hải, ba Hà", các bạn hay gọi nhau như vậy. Đó là Trịnh Công Sơn, Thanh Hải và Hà Thanh (không phải Thanh Hải hát nhạc Sơn sau này, hiện sống ở Đức). Ba người bạn đã đàn ca với nhau rất sớm, bằng tất cả tấm lòng say mê âm nhạc thuở xuân xanh. Năm 1957, Hà Thanh đã hát trên đài Phát Thanh Huế. Sơn sáng tác những bản nhạc đầu tay và Thanh Hải thì đàn guitare rất bay bướm, hay biểu diễn cho bạn bè xem, đàn ở nhiều vị thế ... Thời đó còn có Đặng Nho thổi clarinette. Hà Thanh là ca sĩ đầu tiên bạn của Sơn và hát nhạc Sơn. Hà có nhiều em gái, Ph.Th. là đẹp nhất. Sơn ngỡ đó là mối tình đầu của mình. Đã ghi trong "Nhật Ký tuổi 30" - "*Thời gian mơ ước được làm người lớn cũng là thời gian của mối tình đầu tiên. Cũng là thời gian được yêu và được nhìn người yêu mình đi lấy chồng. Cuộc tình duyên không cân xứng về tuổi tác nhưng cân xứng về danh vọng và nhan sắc. Điều này đã trở thành cổ điển và không gây thêm được một chút ngạc nhiên nào trong xã hội nho nhỏ của thành phố. Tuy thế, riêng tôi, là một thất vọng không lường được. Sau đó là những mối tình khác nhau nhưng tôi vẫn khó xóa được mặc cảm (tuy càng ngày càng mỏng dần trong tôi) đối với thành phố này ...*" (TTCN. 8.4.2001).

Đúng là các gia đình Huế thường chọn môn đăng hộ đối, để ý đến bằng cấp khi cưới hỏi cho con. Dạo ấy, Sơn thường rủ tôi đến nhà Hà Thanh ở đường Huyền Trân Công Chúa. Trước mặt nhà là dòng

sông bến Ngự, khúc sông gần nhà ga và trường dòng Pellerin. Nhớ là tôi có đem đến tặng Hà Thanh bức tranh vẽ cô gái ngồi trước biển với con dã tràng đỏ , mà Hà Thanh cứ cười : "*cổ con gái chi mà dài ngoẳn rứa*" - cái thời mê Modigliani mà .

Tháng 4 vừa qua, sau hai tuần Sơn mất, bạn bè ở Washington , D.C. làm lễ cầu siêu cho Sơn tại chùa Hoa Nghiêm. Cách một tuần sau, Hà Thanh từ Boston lên hát cho ngày lễ Phật Đản. Tôi và Hà cùng nhắc lại những ngày xa xưa ấy..., mà "*Nắng Thủy Tinh*", "*Nhìn Những Mùa Thu Đi*", "*Gọi Tên Bốn Mùa*" là cảm hứng từ một vẽ đẹp thánh thiện "*em đứng lên gọi mưa vào hạ...*", để rồi sau đó Ph.Th. đi lấy chồng, là một viện trưởng viện Đại Học Huế , rồi Bộ Trưởng Giáo Dục ... Sau năm 1975, ở trại cải tạo về, một thời gian thì mất. Ph.Th. ở vậy cho đến nay tại Boston. Là một phụ nữ Huế đoan trang, đức hạnh.

Một đồng cảm nghệ thuật

Năm 1958, Trịnh Cung từ Nha Trang ra Huế học Mỹ Thuật. Làm thơ với bút hiệu Thương Nguyệt, trong nhóm bạn thơ Nha Trang, với Thanh Nhung, Cao Hoành Nhân. Những bài thơ tình đầy sương khói Huế .

Sơn đã phổ nhạc bài thơ 4 chữ "*Cuối Cùng Cho Một Tình Yêu*" cuả Trịnh Cung, và sửa câu cuối. "*Lời ca anh nhỏ, nỗi buồn hôm nay*" thành "*nỗi lòng anh đây*". Sơn nói, "nỗi buồn hôm nay" có vẽ thời thượng quá . Thật vậy, câu Sơn sửa trong nhạc nghe thật hơn, hay hơn. Sau đó in trong tập nhạc Sơn tự chép tay 1968.

Nguyễn văn Liễu (tên thật) và Thương Nguyệt đã thành Trịnh Cung từ đó .

Tôi về Huế sau Trịnh Cung một năm. Và đã thuê chung với Trịnh Cung nhà ở đường Nguyễn thị Giang, chợ Cống. Căn nhà giữa đồng lúa hoang vắng. Chúng tôi đã vẽ với tất cả "cuồng nộ sáng tạo". Những bức tranh cực kỳ lãng mạn cuả thời xanh lam. Năm 1962, Trịnh Cung ra trường, về lại Nha Trang rồi vào Sài Gòn làm việc. Sau đó nhập ngũ ...

Tôi, Sơn, Hoàng Phủ Ngọc Tường càng ngày càng thân nhau

hơn. Tường đã viết những bài ký kể về một "*Tuyệt Tình Cốc*" (Ngọn Núi Ảo Ảnh - Thanh Niên 1999). Đó là một căn nhà lá thấp, xưa cổ cuả ba mẹ Tường trong xóm. Nơi tôi và Tường ở trong sự tịch lặng , thỉnh thoảng bạn bè thân thiết đến chơi, cũng là nơi để tiếp những bạn ở xa về . Như lần tiếp Thế Uyên từ Sài Gòn ra (Thế Uyên lúc đó là nhà văn đang ở trong quân đội, bạn Tường). Sơn đã hát , đã trao đổi những suy nghĩ về một cuộc chiến ... Tường đã viết về những ngày Đà Lạt trong mùa lễ Giáng Sinh đáng nhớ nhất cuả chúng tôi, lần tôi và Sơn đang ở cùng nhau trên cao nguyên một thời gian dài. Thời Sơn dạy học ở B'lao. Xe đò thoăn thoắt đi về giữa B'lao, Đà Lạt, Đơn Dương ... quá thơ mộng và giang hồ. "*Những chuyến xe đò thoăn thoắt đi về, nối liền tiếng chim cao nguyên với loài hải âu vùng biển. Rồi lời sóng chưa kịp tan đã vội vàng nghe ra điệu suối. Kỳ thú như một con gió lăng loàn...*" (TCS, Thanh Niên, 21.11.1998).

"*Đà Lạt, Noel 1965 và Đinh Cường*" (Thanh Niên, xuân 1993), và "*Căn Nhà cuả Những Gã Lang Thang*" (Thanh Niên, xuân Tân Tỵ 2001), nói về căn nhà nơi Sơn đã ở , có những hàng cây long não mà Sơn đã gửi hồn mình trên những phiến lá ánh bạc mỗi lần ra đứng ngoài bao lơn , nhìn xuống chờ D. đi ngang qua.

Tôi kể lại cũng không bằng Tường. Tường là người bạn một thời tôi gần gũi, tôi hiểu, một người chỉ thích :

"Mùa xuân lên đồi cỏ thơm
Mùa hạ nhìn trời mây khói"

(Dù Năm Dù Tháng,
Người Hái Hoa Phù Dung, thơ, nxb HNV 1992).

Một người yêu sự mong manh cuả hoa phù dung, nhớ hoài một màu hoa violette. Luôn giữ tình cảm lãng mạn thuần khiết với đời, với bạn . Mà cứ mãi gặp những oan khiên , hiểu lầm, gán ghép...

Mọi biến cố ở Huế, đều có tôi và Sơn. Từ mùa xuân Mậu Thân 1968. Lúc đó gia đình tôi tản cư về Hồ Mưng, còn gia đình Sơn vào trú trong thư viện Viện Đại Học . Sau cái tết thảm khốc đó, Sơn làm nhiều ca khúc gây những xúc động mạnh ("*Chiều đi qua Bãi Dâu, hát trên những xác người.*") Bãi Dâu, cái tên nghe đã rờn rợn cuả những hố hầm chôn người ... cuả bao nhiêu vành khăn tang trắng. Rồi mùa hè đỏ lửa 1972, những ngày trước tháng 4, 1975 ... Huế di tản...

Lần nào Sơn cũng cùng chung lo cho gia đình bạn bè có phương tiện di tản. Nhờ anh Hồ Đăng Lễ đang làm trưởng khu công chánh, giúp cho xe chuyên chở. Việc dựng tượng cụ Phan Bội Châu, Sơn cũng nhờ anh Lễ , khi Lê Thành Nhơn đưa ra ý kiến làm và đúc tượng đồng. Vì Huế còn có Phường Đúc, nơi đúc đồng nổi tiếng còn lại. Nhơn ra Huế dạy điêu khắc, có nhiều tâm huyết. Anh Lễ đã xoay xở vật liệu , tài chánh ban đầu để có thể khởi công. Ròng rã nhiều tháng, bao nhiêu công sức . Có lúc phải dở dang vì thiếu phương tiện. Sau cùng cũng hoàn thành. Tượng đúc đồng để mãi tại Phường Đúc, đến sau tháng 4, 1975, nhiều tiếng nói đóng góp vào, tượng được đem về dựng tại nhà thờ cụ Phan Bội Châu tại Bến Ngự .

Nhắc đến Lê Thành Nhơn, cũng là nhắc đến căn nhà 101 Nguyễn Du, nơi Nhơn ở . Những ngày trước tháng 4, 75, Sơn đã đem nhiều thùng sách nhạc mới in xong đến gởi đó. Sơn và Nguyễn Trung có những ngày ở luôn tại đó. Những ngày đầu giải phóng, Sơn đến tìm lấy lại những thùng sách nhạc, thì thấy la liệt trước sân, bị lấy làm vật lấp những vũng bùn. Ứa lệ thay, những ngày đầu cuả thanh lọc văn hóa. Tranh cuả chúng tôi còn lại, tại Dolce Vita, gallery nhỏ thuộc khách sạn Continental, cũng bị xe ba gác chở đi vất.

Huế, nhóm bạn một thời, mãi mãi

Ban đầu là Sơn, Tường và tôi. Sau có thêm Ngô Kha và Bửu Ý. Tường sau khi làm luận án cao học Triết, đại học Văn Khoa Sài Gòn (giáo sư Nguyễn Văn Trung bảo trợ), về dạy triết trường Đồng Khánh. Ngô Kha sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm khóa đầu tiên của đại học Huế (1959), dạy tại Quốc Học. Kha lấy thêm cử nhân Luật (1962). Bửu Ý thì làm trưởng khoa Pháp Văn, đại học sư phạm Huế. Chúng tôi thường nói với nhau : có nhạc, có triết, có họa, nay có thơ và dịch thuật nữa thì còn gì hơn . Thật vậy, với tình bạn, với say mê văn chương nghệ thuật, bổ sung cho nhau những kiến thức, chúng tôi đã một thời làm việc đầy hưng phấn. Ngô Kha cho in "*Hoa Cô Độc*", do Rừng vẽ bìa 1962, gây luồn gió mới cho thơ . Bửu Ý dịch "*Vườn Đá Tảng*" của Nikos Kazantzakis, "Con Lừa Và Tôi" của Ramon Rimenez rất thơ mộng. Tường say sưa với siêu hình học. Còn Sơn và tôi với những quả chín đầu mùa : "*Diễm Xưa*" của Sơn, và "*Miền Lệ Xanh*" của tôi, được chọn dự triễn lãm lưỡng niên họa sĩ trẻ tại Paris, 1962.

Ngô Kha bị công an Huế bắt và bị chết ngay sau khi hiệp định Paris vừa được ký kết 1973 (đến nay vẫn chưa biết đích xác bị chết như thế nào, chưa tìm ra dấu tích).

Thời gian này có thêm Bửu Chỉ . "*..Trong những năm chiến tranh ác liệt nhất ở miền Nam, nếu ở địa hạt âm nhạc tôi viết những ca khúc phản chiến và khát vọng hoà bình, thì ở phía hội họa, họa sĩ Bửu Chỉ gần như là người duy nhất vẽ rất nhiều về đề tài chiến tranh và hoà bình. Anh nổi tiếng vào thời ấy với những tranh nhỏ trên giấy vẽ bằng bút sắt với mực đen ...*" (TCS, Bửu Chỉ Một Cuộc Truy Hoan Vô Tận Về Cõi Vô Thường).

Không khí bạn bè lúc ấy, phải kể anh chị Đỗ Long Vân, từ Pháp về . Anh Đỗ Long Vân từ đại học Sorbonne về dạy đại học Văn Khoa Huế . Đêm nào chúng tôi cũng cùng anh chị Vân , Quỳ đạp xe đạp vào cà phê Dung trong thành nội, ngồi nói chuyện với nhau cho đến khuya. Hai người bạn ngoại quốc nữa là Christian Cauro, dạy đại học Văn Khoa, và bác sĩ Eric Wulff, dạy đại học Y Khoa ... Cauro và Wulff hiện ở Paris và ở Đức , vẫn liên lạc với chúng tôi, tình nghĩa như xưa...

Vài người bạn gái của sơn mà tôi biết...

Trở thành bạn thân thiết chung của chúng tôi sau đó . Cho đến nay. Tôn Nữ Bích Kh. trong "*Biển Nhớ*", còn ở Nha Trang, tôi có lần ghé thăm. Hai chị em Bích D., và Dao A. , ở California, trong "*Diễm Xưa*" và "*Xin Trả Nợ Người*". Tháng cuối cùng trước khi Sơn mất, Dao A. về thăm , suốt tuần sáng nào A. cũng đến ngồi trên chiếc xe lăn của Sơn, chỉ còn biết nhìn Sơn, cho đến chiều tối mới về nhà. Chúng tôi thường đùa với Sơn : "D. xưa, A. nay". Dạo đó, nhà Sơn dọn về ở khu nhà mới xây của Dòng Chúa Cứu Thế, 11/3 Nguyễn Trường Tộ. Địa chỉ của Sơn cho đến sau 75. Hiện nay gia đình Hoàng Phủ Ngọc Tường đang ở : " *... Hình như trong mỗi góc đầy bóng tối của căn nhà này, trên chiếc bàn viết gỗ mục của Sơn để lại, và trong chiếc ghế bằng sợi mây hèo to của Cường thường ngày vẫn ngồi vẽ, đều dậy lên mùi hương lặng lẽ của tuổi trẻ chúng tôi.*" (HPNT- Căn Nhà của Những Gã Lang Thang - Thanh Niên, xuân 2001).

Căn nhà mang nhiều kỷ niệm của Sơn, nhất là tháng ngày sau

giải phóng. Khi cả gia đình Sơn đã ở tại căn nhà mới xây không lâu trước 75, 47C Duy Tân, nay là Phạm Ngọc Thạch , Sài Gòn. Sơn trở lại Huế một mình với bạn bè , sống những ngày đầu sau giải phóng, còn biết bao khó khăn, nghi kị. Sơn vào sinh hoạt tại hội Văn Nghệ Bình Trị Thiên, thường đi lao động chung cùng Bửu Chỉ, khi tại Huế, khi tại Quảng Trị (không hề đi cải tạo hay kinh tế mới ở Khe Sanh như nhiều tin đã viết).

Mỗi đêm, chúng tôi vẫn đến nhà cùng Sơn uống rượu, Lữ Quỳnh và tôi ở trong Thành Nội, đạp xe qua Sơn, Quỳnh thường lấy chai đi mua rượu đế (chai mua hôm trước, hôm sau đến đổi lấy chai mới về). Phần lớn là rượu dổm, vì khan hiếm gạo nếp... còn nghe nói bỏ cả thuốc rầy vào cho trong. Ôi, một thời của những buổi rượu độc hại như thế, mà quây quần và nói cười, vẽ chân dung bạn bè treo đầy tường, nhất là Bửu Chỉ. Phải kể đến người bạn mới quen sau 75 mà chúng tôi rất quý mến : Thái Bá Vân, người viết phê bình nghệ thuật được các họa sĩ nể trọng. Vân mất trước Sơn hai năm, cũng vào tháng 4. Vân đã viết : "*...Riêng tôi, mãi sau khi miền Nam giải phóng, nhờ những chuyện dạy học ở Huế, 1978-1981, tôi mới được gần Trịnh Công Sơn, trên căn nhà nhỏ đường Nguyễn Trường Tộ, đầy kỷ niệm với bạn bè trong đó. Niềm an ủi ấy là cuả hàng triệu người đã khuất, dành cho chúng tôi, và mỗi lần nhớ lại, chúng tôi đều thầm rơi nước mắt.*" (Thái Bá Vân - Tiếp Xúc Với Nghệ Thuật , Viện MTVN 1997).

Chính tại căn nhà này Sơn đã viết bài "Diễm Xưa", ghi một dấu mốc cho ca từ đầy chất huyền thoại của Sơn "*...Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*". Có lần Sơn bắt gặp một nhánh hoa sầu đông tím cắm trước cửa sổ nhà . Mà còn ai, ngoài cô gái mỗi ngày vẫn đi học ngang qua đó. Tất nhiên là Sơn kể cho tôi ngay với nhiều xúc động. Và, Sơn đã bạo dạn một lần, nhờ tôi đi cùng , qua thăm D., nhà bên kia sông, qua cầu Phú Cam, rẽ mặt, đi một đoạn đường Phan Chu Trinh ... Lúc này, tôi cũng đã thuê phòng trọ trong con hẻm đá gần nhà D. và nhà Tuý Hồng (chị dạy Việt Văn trường trung học Hàm Nghi, đã viết truyện ngắn đăng ở Bách Khoa, gây chú ý nhiều độc giả). Tường về đó ở chung cùng tôi để đi dạy gần hơn. Tôi còn nhớ nét mặt nghiêm của ông cụ D. , giáo sư Pháp Văn trường Đồng Khánh. Ông cụ đã nhìn chúng tôi bằng đôi mắt nghi kị, nhất là Sơn, tóc dài , có râu lưa thưa dưới cằm. Nhưng đã liều thì phải chịu trận. Lúc D. đưa chúng tôi ra cổng, cổng sân là hai liếp cửa gỗ thấp. Còn nhớ rõ là lúc đó, em gái D., còn nhỏ lắm, chạy theo ra nhìn Sơn. Ai ngờ sau này Sơn đã da diết với

cái dáng vẻ khoan thai, áo lụa vàng của A. , để rồi, thất vọng, để rồi ... hai mươi năm sau mới được: "*...Hai mươi năm em trả lại rồi . Trả nợ một đời xa vắng vòng tay ...*".

"*Biển Nhớ*", hay bóng dáng của Bích K.. Là một giai đoạn ngắn, vì hoàn cảnh và thời cuộc lúc đó. Sơn vào Qui Nhơn nấp dưới bóng trường Sư Phạm. Hè 1962, tôi vào thăm Sơn vì Sơn ở lại, không về Huế. Đêm nào Sơn cũng rủ Bích K. cùng tôi ra biển ngồi đến khuya. Bích K. từ Nha Trang ra Qui Nhơn học, cùng lớp, hay săn sóc cho Sơn, lúc ấy chỉ thấy khi nào Sơn cũng mặt chiếc áo chemise kaki vàng. K. thường đem cà phê đến tặng Sơn. Chúng tôi đã ngồi uống cà phê với nhau dưới mái quán thấp ven biển lợp bằng lá kè. "*Biển Nhớ*" là cảm hứng từ muôn vàn đợt sóng lấp lánh trong những đêm khuya khoắc ấy, mà Sơn đã kéo cao cổ áo, chợt rùng mình, rồi có một ngày sẽ xa những dấu chân trên cát, có còn "*trời cao níu bước Sơn Khê ...*". Thời Qui Nhơn này của Sơn phải kể đến "*Trường Ca Tiếng Hát Dã Tràng*", mà hè 1964, trong lễ ra trường, Sơn đã dàn dựng cùng bạn bè hát rất thành công. Sơn đã chép tặng tôi mấy trang bản trường ca này . Tôi đem về , dán đầy các ô cửa kính. Tiếc là bây giờ thất lạc, không tìm lại được .

Nhắc đến Sơn - Khê , Sơn hay ghép tên bạn gái vào lời nhạc của mình một cách hồn nhiên như vậy. Như sau này, một cô gái bình thường, có sắc đẹp quyến rũ , ở cạnh nhà Tôn Thất Văn, làng Báo Chí, Thủ Đức . Tôn Thất Văn là họa sĩ vẽ tranh lụa nổi tiếng, bạn thân của chúng tôi. Tuần nào chúng tôi cũng về nhà Văn uống rượu. Sơn đi chiếc xe PC màu vàng cam ... "*Cây sẽ cho Lộc và cây sẽ cho hoa.*" Lộc là cô láng giềng của Văn mà Sơn đã si tình.

Cũng như "Bống Bồng Ơi" sau này của Sơn . Bống là tên gọi ở nhà của Hồng Nhung :

"Ngày Bống Me bồng
Nhẹ quá tơ tằm
Lạy nhẹ bống bồng bông
lay nhẹ đóa Hồng Nhung."

Và còn nữa, Quỳnh H. của "*nụ cười khúc khích trên lưng*", Chu Nguyệt Ng., mà chúng tôi đã sửa soạn đi ăn cưới , Michiko, cô gái Nhật rất thương Sơn, chơi bóng rổ giỏi, đã làm luận án về nhạc Sơn tại đại

học Sorbonne , Paris....

Đà lạt mù sương năm 1965

Là những tháng ngày sương khói, lãng đãng nhất. Hình ảnh phải ghi lại cả quên, là chiếc khoen tai lớn với mái tóc dài đang băng qua đồi Cù. Phùng thị L. , hình ảnh của "Như Cánh Vạc Bay" :

"Gió sẽ mừng vì tóc em bay
Cho mây hờn ngủ quên trên vai
Vai em gầy guộc nhỏ
Như cánh vạc về chốn xa xôi ..."

mà tôi đã gặp lại bên này, khi đến Canada, về thăm Ottawa. "*Tóc gió thôi bay*" như một âm hưởng của nhạc Sơn khởi đi từ Đà Lạt. Như *"Đàn Bò Vào Thành Phố"* khởi đi từ B'lao.

Sau triển lãm tranh một mình đầu tiên ở Huế, rồi Đà Nẵng, Noel 1965 triển lãm tại Alliance Francaise, Đà Lạt. Nơi nào Sơn cũng ở bên tôi . Thời gian này Sơn gặp Khánh Ly, mới hát ở Night Club Đà Lạt. Sau đó về hát với Sơn ở sân trường Văn Khoa, Quán Văn, Sài Gòn, được sinh viên nồng nhiệt tán thưởng.

Đà Lạt, căn phòng tôi thuê ở đường Hoa Hồng. Những chiều chúng tôi thường ra Kiosque cô Ba, gần hồ Xuân Hương, uống bia. Sơn giới thiệu tôi với cô Ba, tôi làm nghề sửa xe, vì tay chân lem luốt sơn màu. Cô Ba thấy chúng tôi còn trẻ, mà chiều nào cũng ra quán ngồi, thắc mắc lắm. Sau đó, khi bày tranh, Sơn nói tôi mời cô Ba đến dự. Lúc đó cô mới ưu đãi chúng tôi hơn nữa. Uống bia nửa giá ...

Những đêm khuya Đà Lạt, lúc đó Nguyễn Xuân Thiệp, trung uý, mới nhận chức trưởng đài phát thanh quân đội Đà Lạt, có chiếc jeep, cứ tối xuống là cùng nhau uống rượu, khuya về , lái xe cứ lòng vòng vì say ...

Bên cạnh Sơn, còn có em Sơn, Trịnh Xuân Tịnh. Thời ở Đà Lạt, Tịnh là người gần gũi, chăm sóc cho Sơn, lo in và phát hành nhạc, từ những bản nhạc rời cho đến in thành tập. Thời gian đầu tiên đó, tôi luôn vẽ bìa cho Sơn và được "nổi tiếng lây", khi tờ Le Monde, tờ báo

lớn và uy tín của Pháp, có bài của P.Monti viết về Sơn, in kèm cái dessin tôi vẽ Sơn rất kỹ bằng bút sắt, trong tập Ca Khúc đầu tiên của Sơn được in ra, rất đẹp, nhà xuất bản An Tiêm. Tô Thùy Yên viết bài giới thiệu. Chắc Tịnh không quên được cái đêm Sơn và Tịnh vơ hết tiền cuả anh em khi Sơn và Tịnh đánh xì tẩy thắng, lận tiền dày cộm trong áo, đi giữa khuya Đà Lạt. Sơn chơi binh xập xám và xì tẩy chì lắm.

Trở lại Sàgòn, thời "cậu"

Còn con choẹt lúc đó, mà đêm nào chúng tôi cũng vào dancing Tự Do, được tài-pán Cường lúc nào cũng ngả người "chào cậu" và luôn dành cho cái bàn nhỏ trên lầu. Sơn nhảy bebop bay bướm và thích nhất điệu này. Những đêm đi phòng trà thường có cả Trịnh Cung, lúc đó, đang thuê căn phòng trong khu phố sau chợ Trương Minh Giảng, cạnh phòng Huy Cường, tài tử xi-nê đang ăn khách. Có những đêm tôi và Sơn lên Trịnh Cung chơi, vì hết tiền. Đang ngồi lơ mơ với nhau, đã khuya, mà có người gõ cửa mua tranh. Cung bán được tấm tranh, chúng tôi lại xuống phố ...

Sơn có những cuộc si tình kỳ lạ. Kỷ niệm si tình đáng nhớ nhất, là không biết Sơn mua chiếc nhẫn bằng platine bạc lúc nào, đeo ở ngón tay. Đêm đó, sau khi nhảy xong - thường là với Dung và Thanh Thuý Tàu (vì cô lai Tàu, và để phân biệt với ca sĩ Thanh Thuý), Sơn nói là có món quà tặng Thúy, chốc nữa về sẽ trao. Khi ra khỏi cửa phòng trà, giữa khuya, đi một đoạn đường Tự Do, thì Sơn nói Thanh Thuý nhắm mắt lại, Sơn lấy chiếc nhẫn đeo vào ngón tay đeo nhẫn cưới của Thanh Thuý, làm Thanh Thúy cảm động, bỏ chạy tới trước, chiếc robe trắng tung bay trong phố khuya ...

Đêm trên phố khuya ấy là một kỷ niệm đẹp. Trong chúng ta, ai mà không có những góc phố kỷ niệm :

"Níu vai phố rộng xin về
Với cây gió trút với hè nắng rưng"
(Bùi Giáng)

Với Sơn thì :

"Về trên phố cao nguyên ngồi
Tiếng gà trưa gáy khan bên đồi"
như còn nghe rõ "*ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì*" của chúng tôi trên phố Blao, Đơn Dương, Đà Lạt ...

Năm 1965, có lẽ là năm tháng đáng ghi nhớ nhất của tôi và Sơn . Sơn được các bạn ở Sài Gòn tổ chức buổi ra mắt đầu tiên trước quần chúng tại khu đất trống sau lưng trường Văn Khoa Sài Gòn cũ (nay là Thư Viện Quốc Gia). "*...Với tôi, đây là buổi thể nghiệm xem mình có thể tồn tại trong lòng quần chúng được không. Trước mặt đám đông đến mấy nghìn người gần đủ thành phần văn nghệ sĩ, trí thức, học sinh, sinh viên , tôi cảm thấy mình quá trơ trọi và đầy lo âu trên bục gỗ với cây đàn guitare dưới ánh sáng đèn ... Buổi hát đã để lại một ấn tượng khá tốt đẹp cho người trình bày lẫn người nghe ...*" (TCS)

Còn tôi có cuộc bày tranh Noel ở Đà Lạt với đông bạn bè lên dự , có cả Phạm Duy, Nguyễn Văn Trung, Đỗ Long Vân, Tôn Nữ Kim Phượng, Christian Cauro ... Tôi, Sơn và Tường không còn gì hạnh phúc hơn tình bạn ... Phòng tranh này tôi đề tặng Tuyết Nhung....

Thời gian xa bạn

Tôi có 15 năm sau giải phóng, còn ở lại cùng Sơn. SàiGòn - Huế - Hà Nội . Cùng gặp những người bạn vong niên rất qúi : Nguyễn Tuân, Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Phùng Quán, Thái Bá Vân ... Các anh Tuân và Văn Cao thân thiết với Sơn nhất . Đến chơi với Sơn cũng là đến với bạn bè Sơn, vì lần nào Sơn cũng gọi chúng tôi đến cùng uống rượu . Sơn và Văn Cao có dáng dấp giống nhau. Người gầy, hai bàn tay ngón dài tài hoa. Thơ, nhạc, vẽ đều tài hoa . Hoàng Ngọc Hiến đã tiến cử một bài thơ tình hay nhất của thế kỷ , nhân một nhóm những người yêu thơ yêu cầu, đó là lời của bài nhạc "*Đêm Thấy Ta Là Thác Đổ.*" Tôi cũng đồng ý như vậy. Mấy năm ở Sài Gòn, tôi có vẽ bức sơn dầu "*Bỏ Tôi Đứng Bên Đời Kia*", cảm xúc từ mấy câu của Sơn :

"Lòng tôi có đôi lần khép cửa
Rồi bên vết thương tôi qùy
Vì em đã mang lời khấn nhỏ
Bỏ tôi đứng bên đời kia".

sau đó bán cho người khách đem về Nhật . Tháng trước khi Sơn

mất, tôi còn gọi điện thoại về đùa với Sơn : Hoàng Ngọc Hiến bình chọn ông có bài thơ tình hay nhất thế kỷ, bây giờ mình sẽ bình chọn ông là người vẽ hay nhất của thế kỷ. Sơn cười khoái chí, nói, đừng nói vậy mà người ta ghét. Sơn sợ người ta ghét lắm. Vì Sơn chẳng ghét ai bao giờ. Thây kệ (không phải thôi kệ) là chữ Sơn hay nói khi có ai xấu với mình ...

Tôi cùng gia đình qua Mỹ cuối năm 1989. Những ngày đầu năm 1990, Sơn đã viết thư chia xẻ với tôi những lo toan lúc ban đầu khi đến Salt Lake city, tiểu bang Utah : "*Mình nghĩ ban đầu có khó khăn, nhưng dần dà rồi đâu cũng vào đấy cả . Lẽ ra cái tuổi bọn mình, phải bắt đầu nhàn thì bây giờ chỉ mới khởi công. Cũng gay go thật. Chúc tất cả hãy can đảm và thiền trước mọi cảnh đời đa đoan phức tạp*" (trích thư Sơn, 5.3.1990).

Hai năm sau, đang nhớ bạn, thì Sơn nhắn, sẽ qua Montreal, Canada thăm gia đình các em. Lúc đó là tháng 3, 1992 , Canada còn tuyết nhiều. Tôi qua thăm Sơn ngay, có gặp cả Khánh Ly. Lại suốt ngày lang thang ở phố thị , St. Laurent, Duluth, ... Sơn cứ chỉ bản số xe của Canada có hàng chữ "*Je Me Souviens*" mà nói : thành phố này có tình. Có đêm vào quán nhạc Jazz nổi tiếng vừa uống rượu vừa nghe đàn . Tôi vẫn mê tiếng đàn trầm contrebasse . Sơn thì saxophone. Sau đó về nhà ngồi uống rượu tiếp đến 2, 3 giờ sáng và vẽ . Sơn thích vẽ trong những lúc thấm rượu và khuya khoắc như thế. Lần đó Sơn hát cho tôi nghe "*Tôi Ơi Đừng Tuyệt Vọng*" . Tôi thật sự xúc động, khi nghe câu : "*Con diều rơi cho vực thẳm buồn theo*". Tôi cứ thầm hát cùng Sơn câu này. Nét phóng bút của lời nhạc Sơn chép tặng tôi , vẫn treo trên cánh cửa từ ngày Montreal về cho đến nay, mới đó mà đã gần 10 năm.

Hội họa, giấc mộng không bờ bến của Sơn

Đến với nhạc Sơn là đến bằng linh cảm, bởi vì tâm hồn Sơn là một tâm hồn nhạy bén không cùng, với hội họa cũng vậy. Sơn cũng vẽ dễ như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát nói : "*Trịnh Công Sơn viết dễ như lấy chữ từ trong túi ra*".

Không gian tranh của Sơn bao giờ cũng dở dang, nhưng lại đầy tinh khiết, sáng tạo : "*Nghệ thuật dạy cho tôi biết biên giới của hữu*

hạn và sự vô cùng. Riêng trong hội họa tôi còn bắt gặp thêm cái không bờ bến của một giấc mộng tự do tinh thần." Sơn phát biểu như một tuyên ngôn nghệ thuật . Tranh Sơn thanh thoát đến hư tưởng. Người xem thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, khác với những "lời ca thơ" đầy nước mắt của Sơn "*tôi không thể phân biệt được nước mắt với âm nhạc*" (Nietzsche).

Những hình thể mảng màu trong tranh xếp đặt ngộ nghĩnh và đầy suy tính, lại rất đúng với nguyên lý của nghệ thuật mới. Những họa sĩ chuyên nghiệp đôi lúc cũng ngợ tay, khó bóp méo hình thể và sắp xếp không gian được như vậy.

Sơn rất giỏi về nắm bắt những nét đặc trưng khi vẽ chân dung, nhất là chân dung những người bạn thân thiết . Sơn vẽ nhiều chân dung Văn Cao rất đẹp . Lột tả được nét tinh tế trên từng khuôn mặt . Chân dung thiếu nữ như chân dung Linh Đan, chân dung M., là những bức tranh đẹp nhất của Sơn.

Nguyễn Trung đã viết "*hôm nay chúng ta nói về Trịnh Công Sơn họa sĩ . Michel Ragon, nhà lý thuyết người binh vực nghệ thuật mới, nghệ thuật trừu tượng, có viết rằng trong thời đại chúng ta, không còn những họa sĩ vẽ chơi (peintre du dimanche) nữa. Rất đúng với Trịnh Công Sơn. Anh mới vẽ một vài năm nay và đã trở thành họa sĩ thực thụ*" (phòng tranh ĐC, ĐQE, TCS, Sự Phối Hợp Thú Vị Của Ba Tính Chất Khác Nhau, Tuổi Trẻ CN, 5.1.1989).

Đó là lần bày tranh tại nhà hữu nghị Tiệp Khắc 1989. Tôi, Đỗ Quang Em và Sơn.

Trước đó, năm 1988, một phòng tranh tại nhà Sơn của Tôn Thất Văn, Sơn và tôi, cũng rất thành công.

Hãy trở lại, Sơn ơi

Lần cuối cùng tôi và Sơn còn bên nhau là tháng 8, năm 2000. Mùa hè tôi từ Virginia về ở tại nhà Sơn một tháng, trưa chiều đều ngồi với nhau ở căn phòng đầy hơi hướm bạn bè tứ xứ của Sơn . Cái mặt bàn tròn là thân cây đại thụ chở từ Campuchia về, bốn chiếc ghế mây, và một dãy ghế để cạnh . Cái thùng ván thông lớn, trang trí đầy màu sắc, đựng những chai rượu chát . Chiếc đàn piano đen ám bụi , đống

màu dầu và acrylic để trong góc . Tranh dựng, treo ngổn ngang. Sơn đã vẽ tại đây , hát tại đây . Xấp bản thảo nhạc là những tờ giấy rời luộm thuộm . Cuốn sổ ghi địa chỉ và số phone úa vàng, Sơn đã ghi chú chi chít trên đó. Mấy năm sau này, Sơn đã bỏ hẳn thuốc lá, chỉ còn uống ít rượu . Đang uống Black Label nhãn đen.

Cuộc bày tranh chung giữa ba người bạn : Trịnh Công Sơn, Bửu Chỉ và tôi tại gallery Tự Do (từ 20.8 - 3.9.2000) mà Sơn đã tự mình phát biểu : "*Nghệ thuật đích thực là một thứ thông điệp còn lại sau cùng , khi mọi hình thức tồn tại khác đã mất đi .*"

Là cuộc chơi cuối cùng sao Sơn ?

Tôi trở lại Mỹ , chỉ mới bảy tháng sau mà Sơn đã bỏ tôi ở lại bên đời.

Tôi thấy lòng đau và buồn bã . Lúc gần ba giờ sáng bên này, có tiếng điện thoại reo. Tôi biết là tin dữ .

Tháng 4. Mùa xuân bắt đầu , hoa rực nở , mà lòng tôi chùng xuống lạnh tăm. Như trở lại với màu xám chì của mùa đông dài tuyết phủ vừa qua.

Suốt hơn cả tháng nay, tôi còn như thảng thốt . Tình bạn có hồi sinh được cơn hôn mê không Sơn . Hãy trở lại và ra dấu , như Bửu Chỉ đã nhắn, để chúng ta lại nhận ra nhau, lại ôm choàng lấy nhau mà khóc.

ĐINH CƯỜNG
Virginia, 16.4.2001

Ghi chú của tòa soạn:
Hợp Lưu nhận được bài viết trên đây lúc phần layout đã hoàn tất, sắp mang đến nhà in.
Chúng tôi rất vui vì bài viết đã làm sáng tỏ được quan hệ giữa nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường, ngược hẳn với phát biểu của họa sĩ Trịnh Cung tại quận Cam trước đây trên dưới một tháng. Những lời phát biểu ấy mang hậu ý xấu, gây buồn lòng không ít cho bạn bè và gia đình hai anh TCS, HPNT.



HOÀNG XUÂN SƠN
bài ca những tế bào

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không còn nữa! Người nhạc sĩ tài hoa ấy đã từ bỏ cuộc rong chơi . Không phải là cái chết bình thường ở lâm sàng . Mà là một cuộc chia tay vĩnh viễn để trở về với hư vô cát bụi .

" Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
Để một mai tôi về làm cát bụi " . . .

Vâng ! Thiên tài mệnh bạc ấy đã không còn ở cùng chúng ta . Anh lẳng lặng để lại cho đời những tặng phẩm . Rồi lặng lẽ ra đi .

Người bạn nói : Hằng bao năm sao chổi mới quét xuống quả đất một lần . Và giờ đây chuôi sao đã phụt tắt ! Gọi TCS là thiên tài cũng không ngoa . Lịch sử âm nhạc Việt Nam hiếm có sáng tác gia nào có dòng nhạc ảnh hưởng sâu đậm đến nhiều lứa tuổi , gắn bó tâm tình với nhiều thế hệ . Ca khúc TCS đồng vọng không cùng trong nhiều thập niên . Và về sau nữa . Tôi tin như thế .

Chúng tôi nghe TCS , hát TCS và sống với nhạc TCS .

Nếu có những dòng nhạc lãng mạn , những dòng nhạc chứng nhân thời đại , dòng nhạc " Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi " . . . thì dòng nhạc TCS là sự hóa thân đi tìm bản lai diện mục của CON NGƯỜI trong cuộc sống . Nhạc TCS thật gần gũi với chúng ta vì chất người ăm

ắp và phận người man mác trên khắp cùng cuộc lữ trần gian. Gần gũi nhau hơn vì chúng ta đã mất mát quá nhiều nơi mịt mù thân phận .

" Lại gần , gần lại với nhau - Ngồi gần nhau hơn
Ngồi kề bên nhau - Đừng bỏ tôi đi - Hai mươi năm rồi
Còn gì cho anh - Còn gì cho tôi - Còn gì cho em " . . .

Khởi đi từ triết lý nhà Phật : Đời là bến Mê , là bể Khổ ; TCS cũng đã thấy sự trầm luân khổ ải của kiếp người từ thuở còn phôi sinh :*" Trẻ thơ ơi ! Trẻ thơ ơi ! Tin Buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người " . . .*

*" Mẹ ngồi ru con đong đưa võng Buồn , đong đưa võng Buồn" . . .*Không lạc quan khi vào đời như " Giọt mưa trên lá , tiếng khóc oa oa , đứa bé chào đời cho chúng ta nụ cười " . . .(Phạm Duy - Giọt Mưa Trên Lá) .

Nỗi Buồn đó dằng dặc thiên thu , hằn lên tuổi đá như phận người gánh nặng hai vai

" Trời còn làm mưa mưa rơi mưa rơi - Từng phiến băng dài
trên hai tay xuôi - Tuổi buồn em mang đi trong hư vô -
Ngày qua hững hờ " . . .

Hành trình âm nhạc TCS là một hành trình cùng cực cô đơn . Anh mang một trái tim ngơ ngác đi giữa cõi đời để gửi lại một tấm lòng đã theo gió bay đi

" Sống trong đời sống cần có một tấm lòng
Để làm gì em biết không ?
Để gió . . . cuốn đi . . . " . . .

Những cuộc tình đã đi qua đời người nghệ sĩ hát rong hình như cũng chỉ toàn là ảo ảnh . TCS ! Cuối cùng rồi anh cũng chẳng nắm bắt được gì , níu giữ được gì cho riêng mình

" Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ
Ôi những dòng sông nhỏ - Lời hẹn thề là những cơn mưa " . . .

Cuối cùng , rồi chỉ còn lại phương này , đơn điệu , cuộc tình vơi và hai bàn tay đói

" Tình yêu vô tội , để lại cho ai - Buồn như giọt máu -
Lặng lẽ nơi này
Trời cao đất rộng - Một mình tôi đi
Đời như vô tận - Một mình tôi về . . . với tôi ! " . . .

Cô đơn tuyệt đối , gần như anh lại đắm mình trong một hạnh

phúc cao vời . Một thứ hạnh phúc mang " nỗi đau tuyệt vời " , trong từng nỗi yêu đời thiết tha

" Hãy cứ vui chơi cuộc đời - Đừng cuồng điên mơ trăm năm sau - Còn đây em ngọt ngào - Đứng bên ngày yêu dấu "...

Cho dù một ngày em đã tan biến trong cuộc đời , đã là " chân xưa dặm nghìn " , tôi vẫn " yêu em yêu thêm tình phụ - yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ " . Không phải là bất ngờ đâu . Lòng từ bi đó chính là lòng vị tha mà TCS suốt một đời ngưỡng phục , vẫn hoài đi tìm với tình yêu thao thiết , chân thành

" Hãy nghiêng đời xuống nhìn suốt một mối tình -
Chỉ lặng nhìn không nói năng - Để buốt . . . trái tim ! " . . .

.....

" Người ngồi xuống xin mưa đầy - Trên hai tay cơn đau dài -
Người nằm xuống nghe tiếng ru - Cuộc đời đó có bao lâu
mà hững hờ ? " . . .

Tình yêu và nỗi chết . Không có lần đầu tiên và sau cùng . Ngẫu nhiên TCS làm người rao giảng hạnh phúc chính mình . Lời ca trầm thống của hạnh phúc và khổ đau . Rao giảng một " phúc âm buồn " cho những ngày đông tháng giá phận người

" Người nằm co như loài thú khi mùa đông về
Người nằm yên không kêu than buốt xương da mình
Từng tiếng người , từng tiếng người gọi hoài giữa đêm " . . .

Và nỗi băn khoăn đi tìm nguồn cội giữa đất trời hỗn mang . Từng cơn mưa đã nhòa tan chút hình hài nhỏ nhoi

" Tôi vui chơi giữa đời ối a biết đâu nguồn cội -
Tôi thu tôi bé lại làm mưa tan giữa trời " . . .

Trong suốt cuộc nhân sinh mù ảo , TCS đã chiêm nghiệm rất nhiều về cái chết . Về một âm bản mai sau ở nơi chốn hư vô hằng cửu . Ca khúc TCS đã đong đầy những hình tượng của cuộc vĩnh viễn chia lìa . Của cõi trăm năm (" Cho trăm năm vào chết một ngày ") . Của chốn ngàn năm (" Ru mãi ngàn năm từng ngón xuân nồng ") . Và của bến bờ " thiên thu long lanh từng giọt lệ ".

Giờ phút tử biệt sinh ly cuối cùng đã điểm . Chuông đã gọi hồn người như xưa đàn bò vào thành phố gieo buồn tiếng hạt

" Thôi về đi , đường trần đâu có gì -
Tóc xanh mấy mùa
Ôi phù du , từng tuổi xuân đã già , một ngày kia đến bờ -
Đời người như gió qua . . ." . . .

Như gió thoảng qua , ôi hư vô đã phong kín tuổi đời mong manh - " Rồi dòng sông cũng miên man đưa người về mộ phần - Chân qua đây sương khói đường hư vô trên tay - Rồi tình yêu cũng xa khơi , phiên sầu là tháng ngày ". Phiên sầu là nấc thang thương tưởng . Những người còn ở lại .

Nhiều người cho rằng TCS viết nhạc và nhất là viết ca từ dễ dàng như lấy đồ từ trong túi . Quả thế ! Sức sáng tạo của anh thật là khiếp đảm . Ở sự lôi cuốn , thâm trầm mà mãnh liệt . Như sóng xô bờ xói mòn từng hang đá tâm tư . Từ thời gian này qua năm tháng khác . Từ không gian này qua bờ bến nọ . Từ ca khúc này nối tiếp ca khúc khác ...Từ Thần Thoại Quê Hương Và Thân Phận đến Ca Khúc Da Vàng , Những Tình Khúc Trịnh Công Sơn .v.v. ; tất cả nối tiếp nhau thành một bản trường ca bất tận , trong đó khía cạnh con người , chất người được hiển lộng nhất . Chúng ta may mắn có những Văn Cao , Phạm Duy ... là phù thủy âm ngữ trong nhạc học . Chúng ta may mắn có thêm TCS huyền công thấm nhuần tinh tuý của đất trời , khoác chiếc áo thi ca vào tượng hình âm nhạc , đã để lại cho đời nhiều thanh khúc vi diệu .

Thử nhớ lại một lúc nào đó , giữa yên ắng bạn bè vây quanh (" Im lặng của đời tôi đang lắng nghe ") ; giọng của một ai cất lên : " Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi - Đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt - Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt - Rọi suốt trăm năm một cõi đi về " . . . . Âm thanh đó , lời ca đó vọng dội giữa lòng người vô cùng tận ! Nếu có những lời ca mang đến cho mình một nỗi ngậm ngùi man mác về một cuộc tình chia phôi , một kỷ niệm thoáng qua , một mất mát nào đó trong cuộc đời, thì ca từ TCS chính là sự thẩm thấu . Từng lời ca , từng câu , từng chữ . . . ngợp ngời tạng phủ , thấm thía tận cùng ngóc ngách tủy xương . Ở một lúc nào đó , lời và nhạc không còn là Ca Khúc Trịnh Công Sơn nữa . Đó chính là những tế bào .

HOÀNG XUÂN SƠN

Roxboro, tháng tư năm hai ngàn lẻ một



NGUYỄN QUANG SÁNG
nhạc sĩ trịnh công sơn qua đời

Con người ai cũng có tên cùng với danh xưng - riêng Trịnh Công Sơn không cần đến danh xưng. Nói đến Trịnh Công Sơn hầu như ai cũng biết anh là nhạc sĩ - không chỉ biết anh là nhạc sĩ mà người yêu nhạc nào cũng thuộc của anh ít nhất một đôi câu, bởi lẽ lời và nhạc của Trịnh Công Sơn nói nhiều lẽ của đời người: nỗi buồn, niềm vui và khát vọng.

Mùa hè năm 1989, tôi và Trịnh Công Sơn đi Pháp theo lời mời của «Nhà Việt Nam» ở Paris. Qua chuyến đi này tôi phát hiện một điều lạ. Số Việt kiều, số người chống Trịnh Công Sơn vẫn nghe Trịnh Công Sơn, không thể thiếu Trịnh Công Sơn - chân thiện mỹ trong ca khúc của Trịnh Công Sơn đã vượt qua cả lòng hận thù.

Một nhà văn Việt kiều có viết một đoạn trong hồi ký: «Tôi thật hạnh phúc khi được nghe Trịnh Công Sơn hát!». Có thể nói, có nhiều ca sĩ thể hiện ca khúc của anh đã chinh phục hàng triệu trái tim của thính giả, nhưng không ai thổ lộ nỗi lòng mình bằng giọng hát của anh. Giọng hát của anh đưa ta đến tận đáy sâu nhất của từng ngôn từ và nốt nhạc. Đó chính là hạnh phúc của người nghe. Xin các bạn hãy

nghe lại Trịnh Công Sơn!

Sinh thời, Trịnh Công Sơn quan niệm cuộc sống trần gian này là cõi tạm. Biết là cõi tạm nhưng Trịnh Công Sơn muốn tạm lâu dài bởi vì: *«Tôi là ai mà trần gian thế. Tôi là ai mà yêu quá, cuộc đời này».*

Trịnh Công Sơn yêu đời với một tâm hồn rất trẻ thơ. Như hai đứa trẻ đánh nhau giận rồi khóc nhưng sau đó hai đứa lại cười đùa, dắt tay nhau chạy nhảy tung tăng. Một người bạn vì lẽ gì đó - bỏ anh đi sau đó anh vẫn hát về người bạn của anh rất thiết tha với tình yêu rất mênh mông...

Trịnh Công Sơn để lại cho đời một gia tài ca khúc thật đồ sộ, nhưng lớn hơn - đẹp hơn và cao quý hơn là tâm hồn anh, anh không hề ganh tị với một ai. Quý biết bao!

Với triết lý sống của Trịnh Công Sơn, tôi nghĩ, Sơn đã xuống đò sang sông về bên kia thế giới. Bây giờ, Trịnh Công Sơn hơn hẳn tất cả những người còn lại trên trái đất bởi biết bên kia thế giới có gì mà lúc còn có mặt ở trần gian anh muốn biết.

Sơn ơi! Âu cũng là «một cõi đi về» mà thôi.

15 giờ ngày 1-4-2001
NGUYỄN QUANG SÁNG

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sinh ngày 28-2-1939 tại Đác Lắc
Quê quán: Huế
Sau một thời gian lâm bệnh, ông đã qua đời lúc 12 giờ 45 phút ngày 1-4-2001.
Linh cữu quàn tại số 47C Phạm Ngọc Thạch, quận 3, TP Hồ Chí Minh.
Lễ viếng bắt đầu lúc 21 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2001.
Thi hài của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn được an táng tại chùa Quảng Bình thuộc Nghĩa trang Gò Dưa, tỉnh Bình Dương


Trịnh Công Sơn & Vĩnh Trinh (em gái

Y CHI
đâu có bao giờ

Thưa em gặp gỡ bất ngờ
Nỗi buồn đâu có bao giờ gặp nhau

Anh Sơn viết hai câu này cho tôi, mười hai năm sau tôi mới chịu tin anh nói đúng. Có những nỗi buồn cứ mãi trôi song song. Tôi cứ nghĩ chỉ cần chút cảm thông, nỗi buồn dù thế nào cũng vẫn có thể vo tròn lại với nhau. Nhưng tôi lầm.

Tôi gặp anh lần đầu tiên lần anh đi Paris năm 89. Thời đó đang có phong trào chống Trịnh Công Sơn, nên anh không ra mắt công chúng nhiều. Tôi với Biên lặng lẽ rủ nhau đến Nhà Việt Nam xem triển lãm tranh Trịnh Công Sơn, gặp anh ở đó. Anh rủ tới Monge uống cà phê. Nhà tôi ở cách nơi anh trọ bằng hai đoạn đường ngăn ngắn. Buổi trưa hôm sau tôi với Trâm rủ nhau thả bộ đi kiếm anh. Anh ngủ chưa dậy. Chờ một lúc thì anh từ lầu trên đi xuống. Nhìn Trâm đẫm đăm rồi hồn nhiên tấm tắc khen “Giống! giống dễ sợ“. Chưa hỏi giống ai anh đã khai: “giống chị Giao Ánh “.

Biết mình giống người tình xưa của Trịnh Công Sơn, Trâm hồng hết hai má. Mấy ngày sau hôm đó, mấy đứa bạn thân tôi kéo nhau tới "coi mặt Trịnh Công Sơn". Lúc đó đương nhiên chúng tôi đều trẻ, đều mê nhạc Trịnh Công Sơn, đều coi như pha các phong trào ẩu đả sôi động cộng đồng Việt Nam, mà chống Trịnh Công Sơn đang là sôi nổi nhất. Chúng tôi ít thích phong trào, ít thích những gì sôi động. Chỉ thích gặp nhau, ôm đàn, triết lý vụn vặt và hát nhạc Trịnh Công Sơn. Nhạc Trịnh Công Sơn, chúng tôi thuộc nằm lòng. Chúng tôi gọi, nhạc thời Khánh Ly hát, nhạc thời Thanh Hải hát... về sau này thì thêm vào nhạc thời Vĩnh Trinh, thời Hồng Nhung v.v... nhưng lúc đó thì chưa. Chúng tôi mê nhạc anh như bao nhiêu người khác. Mê lời nhạc, mê chất thơ. Tôi hay nói với bạn bè tôi Trịnh Công Sơn chẳng phải là nhạc sĩ, chính là thi sĩ. Nhạc chỉ để hát lời thơ. Mà thơ thì hay tuyệt. Đối với con bé tôi, anh là nhà thơ duy nhất dùng âm nhạc thay vần. Những dòng thơ ngút ngàn không vần hát lên nghe gần biết bao nhiêu. Chúng tôi không thuộc nhạc ai nằm lòng và nhớ lâu được như thuộc nhạc Trịnh Công Sơn.

Cho nên lúc đó, chúng tôi rủ nhau tới thăm Trịnh Công Sơn. Nếu là về sau này, thì chắc cuộc gặp gỡ sẽ đông hơn, nhộn hơn, nhưng chắc chắn là sẽ loãng hơn. Ngoài chúng tôi ra, có lẽ lúc đó không người trẻ nào khác tới thăm anh Sơn. Chúng tôi ngồi quanh nhìn anh Sơn uống... rượu, ngang nhiên hùn chuyện nói phét và đương nhiên là có mang theo cây đàn. Tôi còn nhớ trên phố Paris anh Sơn xoè bàn tay ra khoe với bọn trẻ con chúng tôi : "Có thấy đây không? Cái này là đường thiên tài. Không phải anh muốn. Bàn tay nó bắt vậy". Anh Sơn thiên tài thì chắc chẳng ai thắc mắc. Bọn con nít chúng tôi chỉ thắc mắc sao con người thiên tài thế mà lại dung dị thế. Anh bị bọn con nít chúng tôi bắt cóc một cách dễ dàng. Suốt từ lúc hội ngộ cho đến ngày anh rời Paris, gần như ngày nào chúng tôi cũng gặp anh. Anh say từ sáng say đến tối mịt. Tôi dụ anh đi bộ qua nhà tôi. "Gần lắm, anh Sơn à", tôi nói. "Nhà con Chi trong cái sân con, xinh lắm", Biên phụ họa. Chỉ hai con đường mà anh cứ mãi than xa quá, xa quá. Đến nơi anh chẳng còn hơi để nhìn cái sân con. Tôi mới biết ra sức khỏe anh còn tệ hơn cả sức khỏe tôi. Biên mang đàn ra hát những bản phản chiến nó thích, làm anh nhăn mặt: "Ôi thôi, đừng mấy thứ đó, chán lắm". Anh bảo đừng hát nhạc phản chiến, chỉ hát tình ca thôi. Biên luôn dịp mét anh ở đây người ta chống nhạc Trịnh Công Sơn, vì Trịnh Công Sơn cổ vũ màu hồng. "Hồng đi nhé..." Anh mặt vẫn nghiêm. Nói: "Người con gái khi còn tân đầu vú rất đẹp, rất hồng. "Hồng đi nhé, trong ngần áo lụa" là vậy. Nắng xuyên qua áo, hồng đẹp lắm". Lại lần nữa, Trâm đỏ hồng

hết hai má.

Kỷ niệm cuối cùng của đêm cuối cùng ở Paris, là mấy nụ hôn của anh Sơn. Anh Sơn say quá, chắc không còn thấy đường thấy nẻo. Suốt mấy ngày nay, anh chia xẻ thiên tài và sự nổi tiếng của anh với bọn trẻ nít chúng tôi một cách hồn nhiên rộng lượng. Giờ chót anh kín đáo để lại cho mỗi đứa một nụ hôn thắm thiết. Nếu khéo một chút có lẽ mỗi đứa đều mang về một mối tình thoang thoáng để làm đẹp cuộc đời con gái. Kẹt cái trong đám có thằng con trai, cũng được hưởng nốt 1 nụ hôn thắm thiết... lên môi. Nó là đứa duy nhất không cảm thấy nao nao...

Tôi cất bốn cái hôn của anh tối hôm đó, ba cái cho ba đứa con gái và một cái cho thằng con trai, vào một cái hộp bé con. Đặc biệt của nét hồn nhiên của anh. Có lẽ gặp gỡ của tôi và anh Sơn ngừng lại ở đó. Trong màu nắng của phố Monge. Với ánh sáng của bạn bè tôi, của Paris, của kỷ niệm. Dòng sống mải miết những khúc sông riêng biệt. Người ta gặp nhau ở đâu, chẳng mấy ai gặp nhau trên nỗi buồn. Nếu không đã thành tri âm tri kỷ. Một buổi sáng về sau tôi bấm chuông nhà anh ở Sài gòn, cũng ở 1 nơi cách nhà tôi hai đoạn đường ngăn ngắn, cũng lại ngay lúc anh chưa rời giấc ngủ. Lần này anh không bước xuống thang lầu, mà tôi bước lên, gặp anh trong màu sắc rất buồn của đứa con vừa mất mẹ. Gặp gỡ phù du như bèo nước hội trăng. Mặc dù căn phòng anh chuẩn bị cho tôi về rất xinh, mặc dù anh ngóng đợi tôi về rất lâu. Nhưng rồi mải miết mỗi đứa một khối buồn to lớn, của tôi, của anh, che cả mắt cả trí, gặp nhau mà chẳng ai nhìn thấy ai. Tôi bỏ đi quá nhanh. Rồi từ đó mà phai nhạt mãi.

Lẽ ra tôi đã gặp anh tháng ba vừa qua, khi bịnh tình anh nguy ngập. Nhưng lại vì thế này thế khác, tôi lại hủy chuyến về Sài gòn. Không ngờ vì thế mất dịp thăm anh lần chót. Được tin anh mất ngay đúng ngày sinh nhật con gái của tôi. Ngay giờ anh trút hơi thở chót, ở đây có 15 nhi đồng đang hò hét tung tăng. Tôi thấy như có điều gì không thuận. Tôi thấy như có điều gì rất ngược ngạo, rất buồn trong cái cõi mông lung này.

Tôi còn giữ đâu đó hình ảnh anh ngồi trong bóng chiều sắp tàn trên phố Paris, ly rượu chao tay cầm không vững. Tôi còn giữ cả hình ảnh anh nằm trong bóng ngày chưa đến ở Sài gòn. Chiếc chăn mỏng như đắp trên hư không. Tôi còn giữ con mắt của anh mở to như mắt trẻ thơ, nhìn tôi như nhìn ngang giấc ngủ. Tôi còn giữ như giữ những điều vốn vẫn đi qua của cuộc sống. Bây giờ nhìn lại, tôi nghĩ chắc ánh sáng của Monge bây giờ anh không còn nhớ. Cả màu hồng đôi má của Trâm, chắc anh cũng quên. Tôi tin chắc là như vậy, đến nỗi lúc Biên

mất mà tôi cũng thấy không cần phải báo tin cho anh hay. Chắc chắn là anh không nhớ gì nụ hôn anh tặng lộn cho Liêm. Cũng không nhớ nốt những màu bàn màu ghế màu tường màu tủ anh bảo sơn cho trắng để đón tôi về thăm Sài Gòn. Trong chốn vào ra chộn rộn nơi anh ngồi, có lẽ ánh sáng của một ngày chậm đến đã chìm trong những giọt rượu uống lấy hương lấy hoa. Cơ thể anh thu gọn lại, tan dần. Như mài xương mài da ra mà tặng vung tặng vãi. Còn riêng mình thì im lặng một cõi quên.

Tôi lâu rồi ít hát nhạc Trịnh Công Sơn. Khi nhắc đến cũng ít khi gọi anh là "anh Sơn" mà chỉ gọi Trịnh Công Sơn như mọi người. Tôi nghĩ chút thân thiết giữa anh và tôi, nếu có, chỉ là món quà anh rộng rãi tặng cho mọi người, không phải cho riêng gì tôi. Đứng ở bờ bên này mà nhìn chuyện bờ bên kia, biết bao nhiêu là xốn xang. Anh không chỉ là người cho đời tiếng nhạc. Anh còn hay tặng những ước mơ. Mà, tôi nghĩ, chẳng mấy khi anh nhận về.

Tôi tiếc rằng mình chẳng từng giữ lại cho anh màu nắng lấp lánh của phố Paris. Không cho ngày xưa, và không cả cho bây giờ. Bây giờ thì tôi tin lời anh là thật. Nỗi buồn đâu có bao giờ gặp nhau...

Gặp gỡ của tôi với anh Sơn chỉ bấy nhiêu. Gọi là có gặp, mà cũng như chưa từng.

30.04.2001

YCHI



Bức ảnh sẽ gây bất ngờ: Trịnh Công Sơn (trái) chụp chung với Charlie Chaplin (vua hề Chatlot) và con gái ông Geraldine Chaplin tại khách sạn Morin (huế) năm 1959 khi Sơn 20 tuổi



NGUYỄN HOÀNG VĂN
trịnh công sơn, khép lại một đời

Như "những con sông đã cạn nguồn rồi", Trịnh Công Sơn đã ra đi, khép lại một vòng tử sinh...

Ông đến, ông đi,và ông hằn lại những dấu ấn đậm đà trong âm nhạc Việt Nam (hay trên cõi đời) và gây nên nhiều phản ứng trái ngược: yêu-mến cũng nhiều mà trách-ghét - từ những lý do chính trị - không thể gọi là ít.

Thực ra *song writer*, người soạn ca khúc, mới là danh xưng đúng nhất của Trịnh Công Sơn. Có thể nhạc của ông không nổi bật ở mặt giai điệu, ở kiến trúc âm thanh, hay ở những ý nghĩa cách tân trong mỹ học âm nhạc; và có lần, khi ra mắt giới thiệu ca khúc *Tuổi Đá Buồn,* nghe đâu Trịnh Công Sơn đã bị nhạc sĩ Vũ Thành chê trách điều gì đó về mặt nhạc học. Tuy nhiên, Trịnh Công Sơn đã đi vào nền âm nhạc Việt Nam với một sắc thái độc đáo, không lẫn lộn với bất kỳ ai.

Người ta nói nhiều đến cách sử dụng ngôn ngữ tài tình với những lời ca khi thì sâu khuất bí hiểm, khi thì bàng bạc mơ hồ, khi thì trong vắt, rành rọt như những đường nét hình hoạ. Có lúc nó huyền ảo như vừng trăng mờ nhạt đêm sương, có lúc nó trong vắt như những tinh

thể thạch anh đặt dưới ánh mai "lung linh nắng thủy tinh vàng"!

Với ngôn ngữ ấy, và qua những giai điệu nhẹ nhàng, đơn giản, rải đều trong âm hưởng của cây đàn guitare gỗ, nhạc Trịnh Công Sơn đi vào lòng người bằng những hình tượng: đây, con trăng "muôn đời thiếu nợ"; kia, người em "đi qua chốn này ối a vui như ngày hội"; nọ, vết tình yêu, hằn trên "da thịt mềm" như một vết cháy; đó, những giọt mưa "thì thầm" bên gót chân ngà; rồi những buổi chiều qua phố "gió ơi gió ới bay lên để hạt bụi đường cay lòng mắt..."

Nhạc Trịnh Công Sơn là Huế, là cố đô hoài cổ. Theo Trịnh Công Sơn, từ tuổi bé thơ, tình cảm ông đã được nuôi dưỡng trong cái u tịch của phố Huế, trong cái đều đặn thâm trầm của mấy lời kinh Phật. Dấu ấn tuổi thơ đó đã đi theo người nghệ sĩ trong suốt hành trình sáng tác: trước năm 1975, dù không có một ca khúc nào viết riêng cho cố đô, tác phẩm nào cũng bàng bạc phong vị của cái nơi mà nhà thơ Bùi Giáng đã "dạ" đã "thưa":

Dạ thưa phố Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương

Núi Ngự và sông Hương vẫn còn đó, với cảnh, với người. Còn người nghệ sĩ, họ còn lại cái gì?

Tác phẩm. Vâng, với người nghệ sĩ nào cũng vậy, cái họ để lại cho đời chính là tác phẩm, và tính đến nay, Trịnh Công Sơn đã sáng tác hơn 600 ca khúc với những đề tài về tình yêu, về thân phận của con người, đất nước cũng như sự ngắn ngủi của kiếp nhân sinh.

"Ướt mi" là tác phẩm đầu tay, viết vào năm 1957, và đã làm nên tên tuổi Trịnh Công Sơn:

Ngoài hiên mưa rơi rơi,lòng ai như chơi vơi
Người ơi, nước mắt hoen mi rồi
Đừng khóc trong đêm thâu
Người em thương mưa ngâu, hay khóc sầu nhân thế...

bài hát ướt mi mà nghe như muốn ướt lòng....

Tuy nhiên, phải đợi mất nhiều năm sau đó, qua tiếng hát của Khánh Ly trong ca khúc "Diễm Xưa", trình diễn tại Sài Gòn, Trịnh Công Sơn mới là một "hiện tượng", mới là một "tên tuổi" với danh hiệu "phù thủy của ngôn ngữ và âm thanh". Người nghe như bị thôi miên với những lời ca đầy truyền cảm, ở đó, ai cũng có thể cảm nhận

ngay nỗi cô đơn của mình. Buổi chiều, cơn mưa, từng tháp cổ, từng chuyến xe qua. Nỗi cô đơn như cứ đậm lên, sâu thêm ra với đôi mắt "thêm sâu", vối con đường càng thêm "hun hút". Đến "bia đa" cũng đau...

Những người yêu Trịnh Công Sơn đã có những lời lẽ rất đằm thấm về ông. Nhà văn Hồ Minh Dũng kể ngày ấy ở Huế nhiều nữ sinh cứ ngạc nhiên, thắc mắc, không hiểu tại sao anh chàng thư sinh mặt mày non choẹt ấy có thể viết nên những lời ca cứ là ăm ắp tình tứ:Áo xưa dù nhàu cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau. Nhạc sĩ Văn Cao gọi Trịnh Công Sơn là "người ca thơ", là kẻ viết lời hát như "lấy chữ từ trong túi ra". Ca sĩ Mỹ Joan Baez, gọi Trịnh Công Sơn là "Bob Dylan Việt Nam", cònJaques Boyer, một nhà báo của hãng thông tấn AFP thì gọi ông là "tiếng hát pha trộn giữa Bod Dylan và Woody Allen".

Tuy nhiên, dòng nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn cũng khiến nhiều người trách móc. Họ cho rằng ông đã hư vô hoá những trách nhiệm đặt ra trước mặt và góp phần làm rệu rã tinh thần của người lính miền Nam, và trong thời chiến, chính Đài Tiếng Nói Hà Nội đã sử dụng nhiều tác phẩm của Trịnh Công Sơn với mục đích tuyên truyền. Và khi Trịnh Công Sơn ôm đàn hát khúc "Nối Vòng Tay Lớn" sau lời tuyên bố đầu hàng một ngày cuối tháng Tư, ông lại càng bị trách. Trách rằng cái ngày hôm ấy năm ấy không bao giờ là ngày hội trùng trùng "nối vòng tay lớn", ngày "mặt đất bao la anh em ta về gặp nhau mừng như bão táp quay cuồng" , ngày "biển xanh sông gấm nối liền một vòng Việt Nam"! Ngày ấy, họ bảo, "đen" lắm với những gông cùm "xiềng xích anh em".... vân vân và vân vân.

Họ cũng trách những ca khúc hơi hơi phảng phất chút tuyên truyền trong giai đoạn sau này, như "Em ở nông trường ra biên giới", chẳng hạn. Cái ca khúc ở đó những cô gái "Thanh niên Xung phong" trong những công việc lao khổ đầy nặng nhọc được diễn tả như là đi hội hay đi hẹn với người yêu: "Trên nông trường không xa lắm, có đôi chân đi không ngại ngần, em bây giờ quen mưa nắng.." ; hay trong một ca khúc khác, "Ngọn lửa vĩnh cửu Mạc Tư Khoa", sáng tác vào giữa thập niên 80, ông đã diễn tả ngọn đuốc cháy bập bùng ở Hồng Trường, nơi đặt thi thể Staline, như là một ngọn lửa "ngàn đời", ngọn lửa "không bao giờ tắt".

Giai đoạn cuối của cuộc đời mình, Trịnh Công Sơn xoay qua hội họa và sáng tác ít hơn xưa. Nhạc ông bây giờ cứ nhuốm những hơi thở đậm màu Thiền với nỗi ngậm ngùi về sự ngắn ngủi và phù du, về cái "vô thường" của kiếp nhân sinh. Như, trong một ca khúc, Trịnh Công

Sơn ví mình như là kẻ "ở trọ trần gian":

Con chim ở trọ cành tre
Con cá ở trọ trong khe nước nguồn
Tôi nay ở trọ trần gian
Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời
Í a, í à, í a...

Hay, trong một bài hát khác, "Một cõi đi về", ông than phiền cho cái mỏi mệt của kiếp tử-sinh:

Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
Đi đâu lanh quanh cho đời mỏi mệt
Trên hai vai ta, đôi vừng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm, một cõi đi về...

Mệt mỏi, nhưng kẻ ở trọ ấy vẫn còn tiếc nuối. Vẫn thèm thuồng với đôi mắt "nhiều khi ngấn lệ" mà tự nhủ mình hãy còn "yêu quá đời này". Và như thế, để có thể nhìn cuộc đời hư ảo với con mắt của một thiền sư, người nghệ sĩ ấy đã phải mượn đến hơi men mới có thể buông thả, ơ hờ:

Vừa tàn mùa Đông, lại tàn mùa Hạ...
Một chiều ngồi say, một đời thật nhẹ
ngày qua...

Tàn cơn say, hết thấy đời nhẹ như làn khói, thì cũng về với thực tại. Trong nhiều lần tiếp xúc với ký giả, Việt Nam hay ngoại quốc, Trịnh Công Sơn thường thanh minh về điều mà người khác gọi là "thay đổi" trong thái độ sáng tác của ông. Tại sao trước phản chiến? Tại sao không phản áp bức / bất công? Trịnh Công Sơn nói về con người nghệ sĩ của mình: không hề có ý viết nhạc với nội dung chính trị, chỉ viết những gì bật lên tự đáy lòng. Nhạc của ông là những gì mà con tim thôi thúc phải bật ra, sau nhiều ngày đêm dằn vặt. Tháng 5.1995, Trịnh Công Sơn nói với ký giả của tờ*Far Eastern Economic Review* (12/2/95): "Công việc của tôi không phải là phê phán chính quyền."

Tuy nhiên, đôi khi Trịnh Công Sơn cũng thể hiện đôi chút ít ngậm ngùi về thân phận của quê hương, cái "thân phận" mà, có vẻ như, và từ lâu, không ngồn ngộn hiện diện ở "đáy lòng" ông nữa. Như cái kinh nghiệm tiếp xúc với thế giới bên ngoài: đến từ một quê

hương “ta đi qua nửa đời chưa thấy một ngày vui”, Trịnh Công Sơn cho biết đã bàng hoàng cả người khi, tư trên một xa lộ ở Canada, chứng kiến cảnh đôi trai gái ngừng xe lại để hôn nhau giữa lúc những tài xế khác, hoặc lịch sự chờ đợi, hoặc lặng lẽ tách ra dòng khác, để mặc họ yên lành hôn nhau. Trịnh Công Sơn từng chua xót về quê hương mình như là nơi mà ở đó, để làm một điều tốt, con người phải nặng nhọc xin phép trong lúc họ có thể tha hồ làm những điều xấu.

Hạt bụi nào hoá kiếp thân tôi/ Để một mai tôi về làm cát bụi, ôi cát bụi tuyệt vời...

Ra đi vào giờ Ngọ, một ngày đầu tháng Tư, Trịnh Công Sơn đã về làm cát bụi.... đã bước vào “vòng tử sinh”, đã ngưng một hành trình của những hỉ, nộ, ái. Từ đây, lời bể lời khơi đã về với “độ suối khe”, cát bụi, vật chất, tất cả đã trở thành hư không, thù hận, trách móc và đay nghiến rồi sẽ phôi pha.

Còn sông? Dù đã “cạn nguồn rồi”, dù đã về với “độ suối khe”, nhưng vì “yêu quá đời này” cái còn lại, tác phẩm của người nghệ sĩ, sẽ mãi mãi ở lại với trùng trùng bể khơi...

NGUYỄN HOÀNG VĂN



Trái sang phải:
Văn cao
Trịnh Công Sơn



Phạm Duy, Trịnh Công Sơn

NGUYỄN DUY
ngày sau sởi đá

Một đêm tình cơ. Mặt trận Đường Chín - Nam Lào (1971), trong căn hầm kèo bên dòng sông Sêbănghiêng, tôi - phóng viên chiến trường, đang bám theo tiểu đoàn thông tin của sư đoàn 308 do anh hùng quân đội Chu Văn Mùi làm tiểu đoàn trưởng. Nghe, nghe trộm - vâng, lúc đó gọi là nghe trộm - đài Sài Gòn, tình cờ "gặp" Trịnh Công Sơn qua giọng hát Khánh Ly. *Diễm xưa. Mưa vẫn rơi mưa trên tầng tháp đổ - làm sao em biết bia đá không đau, ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau.* Quỉ thật ! Giai điệu ấy và lời ca ấy tự nhiên "ghim" lại trong tâm tưởng tôi ngay từ phút bất chợt ấy. Rồi, *Như cánh vạc bay.* Quái thật ! Cảm nhận bất chợt, những bài hát rất mượt mà, đắm đuối ấy không thuộc chủng loại èo uột, rên rỉ, nỉ non mà thời ấy người ta vẫn quen gọi chung là "nhạc vàng". Ừ, thì có buồn đấy, đau đấy, quặn thắt nữa đấy, nhưng còn là cái gì lành mạnh nảy nở trong đó. Hình như là cái đẹp. Cái đẹp trong câu nhạc. Cái đẹp trong ca từ, cả xác chữ lẫn hồn thơ. Bảng lảng, lờ mờ, khó phân định cho đúng nghĩa, nhưng rõ ràng là đẹp, đẹp làm sao, và cũng hơi ma quái thế nào. Tôi lớn lên ở vùng đồng quê sông Mã, vẫn thường nghe tiếng vạc kêu sương. Nào có thấy con vạc đâu, mà tiếng vạc thì rất nhớ. Con vạc xa, thật xa, mà

tiếng vạc rơi trong thăm thẳm đêm xưa tịch mịch thì lại gần, thật gần. Sự thật cuộc đời, ít ra đối với tôi cho tới lúc đó - năm tôi hai mươi bốn tuổi, là như vậy. Mấy ca khúc của Trịnh Công Sơn *như cánh vạc bay* qua tôi rồi, và để lại cái ám ảnh thẩm mỹ. Ừ, biết đâu, *ngày sau sỏi đá.*

*

Rồi một ngày tình cờ. Mặt trận Quảng Trị (mùa hè 1972), tôi - phóng viên chiến trường, lại bám tiểu đoàn thông tin của sư đoàn 308, theo một tiểu đội trinh sát vào thị trấn Đông Hà đã bỏ trống. Ngọc Hà Tịnh Xá - tôi chưa rõ đó là đền hay chùa, mái tôn, vách gỗ, lỏng chỏng hương nhang và la liệt sách tung dưới nền xi măng. Kinh Phật, lấy thử vài cuốn coi. *Việt Nam tân tự điển* của Thanh Nghị, nhặt. *Nghệ thuật hiện đại* của Giô-dép Ê-mi-lơ Muy-le, được. Thơ của Bùi Giáng, của Nguyên Sa, được, thử coi. Và, *Ca khúc da vàng* của Trịnh Công Sơn. nhặt liền. Tôi làm một ba lô sách, các thứ mà lúc đó gọi là "văn hóa phản động", lặc lè mang ra hậu cứ trước những cái nhìn nửa ngơ ngác, nửa lo ngại của đồng đội. Tôi làm bộ quan trọng ra mặt, nằm bẹp trong hầm "nghiên cứu" mấy thứ vừa nhặt được ấy, coi lướt qua và loại bỏ dần. Thật tiếc cuốn Việt Nam tân tự điển, có chú Hán ngữ và Pháp ngữ, nhưng nó nặng quá, đành phải bỏ lại. Tôi giấu trong ba lô suốt các ngả đường chiến dịch, và sau đó mang về Hà Nội được hai cuốn thôi, *Nghệ thuật hiện đại* và tập nhạc *Ca khúc da vàng*, kể như thế đã là to gan lớn mật lắm rồi, dám đọc và lưu trữ sách của địch ! Tôi hoàn toàn mù nhạc, nghe thì cảm được đại khái là thích hay không thích, hay hoặc không hay, thế thôi, xướng âm thì mít đặc, đọc *Ca khúc da vàng* như đọc thơ vậy. Ca từ của Trịnh Công Sơn quả là thơ thật, và hay thật, chữ nghĩa lờ mờ, bảng lảng hồn vía và thi tứ. Một thi sĩ tài ba. Nếu anh ta là người lính đối mặt với tôi, phải bắn nhau, thì cũng phải bắn nhau thôi. Ước gì anh ta mãi mãi làm thi sĩ. Ừ biết đâu, *ngày sau sỏi đá*.

*

Rồi một buổi tối tình cờ, năm 1975. Nhà thơ Phạm Tiến Duật đưa tôi tới thăm Hội văn nghệ Bình Trị Thiên (26 Lê Lợi, Huế),và gặp Trịnh Công Sơn ở đó. Gương mặt anh phảng phất nét đạo sĩ, ẩn hiện chút gì như là lực hấp dẫn tâm linh. Hèn chi, tác phẩm đầy ám ảnh. Buổi gặp bất ngờ mà thật đông mà vui, Tô Nhuận Vỹ - nhà văn, Bửu Chỉ - họa sỹ, Lê Khắc Cầm - giảng sư môn văn của trường Đại học Huế,

cặp nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường và Lâm Thị Mỹ Dạ. Thế là, rất tự nhiên, cuộc hội ngộ không hẹn trước bỗng chuyển thành đêm thơ nhạc "Bắc Nam sum họp". Mọi người có mặt đều vừa là diễn viên, vừa là khán giả. Người đọc thơ. Người đàn hát. Mấy anh nhà văn, nhà vẽ thì vểnh tai nghe, và hát theo Trịnh Công Sơn, những tình khúc, những bài hát tranh đấu. *Từ Bắc vô Nam nối liền nắm tay, ta đi, vòng tay lớn.*

Mãi tới hôm đó tôi mới được biết Trịnh Công Sơn còn có những bài hát yêu nước nổi tiếng, phổ biến trong phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên miền Nam những năm tháng kháng chiến chống Mỹ. Ngay cả trong những bài hát mang tính thời sự ấy, vẫn thấy rõ xu hướng vươn tới cái đẹp muôn thuở, cái xu hướng mà có người chê là duy mỹ.

Những tháng cuối năm 1975, Trịnh Công Sơn vẫn ở Huế, còn tôi thì trở thành khách thường xuyên của gia đình anh ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi làm việc tại cơ quan tiền phương Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc, trong sân bay Tân Sơn Nhất, ngày chủ nhật và những buổi tối rảnh rỗi, tôi lại ra nhà Trịnh Công Sơn chơi và thường ngủ lại đó cùng với Hoàng Ngọc Tuấn (một nhà văn có tiếng, cùng tuổi với tôi, đã ở trong nhà Sơn nhiều năm, như người nhà). Ở đó, tôi đã được trò chuyện nhiều với má của Sơn, một bà má theo đạo Phật, giàu lòng thương người và tâm tưởng hướng thiện. Ở đó, tôi đã kết thân với những người em của Sơn. Tịnh và Tâm như hai cái vai của gia đình, gánh vác cơ sự cơm áo, chăm lo hết mình cho sự nghiệp của anh. Thúy và Trinh "nuôi" nhạc Trịnh Công Sơn trong nhà. Ở đó, tôi đã được cô út Trinh hát cho nghe gần như toàn bộ ca khúc Trịnh Công Sơn, nhiều bài chưa phát hành. Tình khúc lả lơi thay, vậy mà không hề vương nhục dục. Cũng lắm bài mang hơi hướng thiền luận, vậy mà không u uẩn. Phần lớn ca khúc của Sơn không *nhập thế* mà cũng không *đoạn đời*, cứ chập chờn bay lên đáp xuống, nhằm tới cái cao đẹp nửa thực nửa hư treo lửng lơ giữa thiên đường và trần gian. Ở đó, tôi mới hiểu rõ, âm nhạc Trịnh Công Sơn là từ trong nhà đó đi ra, hoàn cảnh xuất thân rất cụ thể để dấu ấn khá đậm trong phong cách tác giả. Ở đó, - tôi một nhà thơ "Việt Cộng" xa lạ, người ngợm hom hem, quần áo luộm thuộm lếch thếch, đã được mọi người trong gia đình - dù Sơn không ở nhà và không có một lời giới thiệu nào trước cả - đối xử rất ân cần với tình thân tự nhiên như người trong họ mạc. Chính ở đó, tôi đã làm được bài thơ đầu tiên của mình về miền Nam - bài *Tìm thân nhân*. Và tiếp theo là bài *Bầu trời mặt đất bàn tay,* để tặng má của Sơn, bày tỏ cảm nghĩ về mối quan hệ tâm linh tất yếu giữa mẹ - con người nghệ sỹ. Rất tiếc

bài thơ này đã bị mất cắp cùng với cái túi xách treo ở tay lái xe đạp, tôi không thể nào nhớ lại được nữa, chỉ nhớ cái tên bài và một câu điệp "*biết đâu, ngày sau sỏi đá*".

*

Không còn là tình cờ nữa, lần thứ hai tôi gặp Trịnh Công Sơn, Tháng Tư năm 1976, gần dịp bầu cử Quốc hội. Tôi từ Hà Nội vào nhận công tác tại tuần báo Văn nghệ Giải phóng, tới Huế thì dừng lại để chơi với anh em quen biết ở đó. Một đêm trăng sáng đẹp tuyệt vời, sông Hương được ánh trăng mạ cho lung linh hẳn lên. Chúng tôi tụ tập ngồi ngắm trăng, uống rượu suông và rồi lại thơ - nhạc, trên mảnh sân nho nhỏ nhà Nguyễn Khoa Điềm, ở thôn Vĩ Dạ. *Gánh, gánh, gánh rau về chợ - bước xôn xao, lòng chị xôn xao.* Đó là những bước đầu tiên của nhạc Trịnh Công Sơn nhập vào cuộc đời mới sau 30/04/1975. Vẫn là nhịp điệu quen thuộc của Sơn, không lẫn được, nhưng ca từ lại thật quá, tới mức thật thà quá, thành ra bài hát bị nhạt. Nhạc và lời của Trịnh Công Sơn như xác với hồn, không có cái này thì cũng không còn cái kia. Về sau tôi mới hiểu rõ hơn, đó chính là lý do giải thích tại sao Sơn không thể phổ thơ của người khác được. Trở lại bài *gánh gánh* đó. Sơn cứ say mê hát đi hát lại mãi mà tôi không làm sao nhớ nổi những giai điệu tiếp sau, cả tên bài hát cũng không nhớ luôn. Đó là dạo anh đang trăn trở, muốn "đẻ" ngay một lứa các ca khúc mới, nhưng "đẻ non" như vậy thì bài hát cũng không sống được đến già. Hơn thế nữa, anh đang ở trong tình trạng khó khăn về tâm lý. Nhiều người ở Huế có ác cảm với chế độ mới, tỏ ý chê trách anh sao mà "nhập cuộc" dễ dàng thế, với ác ý lộ liễu. Cán bộ địa phương ở phường khóm thì lại coi anh là một "phần tử của xã hội cũ" cần phải "cảnh giác" và giám sát chặt chẽ. Nhà anh ở thường xuyên bị theo dõi và kiểm tra hộ khẩu ban đêm. Có lần, cả Hoàng Phủ Ngọc Tường lẫn Tô Nhuận Vỹ phải cãi vã với công an phường, vì đang ở chơi đó, mới khoảng mười giờ đêm, đã bị xét hỏi giấy tờ. Riêng tôi, tại nhà nhà Trịnh Công Sơn (đường Nguyễn Trường Tộ, Huế), tôi đã có một kỷ niệm nhớ đời.

Vâng, trong cái đêm trăng sáng đẹp tuyệt vời ấy, sau khi thơ - nhạc ở nhà Nguyễn Khoa Điêm, chúng tôi kéo nhau về nhà Sơn, kiếm nem Bến Ngự nhắm rượu tiếp, lại hát tiếp, trò chuyện và "góp ý" với Sơn đôi điều, động viên anh viết thế này, viết thế no. Gần tới giờ giới nghiêm, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tô Nhuận Vỹ, Bửu Chỉ, và mấy người nữa phải vội vàng "rút lui", còn tôi thì ngủ lại với Sơn cho vui. Hai anh em ra cửa đứng ngắm trăng suông. Trịnh Công Sơn kể về

kỷ niệm, *Mưa vẫn rơi mưa trên tầng lá nhỏ*, chính là trên tầng lá nhỏ kia kìa. Ngày xưa, Diễm vẫn thường đi qua con đường đó. *Diễm xưa* là viết ở Quy Nhơn, nhưng tầng lá này, sỏi đá này là ở Huế. Âm hưởng bài *Diễm Xưa* đưa tôi vào giấc ngu. Vừa chợp mắt thì nghe tiếng đập cửa thình lình. Công an tới. Xét giấy. Giấy tờ của tôi để trong túi áo quân phục, hồi chiều vừa lột ra gửi tại nhà Tô Nhuận Vỹ. Không có giấy tờ, tướng mạo lại cục mịch khả nghi, tôi liền bị mời ra đồn công an Phủ Cam, mặc dù Sơn đã cố sức giới thiệu tôi là một nhà thơ quân đội cách mạng, kể tên một loạt những bài thơ của tôi đã in trên nhiều sách báo nữa. "Không có giấy thì cứ ra bót chớ chi mà phải nhiều lời". Cả tôi và Sơn đành lặng lẽ đi sau người công an vừa nói câu đó. Ngồi đó, mai sáng giải quyết - người trực ban trỏ cho chúng tôi một cái ghế băng đã có ba bốn người ngồi, trong góc đồn. Sáng hôm sau, Sơn phải về Hội Văn nghệ lục túi áo của tôi và mang giấy tờ tới, tôi mới được thả ra, khi đã nghe xong một bài huấn thị tràng giang về vấn đề phòng gian bảo mật. Tôi đọc cho Sơn nghe hai câu "cảm tác" - những câu đầu tiên tôi viết về xứ Huế:

Ở Huế có lệ xét nhà
Ai không có giấy thì ra bót ngồi.

Chúng tôi lại cười vui, chở nhau trên chiếc xe đạp cao kều màu vàng, chạy vòng theo con đường "ngày xưa Diễm thường đi qua", dưới những tầng lá nhỏ. Qua một mảng tường trắng, thấy khẩu hiệu đỏ chói :

Dù cho bão táp mưa sa
Khách lạ đến nhà phải báo công an...

Rồi Trịnh Công Sơn sẽ viết lách thế nào đây ? Tôi thầm nghĩ trong tiếng lăn sào sạo của vô vàn viên sỏi nhỏ dưới bánh xe. Ừ, biết đâu... *ngày sau sỏi đá.*

*

Bây giờ, Trịnh Công Sơn và tôi gặp nhau hoàn toàn không còn là tình cờ nữa. Những *buổi quần tam tụ ngũ* với anh em văn nghệ sĩ Thành phố Hồ Chí Minh, thường xuyên vẫn có tiết mục thơ - nhạc, thông báo sáng tác mới, hoặc những dự định, những gợi ý. Một số ca khúc mới của Trịnh Công Sơn, sáng tác từ cảm hứng trước hiện thức mới, đã được công chúng lan truyền rộng rãi - trong đó, bài *Em ở nông*

trường, em ra biên giới (1978) được đáng kể là cái mốc đánh dấu chặng đường mới của anh. Anh đã thật sự "bắt" vào mạch đời sống hiện thực mà vẫn giữ được cái giọng riêng, cái bản sắc tươi sáng. Một vài năm trước 1975, anh hơi sa đà vào *mạch thiền*, bắt đầu có dấu hiện luẩn quẩn, chớm *bước đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt, trên hai vai mang đôi vầng nhật nguyệt,* để rồi một chiều *ngồi ôm tóc dài, chập chờn lau trắng trong tay.* Chính hiện thực đời sống đã giúp anh "trẻ lại", anh đi nhiều, sáng tác và hát, ở nhà trường, công trường, nông trường, ở các tụ điểm sinh hoạt xã hội của thanh niên, sinh viên và trí thức thành phố, lên biên giới, ra biển khơi, vào tận bưng biền Đồng Tháp Mười. Kể từ ngày vào ở hẳn tại thành phố Hồ Chí Minh tới nay, sắp chẵn mười năm, Trịnh Công Sơn đã có thêm hàng chục ca khúc, nhiều nhạc phim, và bài hát trong phim. Để vượt qua được những khó khăn tâm lý của chính mình, suốt mấy năm sau giải phóng, và tiếp đó là sự bắt bẻ, xét nét của không ít bạn đồng nghiệp, của một số người ở giới nghiên cứu - phê bình âm nhạc cách mạng, đối với anh là việc không dễ dàng. Nhưng dù sao thì anh cũng vượt qua được. Sự cảm thông và lòng mến mộ dành cho anh và ca khúc mới của anh ngày càng tăng lên, đó là kết quả tốt lành do chính việc anh làm mang lại. Anh chân thành và say mê sáng tạo, chân thành và say mê tìm hiểu, học hỏi đời sống, vẫn rất *kỹ tính* với từng nét nhạc, từng lời thơ. Có lần, anh đột ngột hỏi tôi : "Này, ông ở lâu ngoài Hà Nội, ông thấy những buổi chiều trên sông Hồng có gì ám ảnh ? " Tôi kể với anh về bờ đê, và lũy tre mờ xa, sương khói. Và thế rồi, trong bài *Chiều trên quê hương tôi,* anh chỉ chọn lấy cái *bờ xa sương khói* thật có hồn. Bài *Mùa thu Hà Nội* của anh mới chi tiết làm sao, những chi tiết khiến cho ai đã từng am tường Hà Nội đều phải sững sờ, *cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ, những con đường nhỏ nằm chờ tôi qua,* đột ngột, những *con sâm cầm* cất cánh trên hồ Tây. Rất chi là Hà Nội ! Phải kể đó là một trong những bài hát hay không phải của riêng Trịnh Công Sơn, mà là của chung Hà Nội. Với anh, có thể kể ra hàng loạt những bài hát được nhiều người yêu thích, *Em còn nhớ hay em đã quên, Chiều trên quê hương tôi, Huyền thoại mẹ,* các bài hát trong phim *Pho tượng*, phim *Y võ dưỡng sinh,* v.v đều là những bài nhạc và lời tương sinh như xác với hồn, những chi tiết hiện thực đời sống được nâng lên trong xu hướng vươn tới cái đẹp lâu bền. Thì đúng là anh *duy mỹ* rồi ! Tôi nghĩ rằng, sự nhập cuộc của anh như thế là đúng *tạng,* đúng bản sắc, cái riêng nhập vào cái chung như một hạt phù sa nhập vào dòng sông, một làn gió nhập vào cánh đồng. Thay đổi luôn cả cái *tạng* ấy đi thì có nghĩa là mất luôn một Trịnh Công Sơn. Không thể đòi hỏi anh thay đổi

kiểu ấy, cũng như không thể đòi hỏi một con chim họa mi phải đẻ ra những ổ trứng chim cút, một cành hoa phong lan phải cho những chùm quả xum xuê ăn được.

Bởi vì nghệ thuật là phong phú và đa dạng, nó vẫn còn có và dành sẵn chỗ cho những cái vu vơ thẩm mỹ và hướng thiện, như là *ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau.*

10/4/1987

(Rút trong tập "Tôi thích làm vua" – NXB Văn Nghệ,TP. HCM, 1987)

huyền thoại cát bụi

Hạt bụi nào hoá kiếp thân tôi
để một mai tôi trở về cát bụi...

Câu hát định mệnh ấy trang nghiêm một triết lý sống, một định lý kiếp người, mà tác giả của nó vừa hoàn tất một chu kỳ huyền thoại cát bụi.

Tôi lặng nghe... âm nhạc Trịnh Công Sơn linh thiêng như tiếng gọi hồn, như sóng âm. Như địa chấn, làm loạn nhịp tim tôi và làm loạn nhịp tim biết bao nhiêu triệu người hâm mộ.

Tiếng vang của một trái tim vừa ngừng đập đang cộng hưởng với âm nhạc ấy – cái âm nhạc dồi dào ma lực từng lay động tâm hồn nhiều thế hệ bất kể quốc gia và chủng tộc. Âm nhạc Trịnh Công Sơn đã nâng cao nối dài và vô hạn hoá cuộc đời hữu hạn của tác giả.

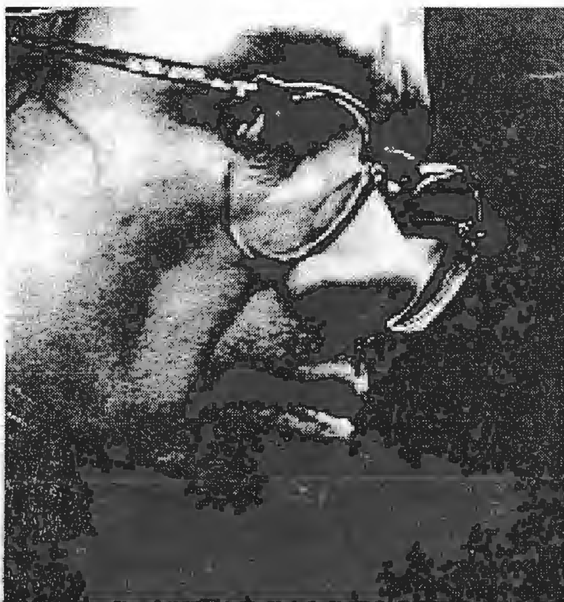
Bao nhiêu là người sẽ còn nuôi anh trong hồn. Bao nhiêu là người sẽ còn hát với anh và khóc vì anh. Tình người không hề vơi trên cõi đời nhưng nó có luật đo lường của nó. Anh cho bao nhiêu thì sẽ được tặng lại bấy nhiêu, ấy là lẽ công bằng của cát bụi.

Tầm vóc một con người được xác định bằng tầm vang của trái tim người ấy.

Đã tới phút thiêng liêng "*khai quan định luận*" rồi. Anh Sơn ơi, tôi xin nói lời tiễn biệt , không ngoa ngôn chút nào đâu: anh là người có tiếng vang vô tận – tiếng vang của trái tim thiên tài. Một thiên tài không có tuổi.

Ôi, cát bụi tuyệt vời...

NGUYỄN DUY (*Đêm 01.4.2001*)



HUỲNH NGỌC NGA
giọt nước mắt cho anh

Nếu phải tìm những sợi tơ, những móc nối để kết liền trái tim những người Việt từ Bắc chí Nam, từ nội địa đến hải ngoại thì những sợi tơ đó, những móc nối đó là những bài hát sâu đậm tình người của Trịnh công Sơn qua tiếng hát không thể thiếu của Khánh Ly. Những bài hát cho chúng ta biết thế nào là quê hương, thế nào là nhân ái, yêu thương; dạy chúng ta quên thù hận, chia rẻ để đi đến nhân nghĩa, kết đoàn. Tiếng hát Khánh Ly còn đó, những bài ca thánh thiện còn kia nhưng người viết nhạc đã thực sự từ giả chúng ta để làm "chim bỏ rừng xưa" ra đi không trở lại nữa.

Tôi được tin dữ này do một người bạn thân từ trong nước gởi qua đường e-mail ngay sau khi nhạc sĩ vừa mất hôm 1.4.01 . Đọc tin mà bàng hoàng, ngơ ngẩn. Một nổi bàng hoàng như lúc biết tượng Phật mấy trăm năm đã bị bọn cuồng tín, vô tâm Taliban phá hủy; ngơ ngẩn như khi hay tin Nguyễn Tất Nhiên (thi sĩ của những bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc một thồi như *Thà Như Tượng đá, Cô Bắc kỳ nho nhỏ*) tự tử vì chán cuộc đời quá phàm tục này hoặc như lúc biết tin Nguyên Sa (người đã cho chúng ta *Về Yêu Hoa Cúc*) đã ra đi vĩnh viễn trong năm vừa qua. Với Nguyên Sa, Nguyễn Tất Nhiên tôi chỉ có niềm tiếc nuối,

nhưng với Trịnh công Sơn thì tôi thực sự nghe lòng quặn đau như mất mát một người thân.

Là người Việt khó tìm được mấy ai không biết tên ông hoặc không ngân nga những bài hát của ông. Nhạc ông như không khí bao trùm mọi lãnh vực, lan tỏa mọi giới, mọi từng; nhẹ nhàng, thân thiết trong đời sống chúng ta khi ta vui cũng như lúc ta buồn, đưa ông gần gủi với mọi người không cần sự hiện hữu đối mặt.

\- 2 -

Trong những năm sống nơi xứ người, đọc những tờ báo mang nhãn hiệu chống Cộng, tôi thường bất gặp rất nhiều lần các bài chỉ trích, bôi lọ ông. Là một người bình thường không thích chuyện thời sự "chính chị, chính em " tôi chợt thấy lạ lùng, ngạc nhiên và buồn cười cho những "bình luận gia " hẹp hòi, thiển cận đó. Theo quý vị đó thì nhạc của ông là nhạc phản động, ru ngủ tâm thức người dân miền Nam, làm suy yếu hàng ngủ chiến đấu các chiến sĩ Cộng Hòa. Các vị ấy còn lôi ra tội trạng lớn lao nhất của ông là "làm tai sai" cho miền Bắc, "dám được" miền Bắc đón nhận như một kẻ có công.

Tôi thầm nghĩ, trong chiến tranh cuồng dại của dân tộc ta, anh em một nhà chiến đấu long trời lở đất vì hai "chính nghĩa " Tư bản và Cộng Sản, mĩa mai thay cả hai "chánh nghĩa " đó đều do ngoại bang đề xướng, giựt dây. Bên nào cũng dành chánh nghĩa về mình và thấy cần phải nhận viện trợ, vũ khí của "đàn anh" ngoại chủng để tặng người anh em ruột thịt trong nhà một bài học cho sáng mắt. Bom Mỹ, thuốc khai quang rãi đều trên thịt xương, cỏ cây miền Bắc. Bom Nga, đạn Tàu cũng chẳng tha ruộng nương, cốt nhục miền Nam. Nhạc Trịnh Công Sơn ra đời trong nổi đau tương tàn huynh đệ, chống đối chiến tranh, cổ xúy hòa bình. Người dân dù Nam hay Bắc nghe nhạc ông cũng đều thấy chán chường lửa đạn và ước mơ ngày "non sông nối liền một dãy".

Miền Nam mất, bao nhiêu người đã ra đi bằng danh nghĩa của hai chữ tự do. Ông bị một số người Việt ở hải ngoại gán ghép là "phản động khi chọn con đường ở lại trên quê hương". Những người Việt "chính nghĩa" ấy quên rằng ông là một nghệ sĩ chân chính chỉ biết viết những bài nhạc cho quê hương trên chính quê hương này và cho những đồng bào nơi đây mà thôi. Nhạc của ông phải được "ru mãi ngàn năm " ngay cả khi ông không còn nữa, chứ không phải chỉ sống trong khó khăn một thời, một buổi giữa những cộng đồng người Việt

rải rác tứ phương. Miền Bắc hay miền Nam ai thắng cũng vậy thôi, Việt Nam mãi mãi là nơi ông chọn để làm "một chổ đi về ". Và chắc chắn ông cũng đã không để ý làm gì cái chính nghĩa của những hạng người hẹp hòi, rổng tuếch đầu óc. Họ đã từng tố cáo Mỹ giết ông Diệm, vị Tổng thống mà họ yêu kính cũng như đã om sòm la toáng sự phản bội của Mỹ khi Mỹ rút quân bỏ rơi miền Nam. Biết Mỹ như vậy mà vẫn "tha thứ " cho Mỹ và kéo nhau sang Mỹ nhờ ơn mưa móc. Tại sao lạ lùng thế? Điều đó chắc chúng ta phải tự hiểu thế nào là sức mạnh của đồng dollar để khỏi tìm câu trả lời. Nhưng đối với "kẻ tà đạo, phản động" dù trên danh nghĩa đồng bào ruột thịt, họ vẫn lôi tên tuổi ông ra để trừng phạt bằng những bài báo phỉ báng chẳng tiếc lời. Duy có điều, dù bị đưa "lên giàn hỏa" một cách bất công nhạc của ông vẫn được phổ biến khắp nơi, từ trong nước đến hải ngoại, đâu đâu có người Việt sinh sống là nơi đó những tình khúc TCS đong đưa theo năm tháng.

Chúng ta có nợ với ông , một món nợ tinh thần mà ông đã cho chúng ta vay bằng tâm huyết từ những bài nhạc, câu thơ, bức vẽ để chúng ta còn nhớ mình là anh em một nhà, chung một bà mẹ VN hiền hòa có ngôi nhà của cha ông để lại trải dài từ ải Nam quan đến mũi Cà Mau. Hẳn chỉ có Phạm Duy mới có thể được coi ngang hàng tiếng tăm với ông, nhưng mỗi người mỗi vẻ khác nhau, con đường đi cũng chẳng chung cùng như tài năng của cả hai. Phạm Duy bay nhảy bất định, trong lúc ông thủy chung như nhất trước sau trên mãnh đất quê hương nghèo khổ của chúng ta. Chính sự thủy chung đó vinh danh ông trong lòng người, trong sử sách hôm nay và chắc chắn trong cả mai sau.

- 3 -

Khi còn sống, ông đã viết "Cho người nằm xuống ", giờ ông đã nằm xuống chúng ta phải làm gì đây ngoài sự tiếc thương một nhân tài không còn nữa? Hơn hai mươi năm về trước, Khánh Ly - người ca sĩ hát nhạc TCS hay nhất, đã sống cùng tên tuổi của ông trong suốt 40 năm qua , cô đã được ông thân ái dặc dò : "Phải luôn sống ở đời bằng một tấm lòng, và sống với người bằng sự tử tế". Vậy thì, nhớ thương người đã mất , không gì hơn chúng ta nên ăn ở, cư xử cho có tấm lòng để không thẹn mặt là đã được may mắn sanh ra cùng thời với một thiên tài của thế hệ.

Cuộc đời nầy hư ảo, "hữu sanh, hữu diệt", chuyện mất còn là

chuyện của thế gian, tử sinh là chuyện thường tình, ông há đã chẳng bảo chúng ta là thân cát bụi hay sao? Có những hạt bụi làm bẩn mắt thế gian, nhưng cũng có những hạt bụi vàng điểm trang nhân thế. Ông đã đến và đã đi, hình hài tan vào sương khói, nhưng tiếng hát Khánh Ly, lời nhạc của ông vẫn còn đó để lóng lánh mãi trong đời sống đầy tục lụy của chúng ta. Và như Khánh Ly đã nói: "TCS không là của riêng ai, ông là của chung dân tộc và quê hương ". Thay lời kết, tôi xin mượn đôi ba câu trong bài hát "Giọt nước mắt cho quê hương " của nhạc sĩ để chúng ta cùng tưởng niệm một người đã ra đi :

"Giọt nước mắt thương anh khô cạn máu châu thân.

. . . .

Giọt nước mắt không tên, xin gởi lại quê hương "

HUỲNH NGỌC NGA
Torino, Italia 4.4.2001

Thủ bút Trịnh Công Sơn

Xuân Nga ơi,
Để dành cho Xuân Nga
2 bức đẹp nhất của phòng
tranh. Bao nhiêu người
xin nhường lại rồi đó
Cố gắng gửi về cho Đà Lan
và mình để giải quyết
những vấn đề khác.
Thân ái,
Trinhcongson
1990



Trịnh Công Sơn
Tĩnh vật
(sơn dầu trên bố)



© Trịnh Công Sơn
lúc qua đời, Bửu Chỉ ghi lại
Sài Gòn 1.4.2001.

RM.

HUỲNH HỮU ỦY
trịnh công sơn & hội họa

Trường hợp Trịnh Công Sơn vẫn là đặc biệt, dù không còn gây chút ngạc nhiên nào về việc anh bày tranh trước công chúng. Mấy năm trước, đã có lần tôi thực bất ngờ và đầy ngạc nhiên trước bức chân dung anh vẽ một người bạn họa sĩ, đội mũ nồi, ngậm ống vố, râu ria xồm xoàm, tất cả đều ánh lên trong màu bạc thiếc kỳ lạ, có thể nhận ra mức độ điêu luyện là cực điểm, đó là một trong những bức tranh đẹp nhất giữa tất cả các tác giả tôi yêu thích.

Không như trong âm nhạc của một thời nào, nơi Trịnh Công Sơn đã từng lý giải tài tình những u uất của kiếp người, nỗi hoang vu và mộng ảo nhân sinh trước thực tại mênh mông, cùng lúc đặt con người đối đầu cả trước vận mệnh của lịch sử, anh cư ngụ trong cuộc đời không phải chỉ như một thi sĩ ca hát cái đẹp mà còn là một nhà hành giả sống cái ẩn dật bên trong. Với hội họa hiện nay, rất phong phú và tài hoa, hình như anh chỉ tiếp tục những ca khúc tình yêu thơ dại của mình. Thời gian và tuổi đời chẳng nghĩa lý gì, có lẽ như mọt đứa trẻ, hồn nhiên và kinh ngạc giúp nó nhìn ra cái bí mật sinh động của vẻ đẹp chung quanh, ví dụ nơi một bông hoa đang nở, nơi một khuôm ngực trần thiếu nữ, hay trong cả những lời phiêu lãng của ngọn gió hồng, vừng trăng non, mây trời và cỏ xanh...

HUỲNH HỮU ỦY

(Trích Brochure triển lãm tranh sơn dầu
của Trịnh Công, Đỗ Quang Em và Trịnh Công Sơn
năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh)



Đinh Cường
qua Trịnh Công Sơn

Phần thơ, văn, điểm sách,
hội họa, phỏng vấn,
và các mục thường xuyên
được viết bởi::

Phan Thị Trọng Tuyến
Nguyễn Thị Ngọc Nhung
Miêng
Trần Mộng Tú
Nguyễn Thị Thanh Bình
Trân Sa
Lê Quỳnh Mai
Dương Thu Hương
Phạm Trọng Luật
Lafcadio Hearn
Nguyễn Nam Trân
Hoàng Xuân Sơn
Đinh Trường Chinh
Thận Nhiên
Đặng Tiến
Võ Đình
Kim Thi
Nguyễn Thị Giáng Châu

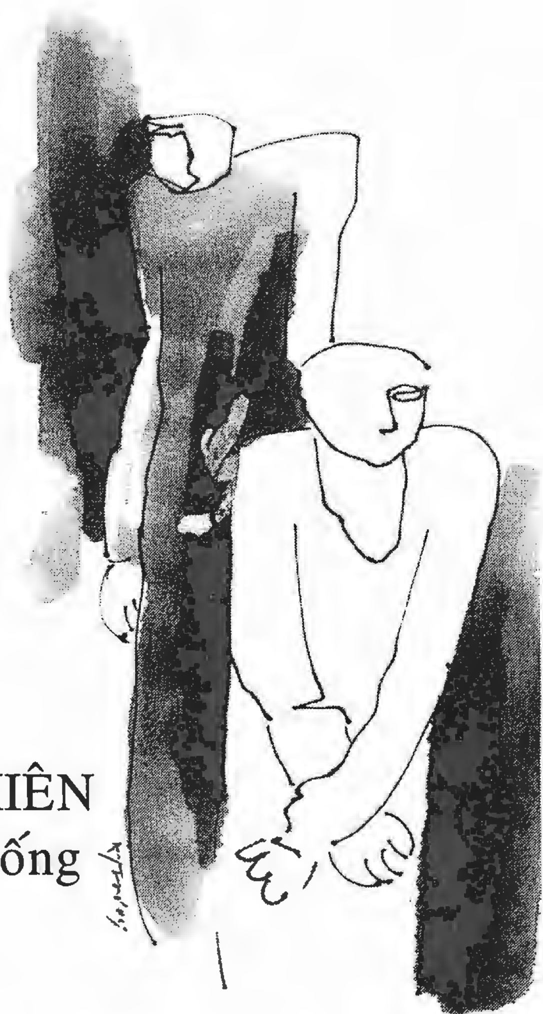


HOÀNG XUÂN SƠN
chia tay

..." ngựa buông vó - người đi
chùng chân đã bao lần"...
Trịnh Công Sơn - Dấu Chân Địa Đàng

Buồn ơi!
hang hốc mắt
chiều
con chim chiền chiện
cánh diều thiên thu
sáng nghe hơi ẩm lên
mù
nằm tan giữa trận
khật khừ thanh xuân
hóa về
muôn điệu phù vân
chút hồn le lói
tà huân
bãi
bờ
khóc mắt ai
thuở đợi chờ
còn yêu dấu gọi
tình thơ ánh hồng
lên
vời lên nữa
không trung
cho quỳnh hương
giữa mịt mùng
sa di
cuối cùng
buồn ở lâm ly
xuôi tay
rùng rợn
phân
kỳ
liệt
oanh.

HOÀNG XUÂN SƠN





THẬN NHIÊN
mưa trên sống

(Gởi theo TCS)

Mưa tạnh chưa trên con sông trôi ngang thành phố đó?

Ngọc khóc. Quì khóc. Châu khóc. Anh Quang cũng khóc, mắt đỏ hoe. Những tiếng khóc nén lại, ngậm chặt. Nắng chiều rực vàng trên giàn bông giấy ngoài hiên. Sao không cảm thấy trọng lượng nải chuối đặt trên bụng nhỉ? Màu vàng mật trên vỏ óng ả quá. Mình chưa bao giờ vẽ chuối. Thèm có cái cảm giác chiếc cọ tròn trịa cầm trong tay, nhớ mùi thơm gắt của chất sơn quá.

Mọi người đi lại khẽ khàng. Không ai hát. Hôm nay chưa nghe ai hát. Quì cúi xuống vuốt má, tay rịn mồ hôi, Phương ơi, không thương em sao bỏ em mà đi? Gọng kính trễ xuống bây giờ có vẻ to quá khổ với gương mặt vốn đã nhô xương của mình.

Mưa tạnh chưa nhỉ, trên bến đò nhìn từ ngôi trường sẫm màu ngói cũ. Và trên mái tóc rũ rượi nước mưa đêm?

Khánh đã biết tin mình chết, và cũng hỏi, có yêu em không Phương ơi? Ở mặt bên kia trái đất. Còn những ai sẽ hỏi mình có yêu họ không? Nhiều.

Mình yêu chưa? Yêu người đàn bà nào nhất?

Rồi, mình yêu rồi. Mưa ơi!

*

Thằng Hoàng ném cái ly không xuống con sông sau vườn. Mặt nước vỡ ra, vài giọt bắn lên trong màu nắng chiều. Mỗi năm nó ném hai cái ly xuống chỗ sông này, một cho nó, một cho tôi, sau khi dốc cạn chai rượu trong mỗi ngày sinh nhật của hai đứa. Có khi không có tôi, nó uống thay một ly, và vẫn ném. Tôi đã cười khẩy vào cái trò phường tuồng đó. Nó giận.

Mưa lại từ lúc trưa, dầm dề thúi đất. Số tiền mạ cho đủ cho chiếc vé xe đò và ăn tiêu tằn tiện trong nửa tháng. Thằng Côn viết thư nói vẫn sẵn lòng cho trọ lại căn gác trên đường Trương Minh Giảng. Tôi đã chán thành phố này, thời gian ở đây trì trệ và nặng nề. Thành phố nhỏ quá, ai cũng biết nhau. Đi đâu cũng có cảm giác nhột nhạt của những ánh mắt nhìn soi mói từ phía sau lưng. Lại còn ba cái chuyện hội họp đấu tranh của chúng nó không phải là thế giới của tôi. Như chiều này chỉ muốn ôm đàn hát cho thằng Hoàng nghe bài mới viết, mà óc hắn đặc lại như óc bò những chuyện xuống đường với mẩn báo đả đảo, hoan hô. Máu chảy nhiều quá, chảy vô lý quá. Tôi không hiểu. Có những lúc ngó nhau mà không biết nói gì. Không có gì nhiều để nói. Không ai hiểu chi ai. Về thôi.

Hoàng bảo, lấy xe đạp của tau mà về. Không, không cần, tau muốn đi bộ. Mưa, mi điên à? Ừ, điên. Mệ nội mi, chết mặc xác. Ừ, mặc xác tau.

Xác. Chiếc xe tăng kéo lê ba cái xác rách tươm quần áo trên con đường đất dưới chân núi. Vệt máu thấm nhanh vào đất sẫm màu, mấy con chó lưỡi thè dài chạy loanh quanh theo sau. Những người đàn bà, những đứa bé nằm xếp hàng sấp ngửa, mặt phủ giấy báo, dọc vệ đường bên chiếc xe đò cháy đen vì mìn hồi tháng sáu. Xác bó poncho trên thùng xe GMC sau trận đánh. Đầu người thúi hoăng bêu trên cọc tre phơi mưa nắng. Xác vùi nông. Xác bỏ mặc giữa đồng. Xác quị xuống ở pháp trường. Xác trên rừng. Xác cháy đen. Xác toạc bụng tanh banh. Xác nguyên vẹn như ngủ, giấc ngủ tình cờ hiên chùa. Xác dưới

hố bom ngập úng nước mưa. Xác dưới gác chuông nhà thờ. Xác thai nhi chưa ra đời trong bụng mẹ. Xác chôn tập thể. Xác dạt tấp vào bờ biển sình chương như những con bò mộng. Thằng Nguyên chết chưa mà không có xác mang về, mày còn làm thơ tình chép trong sổ tay không Nguyên?

Côn bảo, mày phải chọn. Hoàng bảo, mi phải chọn. Thế nói, mày không thể sống còn nếu không chọn. Lữ khuyên, cậu phải chọn và dành lấy cho cá nhân mình, cho cả dân tộc, một định mệnh mà tự mình phải quyết định lấy.

Đêm qua lại pháo kích. Cả nhà chen chúc dưới hầm chìm lấp xấp nước. Ba đứa con gái nhỏ run rẩy khấn nguyện. Mỗi khi nghe tiếng đạn bay xé gió trên thinh không, mạ lại né người sang một bên, khi bên phải, khi bên trái. Mạ né người đi như thể làm thế có thể tránh được tai họa đến từ những miểng đạn sắc lẻm. Phải tính làm sao ra sự cách biệt giữa tốc độ miểng bom và tốc độ những cái né người? Tiếng nổ dội tức lồng ngực. Con chó nhỏ khiếp đảm, tuyệt vọng cào chân vào cánh cửa đóng. Nhìn qua cửa sổ, lửa cháy làng chài bên kia sông. Hai vệt sáng từ hai chiếc phản lực vùn vụt lên xuống bỏ bom. Có lần Thanh nói cô ấy có nhiều học trò đi học bằng đò từ những làng chài đó, không biết có đứa nào chết không?

Thanh hay khóc lắm từ khi nhận tin Nguyên mất tích. Chiều kho đạn nổ phía trại gia binh, Thanh kể, cả lớp cô dạy nhốn nháo, có mấy đứa học trò con lính ở khu đó. Một con bé ôm cặp tất tả chạy vấp ngã ngoài sân , vạt áo dài vướng vào dây thép gai toạc một đường. Thanh phải ngồi khâu lại cho nó. Suốt tuần con bé không đến trường. Khi nó trở lại lớp, vạt áo vẫn vá, còn có thêm vành khăn tang mới trên đầu. Thanh lại kể về ánh mắt lì lợm đầy căm uất của thằng học trò giỏi nhất lớp. Nó vùng hất khi Thanh vuốt tóc nó thương cảm. Cảnh sát mở cặp lôi ra từng cuộn truyền đơn phía bên kia, rồi còng tay dẩn đi. Thanh lại khóc, mình không hiểu chi cả ,Phương ơi. Thanh à, khóc đi. Tôi cũng không hiểu, không hiểu cả điều gì đã giữ chân Thanh lại với lũ học trò khốn khổ và ngôi trường xiêu vẹo buồn thảm đó. Khóc đi, khóc đi Thanh!

Khê nói, anh phải chọn. Hoặc em với đời sống giáo chức bình dị tỉnh lẻ, hoặc những nông nổi và ánh đèn phù hoa. Khánh bảo, em sẽ bỏ hát, mở tiệm buôn bán hoặc làm ăn chi đó với lính Mỹ, nhiều kẻ thầu rác mà giàu, anh không thể lông bông mãi. Mạ không khuyên, chỉ lo lắng cho thân thế từng đứa con, trong nhẫn nhục.

Mọi người đều khuyên mình chọn họ, chọn phía họ. Tôi chọn điều chi đây?

Con người làm sao hoạch định cho hết tất cả những chi tiết cho cuộc đời mình? Thật ra, tôi đã chọn, làm tôi. Chính tôi. Cố gắng vượt thoát mọi kềm tỏa và để lại dấu vết trên cuộc đời này bằng những gì mình sáng tạo. Hát về những dự cảm và cho những ước mơ. Họ không hiểu hoặc giả vờ không hiểu. Chỉ có mạ là chấp nhận con bà như hắn phải là. Dù mạ không hiểu, mạ chẳng cần hiểu. Mình thương mạ quá. Làm sao cho mạ bớt lo khổ?

Bữa kia Linh mang về lon thịt hộp cho cả nhà ăn cơm chiều, khuya về tôi tò mò đọc hàng chữ tiếng Anh in ngoài lon, thức ăn dành cho chó, quân khuyển.

Trời sụp tối. Giá mà không giới nghiêm thì mình sẽ đi dưới cơn mưa bụi này cho đến hết đêm. Hay ghé lại Hạ, xin ly cà phê, nghe nàng hát và đốt thuốc nhìn nàng qua khói. Nhìn con gái hát thích hơn nghe.

Mình đã yêu chưa nhỉ? Yêu rồi. Mình đã yêu Nga, yêu Dung, yêu Hạ, yêu Thùy. Chắc mình yêu tất cả mọi người nữ đã gặp trong đời. Ai cũng đẹp một nét nào đó, trong một khoảng thời gian nào đó. Có người mình đã ôm ấp trong tay. Có người chỉ thoáng qua tâm tưởng một ngày, một giờ, một phút. Có người cả hằng mươi năm vẫn còn hiện diện trong những ca khúc mình viết. Mình chỉ không có đủ thời gian để khám phá tất cả mà thôi. Đời sống sao có lúc ngột ngạt quá, mình sẽ làm gì cho những ngày sắp đến?

Hỏa châu rớt trên mặt sông sau khi soi rạng nó. Đoạn sông này trôi nhiều rong bèo. Những chiếc đò neo dọc theo bờ mờ nhòa dưới màu nước bạc.

Cô gái bước ra từ những mái nhà tôn ven đường. Anh cho em xin điếu thuốc. Tôi chỉ có thuốc Basto thôi, cô hút được không? Dạ, chi cũng được. Ánh lửa diêm lòe lên soi mặt. Không có gì đặc biệt. Như tất cả mọi cô gái ăn sương khác ở mọi nơi trên đất nước này. Sao cô không ngồi trong lòng một thằng Mỹ nào đó trong một bar rượu nào đó ở Đà Nẵng trong lúc này?

Mưa lạnh, anh về với em tối nay nghe?

Cô gái đó không biết mình là ai. Có lẽ cô là một trong những người hiếm hoi không biết mình là ai. Thậm chí, có lẽ cô không biết cả trên trần gian này có cái tên Trần Duy Phương. Có vô vàn những người đàn bà yêu nhạc sĩ Trần Duy Phương nhưng không một ai yêu gã đàn ông có linh hồn yếu đuối mang tên đó trong suốt bấy nhiêu năm gã sống.

Tôi tỏa hào quang, vòng hào quang khốn nạn của danh vọng.

Đêm đó, tôi là gã đàn ông vô danh, gầy gò, cô độc lủi thủi dưới

mưa. Gã có vẻ đáng thương. Ướt lèm nhèm, cẩu thả.

Vào Sài gòn hay ở lại Huế chẳng còn ý nghĩa gì.

Ba mươi năm trước giờ này chắc mạ đang đau đớn. Mình quên hỏi cha có mặt bên mạ lúc đó không. Ba mươi năm trước chắc giờ này mạ đang hạnh phúc. Con chào đời mạ có khóc vì vui? Mỗi năm chỉ có mạ nhớ và nhắc ngày sinh từng đứa con. Những đứa con nấu chè, cắt bánh, rót rượu cho niềm vui có mặt trên đời mà không mấy khi nhớ từng cơn đau sinh tử xé mở thịt da của mẹ mình.

Tôi theo cô gái bước xuống một khoang đò.

Anh đưa em mượn cái bi kê (*). Tôi đưa cô hộp diêm. Những que diêm Mỹ ẩm trong túi quần loẹt xoẹt cháy, bắt lửa ngọn đèn măng-xông. Khoang đò được ngăn ra hai phần bằng tấm màn ni-lon hoa sặc sở. Bên kia một đứa bé quấn mền hoa dù Mỹ viện trợ, ngủ say như con mèo con trong mùng cùng màu xanh nhà binh. Cuộc chiến mang lòng nhân đạo của nước Mỹ hiện diện khắp nơi trên quê hương này.

Tôi nằm xuống. Cô gái chìu chuộng, dẫn dắt tôi đến những đỉnh cao. Chưa bao giờ trong đời, kể cả về sau, có người đàn bà nào mang tôi đến những cảm giác cao ngất, rồi thả chìm sâu sặc sụa như vậy. Tôi cong lên từng đợt động tình. Vỡ bùng, hoang dại. Vỡ bùng tất cả khát khao, phẫn nộ, hoang mang, đắng cay, đau đớn, căm ghét, yêu thương... mà năm tháng đã tích lũy trong tôi. Tôi đã như một con người. Một gã đàn ông tìm hoa trong đêm cô đơn buồn ruỗng. Tôi không là thiên tài, là hiền giả như được xưng tụng. Tôi không là Trần Duy Phương tài hoa dưới mắt người này, Trần Duy Phương tráo trở, xấu xa dưới mắt kẻ kia. Tôi vô danh và yếu đuối. Em là cô gái điếm vô danh trong đêm ế khách tình cờ. Mưa đều giọt mệt lã trên mui đò.

Tôi thức dậy cùng tiếng kêu mẹ của đứa bé. Mẹ nó đã sang nằm vỗ về con. Đứa bé mút vú mẹ khó khăn, bầu vú mà tôi đã mút cạn giòng sữa lẽ ra dành cho nó.

Tôi khóc lặng lẽ. Ba mươi năm trước, giờ này chắc mạ đang cho tôi ngậm mút những giọt sữa đầu đời. Giờ này chắc mạ đã dậy đun ấm nước đầu ngày cho các con. Đêm nay chắc mạ không ngủ, thức chờ cửa cho con.

Tôi dằn tất cả số tiền ít ỏi mạ cho làm lộ phí dưới đế ngọn đèn như một người lương thiện. Và trở về nhà.

Hôm sau, và nhiều hôm sau nữa tôi lén mọi người lần ra bến sông.

Mọi con đò đều xơ xác, nghèo nàn, bẩn thỉu như nhau. Những đứa con gái đều vào nội thành ngồi trong lòng lính Mỹ, những đứa còn lại đều đáng thương và đĩ thỏa như nhau. Tôi lạc mất. Mưa ơi!

Người nữ ấy chẳng bao giờ hiện diện trong bất cứ ca khúc nào tôi đã viết. Chẳng hiểu vì sao. Phải chăng chẳng có từ ngữ nào, kỹ thuật dụng ngôn nào diễn đạt được mùi vị những giọt sữa con người tôi mút bú trong đêm mưa đó. Những giọt sữa dành cho, hoặc cướp lấy, nhân danh hoặc không, bất cứ điều gì lớn lao cũng chẳng thể nào đền trả. Tôi không hiểu. Tôi viết nhiều về máu và nước mắt. Tôi bay la đà trên phận mệnh mình và phận mệnh mọi người, nhìn xuống những lầm than. Tôi chưa viết về sữa. Và chẳng thể nào viết được. Mọi chuyện đều đã muộn màng sau cái chết cho kẻ chết, nhưng có khi lại là khởi đầu cho kẻ sống.

*

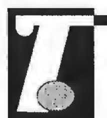
Tiếng còi xe và mở cổng sắt nặng nề. Chắc Linh hoặc Quyên về từ Canada.

Làm sao pha được màu vàng óng mật trên vỏ chuối nhỉ?

Mạ ơi, con đang lần về với mạ, mạ ơi...

THẬN NHIÊN
phục sinh 15/4/2001





MIÊNG

gươm đàn

Gío luồn qua những thớ đất ẩm ngai ngái sau trận mưa rào. Ngồi xổm, Bổn cầm cây que nhỏ vẽ dọc ngang bất định. Anh thấy xốn xang, một nỗi xốn xang kỳ bí không giải thích nổi, cũng chẳng thể tâm sự với ai.

Bỗng dưng Bổn lo sợ. Thủ phó có ý gì khi lành lạnh nhìn anh thòng câu «Lạ, hai lần cậu trực đêm thì đúng ngay hai mạng đi đứt !». Bổn thở dài, bất giác nhìn lên trời. Bầu trời sau cơn mưa trong xanh, ngun ngút xa vời. Bổn nhìn mãi, tìm kiếm chờ đợi cái gì có thể giải thích nỗi lo sợ hoang đường. Nhưng càng nhìn anh càng sợ, thấy trong cái mênh mông sâu thẳm của thiên nhiên có cái gì kỳ bí mà con người không thấu hiểu nổi, mà con người chỉ là nạn nhân, mà con người phải chấp nhận dù ngờ là không thực. Trời sao mà xanh, một màu xanh huyền ảo không mây. Nhưng trong cái trong suốt của buổi chiều, Bổn có cảm giác như trăm ngàn con mắt đang dọi xuống mình cái nhìn hững hờ mà nghiêm khắc, không xôn xao mà hàm ý. Gió đuổi nhẹ hàng keo bên hè, thầm thì chỉ trỏ nói gì anh. Rùng mình, Bổn tự hỏi

không biết vì trời chiều se lạnh hay vì hồn mình bất định ? Anh bỗng thấy cô đơn kỳ lạ...

Chợt Bổn đứng bật dậy nóng ran người, mắt long lanh rảo bước về phía nhà ông Từ. Phải rồi, chỉ có cách ấy, ừ, ít nhất cũng giải thích được cái gì...

- Dạ chào ông !

Ông Từ hấp háy qua cặp kính lão rồi ngừng tay nặn tượng, gỡ điếu thuốc khỏi môi :

- A ! Chú lại tới lục soát gì nữa chớ gì ?

- Dạ không. Cháu... cháu có chút chuyện muốn hỏi ông.

Dửng dưng, ông Từ gắn điếu thuốc vào hai môi nhão toét, bập bập rồi thong thả phà làn khói mỏng manh như giải lụa mềm lên mũi. Bổn bước tới bức tượng đàn ông :

- Ông nè, cái tượng này là ai hả ông ? Có râu quai nón, mắt sáng, cầm kiếm, coi oai quá !

- Ai đâu. Nặn chơi vậy mà.

Dù ông Từ vẫn chỉ chăm chú vào con bò đang nặn trên tay mà tự nhiên Bổn nhìn tránh sang chỗ khác, ngập ngừng :

- Ơ... có bao giờ ông nghĩ là mấy cái tượng này di chuyển được không ông ? Ơ... ý cháu muốn nói như... như chuyện cổ tích vậy mà !

Ông Từ nhướng mắt nhìn anh công an trẻ : chú chàng này có ý đồ gì đây ? dọ ý để kết án là mình mê tín dị đoan rồi cấm không cho nặn tượng nữa chăng ? Quai xăng-đan bầm dập ôm mấy ngón chân móng dài cáu bẩn, bộ đồ vàng bệch bạc với một cúc áo đứt và chiếc nịt sờn gãy, hai bàn tay thư sinh lấm láp và nét mặt dù có vẻ thật thà nhưng ánh mắt bối rối, môi run run ... Nói chuyện với ông già thì có gì mà dao động ? Không, chắc chắn chú chàng có ý đồ gì. Đây là thành phần nguy hiểm.

- Tui không biết chú ơi, nặn thì nặn cho vui. Già cả chẳng biết làm gì.

Khẽ khàng đặt con bò xuống đất, ông Từ vớ tay lấy chổi quét nhà. Bổn bối rối, biết ông Từ muốn đuổi khéo mình. Mà Bổn thì chưa muốn về. Tự nhiên anh cứ muốn hỏi chuyện ông Từ, về người đàn ông anh đã gặp ở cơ quan trong hai đêm bất hạnh, về bức tượng, về chính cuộc đời ông. Tự nhiên Bổn muốn cạy miệng ông, muốn ông phải thốt những điều anh muốn nghe. Tự nhiên anh nghĩ trong cái đầu lưa thưa tóc bạc kia hẳn che dấu rất nhiều điều. Nên làm như không hiểu, Bổn giả vờ thản nhiên hỏi tiếp :

- Hồi giờ ông chuyên môn nặn tượng hả ông ?

Lại gỡ điếu thuốc khỏi môi, cái điếu thuốc ố vàng, đuôi mỏng

tang lúc nào cũng dính một bên mép như chút thịt thừa, ông Từ dấm dẳn :

- Trước kia giữ chùa thì ngày ngày nhang đèn cho Phật. Từ ngày gia đình bộ đội vô lấy chùa, đập phá hết tượng thì nặn cho vui. Gọi là quen tay, có gì đâu mà vặn !

Ông lại dán điếu thuốc bên mép. Bổn vẫn kiên trì, giọng nần nì dỗ dành :

- Không phải cháu vặn. Cháu xin lỗi ông. Nhưng mà ông à... trong vùng này có... ai giông giống bức tượng này rồi ông nặn theo, hay chỉ là ông tưởng tượng ?

- Tui không biết !

Bổn không cách nào tìm hiểu gì trên khuôn mặt sạm nắng lẩn cùng màu với chiếc cột góc nhà. Một màu nâu đồng trầm tĩnh, kín đáo không sẵn sàng cho tình cảm nào bộc lộ. Đôi mắt hãy còn tinh anh như hai cửa sổ khép, không để ai rình mò dòm ngó bên trong. Nhưng đôi môi nhăn nhúm kia đang run run mà tự nhiên Bổn có linh tính vì xúc động âm thầm chớ không phải vì giận. Vừa hoang mang vừa sợ hãi muốn khóc, Bổn quên cảnh giác, bước tới nắm hai bàn tay dính đầy đất sét nói nhỏ nhẹ như một lời thú tội :

- Ông ơi, không biết cháu có bị ma ám hay gì không, mà sao hai lần cơ quan có người bị giết cháu đều thấy thủ phạm đi vào nhà ông, mà giống bức tượng này ghê lắm. Cháu sợ quá ông ơi !

Lặng lẽ rút tay ra, ông Từ thè lưỡi gỡ điếu thuốc dán lên cột - cây cột đầy rẫy những đuôi tàn thuốc như sò hến bám lưng cá voi. Mặc Bổn với lời tâm sự bất ngờ, ông bỏ ra sân...

*

Bầu không khí đặc quánh như hồ lỏng, ngay cả trăng cũng khó nhọc bước xuống trần. Chưa bao giờ cái nóng lại tức tưởi đến độ. Ngay cả mảnh sân sau nhà, ngay cả bốn bức tường loang lổ, ngay cả các bức tượng cũng ứa mồ hôi, hâm hấp thở nhọc nhằn. Tất cả đều rín rít, ngầy ngật, rũ rượi.

Ông Từ tựa lưng vào cây ổi còi, cây ổi bất động sửng sốt dưới cái nóng dộp da. Thỉnh thoảng ông với tay múc nước trong lu tu ừng ực xong xối lên người. Nước rớt xuống làm mặt đất sủi lên, phừng phực hăng hăng. Trong đời, ông ít thấy cái nóng gì mà kinh khiếp. Ông ngước nhìn trăng cầu cứu, chú Cuội đang tất bật quạt cho chị Hằng và hai má chị ửng hồng, cũng rạc người vì nóng. Cả bầu trời trong vắt từ từ mang màu lửa, lửa nhen nhúm, lửa reo vui, rồi lửa hừng

hực bao trùm vạn vật. Mi mắt ông Từ sụp xuống nặng nề...

Trong cái mê mê tỉnh tỉnh, chợt đâu đây thoang thoảng một mùi hương. Thú vị, ông Từ nhủ thầm đã bao năm rồi chưa được ngửi mùi hoa bưởi ? Không, mà không phải hoa bưởi, chắc hoa lài. Lại cũng không phải, chắc dạ lý hương... Gì thì gì, mùi thơm ngon lành quá muốn ăn được, muốn ôm vào người, muốn nhốt vào lòng. Trong đêm đặc quánh, mùi hương mang lại một chút gío hây hây dịu ngọt, một cảm giác lâng lâng sảng khoái, một hơi hướm giãn nở mời mọc. Tất cả mọi chân lông trên người ông nở ra, tiếp luồng hương thơm vào từng tế bào, từng mạch máu. Lớp da nâu đồng cằn cỗi của ông được mùi hương mơn trớn hồi sinh tái tạo. Con tim già nua được mùi hương xoáy loạn lên sống động, nôn nao...

Rồi mùi hương đến gần ông, gần lắm khiến khối óc mù mờ chợt nhớ nó đã từng len lách giữa các viên gạch trong nhà, giữa những sợi tranh trên nóc, giữa những hiu hắt gió đêm... và nhất là, nhất là giữa tiếng nấc nghẹn ngào bi thiết đàn bà dập dờn trong khuya vắng. Thỉnh thoảng lại văng vẳng tiếng đàn dìu dặt khi nhặt khi khoan dúng dắng, ngập ngừng. Các thứ trêu ngươi ấy quyện lấy nhau, nhịp nhàng sôi nổi, đã làm một người chai đá như ông cũng phải cảm thấy lạnh buốt ở lưng. Ông đã thức bao đêm chờ đợi, rình mò tìm kiếm mà chưa bao giờ gặp. Ông biết cái thứ mùi ma quái và tiếng khóc tỉ tê âm hồn ấy có đâu đó trong nhà, trong vườn, rất gần gũi ông mà cứ tránh né hù doạ, lúc nổi lúc chìm cho ông búc rức. Đêm nay nó còn ngát hơn, ngọt hơn khiến giữa cơn thiêm thiếp, mũi ông phập phồng như hai cánh bướm đêm. Rồi ông Từ cố hé mắt tìm hướng cái mùi sung mãn ấy. Bỗng mắt ông mở to ra, to mãi, nhìn sững sững trước mặt mình một màu gì trắng toát không phải màu trăng...

Ông sẽ giữ mãi kỷ niệm tuyệt diệu ấy cho riêng mình - một cõi riêng tư đã khiến những ngày cuối đời ông rực rỡ, một điều bí mật làm giàu nỗi cô đơn và cuộc đời quạnh quẽ của ông, một chút nồng nàn hâm nóng con tim giá lạnh. Mùa trăng đó tưởng chừng vô tận...

Tới mùa trăng sau ông Từ vẫn chưa hết bịnh. Hàng xóm bảo hậu quả người ướt sũng mà ông nằm suốt đêm ngoài sân của đêm nóng trời tháng trước, là ác. Để đáp công những bò cái bò nghé và gà vịt ông Từ đã nặn, cha mẹ thằng Cu cho con qua để ông có bạn. Thằng Cu đặt bàn tay học trò vụng dại lên trán ông nóng hổi, vừa kể ông nghe chuyện lặt vặt ở trường. Ông ậm ừ với nó mà mắt thì dán trên khung cửa sổ sứt mẻ chờ đợi. Ánh trăng nhàn nhạt non nớt bò từ từ lên phần cao khung cửa. Màu trăng chưa trang điểm, chưa mãn khai, chưa kiêu hãnh. Ông Từ vẫn nằm im, vẫn thở khò khè nghe thằng Cu kể chuyện.

Nhưng khi vầng trăng tròn trịa đêm rằm ung dung ngự giữa trời, ông Từ như bị một luồng điện chạy qua, bật dậy bất ngờ mạnh mẽ và tựa vào đôi vai nhỏ bé của thằng Cu, mần mò ra sân. Với những bước chân yếu đuối chậm chạp nhưng cương quyết, ông tới ngồi tựa vào cây ổi còi, thở hổn hển đứt hơi và ngước mặt nhìn trời...

- Cu à, chỗ, này nè, con, bà ấy, ngồi đây, áo, trắng tinh, tóc xoã, dài đen, nhánh...

Thằng Cu dáo dác nhìn quanh rồi áp thân hình bé bỏng sát vào tấm thân xiêu lệch :

- Ai hở ông ?

- Ờ, tội quá, bà, lạy ông, nói cám, ơn, ông, đã cứu, mạng, hai vợ, chồng, bà, rồi đàn...

- Ông cứu ai vậy ông ?

Ông không còn sức kể và cũng không tả được cảm giác lúc nghe đàn. Tiếng đàn não nùng mà kinh động, lạ lẫm mà quấn quýt, tỏ bày mà kín đáo, trăn trở mà ngọt ngào... Tiếng đàn lúc thanh tao thoát tục như hạc như mây, lúc sầm sập giục giã như thác sa gềnh đổ. Tiếng đàn lúc vướng víu như sương khói tơ trời lúc rạch ròi như gió quất... Tiếng đàn lúc diệu vợi đuổi xô lúc cận kề mơn trớn... Tiếng đàn tựa quả ngọt mùa xuân, tựa giá tuyết mùa đông, đổ xuống, đổ xuống che lấp cõi người... Lưng rờn rợn lạnh. Tóc dựng trên đầu. Da phồng lên, mỗi chân lông là một lỗ tai căng ra hứng tiếng đàn huyền nhiệm. Rồi nước mắt đã khô bỗng tựa tiếng đàn tuôn ra, tuôn ra ướt đẫm khuôn mặt đã trải qua trọn kiếp nhân sinh...

Mắt long lanh, ông Từ lúc lắc đầu kiểu sắp lên đồng, thân hình co giật, hai cánh tay khẳng khiu quờ quạng trong không tựa người mù tìm lối đi. Rồi bằng động tác nhanh gọn như có người vô hình lôi kéo, ông bò lết vào bực cửa. Thằng Cu cuống quýt lẽo đẽo theo sau. Ông Từ nằm dài ở đó, mắt đăm đăm vào dãy tượng góc nhà, đôi môi quắt queo run rẩy rất khó nhọc :

- Rồi bà, vào, đây, lạy, chồng...

Thằng Cu nghi ngờ :

- Toàn là tượng đất chớ chồng gì đâu ông ?

Ông Từ cố gượng chắp hai tay :

- Sau đêm, đó, ông, tướng không, còn, nữa...

Một con chim đêm ngoài sân vô tình kêu thét lên. Thằng Cu giật bắn người mếu máo :

- Ông ơi đừng làm con sợ !

Quên bẵng thằng bé, ông Từ dán mắt vào góc nhà và sống với thế giới riêng bí mật của mình. Ông đã nắn tượng người đàn ông với

lòng trân trọng và trách móc không nguôi. Già tưởng chỉ một mình già ngu, nghe lời xúi dại của đàn bà. Té ra tướng công đường đường một đấng anh hùng mà cũng nhẹ dạ ! Nên già nặn tướng công cho có bạn, cho vui. Một mình một cõi ngang dọc tung hoành, bao nhiêu quân dưới trướng, đi đến đâu triều đình khiếp vía đến đấy... Chỉ một cái quắc mắt của tướng công là bao nhiêu người run sợ, chỉ một lời tướng công đủ làm máu đổ đầu rơi, chỉ một cái vẩy tay đủ ban bố bao nhiêu ân huệ... Vậy mà trời ơi, chỉ vì lời lẽ đàn bà đã làm tướng công mất hết, mất hết công lao năm năm oanh liệt ! Cái đời hèn mọn của già này bị đàn bà xúi dại, cho là hay ho gì cái nghề nặn tượng, cho là sống sao nổi với nghề nặn tượng... Rốt cuộc già thất bại hết, rồi bị phụ bạc, phải nương nấu cửa chùa. Chuyện cũng thường. Còn tướng công... trời ơi !Hết trách móc, ông Từ lại tủm tỉm lẩm bẩm... *râu hùm, được, hàm én, được, còn mày ngài thì chẳng đẹp đẽ gì cho bậc tướng đâu, nhưng cũng được đi.* Có điều chẳng hiểu thước tấc ngày xưa ra sao mà vai chỉ năm tấc rộng mà thân tới mười thước cao lận ? Già phải làm sao cho tướng công đường bệ đẹp trai chớ ! Với lại ... (ông e hèm vài tiếng) thuở xưa cứ quân triều đình là tướng công xuống tay. Bây giờ (ông bật cười dòn tan) thì chỉ có công an thôi !... Và ông đã sơn phết cho bức tượng một màu da phong trần - màu da dính đủ bốn mùa thời tiết...

Rồi một lần, hai lần, ông Từ thấy đôi mắt ông tướng quắc lên giữa bóng đêm, đảo điên. Cho là vài giọt rượu buổi cơm chiều làm quáng mắt, ông Từ cười cười :

- Được như vậy thì già này mừng lắm. Xin mời tướng công một ly !

Đêm đêm, ông yên lặng chờ đợi, tắt đèn, hai ly con con đầy rượu. Trong hơi men với đôi tai không còn tinh tế nữa, ông Từ nghe tiếng giáp bào rộn rã, tiếng chân nặng nề chậm chạp, và ánh mắt ai long lanh trong đêm tịch mịch... Rượu hực ấm người tuồng hơi thở ai bên cạnh muốn to nhỏ điều gì. Và đom đóm vào nhà hay ánh kiếm loé xanh trong căn nhà xiêu vẹo ? Ông Từ cũng cười cười :

- Tướng công thuận tay trái à ? Xin lỗi, để già sửa.

Nhiều lần tiếng dao loảng xoảng rơi trong bếp. Tiếng ai thở gấp và mạnh. Tiếng di chuyển về đêm của thú trong chuồng. Tiếng kim khí rộn rã nhọc nhằn. Gió bật tung cửa. Một luồng khí lạnh xoắn vào lưng làm ông Từ sởn ốc. Một luồng sáng xẹt lên. Đôi mắt mèo linh hoạt ngời ánh dữ dằn. Rồi bước chân ai vang vang xa dần trong đêm yên tĩnh... Nhưng ngoài những lúc ấy, ông Từ nghe bên tai tiếng phàn nàn bất mãn. Có uẩn khúc nào trong hơi thở khắc khoải đứt khúc, dồn dập, nghẹn tức. Những âm thanh phẫn nộ của tiếng nghiến răng, chát

chúa nhọn sắc. Rồi những luồng âm khí mịt mù đen đặc bao trùm căn nhà nghèo nàn, biểu lộ nỗi căm phẫn tột cùng. Có cái gì không lời khiến con tim già nua đau đớn, thổn thức. Ông Từ chợt hiểu...

Rồi một đêm đông tối như bưng, ông Từ bỗng nghe có tiếng sột soạt ngoài hiên. Ban đầu tưởng mèo hàng xóm săn chuột, nhưng tiếp theo là tiếng rên rỉ nhẫn nhục đàn bà làm ông ngạc nhiên lần mò ra cửa. Dưới ánh sáng vài lần chớp trên cao, ông hoảng hốt lùi lại, dụi mắt nhìn người đàn bà đang quỳ, áo mây, sương khói , ẩn hiện với cây quỳnh bên góc. Những lá quỳnh ốm yếu chao chao trong bóng đêm tựa bộ xương người. Mặt bà cúi xuống, vai rung rung vì nấc. Cố định thần, ông Từ khe khẽ hỏi bà là ai, làm gì ở đây vào đêm khuya khoắc ? Văng vẳng bên tai ông lời thầm thì như trách móc :

- Vì Người tạo ra thiếp với lòng căm giận, thiếp không mang một linh hồn trọn vẹn...

Ông Từ chau mày. Người đàn bà này ông chưa bao giờ gặp. Ông cố chọc thủng bóng đêm bằng đôi mắt không mấy tinh anh. Vài giọt mưa bắt đầu lộp độp trên mái, ngập ngừng. Gió khe khẽ rít. Người đàn bà chợt ngẩng lên. Dưới cái mờ mờ của lần chớp trong mưa, mặt bà nhạt nhoà phẳng lì không mắt mũi, không môi miệng. Vậy mà ông Từ cảm nhận hai vành môi kia mếu máo. Đôi mắt là hai hốc đen sâu hoắm vừa đón giọt mưa vội vã hắt vào. Vậy mà ông Từ cảm nhận cái nhìn bà thấu suốt vào mình. Tóc bời bời ngang dọc vướng víu một vành tang trắng, gió ở đâu cứ đong đưa giải vải về ông. Toàn thể người đàn bà toát ra những mũi kim nhỏ sắc chích vào da thịt ông rờn rợn... Trong cơn hãi hùng, hai tai nghễnh ngãng của ông Từ vẫn nghe rõ mồn một những lời than thở :

- Phận hèn đức mỏng... Nhờ trời cho gặp người tri kỷ rộng lòng thương xót... Thiếp nào dám tráo trở hai lòng... Những tưởng là cơ hội cho tướng quân hiên ngang đường bệ, xứng đáng kiếp anh hùng...

Gan dạ như ông Từ mà cũng quỵ xuống, bất tỉnh. Theo những giọt mưa, bóng người đàn bà tan loãng. Chiếc áo không màu hắt lại lời nhẫn nhục :

- Xin Người bớt giận, cho thiếp được nên người...

Sáng hôm sau tỉnh lại, ông Từ chột dạ đốt ba nén nhang, lòng dịu dàng cầu nguyện : «Bà sống cho nên người đi, ơn đền nghĩa trả...»

Phải rồi, khi biết ông Tướng sống trong cô đơn và uất hận, ông Từ đã vừa nắn tượng người đàn bà vừa quở trách, kết án, rằng cho bà sống mười lăm năm trong cảnh đoạn trường, để cái đẹp sắc sảo chết người của bà phải mang nét đau đớn ân hận, cho tiếng đàn tài hoa chỉ đem cho bà tủi nhục, cho cái yểu điệu dẫn dắt bà vào những nơi mà

không người đàn bà nào muốn sa chân... Bà ham làm mệnh phụ triều đình vào luồn ra cúi, hơn làm hoàng hậu một cõi ư ? Tướng quân vì tin yêu nghe lời bà để phải chết tức tưởi không nhắm mắt được ! Tôi sẽ cho bà một linh hồn để sống dằn vặt, lương tâm bà sẽ dày xéo đau đớn, tâm khảm bà sẽ in khắc hình ảnh chết đứng của tướng quân... Chết đứng ! Trời ơi cổ kim chỉ một !

Bây giờ, dưới ánh sáng chênh chếch trăng nghiêng, mặt ông trắng bệch, mắt dìu dịu và đôi tay run rẩy, môi mấp máy khe khẽ gọi «bà, bà...» làm thằng Cu tông cửa chạy đi vì sợ. Bà ngồi đây, âu yếm nhìn ông với nụ cười thanh thản vì ông đã hiểu lòng bà trong mùa trăng tháng trước. Đêm đó, ông Từ chỉ ra khỏi cơn nửa tỉnh nửa mê khi người đàn bà áo trắng khóc tạ lỗi với chồng. Ông không nghe rõ vì tiếng than chan hoà tiếng nấc, nhưng ông hiểu nỗi niềm. Đôi mắt tướng từng quắc lên ánh giận dữ đã từ từ dịu lại, bao dung. Tiếng gầm gừ nghiến răng của thú trong chuồng đã hạ xuống trầm trầm rồi thở dài não nuột. Thanh kiếm chợt văng khỏi tay rơi dội lên nền đất. Tiếng giáp bào xào xạc tựa gió đuổi lá chiều khe khẽ nín. Rồi người đàn bà tháo trâm, gỡ lược, mái tóc đen như đêm tràn xuống đôi vai nhỏ rung rung, tràn xuống chiếc lưng ong tội nghiệp, che mất một phần áo màu sương tuyết. Và khi dáng ngọc ẻo lả đứng lên rồi chợt như mũi tên lao đầu vào vách, cùng lúc bức tượng người cầm kiếm đổ xuống, tan tành - thì ông Từ hiểu là một mối oan tình vừa kết thúc ...

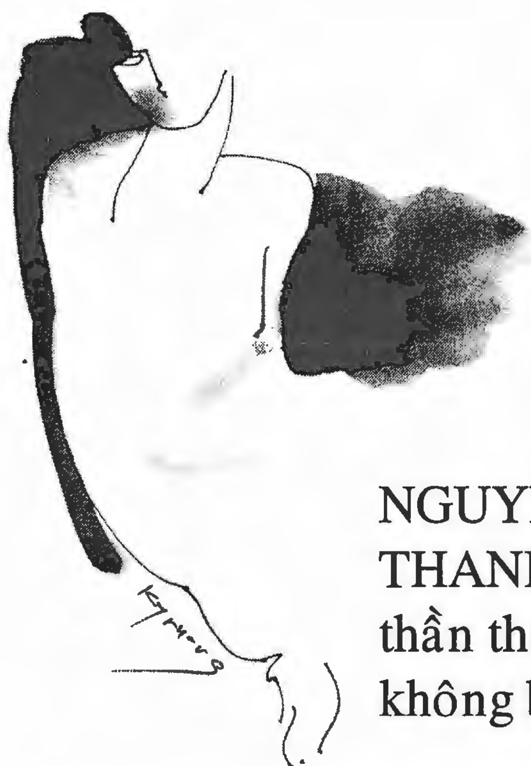
Chạy trong bóng đêm, thằng Cu làm đổ một bức tượng...

Khi cha mẹ thằng Cu và hàng xóm xôn xao kéo tới thì ông Từ đã sõng soài. Người ta cúi xuống và ông gượng thều thào : «Nhắn, chú Bổn, là, được, bà ấy, vừa, chết...» xong mi mắt sụp xuống, bất động.

Mẹ thằng Cu quét hốt mãnh vỡ bức tượng đàn bà. Trăng chầm chậm bước đi với nụ cười hiền dịu. Một mùi hương nhè nhẹ đong đưa làm thiên hạ trầm trồ ông Từ được Phật mở tay tiếp đón. Ngoài hiên bóng ai cao lớn hiên ngang sừng sững dưới trăng. Từ trong nhà, bóng ai tha thướt áo lụa thinh không, vòng khăn tang trên tóc mây rớt xuống. Những bước khoan thai đưa đẩy bà vào vòng tay người ngoài cửa. Mọi người trố mắt nhìn. Nhưng chỉ còn là trăng và trăng...

MIÊNG

Paris, Décembre 2000





NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

thần thánh không biết yêu

Cô vẫn có thói quen ôm chiếc gối có chiều dài cỡ một tên đàn ông và cong người lại như con tôm bị mắc cạn trên bến bờ cô độc nào đó. Hình như đã khá lâu cô không được ai ôm và cô cũng chẳng buồn ôm ai. Trái tim cô cơ hồ bị liệt kháng trước những bày tỏ (chân thật lẫn giả dối) của mấy con đực. Điều ngộ nghĩnh và cũng khá dễ hiểu là cô càng chạy trốn, họ càng man dại rượt theo như bầy chó đến kỳ động cỡn. "Đàn ông mà. Họ chỉ giỏi vờ vịt tuồng như đau khổ lắm - Cô nói với lũ bạn - khi họ chưa dí được mình nằm xuống và nuốt chửng con mồi." Cô nói như thể mình đã đi qua trăm ngàn những tan tành đổ vỡ.

Kỳ thực dạo này cô đang bị chứng mất ngủ hành. Đêm, cô cứ nằm lan man tưởng tượng đến những nốt nhạc của sóng vỗ đều trên thân thể cát. Biển của những ngày đời con gái và vòng tay bạch tuột. Hình như cô đã toan tính yêu đương da diết với một người, hai người, rồi ba người... và vô số những bờ vực cuốn hút bấp bênh. Cô đã ngã xuống, đứng dậy để thấy niềm ước ao chỉ có tận trời xanh. Bao lần cô nhận ra mình là kẻ đuổi hình bắt bóng. Cô không chiếm giữ được ai và

không ai chiếm giữ được cô. Nghĩ cho cùng điều này cũng bình thường. Ai chẳng muốn đi tìm những cái mình chưa có. Cuối cùng cũng chỉ mình là có mình. Thực tế là vậy. Cái hiện có hôm nay là quá khứ ngày mai. Biết thế sao cô vẫn không yên với những kiếm tìm đâu đâu. Cô tìm ai, tìm gì ở đời này. Câu hỏi cứ lập đi lập lại trong đầu nên đêm cứ dài ra, dài ra mãi.

Đây là lần đầu cô trở lại quê nhà, sau hai mươi lăm năm lưu lạc. Mẹ cô vừa mất ở quê người, và cô lãnh nhiệm vụ đi cùng chuyến bay đem hài cốt về chôn cất. Từ đầu chuyến đi, cô nhất định nuốt nước mắt vào tận đáy hồn. Cô không khóc dù đầu óc bưng bứt như chực nổ tung. Cho đến khi chân cô vừa chạm đất cát cùng hơi nóng phảng phất trong gió bụi, mắt cô bỗng cay xé và vỡ òa như cơn mưa bất ngờ. Cô nghe chừng qua lần cửa đóng là tiếng đập mạnh dội từ trái tim của người chết. Mẹ cô chỉ muốn nói vọng ra: "Vậy là mẹ thỏa nguyện khi con đã mang mẹ trở về. Trở về để được nằm trong chính lòng đất của xứ sở mình. Mẹ không muốn đốt rồi chia cho đứa con bên này một nhúm tro, cho đứa con bên kia một nhúm tàn. Rồi bỏ quên đâu đó trên một bàn thờ ở chùa." Cô nhớ đã có lần hỏi lại mẹ: "Chứ không phải vì có ông thầy địa lý nào đó bảo rằng làm như thế, mộ của con cháu về sau sẽ không kết nên mẹ sợ..." Mẹ bảo: "Mẹ ra đi như một kẻ đã chết, nên mẹ muốn trở về nguyên si như một sự hồi sinh nẩy mầm từ đất đai mẹ".

Buổi sáng khi đặt mẹ nằm giữa mùi đất mới xới, cô chỉ muốn được lao mình xuống để thoát khỏi những ám ảnh siêu hình về nỗi chết, sự sống.

Này đây là những vòng hoa của chị B., anh T., em K.; những đứa con bất hiếu bận công ăn việc làm ở xứ người không về tiễn đưa được. Cô thì thầm với vong hồn của mẹ. Phải chăng khi tuyệt vọng, cô có quyền đứng dậy phủi tay cuộc đời để được giải thoát (?) Không ai phải khắc khoải thương nhớ cô, vì chính cô cũng đâu có một sự lựa chọn gì khi bước vào cuộc đời. Ngồi nhìn đăm đăm cái cỗ quan tài màu hung đen của mẹ để nghĩ về nỗi chết, nhưng kỳ thực không ai có thể mường tượng đúng hình dáng của thần chết ra sao. Điều chắc chắn là mỗi người chiêm nghiệm vẻ mất mát tàn bạo của vầng mặt trời lặn hoàn toàn không giống nhau. Cô có thể yêu vẻ đẹp ấy đến điên rồ, nhưng ngược lại có người không chịu nổi vẻ lạnh lẽo ủ ê của nó, mà chỉ đắm say sức sống của một vừng mặt trời mới mọc. Cái chết là một thứ mặt trời đã lặn xuống và không bao giờ còn mọc lên nữa, một sự khuất chìm miên viễn, một sự ly biệt ngàn đời hay một cú chia tay ngoạn mục nhất thì cũng thế. Trước cái chết mọi người đều bình đẳng

dù không có cái chết nào giống cái chết nào. Không ai có thể thử chết rồi vào lại cuộc đời để nói cho chúng ta biết. Cái quyến rũ của sự chết là vẻ bí mật đầy những thêu dệt huyền ảo. Chết là hết, bỏ lại những hành lý cồng kềnh để trở về với số không, với hư không hoặc để bắt đầu lại một chuyến viễn du mới bằng một thứ hành trang mới thì chắc chỉ có trời mới thấu được. Còn cô, cô chỉ biết mình đang chết giữa những người đang sống và thiên hạ cũng thiếu khối gì vị được sống dù đã chết.

Thật tình chưa lúc nào cô cảm thấy mình cô lẻ và quạnh hiu như thế, đến không thể hòa nhập vào những lời phân ưu từ chín mươi chín phần trăm khách sáo của thân bằng quyến thuộc nơi đây. Trông cô có vẻ lạc điệu, cách ngăn với những khóc cười kịck cỡm hay xem chừng là những chụp giựt từng miếng sống miếng yêu của mọi người xung quanh. Họ là ai mà "*yêu quá đời này*" trong khi cô đã đánh mất niềm thiết tha sống, hối hả yêu... tự bao giờ.

Bây giờ mẹ cô đã yên ngủ và trời lúc này không nắng cũng không mưa. Còn cô thì cứ lang thang qua hết con đường này đến con đường khác. Cô càng ngơ ngác nhìn, thành phố càng lạ mặt ném trả. Điệu bộ thất tình và hơi ngổ ngáo như chẳng thiết tha điều gì của cô làm thiên hạ thi nhau bóp còi inh ỏi. Cô dừng lại trước một sân trường xưa, thấy những tàu lá thẩm xanh ở hai bên cổng đã đổi màu như những tà áo trắng. Trên một tàng cây gần vệ đường hình như còn đọng lại một lời tỏ tình đã cũ.

Tự nhiên cô nhớ đến một điều là ở xứ Mỹ hầu như không khi nào cô có dịp thả bộ một quãng đường rất nhỏ, nói chi là quá dài như vậy. Mỗi bước ra khỏi nhà là một bước lên xe, xuống xe. Giỏi lắm là đi bộ một vài bước từ bãi đậu xe vào tiệm. Ngày ngày cô phóng xe hơi ào ào trên xa lộ, điêu đứng với những tờ giấy phạt, đối phó với cảnh sát, tùy cơ ứng biến với hãng bảo hiểm, với luật lệ và luật pháp, người bản xứ... Một phần tư thế kỷ cô chạy muốn hụt hơi theo những mũi kim của chiếc đồng hồ, máy móc và kỹ thuật, những chiếc áo ngực và xì líp thơm mùi hương..."tiền", những món gà chiên và khoai tây chiên..."lấy liền", những đôi giày thời thượng bán với giá cắt cổ hôm nay và tuần sau đại hạ giá, những vội vã cùng những thói quen xã giao lịch sự của chào hỏi và cám ơn...

Đàn bà ở đây coi trọng sự thành đạt cho chính họ hơn là những vốn liếng hạnh phúc gia đình. Bao nhiêu năm nay con người cô cũng vội vã và ươm nhiều tham vọng để được trở thành một kẻ thành đạt như thế. Cô cứ trôi đi, trôi tuột đi trong một dòng sống đến không được chụp bắt kịp vầng trăng đẹp đã tàn trong trời đêm. Sách báo Việt

thì "báo chợ" cô vẫn nhặt về cả đống, rồi "báo nhà" cô vẫn mua ủng hộ, nhưng chẳng bao giờ cô có đủ giờ cho một cuốn tiểu thuyết mỏng cô rất thích nữa là.

Mấy hôm nay mỗi đêm cô chỉ chợp mắt được hai ba tiếng là nhiều. Cô chưa quen với múi giờ bị xáo trộn đã đành, cộng thêm với sự thiếu vắng chiếc gối ôm dài kẹp chặt giữa háng, rồi thì tiếng đuổi kêu vờn nhau trong đêm của lũ mèo hoang...; tất cả làm cô dật dờ ngầy ngậy. Cô trỗi dậy mở cửa sổ đón gió biển thốc vào. Trên vòm trời đen sẫm là một vài vầng sao lấp lánh thao thức. Thì ra cuộc đời cô có bị cuốn phăng đi như sông, như nước thì đêm đêm vầng sáng kia vẫn lặng lẽ trở về nhấp nháy: Đêm của những vầng sao và cô của những yên phận một mình. Tự nhiên cô thèm một điếu thuốc, một điếu thuốc được mồi chung trên môi của một người tình. Cô ngẩng mặt lên trời, nhắm nghiền hai mắt lại, môi hé nhỏ như muốn hứng những môi hôn của gió thoảng qua. Bất giác cô đan hai tay trước ngực, như muốn ôm ghì hai bầu vú ấm nóng của chính mình. Lâu lâu cô thích trở lại thói ngủ trần truồng, chỉ có da thịt và tấm chăn mỏng. Cô nhớ là hình như cũng đã quá lâu, cô đánh mất thói quen ngâm mình hàng giờ trong bồn tắm. Bây giờ ở xa xa nằm sát bãi biển, lũ đèn vàng vẫn rực rỡ trong những quán cóc kinh doanh lẫn tư nhân. Đêm, thiên hạ có nhau dù bán buôn nụ cười. Và đêm Việt Nam không biết có bao nhiêu lũ ngựa hồng phải cưỡi lên mình những thân xác không yêu thương đến nhờm tởm? Con số ước lượng cô nhớ là lên tới hơn một trăm ngàn (chưa kể vài chục ngàn ở nước láng giềng như Căm Bốt, Thái Lan...) và hơn 1/5 bị nhiễm HIV. Đêm ơi, lẽ nào từ đâu và cũng bởi vì đâu mà đám ngựa hồng... hoang này cứ thi nhau "dong ruổi" phố phường? Những câu hỏi cứ chạy vo ve trong đầu cô như những bầy ong vỡ tổ.

Đêm, cô bỗng lạnh hai vai. Xoay người lại, cả thân thể màu ngà voi của cô nằm gọn trong đường xiên ánh sáng của ngọn đèn ngủ với màu bóng tối mơ màng vây bọc phía sau. Mùi hương của đêm nhả bùa ngải khắp nơi. Chắc ngày mai cô đi mua một ít thuốc ngủ.

*

Cô tỉnh ra sau một giấc ngủ ngắn nhưng đầy mộng mị. Cô nằm mơ thấy mình mọc cánh bay vào những tầng mây lãng đãng. Trong chơi vơi cô đụng phải phần linh hồn của mẹ cô đang phiêu bạt. Cô chưa kịp rủ rê linh hồn mẹ lửng lơ về lại cuộc đời... "chơi" thì giấc mơ lại biến cô thành tảng đá chìm dần, chìm dần xuống biển sâu.

Hình như một chuyến xe đổ rác nào đó đã đánh thức thành

phố quá sớm. Mới gần 4 giờ sáng nhưng cô biết mình khó lòng dỗ giấc ngủ lại được. Cô phải thức dậy và cô nhất định ra biển. Loáng thoáng qua những ô cửa, cô bắt gặp vóc dáng gầy đét của một bà già (vô gia cư là cái chắc) đang giằng co vài ba túi rác với một chị lao công áo xanh bạc. Sự gầy đét làm bà già trông hệt như ngọn đèn loe loét trước bão táp. Một con chó ốm hay chó dại từ đâu chạy lăng xăng đến như lạc hướng. Cũng không sao vì trông nó cũng chẳng buồn cắn ai, hoặc có muốn cắn chắc cũng không còn đủ sức để nhe răng. Tự nhiên cô đau và càng muốn lao đầu thật nhanh ra biển như chạy trốn. Đời sống ở đây là thế ư, giữa những khách sạn nguy nga đến vô tình? Sao lại ném tủm bà già tội nghiệp kia xuống địa ngục, khi bà ấy vẫn chưa chết? Sao cô lại tránh đi về phía họ, khi tim cô đang bị trăm ngàn đàn kiến rần rần cắn đốt.

Cô cúi xuống lấy tay xoa xoa mặt cát cho lòng mình sóng vỗ. Biển gần tảng sáng cát vẫn thở miên man, dịu nhẹ, ấm áp. Ngoài trùng khơi biển xem chừng im ắng ngủ yên, mà nơi bờ cô đứng biển cứ bừng mắt thao thức mãi. Một chút bóng tối hắt hiu như tấm chăn đắp hờ trên lưng biển. Tự nhiên cô bỗng nhớ đến những đốm lửa đã được mồi lên trong đêm nơi hải đảo vào một mùa hè xa thật xa. Cũng ở ngoài xa đó, có phải biển đang mộng mị, ú ớ lời dã tràng?

Phố biển. Từ những ngày chưa xa, cô nhớ là chưa bao giờ ra biển lúc biển còn ngái ngủ. Sau hai mươi lăm năm, thành phố như có tay ảo thuật dở hơi tung lên trời những tòa nhà quá khổ. Biển càng lúc càng bị áp đảo, như con tàu lóng lánh thủy tinh nhận sâu dần xuống đáy. Những dáng núi nằm chơi vơi xỏa tóc rợn lên một màu đen sẫm - Biển trôi dưới đáy của thành phố và núi - Cô trôi trên những loang loáng nước mắt của hồn mình. Phố biển, cô đau lòng vì những tương phản đến quái đản của những ngôi nhà hoang sơ lẩn lút giữa những ngôi nhà nguy nga, những người quá giàu chao chát trên đầu những người quá nghèo, những con đường cụt đầu vì màu xanh của những hàng cây không còn nữa, những ổ gà dưới gót chân ký ức và những bụi bặm vần vũ cay mắt, rồi thì những môi cười đĩ thõa mọc lên như nấm độc...

Kỳ thực cô không biết gì cả. Cô là kẻ vô tình tới chín mươi chín phần trăm. Cô đâu hiểu thành phố đã có một thời gian dài lên cơn sốt dữ dội. Đã mửa mật xanh mật vàng. Đã thổ huyết. Đã bán sống bán chết. Thì vâng, cô đã bỏ đi quá lâu. Cô đâu biết thiên hạ đã ngơ ngác lãnh đủ trận hồng thủy năm nào ra sao. Và bây giờ khi trở về nhìn biển cũ, cô muốn nhủ lòng đừng khóc, thôi hãy đừng khóc dù môi cô muối xát như biển.

Ồ, lại nói về biển nữa sao. Cô làm biển giật mình choàng mắt rồi đó. Ôi, đôi mắt của biển mới ảo diệu làm sao. Trông xa xa, mắt biển óng ánh như có vô số mảnh cắt của những vầng hồng mặt trời.

Biển đầu ngày ấm áp, đổ tràn lan những lóng lánh, trên ngực sóng - Bờ ngực nhấp nhô lao đao như có hàng vạn hàng ức những vỡ vụn của kim cương và thủy tinh đuổi bắt nhau - Cô mê biển quá, nhưng cô không thể ngồi đây mãi để hưởng thú ngắm biển.

Khi cô đến đó, mọi sự tuồng như sắp đặt sẵn. Giờ giấc vừa vặn như tiếng gõ đúng vào nhịp kim đồng hồ.

Quán cà phê thuở nào vẫn với lối đi lót đầy sỏi trắng và mùi thơm của hoa lài vẫn bồn chồn tỏa hương. Cô tìm một góc nhỏ ngoài sân và nghe ngan ngát trong lòng mùi rượu rum của ly đá chanh năm xưa. "Ngày xưa vào đây sao mình không uống cà phê nhỉ?" Cô nhớ là hình như bao giờ cô cũng muốn gọi khác thứ của người yêu, để được đòi nhấp chung sau đó.

Nhưng lần này thì khác. Cô đang một mình và cô đang khát. Khát cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Khát trong cuống họng và khát trong tim những dòng chảy của kỷ niệm. Cô buồn buồn gọi luôn ly chanh rum và cà phê sữa đá. Người bồi bàn (kiêm chủ tiệm?) thoáng ngạc nhiên, nhưng chắc là ông ta cũng qúa quen với những khuôn mặt hẹn hò và chờ đợi. "Thường thì đàn ông phải đến sớm chờ đào mới đúng điệu chứ", cô nghĩ lan man và bỗng náo nức như đang với tay gần gũi với kỷ niệm. Hai mươi lăm năm cô cũng không còn trẻ nữa để nhớ để quên... Hai mươi lăm năm quán cóc này đã thay tới thay lui bao nhiêu người chủ? Hai mươi lăm năm, cô thâu ngân tóc dài làm điêu đứng mọi người giờ chắc đã bới tóc hoặc cắt tóc ngắn trăm bận và không biết đã qua bao nhiêu đời chồng? Hai mươi lăm năm sau, cô vẫn không thể tin được là cô lại tìm đến đây để lơ đãng nhìn những cành hoa trắng nằm rủ bóng trên hàng cây, lơ đãng thấy lại hình ảnh của người đàn ông tóc dài như con gái cúi gần xuống trên đôi môi. Chanh rum và cà phê ở đây vẫn đậm như có trộn vài sợi khói á phiện. Và cô cũng có vẻ ngon đậm như con mồi say thuốc (sẵn sàng chờ được nuốt chửng) nên hắn ở góc bàn xa khuất bên trong bỗng chạy ra dở trò:

- Xin chào cô. Chắc cô đang chờ ai mà không thấy đến phải không. Phi lý và uổng phí ghê vậy đó.

- Không. Cô trả lời giấm dẳng.

Bỗng thấy hắn nhíu mày khó chịu, cô bồi thêm một câu không đầu không đuôi:

- Nhưng mà tôi buồn ngủ rồi.

Hắn vụt toét miệng cười:

- Sao chứ. Buồn ngủ?

Lần này cô đặt câu dài hơn:

- Vâng tôi buồn ngủ, bộ anh không thấy sao?

Hắn trố mắt. Hai mắt như đẫm đầy chất keo nên hắn càng nhìn, cô càng có cảm tưởng bị dán chặt vào người không thoát đâu được:

- Cà phê không làm cô tỉnh người chút nào sao? Uống thêm một ly nữa nhé. Tôi mời...

Cô cười phá lên, khá bất ngờ và khá lớn khiến hắn giật mình:

- Không, trông anh buồn cười quá. Tôi đã bảo là tôi buồn ngủ rồi mà.

Hắn gãi đầu, vẫn kiên nhẫn đứng xớ rớ trước mặt cô để làm một kẻ ngớ ngẩn nhất trần gian:

- Nghĩa là sao ạ?

Cô không nhịn được cười và cô cũng không còn muốn làm một người lịch sự tối thiểu:

- Nghĩa là anh làm ơn đừng phá tôi nữa được không.

Hắn ra tay phân bua, chỉ trỏ đâu đó về phía trong nhà rồi nói một hơi dài:

- Có người thấy cô giống một người, nhưng mà anh ấy hay quáng gà lắm; nhìn ai cũng thấy giống một người, nhưng thế giới có cả hàng tỉ tỉ người mà lại cứ đi tìm một người... "giống một người" sao mà ra được. Hoặc có ra cũng đâu phải là người đó phải không cô?

Tự nhiên cô thấy nói chuyện với hắn cũng có vẻ vui vui, nhưng cô cứ phải che miệng ngáp vặt không biết bao nhiêu lần:

- Tôi buồn ngủ thật anh à. Anh đừng nói giỡn với tôi về một người nào đó nữa. Người giống người là chuyện thường thôi. "Người" mà không giống được "Người" mới là chuyện lạ. Đùa!

- Tôi nói thật đấy. Đại ca của tôi ở bàn bên trong kia kìa bắt em út ra điều tra sơ sơ lý lịch của cô. Đại khái như cô tên gì, ở Sài Gòn ra chơi hay ở đâu về...

Cô hơi hoảng hồn nhưng cố lấy lại bình tĩnh nhìn sâu vào mắt hắn:

- Gì mà đại ca với em út nghe băng đảng quá vậy. Nếu tôi bảo tôi không có tên và cũng không phải là dân Sài Gòn ra thăm Nha Trang thì sao.

Hắn nhăn mặt có vẻ bực mình:

- Cô đừng nói vậy tôi đặt tên cô là cô... Buồn Ngủ đó nghe. Hay là cô nói đi, vậy thì có phải cô ở xa mới về không?

- Phải, xa lắm. Xa như cỡ... dĩ vãng, được chưa? Cô cười mơ màng,

hai mắt huyền mơ, mơ huyền.

Hắn nói như van xin:

- Cô đừng đùa nữa cho đàn em nhờ. Đại ca của tụi này coi bộ si tình như vậy nhưng cũng "gườm" lắm đấy. Thấy tôi ở đây nói chuyện với cô khá lâu mà không được gì hết, coi chừng ảnh...

Cô không ngờ câu chuyện đến hồi nghiêm trọng, nên vờ lấp liếm:

- Nếu anh có vẻ sợ anh ta như vậy, sao không nói đại một cái tên nào đó như Hoa, Hồng, Hương, Huệ chẳng hạn. Hoặc cứ nói tôi từ nước ngoài về thì có chết ai đâu.

Hắn reo lên như chụp được cơ hội ngàn vàng:

- Vậy ra cô từ Mỹ về hả cô? Đại ca em là một tay áp phe có hạng nên ảnh ngửi mùi Việt kiều hay lắm cô à. Cô mới về chắc lạ nước lạ cái nên khó ngủ chứ gì.

"Lạ nước lạ cái," trời ơi, ở một nơi cô đã sinh ra và lớn lên suốt quãng đời thần tiên con gái, vậy điều gì làm cô khi trở lại, chừng như không còn vẫy vùng được nữa trong dòng nước thân quen ngày ấy? Sao lại có chuyện "lạ nước lạ cái" khi dòng sông ấy đã ấp ủ, tắm mát cô không biết bao nhiêu năm tháng nhỉ. Tâm hồn và con nước của chiều hôm ấy đã trôi đi đâu sao cô không bao giờ còn tìm gặp được nữa. Có phải vì cô đã bỏ đi quá lâu nên thành phố không còn nhận ra cô nữa, dù trong cô không có dòng sông nào thơ mộng bằng dòng sông quê hương.

Cô nhìn hắn, nhìn tuổi trẻ nơi đây sống vật vờ không ngày mai và không định hướng, như đám lục bình lềnh bềnh trôi nổi. Rồi cô chợt nhớ, ít có nơi nào trên trái đất mà tuổi thơ có thể biến thành một thứ mặt hàng quá ế ẩm, cho không cũng chả ai thèm nhận, quá thừa mứa, chán chường. Cô đã đi một vòng ở những viện mồ côi, những vỉa hè, những xóm nghèo nheo nhóc... để thấy rõ sự lạm phát đau lòng này. Chưa kể mỗi năm còn có khoảng một triệu rưỡi thai nhi, bị khước từ quyền làm người ngay từ khi còn ở trong bụng mẹ. Như thế nghĩa là sao đây hả trời.

Cô càng nghĩ ngợi lung tung càng ngáp dài thành tiếng không dằn được. Cuối cùng cô nói giả vả:

- Thôi bỏ vụ đại ca của anh đi, tôi phải về nhà ngủ bây giờ dù chưa chắc đã nhắm mắt được đâu.

Hắn chợt ân cần, đượm vẻ thành thật:

- Cô bị sao vậy? Cô có vẻ sầu sầu, mộng mộng làm sao đâu.

Cô cũng chợt ân cần, thành thật nhất so với từ đầu câu chuyện:

- Đêm qua tôi không ngủ được. Đêm kia đêm kìa cũng thế. Chắc

tại mẹ tôi mới mất. Vậy thôi. Mà sao anh cứ thắc mắc chuyện người ta cho mệt?

Không ngờ hắn vừa biết làm hề vừa biết hát cải lương:

- Tại trông cô cũng hay hay. Người đẹp mà lại đi một mình nên dễ bị ăn hiếp cũng phải thôi. Mẹ cô mới mất chứ không phải chồng cô mới chết thật sao?

Cô thấy hắn cũng không phải là tay vừa nên đùa đùa:

- Hết chiến tranh rồi mà, sao bắt tôi làm góa phụ son trẻ? Giỡn mặt hoài, chồng tôi phải sống để còn nuôi một bầy con nữa chớ bộ. Có gì để tôi tự do muốn chết thì chết chứ.

Hắn có vẻ hốt hoảng, đá nhẹ chiếc ghế lùi ra sau và doãi người hẳn về phía cô. Cô chợt nhận ra hắn đã tự ý kéo ghế ngồi song song với cô tự lúc nào:

- Nhìn tôi nè, vẫn sống đây nè. Sống khổ như chó mà vẫn sống nhăn răng, có sao đâu. Cô đừng nói bậy chứ. Mẹ cô già rồi thì phải chết đương nhiên thôi, buồn ích gì.

Cô im lặng, xoay xoay ly nước và bỗng rút tiền ra bỏ xuống bàn:

- Chắc tôi không sao đâu, cảm ơn anh. Có lẽ tại lâu quá không uống chanh rum nên nhức đầu và buồn ngủ. Có gì anh vào quầy trả tiền giùm nghe.

Hắn lại tặng cô cái nhìn "keo sơn" lúc nãy. Hai mắt dán chặt không bứt nổi ra khỏi người cô từ đầu đến chân. Giọng nói của hắn mang đầy đòn phép phù thủy:

- Tôi đoán là cô cũng cần một tên hộ tống, nhưng nếu có người hỏi, chắc cô sẽ làm bộ từ chối ngay. Thì thôi, cô ráng "bảo trọng" nhé.

Cô mỉm cười thay cho câu trả lời, bước nhanh ra cửa khi trời vừa thả những bụi mưa rất mỏng, lất phất. Nhạc vẫn đuổi theo quấn quít cả hồn và cả chân cô. Cô định bụng ghé mua liền vài ba viên thuốc ngủ để dỗ dành tạm thời đôi mắt mệt mỏi, vô tình không nhớ là đã để lại tặng hắn những nét bút nguệch ngoặc về một cái tên, trên mảnh giấy napkin của quán nước.

*

Thì ra làm lữ hành trong mưa cũng thú vị chán. Cô đưa tay hứng từng giọt, từng giọt nhỏ nhoi rớt lặng lẽ qua mấy kẽ tay. Đã quá lâu cô không còn thú đi bộ giữa đường, theo kiểu tung hứng của những vị mang tính khí... trái gió trở trời. Khi cô ra khỏi thành phố này hai mươi

lăm năm trước, đời sống và con người cô như bị bứng ra khỏi gốc, bứt tung một cách toàn diện. Ở đó cô nhìn mưa bay qua cái quạt nước thô bạo và mặt kính xe hồn nhiên mà độc đoán. Mưa bay thì mặc mưa bay, cô nhớ là mình cứ phải cắm đầu cắm cổ lái để thoát khỏi dòng người như đọng lại. Ở đó thời gian không có để phát chẩn cho những người vô tích sự, nhàn nhã, dĩ nhiên. Đâu như cô cũng sắp hết hạn visa và chỉ một hai đêm nữa, cô sẽ vào Sài Gòn để chờ chuyến bay về lại Mỹ. Tự nhiên cô ước gì trời mưa thật lớn, dù cô đang mặc một chiếc áo đầm khá mỏng. Nghĩ cho cùng thời tiết hôm nay chỉ hứng sảng mà mưa thế thôi. Mưa bồi hồi đón khách phương xa trở về chăng. Còn thì phố biển quanh năm suốt tháng chỉ có nắng và đầy những nắng. Vậy mà lời ước của cô lại linh nghiệm. Mưa rít thành từng cọng, tạt vào mặt, vào tóc cô như rắc bột. Chiếc Dream rà sát vào lề đường và một người nào đó gọi tên cô thất thanh:

- Mộc Kiều... Mộc Kiều

Làm sao cô có thể hình dung ra được sẽ có lúc cô đứng sững vì đụng Lâm ở đây. Lâm của một thuở tóc xanh vờn đuổi theo cô như nắng mai mải miết theo tiếng hót của vành khuyên. Thuở đó cô vô tâm như cỏ cây và Lâm cứ lượn lờ như dòng sông thèm khát điên cuồng một bờ xanh cỏ mượt. Hai mươi lăm năm là một thời gian quá dài để có thể quay quắt bất cứ một điều gì, vậy sao cô vẫn nghe như trong tiếng gọi những vọng âm bàng hoàng của ngày cũ? Điều này làm cô bối rối và chưa kịp phản ứng, thì Lâm bỗng hất tung chiếc xe lên trời rồi xoáy một vòng trước mặt cô như đang biểu diễn phim cao bồi:

- Trời ơi, Mộc Kiều thật đây sao?

Cô đưa tay ôm ngực:

- Ồ anh Lâm... gì mà ghê quá vậy, làm mất hồn.

Hình như tóc Lâm vẫn còn xanh, nhưng chắc chắn một điều là trông chàng không còn trẻ nữa:

- Ghê lắm sao? Bộ Lâm nhìn... ghê lắm hả.

- Không phải, lái xe... ghê thì có.

Lâm được dịp nhìn cô say đắm:

- Không phải nghĩa là Lâm bây giờ nhìn... "bảnh chọe" hơn xưa phải không. Mộc Kiều vẫn thế, trông chẳng thay đổi gì.

-Vẫn... gầy rạc hoa phải không.

- Ờ tại sao vậy. Bơ sữa Mỹ không làm em mập ra tí nào sao.

- Sao biết Kiều ở Mỹ?

Lâm nhíu mày, thả mắt xa xăm:

- Thì hỏi lòng vòng, nhưng cũng chẳng ai muốn cho biết gì

thêm. Có điều anh vẫn chờ vẫn ngóng Kiều thật đấy. Thế mới lạ. Đã hai mươi lăm năm rồi còn gì.

- Vâng, mới đó mà đã hai mươi lăm năm.

Giọng Lâm chợt trở nên cay cú không đâu:

- Phải chi nghe tin Kiều chết trên biển, anh đỡ... buồn hơn. Đằng này cứ dai dẳng... mà Kiều thì có để ý gì cho cam.

Cô vịn vào thành xe, hơi choáng váng:

- Chị Mộc Trầm chết rồi. Phải thủy táng khi tàu sắp cập bến tự do.

Lâm lấy tay đặt nhẹ lên vai cô một thoáng:

- Tội chị ấy quá vậy. Cho anh xin lỗi đã vô tình gợi lại làm Kiều buồn. Thật ra anh không thể ngờ mình vẫn còn sống để được gặp Kiều lần này.

- Bây giờ thì Kiều biết ai đem tin cho anh hay để đuổi theo Kiều rồi. Phải chi Kiều đoán ra lúc nãy thì sẽ đi nhanh hơn hoặc núp trốn đâu đó.

- Để anh đừng tìm ra Kiều nữa chứ gì? Kiều lúc nào mà chả mang tính cách ấy. Độc ác khỏi chê. Và ai bảo đi đâu cũng cứ tật viết viết, vẽ vẽ lăng nhăng trên giấy. Thấy hắn đem về cho anh chỉ một mảnh giấy với một cái tên là suýt bị đứng tim rồi.

Cô bỗng sực nhớ một điều gì làm cô lo sợ vẩn vơ. Lẽ nào rồi Lâm sẽ bám sát cô và không để cô yên:

- Bộ anh dạo này ngầu lắm sao mà lên chức đại ca và sai bảo em út lung tung vậy.

Lâm chớp mắt, liếm láp đôi môi làm cô nhận ra môi anh vẫn đỏ mọng như xưa, đặc biệt là cứ sau mỗi cái cắn môi hay chỉ vờ liếm nhẹ là môi Lâm lại càng đỏ hơn, láng hơn nên Lâm vẫn hay có thói quen điệu bộ như vậy:

- Thằng Viên mách với em như vậy hả. Thì thế, đời sống ở đây lại càng phải như thế nữa. Không mánh mung, không lường lách, không tay trên tay dưới sao sống nổi hả em.

Tự nhiên cô thấy Lâm thật đáng thương:

- Kiều hiểu. Đời sống càng lúc càng tát vào mặt chúng ta những bài học không thể ngờ được. Một lúc nào đó, ai chả muốn tìm cách chống cự lại, bằng cách này hay cách khác phải không anh.

Lâm gật đầu, khuôn mặt như tối lại vì u uất:

- Cuộc đời bắt Lâm phải dở đủ trò xấu xa. Nói thật với Kiều dù Kiều có cười chê Lâm cũng không sao. Lâm bây giờ khác xa với Lâm ngày xưa.

- Ai mà chả khác với ngày xưa nhỉ. Cô nhẹ giọng.

Lâm cười chua chát:

- Kiều biết không, Lâm ghê gớm, tệ hại đủ điều, chỉ còn có mỗi cái giết người là chưa nhúng. Cả trước hoặc sau chiến tranh cũng thế, tay anh chưa hề nhúng máu. Mà thôi, đi đâu chơi chứ không lẽ đứng đây hoài sao.

Cô đề nghị khá kỳ cục:

- Đi bộ nhé. Lâu, Kiều không có dịp đi bộ chơi. Anh dắt xe đi tà tà được không.

Lâm liếc mắt nhìn cô, đuôi mắt dài. Tóc người đàn ông cũng dài như tóc Chúa Giê Su, được buộc lại một cách điệu đàng con gái:

- "Cô" thì lúc nào chả muốn hành hạ tên này tối đa. Có điều được đi với Kiều, con đường càng dài ra cũng càng tốt thôi.

*

Rồi thì cũng đến lúc cô chỉ còn ở phố biển đêm cuối. Đêm kia cô được đánh một giấc thật mê man, sau một ngày gặp lại Lâm và lang thang đến rã rời. Thật ra chưa chắc cô đã có thể đánh một giấc dài như thế, nếu buổi tối Lâm không ghé qua với thuốc ngủ và hoa hồng:

- Thưa em, thuốc đây này. Hoa thì mới cuỗm từ bến xe ở Đà Lạt về. Nói giỡn thôi, phải mua với giá cắt cổ đấy vì mấy thuở mới có dịp tặng người đẹp.

Cô mặc bộ đồ ngủ trắng như ma nữ nhưng nhận ra ngay là không tiện để mở cửa mời Lâm vào:

- Thuốc ngủ hiệu gì vậy, mạnh không. Sao bày đặt hoa hồng gai góc chi vậy. Kiều chỉ thích hoa trắng thôi mà.

- Valium, uống một viên là đủ qua một đêm không ưu phiền mộng mị. Ngày xưa anh dở quá không biết tặng hoa và chẳng biết tán tỉnh gì cả nên anh mất Kiều cũng phải. Hoa hồng anh đã cắn hết gai rồi.

Cô cười giả lả, đáp tảng lờ:

- Không cho hoa tự vệ à? Mà thật ra đâu phải thế. A, anh kiếm mua thuốc này dễ dàng không, sao cho Kiều có một viên thôi vậy.

Lâm bỗng dật dờ:

- Anh chạy áp phe mà, phải có phần vụ buôn bán thuốc thang nữa chứ. Cần sa cũng có, nhưng dễ đếm lịch bên song cửa lắm. Kiều cần không? Mà Kiều uống một viên đủ ngủ khì rồi. Phải chi có thuốc... quên thì anh tha hồ nốc cả hộp nhỉ.

- Anh này đùa dai thật. Thuốc quên, thuốc nhớ, ai mà chế ra

được. Đợi Kiều làm dược sĩ bào chế đi.

- Phải rồi. Lúc nãy mang thuốc ngủ và hoa hồng cho Kiều, chắc còn thiếu khẩu súng nữa mới đủ bộ.

Cô cảm thấy rõ nỗi tình cờ thích thú của Lâm sau mỗi câu châm chọc:

- Thôi về ngủ đi. Kiều mệt rồi. Kiều không thích nhắc đến súng ống. Nhất là khẩu súng và... hoa hồng.

Lâm nhìn cô như khẩn cầu một điều gì cô không muốn rõ. Giọng nói như rớt từ một cõi nào vọng lại:

- Đùa thôi mà. Khẩu súng và những cánh hồng rớt tơi tả, giữa đôi mắt đen sững bàng hoàng trước những ô cửa khép kín lạnh lùng, không đẹp sao?

- Bộ anh tính đứng làm thơ hay vẽ tranh đây. Về ngủ đi chứ. Kiều đóng cửa lại bây giờ nè.

Lâm nói lảm nhảm trước khi bỏ đi:

- Thôi Kiều ngủ ngon. Đừng mơ thấy khẩu súng với trái tim tươi rói đau nhức này mà làm gì nhé.

Và bây giờ thì thật bất ngờ khi Lâm trở lại. Cô hối hận là đã nói cho Lâm biết thời hạn chia tay sắp đến. Lâm cuống cuồng khi hay tin cô chỉ còn có mặt trong thành phố này đêm cuối cùng.

Lâm đến, dữ dằn như bão táp. . Khi cánh cửa vừa bật ra, Lâm đẩy mạnh và lách vào thật nhanh khi cô chưa kịp phản ứng. Giọng Lâm dồn dập, tràn đầy xúc động:

- Kiều biết anh đang nghĩ gì không. Nếu anh bảo, anh muốn làm đủ mọi cách để giữ Kiều ở lại đây với anh, bây giờ và mãi mãi. Kiều có tin là anh nói thật và dám làm không.

- Sao? Anh nói sao?

- Ờ... mà làm sao Kiều có thể hiểu được có một người yêu Kiều đến mức này. Anh cũng không thể hiểu được mình nữa là...

- Anh đừng làm Kiều sợ.

Lâm trở nên hung hãn, gằn giọng:

- Sợ... sợ... sợ. Bao giờ thì anh cũng làm Kiều sợ và xa lánh cả. Anh là một thằng hèn, một tên ngốc cứ lẽo đẽo theo Kiều hoài. Yêu như thế để được gì, làm gì không biết.

Cô nhìn lơ đãng vào khoảng không, cố tránh đôi mắt sóng sánh hoe đỏ của Lâm:

- Chuyện ngày xưa bây giờ lại càng... xa xưa nữa. Kiều lại có chồng và con cái dầm dề nữa, anh không thấy sao.

Lâm ôm đầu bứt rứt:

- Nhưng Kiều còn mắc nợ anh nhiều lắm, Kiều biết không.

Nào là những đêm mất ngủ, những ngày không muốn sống... Gặp Kiều nếu không đòi nợ được, chắc anh sẽ chết không nhắm mắt.

- Kiều có bao giờ hứa hẹn gì với anh đâu. Xung quanh anh thiếu gì đàn bà xinh đẹp và hay ho gấp triệu lần Kiều, sao anh cứ tự làm khổ mình chi vậy.

- Anh cũng đã thử quên Kiều rồi đó chứ. Vậy mà không được. Từ đổ vỡ này đến đổ vỡ khác, anh nhận ra một điều là không ai có thể thay thế được Kiều, là Kiều và chỉ có Kiều mà thôi.

- Anh chọn lầm đối tượng để yêu rồi, anh không biết sao.

- Tình yêu đâu phải là một món hàng để mình có thể hoàn lại khổ chủ, một khi không được ưng ý. Anh yêu Kiều, đó là một điều dĩ lỡ nhưng tuyệt nhiên không thể hoàn trả lại. Tình yêu chọn anh chứ thật ra anh chẳng có một sự lựa chọn nào khi yêu cả.

Bỗng nhiên cô nhìn Lâm đăm đăm, tự hỏi tại sao ngày xưa cô không yêu Lâm nhỉ. Lâm cao ráo, mặt mày khá kháu khỉnh, ăn nói cũng rất có bài bản, con nhà giàu nhưng lại không lêu lổng ham chơi. Như thế cũng đủ phải lòng nhiều cô rồi đấy, nhưng tại sao không có cô? Dạo gặp Lâm, cô cũng chưa yêu ai cả nên không thể bảo là Lâm đến không đúng lúc. Chưa yêu ai nhưng biết chắc người đó sẽ không phải là Lâm. Những rung cảm trật đường rầy nào đó khiến cô dù không ghét Lâm nhưng cũng không thể yêu Lâm. Thật ra không ai nỡ ghét một người chỉ có tội yêu mình quá lắm. Bây giờ ở tuổi trên bốn mươi, cô nhận ra một điều: Không yêu là không yêu, không thể mặc cả được một điều gì hết. Ở lứa tuổi bắt đầu khó thương và tuột dốc này, liệu trái tim của cô có còn đập những điệu cuồng điên như ở tuổi thanh xuân? Làm sao Lâm có thể níu áo cô, bắt cô đền bù tuổi thanh xuân cho anh khi cô cũng đang sạch dần những xuân xanh? Gặp lại anh, lòng cô còn băng tuyết hơn thuở ấy. Ở tuổi không còn trẻ nữa, cô dễ trở thành người tỉnh táo. Khi người ta tỉnh táo, người ta không thể chỉ thấy có mỗi tình yêu (nếu có) của hai người. Cô nói như van xin:

- Kiều tưởng tượng anh đang nói với một ai khác. Kiều là cục đá, anh biết không, và cũng đâu còn gì xứng đáng với tình yêu đặc biệt của anh.

Giọng Lâm vẫn mê sảng:

- Nhưng liệu tôi còn có một đời khác để sống và để yêu em không chớ. Kiều nói đi. Không, dĩ nhiên là không rồi. Vậy thì hãy cho tôi yêu em ở cuộc đời này, nghe Kiều.

Cô lãng vội ánh mắt ngây dại của Lâm. Lại thoáng thấy đôi môi người đàn ông quả mọng và ướt đỏ một cách mời gọi ham hố. Cô càng lắp bắp khi dường như đôi môi ấy hé ra, chực chờ một điều gì

ghê gớm phủ chụp xuống:

- Anh Lâm... quên Kiều đi. Mai Kiều đi là mọi sự sẽ phải trở về như cũ mà thôi.

Tình yêu đã đốn gục Lâm thật sao? Đầu Lâm rủ xuống, hai tay bụm lấy mặt. Cô nghe tiếng Lâm lạc đi:

- Thôi Kiều đi đâu thì đi nhanh lên, nhất là cũng đừng bao giờ trở lại thành phố này để tôi khỏi phải nhìn thấy em và bất lực thêm một lần nào nữa. Điều này hoàn toàn không công bằng cho tôi, em thấy không.

Thật ra lòng cô cũng rối bù như mớ bòng bong. Cô nghĩ cuộc đời cũng chẳng có gì vui. Cô nói như nhủ thầm với chính cô:

- Sự công bằng đời nào nằm trong tay số phận. Hãy nghĩ như thế để... sống.

Lâm sực cười ngất:

- Và cũng để chết. Có điều tôi muốn chết cùng em, và số phận. Đơn giản thế thôi.

Lâm nói trơn tru như môi lưỡi có dính dầu, nhưng lại làm cô sợ hãi như bị rắn trườn vào chốn thâm u của mình.

Mọi chuyện không thể đơn giản như Lâm bảo. Cô lại không cả tin vào số phận, nhưng vốn rất tin vào giác quan thứ sáu của đàn bà. Tiếc là mọi linh cảm trong cô khó cứu vãn nổi hai mắt bi lụy muôn đời của Lâm. Hai mắt đỏ rực như hai viên than hầm sẵn sàng đốt cháy cô bất cứ lúc nào. Nhưng cô thì làm sao cháy được. Cả toàn người cô là một khối băng miền bắc cực. Đã qua rồi những cảm nhận rung động đến bấn loạn tứ chi, đẫm đìa ngõ ngách và bay cao thật cao. Ngất. Cô bây giờ sao thế. Đàn ông (kể cả người chồng nghiêm túc) đã không còn yêu cô nữa, nên cô cũng không còn mệt vì yêu. Không ai thèm vô lễ, hỗn hào với cô như Lâm. Tình yêu làm con người dễ trở thành phàm phu tục tử. Nhưng liệu Lâm có quyền nhân danh tình yêu để cưỡng hiếp cô chăng. Còn cô, cô phải nhân danh điều gì (người đàn bà ở thế kỷ 21, đạo đức thật cóc cần đạo đức giả, niềm trắc ẩn, đời sống ngắn ngủi...) để an nhiên cắm cái sừng "hiện sinh" lên thứ tình yêu cao thượng (l'amour platonique) của chồng cô? Cô vẫn gọi đùa đó là tình yêu vào mùa chay tịnh và đó là một lối bông đùa có phần cay đắng.

Đôi khi cô tự nghĩ cô vẫn còn khá trẻ, thì cuộc đời không lý do gì có thể tước đoạt hết cả tấm lòng ham sống nơi cô. Mượn thuốc ngủ để xuyên qua bình yên bóng tối đêm dài, thay vì những cử chỉ tìm kiếm rạo rực trong vòng tay đàn ông là lời nguyền độc ác của những ai đã sạch nhẵn thanh xuân, cạn ráo tình yêu. Còn cô, cứ nhìn vào vũng

mắt tham lam của bọn đàn ông thì biết. Chắc là cô chưa hết thời đâu, vì xem chừng họ vẫn còn muốn nuốt chửng , soi ngắm, xấc láo với cô lắm. Thì đành rằng như thế! Nhưng mà Lâm không những quá quắt trong ánh mắt mà còn trong từng nhịp thở cuống cuồng, cơ hồ muốn ăn đứt cả hơi thở của cô. Cô loay hoay không biết mình phải bám víu vào tay áo của thiên thần hay ác quỷ để thoát hiểm.

Giữa những hoang mang ấy, Lâm trườn tới và quì mọp dưới chân cô. Người đàn ông gục mặt xuống vùng huyệt sâu của cô, rồi khóc tội tình như đứa bé vòi kẹo. Cô bỗng nhảy dựng lên, như thể nơi chốn ấy không bao giờ là chỗ trú an toàn cho những thống khổ của anh:

- Trời ơi, anh làm cái gì vậy. Kỳ cục quá đi.

Không ngờ cú nhảy ấy làm Lâm mất đà ngã dụi xuống. Đầu Lâm đập vào tường dội lại tiếng động nẩy người. Cô thu mình lại trong một góc nhỏ cuối phòng, lấm lét chờ phải đối đầu với những dở chứng của Lâm.

Lâm nằm ôm đầu khá lâu rồi cũng bật dậy như cái lò xo. Cô ngồi bó gối, cố giữ im lặng để nhận chìm những ám ảnh bất lực trong anh.

Sau đó Lâm lết lại gần cô nhăn nhó có pha chút giả tạo:

- Kiều làm anh bể đầu rồi. Không chừng lát nữa anh nổi điên lên cho xem.

Giọng cô vừa xa xăm vừa xa lạ:

- Anh Lâm, Kiều chỉ muốn giữ mãi những điều gì thật đẹp...

Lâm lại cười khan:

- Những điều gì thật đẹp mà Kiều đang nói đến chỉ là những cái giả dối, biết không. Tôi cần sống thực với lòng mình. Tôi không phải là thần thánh, vả lại chắc gì thần thánh biết yêu và dám yêu như tôi phải không em?

Lâm hốt hoảng cúi xuống tràn ngập, tới tấp, hồ đồ trên môi cô. Lâm làm như nếu không kịp hôn cô, ngày giờ tận thế sẽ đến và cướp mất của anh cái cơ hội, những giây phút thiêng liêng ấy. Phần cô, cô ngỡ ngàng trong cảm giác bị vần vũ trong bão táp. Cô như chiếc lá bất ngờ bị cuốn phăng đi, không kháng cự nổi. Cô bị đảo lộn. Mùi đàn ông ngây ngây và cách bày tỏ kỳ lạ.

Lâm nói như ra lệnh:

- Em không được chống cự. Em làm ơn không được chống cự. Hãy nhận chịu, nếu không muốn đón nhận.

Cô nói không ra lời:

- Sao... sao bắt Kiều nhận... chịu? Kiều đã nói...

- Vì em sẽ làm tôi nổi điên lên. Không chừng tôi sẽ giết em, làm tình với xác-chết-em một hai lần rồi tôi sẽ giết tôi luôn thể.

- Anh kinh khủng thật. Anh làm Kiều sợ.

- Tình yêu của tôi dành cho em quá mạnh, quá dứt khoát đến nỗi em có khinh bỉ, khước từ, đùa cợt vẫn không thể làm cho nó nên tầm thường, suy giảm đi được. Em biết không.

-Trời ơi, anh điên quá rồi. Sao ác với Kiều như thế chứ. Cái chết...

- Phải, nhưng Kiều không ngủ với đất cát một mình đâu. Chúng ta rồi sẽ cùng nhau tiêu tán đi.

Lâm cười bí ẩn, nâng khuôn mặt cô, lấy tay di động khẽ khàng lên từng phân vuông thịt da, chạy dọc xuống cổ ra ót, rồi dần xuống sóng lưng cô. Cô giật bắn người đúng lúc Lâm lột bung chiếc áo ngủ của cô:

-Xin lỗi em, tôi phải làm vậy. Tuyệt lắm. Em không mặc coóc-xê.

Cô đưa tay đan chéo bầu ngực:

- Anh không thể làm vậy. Người ta lại đang có tang mẹ và nhất là...

- Mẹ Kiều mất, Kiều để tang đã đành. Còn tôi sao bắt phải để tang cho người sống suốt một đời? Thôi được, ngày mai tôi sẽ đem hương hoa ra thăm mộ mẹ. Thể nào bà cũng tha thứ cho thằng rể hụt bất hạnh, khốn nạn này.

Cô vụt đứng dậy, vô tình lại thuận tầm tay thô bạo của Lâm: chiếc quần lót bị dục vọng tuột phăng ngay.

Lâm níu chặt hai chân cô, nói trong những mụ mị choáng váng:

- Yên nghe em. Đừng la hét, nói năng nột điều gì nữa. Anh không muốn phải dùng còng số 8. Một lần rồi thôi, anh sẽ ngàn đời nhớ ơn em. Thế thôi.

Mọi sự rồi cũng phải xảy ra và xảy ra chóng vánh, như trong khoảnh khắc cô biến thành bức tượng khỏa thân trước mắt Lâm, như cô là sinh vật duy nhất còn lại trong vũ trụ này và nỗi khát khao diễm tuyệt của người đàn ông là sự tích lủy lâu ngày chỉ chực vỡ bùng ra, tràn trề sinh lực của bất tận thanh xuân.

Cô khóc và nói như van lơn:

- Anh về ngay bây giờ cho người ta đi tắm. Về và có đập vỡ cả một trăm tấm gương cũng đừng hòng thoát được cái bản mặt đốn mạt của mình.

Lâm gào lên trước khi chạy ào ra cửa như một tên điên:

- Xin lỗi em, rồi Chúa cũng sẽ tha thứ. Làm thánh thần mà chi cho buồn, không ham. Làm ma làm quỷ để được yêu em, vui hơn nhiều.

*

Cô thiếp mê ngay sau đó không biết bao lâu. Đêm cuối với Nha Trang vậy là không có lời giã từ nào cho biển đêm như thầm hứa. Hình như Lâm đã đến, phá hỏng dự định ấy và cả luôn cô nữa. Những ngọn gió đêm thì vẫn mang những lời ru xa của sóng chạy quanh chỗ cô nằm. Cô bừng ra khi từng luồng, từng luồng ánh sáng bàng bạc nhã khắp người. Cô dụi mắt, quay nhanh về phía những ô cửa. Lập tức những chùm ánh sáng lạnh lẽo ấy biến sâu vào đêm. Trên trời không một vầng trăng. Cô biết rằng đêm đã quá khuya. Và cô cũng biết rằng bóng dáng của mẹ cô đang lơ lửng ở trên cao: "Vào ngủ đi, khuya rồi còn ra lan can kiếm ai nữa". Cô khóc tấm tức, trong khi mẹ cô cười nắc nẻ, để lộ hàm răng trắng rợn: "Mẹ ở trên này nhìn xuống thấy ai cũng nhỏ như kiến mới ngộ chứ." Cô gọi nhỏ: "Mẹ ơi" và bỗng thấy rùng mình. "Vào ngủ đi con nhé. Chúa đã bảo: nếu ai không có tội thì hãy ném đá... và cuối cùng ai cũng bỏ đi cả", mẹ cô nói rất rõ từng tiếng một, nhưng người cô váng vất, bàng hoàng khiến cô hình như không hiểu gì cả. Rồi gió luồng lên táo tợn, lồng lộn cả bốn phía làm cô ớn lạnh. Cô biến nhanh vào phòng, lại nghe những tiếng đá đập từ những bờ tường trắng bệch. Cùng với những tiếng nện liên hồi ấy là mùi hương sứ trắng ở những hàng cây ngã ngớn gần biển. Cô ngạc nhiên nhận ra những đóa hoa hồng của Lâm mới tặng đã gục chết héo hắt, thay vào đó là những chùm hoa sứ nở bùng ra như những môi cười của tuyết. Cô nhắm mắt, cố bịt tai thì lại vẳng ra thêm tiếng thở dài rên rỉ thê thảm lạnh lẽo nào đó. Cô càng van xin, hồn ma bóng quế ở đâu đâu lại càng tạt về trêu chọc cô thêm. Cô bắt đầu toát mồ hôi trán. Người cô lại hâm hấp như muốn bệnh. Cô gọi điện thoại xuống khách sạn thì chỉ nghe những tín hiệu "u... u..." như tiếng gió thổi từ vực sâu. Cô định cầu cứu bất cứ một người nào đó, kể cả Lâm nhưng sau đó tay cô lại nặng như bị treo đá. Cô chỉ kịp ngã xuống giường, nghe cơn sốt đang lan dần trên từng đường gân thớ thịt. Một lúc, không biết là bao lâu và giữa khoảng khắc mê man ấy, cô nhân viên của khách sạn tự động mở cửa bước vào:

- Gớm, chị ngủ gì mê quá. Nhờ khách sạn gọi đánh thức kẻo trễ máy bay, mà chả chịu cầm máy lên gì cả.

Cô ú ớ:

- Ủa, mấy giờ rồi vậy?

- Mới 6 giờ sáng thôi, nhưng hình như chị còn phải dậy tắm rửa sửa soạn và ăn sáng nữa phải không?

- Tôi mệt quá. Đầu nhức bưng bưng. À, tôi nhớ ra rồi. Những chùm hoa sứ của tôi biến đi đâu mất vậy.

Cô nhân viên đảo nhanh mắt tìm kiếm, rồi vụt cười man rợ như chợt khám phá điều gì thích thú:

- Em đem đi phơi khô mất tiêu rồi. Bông sứ khô nghe nói trị được bệnh cao máu chị biết không.

Cô bỗng nhăn mặt:

- Không, tôi không biết. Tôi không biết gì cả. Tôi chỉ muốn quên. Quên tôi và ngày tháng, và đêm qua.

Cô nhân viên ngớ ngẩn một hồi rồi đâm ra thân thiện kể lể:

- Chị đừng khiếp sợ quá, không sao đâu. Em nói thật nha vì bề gì hôm nay chị cũng đi rồi. Căn phòng này mới đây có một cặp vợ chồng từ Mỹ về mướn ở du dương cả tuần. Cô ấy mê bông sứ trắng lắm, ngày nào cũng đi hái trộm ở những hàng cây dọc biển. Ông chồng mới chắp nối của cô ấy sau đó vì ghen ngược với bồ cũ của cô ta, bèn xuống nhà bếp của khách sạn mượn con dao phay. Cuối cùng cô ấy bị chém không biết bao nhiêu nhát ở trong phòng này đó chị. Một người chết, một người bị tù cũng đòi bị xử tử cho rồi.

Cô ôm mặt:

- Trời ơi ghê quá, sao kể cho chị nghe làm chi.

- Chị đừng nói cho ai nghe hết. Coi chừng em bị đuổi.

Cô im lặng, khẽ run người mấy cái. Đêm qua ma quỉ và loài người đã ở chung với nhau, có phải? Còn thánh thần liệu có ghé mắt xuống để thấy trần gian hay địa ngục đôi khi cũng chỉ một. Sao cô không chỉ là một con kiến, cứ vẩn vơ bò quanh những bờ tường mà không phải thắc mắc, tự hỏi một điều gì cả. Cô sẽ không còn bực mình nhận ra sự sống có lắm điều phi lý, và mỗi ngày qua là mỗi ngày con người càng cảm thấy lạ lẫm với chính mình. Lạ cả chùm bông sứ trắng. Lạ cả những tiếng búa bổ, tiếng đá đập từng hồi trong đêm... Và bây giờ thì cô đang lạ với chính đôi mắt mình trong gương soi trước khi ra phi trường. Hai mắt ướt nào xin gởi lại phố biển để hồn cô khi trở lại Mỹ chỉ còn là một bãi tha ma vắng lạnh.

Nhưng cô không trở về Mỹ trống trải tay không. Cô đã gởi trả lại hết, sao tất cả không thể rớt rơi hết. Gần hơn hai tháng sau con bệnh cứ thi nhau đuổi bắt cô. Đêm khuya cô thường bị dí bẹp xuống những cơn dị mộng. Một buổi tối cô lên cơn sốt nặng và thốc cả người đến mấy

lần. Khi cô dần đà ngửi thấy mùi ê-te của bệnh viện cũng là lúc cô nghe loáng thoáng giọng nói của bà bác sĩ trực:

- Ông là chồng của cô ấy phải không. Chúc mừng nhé. Tưởng gì hóa ra cô ấy chỉ bị cái thai trong bụng hành.

Chồng cô ú ớ như đang gặp cơn mộng dữ:

- Bà nói sao? Tôi đã cột ống dẫn tinh rồi mà.

- Thật sao?

- Bà biết không... Cô ấy mới ở Việt Nam về. Việt nam hay có cái màn bùa ngải này nọ. Không biết cô ấy có bị ai "thư" như ếm một cái trứng vô bụng của cô ta chẳng hạn. Trời ơi... làm sao đây.

Rõ ràng là một giọng nói đầy đau đớn, vừa nhận lãnh vừa chịu đựng. Hệt như cô đêm nào với tiếng thở gấp rút, hổn hển của Lâm. Có phải trong chịu đựng nào cũng có nhận lãnh. Lâm đã ăn cô như ăn một viên kẹo đẫm đầy bùa mê. Nói một cách khác, Lâm đã yêu, đã cưỡng hiếp cô tận tình, tận tuyệt và tuyệt vọng. Cô giật mình mường tượng ra hai bàn tay bất lực níu chặt đầu giường. Và cũng có phải, chính hai bàn tay ấy đã có lúc run rẩy thả xuống không ngờ trên lưng người đàn ông.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH





PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
đá thủy chung

1-Gió luồn qua rừng thông, uốn lượn những chùm tiếng rì rào qua lớp lớp đỉnh xanh, vi vút loang tỏa trên những con đường vắng vòng quanh các vùng đồi, rồi thong thả phả nhẹ lời thở than sau cùng xuống ngôi nhà nhỏ. *Đêm đêm nằm nghe gió than van chút niềm đau ngọt ngào**...

Tuy vẫn mở bừng mắt khá lâu trước giờ chuông báo thức, nhưng hôm nay tôi nghe như những đợt gió bình minh qua sớm hơn mọi khi. Và không thấy tia sáng nào đến từ khung cửa sổ khép hờ. Gió vẫn thổi bay mặt trời, mang theo cả chim chóc trong vườn. Trong nhà cũng không còn ai, những đứa con bắt đầu vào đời, Kiên làm lại cuộc đời mình, một chỗ khác.

Tôi chán nản khi nghe tôi bắt đầu ngày bằng một tổng kết. Nơi này đã như thế từ lâu. Trước cả lúc Kiên và tôi chẳng còn gì để nói với nhau một cách bình thường. Và càng thinh không hơn nữa từ khi đôi bên buộc lòng hình thức hoá chuyện xa nhau. Luật sư và điện thư luân

phiên phát biểu qua giấy tờ và quang mạch. Mọi vấn đề tuần tự được giải quyết êm thắm. Như chưa hề có một nếp gấp, như chưa bao giờ gặp một nẻo đường khúc mắc trong suốt hai mươi lăm năm đời chung. Như nơi chốn này.

Nơi bốn mùa lặng lẽ âm u, xa biển nhưng lắm đụn cát trắng với nhiều ốc sò hóa thạch, xa núi nhưng lởm chởm gò đống đá vôi, gần phố thị ồn ào mà đồi thông đôi ba chục mộ. Điểm sống nhỏ thoi thóp trong đám quạ đen nín lặng lượn quanh vài nóc chuông nhà thờ. Ngày đêm gió đại dương xoay tròn hơi nước mặn, xô đẩy những mảng mây mọng nước đong đưa trên những mái nhà cũ kĩ, đem về luân phiên mưa giông, mưa bụi và mãi mãi mưa phùn. Suốt năm mưa phùn. Thứ mưa phùn hoài cổ... Một cổ tích từ nguyên thủy đến tận bây giờ. Một vùng thời tiết quá bé nhỏ để vệ tinh có thể nhìn thấy được, đã chồng chất bao tầng địa chất vẫn chưa thấy mặt trời thương hại quét cho một nhánh sáng tàn mùa, cuối thiên kỉ. Một thung lũng của lãng quên và lãnh đạm, cho mưa gió và thời gian tràn về lắng đọng. Thì phiền muộn làm chi ?

Mấy hôm trước, chị Thương nhắn trong điện thoại, giọng nhung mềm : Về đây cúng giao thừa với má và chị. Đời hãy còn vui vẻ lắm.

Tôi viết vào máy điện toán : Chỗ này dư sức vui như Tết, dù từ mươi năm nay, hơn một nửa dân làng lần lượt bỏ đi. Người đi phụ bạc ? Chỉ nên biết rằng kẻ ở, làm lính gác đền, là tình nhân đời đời thủy chung, trước sau như một. Chỉ nên trước sau như một với tình.

Máy thì thào kiên quyết : Má nói em cứ lung tung, hết thời kì không tưởng lại đến giai đoạn lí tưởng, hãy về với trần gian thực tại. Má dọn bàn thờ, sửa soạn nhang đèn, mâm quả. Chị đã cắt lá, ngâm nếp vân vân. Có em má sẽ khuây khỏa, quên buồn...vân vân và vân vân.

Trời đất hỡi, tưởng như má nói chứ không phải chị nói.

Mỗi năm vào muà hoa tuyết về bên này là bên kia biển Thái Bình, má tôi bỗng ngọ nguậy sống dậy, đôi ba ngày bà đưa hồn về thăm chốn cũ. Không gian nhỏ chị Thương và màn ảnh tôi tràn ngập những chuyến đi về hớn hở, vui vẻ, buồn rầu. Bà say sưa nhắc nhở, kể lể miên man. Những bóng hình tuổi xanh, càng lúc càng xanh...Những truyện kể đường thiên lí. Những chú A, bác B, những cô C, chị D...cho đến ông X, bà Y...những năm Thìn, năm Thân, năm Dậu, những trận Đức Hoà, Đức Huệ...Những bóng hình thiên cổ. Những đời người quá sức đẹp đẽ, cực kì ngây ngô, tuyệt đỉnh trái oan hay tức tưởi tầm thường, nhưng tất cả vô cùng xa xôi, đến nỗi như chưa hề có thật.

Từ mười năm nay chị Thương về sống với má. Tôi được hai bông

hồng cài áo vào dịp lễ Vu lan. Và vô số những điệp khúc, những nhịp đời phải nhớ, những hoang đường, truyền thuyết không được quên.

Ôi những điệp khúc, những nhịp đời...tới một lúc nào đó chợt mang mặt nạ dữ dằn, lãnh đạm, vô tình. Tôi thuận tay ngắt một chút xa lạ và vô tình, gửi đi.

« Bên này mời mọc tổ tiên, bên kia cũng cúng thỉnh ông bà. Cách một vài đại dương, thân nhân thế nào cũng ít nhiều bối rối...Tội chưa ? Phải phân thân, phải đáp phi thuyền voyager, ariane, mir, đi máy bay concorde, hay cỡi cá kình cá voi cá nược? Và hội ngộ trong im lặng.

Những kẻ đang khai quật hầm mộ, tìm xác người ở Srebrenieca, ở Rwanda, tìm bắt kẻ thù nhân loại cho tòa án La Haye, người xuống đường đòi nhân quyền giùm người khác v..v..mới đích thị người không tưởng. Những kẻ biểu tình đòi lên lương, đòi nạo thai trễ hơn luật định, đòi cưới người cùng giống, đòi về hưu vào tuổi 55, 60 v..v.. mới quả thật người vô lượng vật chất và thực tế.

Hoan hô những đám đông âm thầm, những anh hùng im tiếng, trọn đời miệt mài lao động, đả đảo Táo quân và Tiên Tổ (dù) mỗi năm được nhắc nhở (chỉ) một lần ».

Hồi quang là quả báo nhãn tiền ?

Chị Thương gọi điện lúc hai giờ đêm, giọng khô buồn một nỗi *ultimatum* : Má nói tục lệ giao thừa, Tết nhất nhắc nhớ những người chết, nhưng đúng hơn nhằm nhắn nhủ những người sống. Thật ra, mày biết thừa : chẳng còn biên giới, khoảng cách. Ở ngay bên trong, tại chỗ. Nhưng cần nhớ thật đầy và cảm nghĩ sâu lắng, tận cùng. Về không thì nói !

Chị là má tôi rồi đó. Cộng thêm một chút xao xuyến và bí ẩn, triết lí tất niên. Phải nhớ thật đầy, cảm thật sâu ?. Tôi ậm ừ, gác máy.

Nhắn qua và viết lại, dần dà mây mù cumulus cũng đọng lại trong những khối vuông tròn cuối cùng nối liền nơi này và thế giới. Court circuit. Cháy/mát dây là kết quả tức thì : tối hôm qua, vừa gửi đi những lời chúc Tết muộn, màn ảnh chiếc máy điện toán trong phòng làm việc bỗng tắt ngấm. Sáng nay tôi không còn nghe vọng lên từ nhà dưới những âm ba u u đều đặn thoáng gợn bỗng trầm của máy. Chỉ còn tiếng gió ảm đạm, trung thành.

Khuây khoả ? Chị Thương nói như Kiên đã viết trong tấm thiệp Tết. Chị muốn kiêm thêm một vai nữa. Kiêm nhiệm đủ thứ chức, tưởng rằng nhiều mời gọi quyến rủ, lắm hứa hẹn uy quyền, nhưng chị có biết đấy cũng là một kiểu trốn chạy về phía trước ?.

A, chị em nhà này quả đúng là chị em ruột hoặc triết lí cuối mùa là bệnh hay lây ? Tôi nhớ đến tấm thiệp còn tươi nét mực trong gói

quà nhỏ đặt trên chiếc thùng Kiên lôi xuống từ cái kho chứa đồ cũ dưới mái nhà. Có lẽ Kiên về hôm qua lúc tôi đi vắng, có lẽ Kiên chia soạn, nhằm thủ tiêu nốt cho tôi những kỉ vật sống sót, xóa đi những thương hận sau cùng? Hay Kiên muốn tôi lựa chọn, giữ lại những vui buồn êm đẹp nào đó?. Người tưởng chừng như đã quên mà người cứ muốn tôi nhớ? Có lẽ chút lòng từ bi nhóm lên trong Kiên, vào/vì ngày cuối năm?

Còn tôi ? Nhớ nhung, thất vọng nghe như sờ chạm được, mà ở đó cứ *tưởng chừng* với *có lẽ !*

Tôi bực bội dựng cổ mình ngồi dậy.

*T*ắm xong, trang điểm thật kĩ lưỡng, mặc vào chiếc áo dài nhung xanh thẩm màu đại dương, tôi ngắm mình trong gương và hỏi bóng : *khuây khỏa* chưa hả mày ?

Chắc là chưa nên tôi đóng sầm cửa phòng, mò mẫm xuống cầu thang. Điện vẫn chưa trở lại, nếu có Kiên ở nhà, chắc ánh sáng đã tái lập. Nhưng tôi biết tôi giận tôi vì những phút giây «trau tria mảnh má hồng», *vừa mất lòng tôi* mà *sẽ chẳng đặng bụng chồng.* Cái bụng đã hai lòng. Không, hai tim. Không, đã thay tim.

Tôi trước sau như một ?. Thật ra lúc đầu tưởng rằng mình trước sau như một, dần dà thấm thía, sáng nay thấm thía suy ra rằng hai mươi lăm năm sau tôi không còn là tôi. Kiên đã nhìn ra điều đó. Chỉ Kiên mới đích thị thuỷ chung, Kiên đã đi tìm và tìm lại được (ai như là) tôi xưa. Sống lại thuở xuân thì. Các báo tiếng Việt ở Paris đăng đầy những lời chúc mừng đám cưới Trung Kiên, nam đại thi sĩ Paris xưa và nữ họa sĩ trẻ số một Sài Gòn nay. Cưới xong thế nào cũng được RFI với BBC xin một bài thơ tình. Ở Sydney hay phố Bolsa thì hẳn sẽ lên đài truyền hình Việt Nam khoe vợ mới !

Vậy thì lớp phấn son kia làm gì hở mi? Dở quá. Kiên trước sau chỉ có một trái tim. Một trái tim lúc nào cũng nồng nàn sôi nổi, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp, và không bao giờ để nắng mưa vớ vẩn hay thứ thời gian vô hình, vô tích sự đến lấn chiếm, quấy nhiễu, làm nhăn da, trắng tóc.

Hồn hề hồn hề hồ bất quy
Đông tây nam bắc vô sở y
Thượng thiên hạ địa giai bất khả
Bolsa lộ[1] trung lai hà vi ?

...

A, qua khỏi mùa xuân, phải nhớ chép mấy câu thơ Tố Như gửi tặng chị Thương. Cam đoan hạ về mới lại phải nghe tiếng chị.

Thắp những cây nhang trên tủ thờ, tôi khấn vái máy móc, đầu óc

hỗn mang những ý nghĩ náo loạn và đành đoạn. Cho tôi. Dở òm. Lại ghen tương vớ vẩn. Nhưng thôi, xong bổn phận !

Trên bàn phòng khách, từ bao giờ chiếc thùng đã tự mở bung nắp hất tờ giấy xuân xuống đất. Tôi chẳng đặng đừng đọc lần nữa dòng chữ cuối trong tấm thiệp in lại bức tranh hoa cúc của Monet, thoáng cảm động vì Kiên đã chọn một họa sĩ phe ấn tượng :

...đi du lịch cho khuây khoả. Chúc em nhiều may mắn và hạnh phúc. K.

Xì ! Đôi lúc Kiên cũng absurde như K. thứ thiệt. Mà tôi, khi thức dậy thấy mình hoá thân thành non K. *Không* K. *Thiếu* K. Như bắt đầu một căn bệnh trầm kha, mạn tính.

Tôi mở cửa sổ, phóng tấm thiệp ra vườn, ném lần lượt những thứ vô tội vạ nhưng lỡ nằm trong tầm tay giận dữ ; cả gói quà cũng lăn đến tận gốc táo gần cửa cổng. Gió lạnh ào vào. Mặc kệ, tôi phóng hết ra ngoài : bay đi cho khuất mắt !. Con mắt ướt đầm. Mà tại sao con mắt ướt đầm ? Chi vậy ?

Búp bê, lính gác, bộ sưu tập các quả cầu pha lê chứa những thủ đô thế giới trong mùa tuyết, những chai nước hoa... Những thứ lặt vặt lũ trẻ đã mua trong những chuyến đi chơi xa. Quà Kiên vào những lần sinh nhật cho tôi, tôi của ngày xưa.

Chạm đến đáy thùng, bàn tay lạnh cóng bỗng hóa mềm, trái tim dịu lại, ấm áp, vỗ về. Cớ sao buồn bã vì thiếu người nối mạch điện ? Thật vô lí, vô duyên. *Khi cơn đau chưa dài, thì tình như chút nắng...*

Đó là bức tranh màu nước, Nga vẽ mùa đông đang qua sau lưng nhà trọ sinh viên thuở ấy. *Tháng giêng năm 1972.* Chữ của Nga vẫn rõ nét.

2- Đầu tháng giêng mùa đông năm ấy, tuyết rơi nhiều, lớp lớp liên tục suốt ngày thứ sáu, phủ dầy bãi cỏ hoang bên hông cư xá sinh viên. Thứ bảy chở nắng sáng trong suốt màu vàng champagne đến từ sau lưng hàng cây bạch dương trơ cành, hắt những gợn sóng xanh lất lay xuống thảm tuyết. Nga trỏ những lõm tròn đều đặn, dấu chân song song của hai đứa hôm qua:

- Như những dòng nhạc. Khúc mùa đông...

Dạo đó chúng tôi bỏ làm thơ, viết báo, nhảy qua học đàn, tây ban cầm và mandoline. Đứt bao nhiêu dây đồng và làm điếc vô số bạn đồng trọ mà mèo (quào) vẫn hoàn miu (gào). Nga chán nản, rủ tôi dán giấy ở trường và quán ăn, tuyên bố bán rẻ hai cây đàn. Chỉ hai hôm,

giấy được bóc đi. Nga xoa tay hỏi tôi và Bạch :

- Sửa soạn bụng đi, mấy em ! Tụi mày muốn ăn gì ?

Bạch nhõng nhẽo :

-Tết đến tao thèm ăn thịt gà nấu kiểu Việt Nam. Kiểu gì cũng đặng.

Chiều hôm đó Nga và tôi nai nịt mũ mãng giày ống băng tuyết đồng hoang bò ra cái siêu thị Prisunic cách cư xá vài dãy nhà. Vác về con gà với một mớ hành tỏi rau cải.

Sáng thứ bảy, Bạch đem xuống chai Chanel số 5 hiệu Chip Long, thứ nước mắm duy nhất của thời ấy, nhỏ choắt và đắt bằng một tuần lễ ăn quán ăn sinh viên, chỉ được bày bán trong cửa hàng Printemps. Bạch trốn mất sau khi nói tao không giỏi làm bếp. Làm như Nga và tôi đã tốt nghiệp trường đại học nữ công gia chánh tại Sài Gòn trước khi sang Pháp.

Con gà đã trụi lông, mập mạp, da nổi gai, trần trùng trục một màu vàng bắp, bụng trống rỗng, không đầu, không móng, nằm ỳ trên dĩa, phơi phao câu chờ đợi. Con gà đầu tiên và cuối cùng trong cuộc đời du học.

Nga nói : dễ ợt, mày chặt gà, bỏ vào xoong một lượt với rau cải mắm muối hành tỏi, nấu nửa giờ mình ăn được.

Một lát, tôi kêu cứu : tao mới cho mắm muối rau cải, nồi đã đầy nhóc rồi mày !

Nga tặc lưỡi *débrouille-toi* - mày liệu lấy - ê nhỏ !, nồi đầy nhưng nấu một chốc sẽ bay bớt chất lỏng, thức nào cũng chứa hơn năm chục phần trăm nước, bài học tuần qua, đã quên rồi sao ?. Cứ lần lượt mà cho vào nồi. Ngốc ơi ! không có tao tụi mày sẽ chết đói !

Nói xong, nó cười hi hi đến ngồi bên cửa sổ hí hoáy : vẽ mùa đông, coi bộ có lí hơn.

Nga có tài vẽ, nó vẽ tuyệt đẹp. Ngay đến giờ thực tập trong trường, các hình vẽ rận rệp, bò chét, muỗi, mòng, chí mén, chí đực hay tế bào thực vật, thạch chỉ địa chất của nó còn được cao điểm nhất đám kể luôn tây đầm.

Trên đời người trổ nhánh hoang vu* ...

Giọng Nga trong nhẹ, mềm. Nó hát cũng hay thần sầu. Ai lỡ nghe, tự đông cởi bỏ áo giáp. Ráng chịu.

Một lát, ngoảng lại thấy tôi đầy vẻ tủi thân, tay dao tay nĩa đứng tần ngần trước con gà, Nga ngưng hát, ra vẻ ngây thơ :

- Chưa nấu chưa chín, mà mày đã sửa soạn ăn hả nhỏ kia ?

- Ừ, đang bắt chước đồng bào thiểu số, nói với vong linh con gà, cám ơn mày giúp bọn tao sống sót hôm nay.

Rồi cũng đành, tôi hì hục với bộ đồ nghề « mượn tạm » của

quán ăn sinh viên. Con dao dở không thể tưởng tượng được, chắc cả đời nó chỉ biết xắn vào thịt chín. Tùng xẻo gà được vài phút, tôi thở dài thống thiết. Phải chi lúc còn bé, chịu khó nghe lời mẹ dạy. Phải chi đừng chạy biến đi khi nghe gà, cá, tôm cua la hét, dãy dụa trong bàn tay má, trong tiếng dao xoèn xoẹt trên đá mài. Phải chi, chịu khó siêng năng đứng lại nhìn dì, nhìn má thoăn thoắt nhổ lông vịt, lột vỏ tép, lão luyện xắt thịt bò ngược sớ, hớt bọt, nêm ướp thức ăn. Phải chi mình đừng ...bị đi du học.

Nga buông viết chì, bỏ cọ đến dí mũi vào con gà rồi chợt thảng thốt lùi một bước, tờ giấy che một bên mắt, kêu lên :

- Ghê quá mày. Giống như xác người ta ! !

Nó lại cất giọng khánh ly : *Chiều đi lên đồi hoang.**..

Tôi nhìn kĩ. Con gà như tội nhân đang nằm sóng soài, cổ ngoẻo, gối co, hai cánh (tay) dăng ngang van nài xin tha mạng. Bộ ngực nở nang bị khuyết nham nhở hai mảng thịt ức. Một bên đùi co quắp, chỉ còn dính vào thân bằng sợi dây gân màu bạc lòng thòng tôi cứa mãi không đứt, chợt duỗi thẳng như muốn bước ra khỏi dĩa. Hai đứa tôi nhìn nhau kinh hoàng, cùng hét lên, tông cửa nhà bếp chạy ra hành lang.

Và xông thẳng vào một người con trai đang đi trờ tới.

Nga chạm vai người ta, chỉ phải buông rơi tờ giấy vẽ. Tôi đâm sầm cả người vào anh ta. Và cùng lăn quay ra sàn nhà. Một người quen. Đó là Noul Huonmarit.

Bảo quen thì không đúng. Noul và bạn bè thỉnh thoảng chạm mặt bọn tôi tại club ciné, thư viện, hồ bơi... chỉ từ xa nhìn nhau cười cười gật gật, khá ơ hờ nhạt nhẽo. Noul học kinh tế, tụi tôi khoa học nên không lui tới hàng ngày cùng một trường ốc, quán ăn.

Vào hè hay lễ nghỉ, chỉ một quán ăn sinh viên duy nhất mở cửa, rủ nhau đi ăn chung, chúng tôi chiếm hai ba bàn, ồn ào như chợ cá Đa Kao. Trong khi đám Noul hai ba mống, kín đáo, nghiêm trang, (*...vì làm chẳng nên non ?*). Đầu năm học này, Khim Claire, người nữ duy nhất trong đám Noul, bỏ về miền Paris – Claire được bọn con trai Việt Nam bầu làm Thái Kim Hương Cao Miên. Vì nàng cao ráo, sang đẹp, lại học giỏi. Đinh ninh rằng nàng vốn là công chúa, nếu không con cháu vua Sihanouk thì cũng dòng dõi Nặc Nguyên, Nặc Nhuận, tôi nghĩ tìm đâu ra phò mã xứng đáng ở cái tỉnh nhỏ này mà chẳng về Paris? Và đinh ninh nàng đã để lại vài con tim đau khổ !

Thế là tự nhiên mà thành ra để ý đến người ta.

Noul ít nói cười, thoạt nhìn anh có vẻ lầm lì như le bon django Clint Eastwood (trong đám brute với truand thuở ấy) nhưng khi anh cười, gương mặt sáng đẹp ra, bây giờ nhớ lại, tôi thấy phảng phất nét

Keanu Reeves. A, Noul dư sức làm phò mã. Và tôi tự nhủ : ê nhỏ kia, cứ *đinh ninh* nhiều chuyện chắc đời mày sẽ khó khá.

Tôi với Nga hoang mang nghi ngờ, không lẽ Noul thất tình kẻ khác ?. Ừ, hèn chi nửa năm học qua rồi, tao thấy chàng vẫn buồn hiu. Ừ, chúa nhật rồi lại không thấy *chàng* đi ăn.

Noul đỡ tôi đứng dậy rồi tay này ôm tay kia, nhìn tôi vừa cười vừa xin lỗi. Hàm răng trắng bóng, đôi mắt đen, mái tóc đen dày và quăn dài chấm gáy. Da đen dòn. Áo len bó eo màu sẫm, quần ống voi. Rất âm u nhưng dáng dấp thanh niên đúng điệu những năm 70.

Nga quay trở lại, rối rít chào hỏi vừa nói *lỗi tụi tôi chứ*... nó chợt kêu lên một tiếng thất thanh. Máu len theo kẻ ngón tay Noul, nhỏ đôi giọt lên bức tranh dang dở nằm dưới chân Noul. Noul lại xin lỗi và cúi xuống nhặt tờ giấy canson, còn Nga chạy vù về phòng lấy bông băng thuốc đỏ.

Chắc chắn Nga và tôi đều bối rối. Từ hai năm nay đã mấy lần bọn tôi xôn xao vì tin người Miên giết người Việt Nam ở Nam Vang. Hàng trăm xác người trôi sông, cụt đầu, bị mổ bụng. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa phải đem quân vượt biên giới...trả thù và đem tàu bè đưa đồng bào tị nạn về Sài Gòn. Chúng tôi không gây gổ nhau nhưng lạnh nhạt hẳn, đôi lúc chẳng chào khi chạm mặt. Bây giờ thì rõ ràng đụng độ trực diện. Sẵn sàng vũ khí với thịt tươi.

Nga kể chuyện cho Bạch nghe sau đó, kết luận : *Ở đây, bộ hạ Lon Nol chưa kịp « cáp duồn » bọn mình, nhỏ Thi sẵn sàng dao nĩa toan « ăn sống » chàng Noul!*

Vô tình đòi được tí huyết, mặt mũi Nga đã cắt không ra hột máu, đầu óc tay chân tôi rũ liệt. Thử tưởng tượng : nếu cái con dao này không phải gốc gác « RU[2] », và muốn tôi... trả thù dân tộc, đâm trúng ngay vào tim người ta thì ...ra sao, cuộc đời này, cuộc đời tôi ? Ôi, ác mộng giữa ban ngày !

Nhưng Noul vẫn tươi cười, tôi lấy lại ba phần hồn vía, mời Noul vào nhà bếp, chỉ vào con gà, cà lăm cà lặp đổ tội cho nó.

Được băng xong vết thương, Noul trổ tài cắt xén, cứa nhỏ con gà, nấu cho chúng tôi món thịt kho và nói rõ mục đích cuộc thăm viếng rất bất ngờ -cho hai đứa tôi- này. Noul đến mua đàn. Và mua cả guitare lẫn mandoline.

Trong khi Noul thử đàn -bài số 14 trong bí kíp Carulli- Nga và tôi nhìn nhau, hất hàm, mắng nhau bằng mắt : xấu hổ chưa, nhỏ kia ?

Bị thương như rứa mà tiếng đàn người ta ríu rít, sầm sập, say

mê...Đằng này hai đứa tôi, ban ngày giữa hai giờ cours tuy đọc quyển *Guitare /mandoline* tự học, và ban đêm ngủ trong tiếng đàn Maritas Platas, Alexandre Lagoya...(Cũng biết học hàm thụ, tự kỉ ám thị như ai) thế mà chẳng nhập tâm được món nào. Có lẽ vì thiếu thầy, sai phương pháp hay bí kíp thiếu ấn giải mã.

Nga nói lầm bầm khi Noul đã đi về *: Đàn kêu tích tịch tình tang. Thạch Noul chém gà cứu mạng hai ta.*Thằng cha coi vậy mà tài ba và có duyên gớm !.

Tôi lườm nó : tại sao *coi vậy* , hả, con nhỏ kì thị chủng tộc kia?

Từ đó Noul có vẻ cởi mở với chúng tôi hơn. Nhưng Bạch không ưa Noul ra mặt, không phải vì anh đã sử dụng toàn bộ chai nước mắm cho hôm ấy. Bạch nghiến răng : Năm trước ở Bến Cầu, Tây Ninh, tụi nó tràn qua biên giới đốt nhà, chặt đầu dượng Tư tao.

Noul thỉnh thoảng ghé cư xá, nhét vào cửa phòng chúng tôi mấy chữ rủ đi ăn, đi xem xi nê.

Nhưng hễ trong bàn ăn có mặt Kiên thì Noul bưng mâm sang bàn khác. Những người bạn cuả bọn tôi đôi khi cũng chẳng buồn giữ chân Noul. Tuy rằng thuở đó, có lẽ vì lí do sinh tồn, tất cả chúng tôi đều lẳng lặng đồng ý chỉ sống vì và sống cho hiện tại. Không trực tiếp nhắc nhở đến cuộc chiến, cuộc chiến vừa chính thức tràn qua xứ sở Noul. Thời ấy, những trái tim đôi mươi có tài gói kĩ chuyện vặt cất vào góc lãng quên.

Sau này mới hay rằng chỉ sống cho hiện tại, không phải chuyện dễ dàng. Nhưng dĩ nhiên, đó là chuyện về sau, khi bộ óc đã hư hao vì những hiểu biết và khi những trái tim đã mỏi mệt.

Noul dần dà không hẹn mà có mặt trước quán ăn hoặc cư xá bọn tôi, đón hai đứa tôi bằng nụ cười ngượng ngịu. Chiếc vespa Noul chạy hàng ba với hai xe mô bi lết của tôi và Nga.

Mùa đông xe Nga hay tuột xích, ngộp xăng, xe tôi đôi khi ho hen, xẹp, xì, bể bánh. Thường thường hai đứa tôi khoá bánh xe bệnh rồi quẳng nó ở góc đường, đèo nhau trên xe lành về cư xá hoặc đến trường, vài hôm sau mới lọ mọ bò ra lôi xác xe về cửa hàng chữa xe gắn máy. Lúc nào có Noul, anh dựng xe vespa, tháo găng tay, giao khăn mũ cho bọn tôi rồi loay hoay vặn ốc, kéo xích, lau ống dẫn xăng, dán mảnh vá, bơm bánh xe v...v... Xe được phục sinh trong nháy mắt.

Rủ nhau về phòng ăn cơm với mắm thái Châu Đốc, bánh phồng tôm Sa Giang hay mắm bò hóc, khô cá Nam Vang. Thời tuổi nhỏ, ở hai nơi khác nhau mà cùng đã xem những Lã Sanh Môn, Bạc trắng lửa hồng, Angelique, biết mê Toshiro Mifune, Lâm Đại, Lí Lệ Hoa, ghiền John Lennon. Khoe nhau một bức ảnh quê hương thời thanh bình.

Những phố xá, những con đường thuộc địa cây me dài, bóng mát. Đường Duy Tân hay đường Monivong, sông Cửu Long hay hồ Tonlé Sap. Tháp Chàm Mĩ Sơn, với Đế Thiên, Đế Thích. Hố bom nào cũng như nhau trên các ruộng lúa. Những nỗi sầu chắc cũng giống hệt nhau. Nga ngẩn ngơ : không ngờ bên họ cũng có nhiều thứ như nước mình há mày ? Tôi cũng bàng hoàng : rứa sao họ lại hay giết dân Việt ta ?

Một hôm tôi nói với Nga : tao nghi *chàng* muốn dâng hai châu Ô Lí. Nga rầu rĩ : mày làm công chúa đi. Tôi ngoe nguẩy hứ dài, nó phân vân : tao nói đùa ý mà, mày còn lão Kiên nữa, bỏ cho ma ...đầm nó lấy à ?. Thôi rút thăm nha. Hay tụi mình đi hỏi ý thày bói ?.

Tôi nói với Nga : chúa Nguyễn được tặng đất Sài Gòn, Trà Vinh em đã mãn nguyện lắm rồi, thưa chị ! Hay là mày muốn chiếm luôn Nam Vang ?

Không hiểu sao Nga cũng như tôi đều có chút bâng khuâng, ngậm ngùi. Tại sao vậy ?

Kiên lãng mạn nhưng thiếu tâm hồn Trần Khắc Chung. Lỡ bề gì chắc Kiên cho tôi chết luôn trên giàn hỏa. Tuy nhiên Kiên làm thơ tình tuyệt vời. Trái tim thi sĩ trong một bộ óc tuyệt vời. Một bộ óc tuyệt vời trong một dáng dấp chẳng chỗ chê. Thuở đó Kiên xếp hàng đầu trong *top ten* sinh viên Mít. Vừa ra trường, Kiên có ngay việc làm trong công ty chế tạo máy bay Dassault. Kiên đến cư xá đón tôi đi chơi bằng chiếc volkswagen sáng choang, láng bóng. Kiên cũng rực rỡ. Chủ tớ kiêu hãnh, tự tin như nhau. Tôi nghe sung sướng, dễ chịu. Mùa đông đi chơi không bị gió mưa ăn hiếp, tai mũi không bị đóng băng, cùng trái tim si mê cuộn tròn trong tiếng thơ du dương êm ái, trong ánh mắt đắm say và si mê chẳng kém của thi nhân. Thì có là điên mới mong chi khác nữa !

Hôm đám cưới Kiên và tôi, Noul không đến. Nhưng Noul ghé từ biệt trước ngày chúng tôi sửa soạn lên đường đi về tuần trăng mật ở Rome.

Kiên ngồi phòng khách uống cà phê, xem báo. Noul trong bếp, cầm khăn lau dĩa, và nhìn tôi. Con mắt hỏi han.

Tôi cự nự :

- Chỉ hai cái chén quèn ! Moa cho vào máy rửa cũng được. Toa muốn kiếm chuyện hả?

Noul lắc đầu cười cười :

- Yêu nhau là rửa chén cho nhau. Chính Thi nói dạo nọ.

Dĩ nhiên tôi đã nói thế, nhưng nói với Noul, với những người ngoại cuộc, và tôi còn nói nhiều hơn nữa kìa. Luôn luôn với người ngoại cuộc.

Kiên và tôi vừa dọn về Paris, trong gian nhà mới, bốn bề mây hồng. ...*Đừng lay tôi nhé cuộc đời xung quanh***.

Chuông báo thức đầu tiên do Noul gióng lên mà anh không biết, và tôi cũng chẳng ngờ. Noul báo thêm tin anh trở về quê hương Kampuchea tiếp tay cách mạng xây dựng đất nước.

Lúc đó cuối mùa xuân 1976. Nga đã thầm thì với riêng tôi : mày hết romantique rồi hả, hưởng vacances romaines bằng xe volkswagen, nhà quê ơi là nhà quê !

Tôi càu nhàu : còn mày hát không cần ai đệm đàn ? Sao không chịu làm công chúa ? Và vẽ tranh thiếu người bên cạnh thưởng ngoạn, phê bình và đóng khung treo lên vách ?

Noul nói với Kiên :

- Hẹn nhau nhé : năm, mười năm nữa, tại Việt Nam hay Cam Bốt, Pháp.

...Noul trao cho tôi bức tranh Nga tặng Noul ngày trước. Bức tranh với thảm tuyết lấp ló đôi vạt đất vàng kim, một vài thoáng trời nắng nhạt gần xa, với bóng xanh chân trời, hàng bạch dương trơ cành trụi lá, và những hạt máu tròn như những nụ hồng gai nâu đen nổi bật như những chấm phá ngộ nghĩnh.Thuở ấy Noul cặm cụi làm khung. Lúc giao tranh cho Nga, anh đòi cọ, đòi màu, múa tay chấm thêm hai bóng mờ dưới hàng cây. Tôi nói với Nga : hai đứa mình đi học về. Nga xì dài một tiếng. Noul mỉm cười không giải thích.

Bây giờ Noul đến với quà cưới và bức tranh. Kiên im lặng ngắm nghía, tôi biết Kiên lúc đó chỉ mê Mark Rothko. Noul nói riêng với tôi :

- Thì giữ nó cho moa. Thế nào moa cũng trở lại xem mai kia Kiên có còn tốt với toa không ?

Nhưng năm năm rồi mười năm, một thế kỉ trôi qua, chúng tôi, bạn bè cũ không được tin Noul. Vài năm trước, tình cờ gặp Claire tại một trạm dừng trong chuyến bay xuyên bắc Mĩ. Claire cho tôi biết rằng trong nhóm đồng bào và bạn bè quy hồi cố hương thuở nọ của nhóm Claire, chỉ duy nhất một người thoát trở lại Pháp. Và người đó không phải là Noul.

Những tin tức báo chí truyền hình từ mười năm nay khiến tôi không cần hỏi thêm. Nhưng vẫn mơ hồ chút hi vọng.

Thỉnh thoảng tôi nằm mơ thấy mình đứng khóc bên chiếc xe mô bi lết không chịu nổ máy, giờ thi cuối năm sắp điểm và Noul nghiêng tay lướt chiếc vespa, đôi mắt đen âm u, chỉ thoáng liếc tôi rồi vượt qua mất hút.

Mỗi lần thức dậy, tôi đều chuẩn bị một bản trần tình cho giấc mơ sau. Một cách vô ích. Lần nào cũng vậy, tiếng kêu chưa thốt ra, bóng người bóng xe đã mịt mờ. Những mưu toan biện bạch vẫn mãi mãi là mưu toan.

3-Tôi treo bức tranh cũ vào một trong những chỗ trống trên bức tường đầy tranh dọc theo hành lang rộng từ cửa chính đưa vào phòng khách. Dạo trước, tuy thở phào khi Kiên lấy đi đôi tuyệt phẩm siêu thực của nàng họa sĩ trẻ, nhưng mỗi lần ra vào, nhìn lên khoảng tường trắng, tôi vẫn mất vài giây chao đảo. Bây giờ thì yên chí, phải không mày.

Càng ngắm nghía tranh xưa, tôi càng thấy ngờ ngợ. Thì ra Nga đã vẽ như Monet một trăm năm về trước. Một buổi sáng mùa đông của chúng tôi thuở nọ là tổng hợp con đường (đi tới Louveciennes) *dưới tuyết, ánh tà dương* với bức *chim khách –la pie-* của Monet. Phải chi có Noul ở đây. Tha hồ nói chuyện về trường phái ấn tượng mà không bị xem là quê mùa lạc hậu. Con chim cô độc trên cánh cửa trĩu nặng lớp tuyết dày là...con gà ngày xưa. Bóng đôi kẻ trên đường là ...ai tùy người đối diện (tranh). Tha hồ nói về Pol Pot, Lon Nol, Lê Duẩn, Trường Chinh mà không phiền hà hay khiến ai điên tiết. Như các dự định và mưu toan cho những giấc mơ không kết cục. Không bao giờ có kết cục, nói chi đến happy end ?

Tôi mở cửa ra ngoài, thơ thẩn nhặt nhạnh những món đồ vứt tứ tung trong vườn khi nãy. Trời lạnh buốt, mưa phùn nhẹ như hơi thở, vẫy những hạt nước kim cương li ti trên vạt áo dài. Cỏ ướt mềm dưới chân.

Cõi lòng tôi chợt thanh thản bất ngờ. Kiên tìm lại tôi xưa, đúng là Kiên chung thủy. Ai biểu tôi có thêm vài nếp nhăn làm chi. Những nếp nhăn trên da, trong đầu và trong tim. Ráng chịu.

Trái lại, chị Thương bỏ về vùng quận Cam, trong khi chờ đợi người chị yêu trở thành kẻ quan phu. Chị không muốn ám sát vợ chàng. Tình đẹp đến rứa thì thôi ! Ráng chờ đợi không có nghĩa là ráng chịu.

Má tôi than chị em bây nhẹ dạ như nhau. Tôi ngẫm nghĩ : như má, phải không ? Ai kêu má cho ba về quê hương tìm đất cất nhà dưỡng già làm chi. Đất nhà chưa thấy, ông già đã biệt tăm trong vòng tay bản xứ mơn mởn nào đó.

Có tiếng gọi rất nhẹ từ phía cổng. Tôi quay lại. Noul đứng bên

kia hàng rào cây dẽ cắt thấp. Tôi chợt lạnh buốt thân mình, ngỡ mình hoa mắt. Thật không, Noul ? Noul đó ư ?

Noul đội mũ len trùm kín chỉ hở đôi mắt, cổ quấn khăn trắng kẻ ô đen. Tôi nhìn ra Noul ngay, ở nụ cười sau chiếc mũ passe-montagne, ở dáng người nghiêng nghiêng bên chiếc xe vespa cũ. Chung thủy đến thế thì thôi...

Tôi cuống quít chạy ra mở cổng :

- Cứ tưởng ông sous-commandant Marcos ghé thăm nhân chuyến *đi bộ* từ La Realidad về thủ phủ Mexico. Noul tìm ra nhà mình dễ không ?

Noul lẳng lặng dựng xe, rồi tháo khăn, lột mũ, tươi cười đi vào nhà. Tôi tự mắng mình vô duyên. Ngày trước, mỗi lần tôi kêu Noul giống hệt Yasser Arafat, mỗi lần anh đều ngượng ngập tháo bỏ chiếc khăn rằn mẹ gửi, và chỉ một lần anh lắc đầu đính chính : moa vô chính phủ nhưng không ưa bạo động và tẩy chay chiến tranh. Je suis un anarchiste pacifiste.

Tôi luống cuống xin lỗi :

- Noul biết Marcos chứ ? Không phải ông Marcos xưa của bà Imelda đâu. Chàng (Rafael Sebastian ?) Marcos này, người hùng thời đại mới, vừa tuyên bố xếp vũ khí, tiến hành thương thuyết hòa bình.

Thế nào Noul cũng đã thấy trên báo chí, hình ảnh người (cựu) giáo sư dạy triết(?), thủ lĩnh dân thiểu số miền Chiapas nước Mễ Tây Cơ, chiếc mũ trùm kín mặt chỉ hở đôi mắt đen to và một chút nơi miệng cho qua dọc tẩu ống vố, quần áo xanh chiến binh, súng quàng sau lưng, dao găm giắt túi, nhưng vũ khí trong tầm tay là đèn bấm, cell phone, micro và những bài diễn văn viết lấy một mình. *Đừng để chúng tôi trở thành những anh hùng (nhưng) bại trận.* Một kiểu Che Guera thiên niên kỉ mới, lãng mạn nhưng kinh nghiệm và thực tế, trước mặt một thứ khán giả thế giới *có vẻ khôn ngoan* hơn, không ưa bạo động và nhiều quyền định đoạt.

- Sẽ có hoà bình cho những người biết yêu hoà bình.

Kết luận xong tôi thấy mình chẳng mấy khôn hơn xưa. Nhắc đến hoà bình nghĩa là nghĩ đến chiến tranh. Ngu thiệt tình.

Noul đứng trước bức tranh cũ, im lặng nghiêng đầu ngắm nghía. Và những ngón tay khô cằn xương xẩu với lớp da đen cháy nắng, sờ soạng trên con đường tuyết như muốn tìm lại hơi lạnh cũ. Không còn là những ngón thon tài hoa thoăn thoắt uốn lượn bấm vuốt phiếm dây đồng. Tự nhiên, những bài bản soạn sẵn bay đi mất, tôi tìm không ra lời nào nữa. Những đoạn phim xưa diễn hành lóe chớp. Nói gì bây giờ.

Noul quay mặt nhìn tôi, gật gù :

- Hay lắm. Thi sẵn sàng rồi, mình đi. Thi vẫn duyên dáng như

ngày xưa.

Tôi không sao nói được, dù chỉ một tiếng than. Như ngày xưa ? Lần đó, Tết tây năm 1973 của sinh viên liên trường, Nga lôi tôi lên sân khấu, hát bè Nối vòng tay lớn với đám con trai. Mấy hôm sau, Noul đưa mấy bức ảnh anh chụp hai đứa tôi, lí nhí trong miệng : «*...(?) toa charmante(s) lắm !* ». *...toa thật duyên dáng*. Hai đứa tôi nhìn nhau, nhưng chẳng dám hỏi toa nào. Toa tôi hay toa nó ?

Hôm sau Nga lại lôi ảnh ra ngắm nghía, ngẫm nghĩ. Một lát, nó reo lên, hai con mắt sáng rỡ : Noul nói *hai* toa, mấy toa.

Rồi sao nữa ?

Lỡ một cơ hội ? Vì Noul nhút nhát, vì bọn tôi quá điếc lác ? Vì (ai) kì thị chủng tộc ?

Chính Noul không thay đổi, trừ đôi tay, ánh mắt đã mất lửa đam mê và nhiệt tình. Anh vẫn là chàng sinh viên âm u, nhiều im lặng thuở nọ. Tôi thở dài bất lực, lẳng lặng soi mình trong chiếc gương dài trên tường hành lang. Cố tìm một chứng cớ. Thật ra, chỉ có áo dài là đẹp thôi Noul ơi. Chưa nói rằng, để may áo dài mới, đã phải cần tám thước nhung thay vì ba như mấy mươi năm về trước. Không, bốn mét khổ lớn. Vừa vừa thôi mày.

Tôi quay lại bồi hồi ngắm Noul. Vẫn sơ mi thiên thanh, tay áo len màu xanh đêm cột vòng cổ, quần jean xưa góc cạnh đã dãi dầu. Đúng rồi, vẫn là người của ngày xưa, tuy thêm nét gầy gò, mong manh như thoáng gió ngoài kia.

Thì ra anh đã thoát được vùng địa ngục. Ước vọng khát khao tôi xưa kia giờ đây thành sự thật. Tạ ơn trời.

Thì muốn nói gì bây giờ ? Hiện tại này mơ hồ, lãng đãng. Tôi rùng mình. Noul choàng chiếc khăn trắng ca rô xanh vào cổ tôi, sửa nếp len vắt qua một bên vai, cử chỉ âu yếm. Tiếng sợi cong mềm ngoan ngoãn xếp. Gió vẫn nhẹ như màu áo màu khăn. Màu mây nước. Như anh sắp đặt trước mọi sự cho lần tái ngộ bất ngờ này.

Đã lâu lắm tôi mới nghe thấy lại cảm tưởng được che chở, yêu thương.

Gió vụt thổi ào ào. Lau sậy lao xao nghiêng ngả. Noul cúi xuống nhặt một mẩu ốc hóa thạch, đưa tôi... Từ bao giờ, chúng tôi đã thơ thẩn nơi này?

Tôi ngậm ngùi, giọng Rimbaud lùng bùng trong cổ họng :

- Elle est retrouvée !	Tìm thấy lại rồi !
Quoi ? Eternité !	Gì ? Ôi, tuyệt đỉnh thiên thu !.

Noul thầm thì, tiếng nói dịu dàng : nhưng không phải chỉ con ốc này mới đủ thẩm quyền nói đến thiên thu. Thôi, mình lại đi chứ, trễ rồi.

Chúng tôi rời đụn cát, bãi lau.

Chiếc vespa chạy thật êm trên những con đường vòng lên xuống các ngọn đồi, và bay lướt trên thung lũng. Qua vai anh, tôi chỉ trỏ cho Noul nhìn xuống thế giới của tôi từ mười năm nay, kể từ ngày Kiên gặp tình yêu mới. Con sông nhỏ, những ngôi nhà tí hon lẩn khuất trong những hàng cây, nóc chuông nhà thờ. Đám quạ vờn quanh chúng tôi.

- Noul coi đó, chúng nó cũng không buồn kêu.

Noul khẻ cười :Thi muốn chúng nó kêu điều gì ?

Tôi không thể trả lời nên ngoảnh mặt vốc tay khuấy đùa từng mảng mây trắng mát.

Thất vọng vì Noul không chịu hỏi gì về Kiên, tôi chợt nghĩ đến Nga. Đến đời sống sung mãn yên lành từ khi Nga gặp lại người yêu cũ thời trung học và dọn về ngoại ô Montréal mở phòng tranh. Tôi sẽ đưa cho Noul quà bạn cũ, những CD tiếng hát Thiên Nga của kinh đô ánh sáng, nhưng khi nào cả hai trở về nhà đã.

- Nhớ gì không Thi ?

Noul hỏi khi chúng tôi chìm giữa đại dương người quay cuồng, ngập ngụa tiếng kèn xe, tiếng nhạc, mùi nắng, mùi xăng khói. Là Sài Gòn, Phnom Pênh, là Hà Nội. Là ngã tư Bình Hòa, ngã năm Chợ Lớn, là khu Nguyễn Huệ, Hai bà Trưng, là khu « Hai Hình », chốn « Thành Vua ». Chen chúc những xe hơi kính đen đặc ngăn che bí mật, những thân người bám ôm phủ kín xe gắn máy. Những cánh tay tròn mềm, những bộ đùi, ngực eo thon lẳng mình tuổi trẻ. T shirt, costards hugo boss, mini jupes cK, maxi robes Dior. Như không hề mang một bản sắc, một lịch sử riêng tư. Những cửa hàng bất tận, những thùng giấy, những kiện hàng tủ lạnh, máy giặt, máy tính, máy hát, máy ảnh...vân vân...choán hết lề đường, nghễu nghện vững tin vào uy quyền tiện nghi đời sống, như chưa bao giờ bị khinh khi, chối bỏ. Những cuộc đời đang sống tưng bừng, huyên náo, liên tục như chưa bao giờ bị gián đoạn.

Noul cười :

- Lầm rồi toa !

Anh dừng xe, quay lại :

- Thi muốn thấy các gián đoạn đó không ?

Lập tức, những lớp sóng, những dòng xe, người bỗng cuống cuồng tán loạn vỡ ra. Tiếng kêu gọi, gào khóc, tiếng la hét chìm lẫn trong tiếng còi báo động, còi tập hợp, trong tiếng máy nổ động cơ xe tăng, cánh quạt trực thăng.

Tôi kinh khủng, ngơ ngác. Noul xoay bờ vai tôi, vuốt nhẹ chiếc khăn ca rô xanh. Hóa thành chiếc khăn rằn đỏ trên cổ mình. Anh nói nhỏ qua hàm răng nghiến chặt : bây giờ bọn mình là *dân cũ*, hoàn toàn *cách mạng* !

Những tiếng ồn ào chợt ngưng. Không còn một âm thanh nhỏ.

Anh kéo tay tôi đi theo đám người phút chốc trở nên ngoan ngoãn, gục đầu, tay không, tay xuôi, chậm rãi, im tiếng đi về một hướng, dưới bầu trời nắng lửa. Những người đàn ông, đàn bà, già cả, trẻ thơ, bé lớn, người khoẻ như người bệnh, người lành lặn, người tàn tật, người mang bụng bầu, kẻ ôm trẻ sơ sinh lần lượt đi ra từ những chung cư, biệt thự, chùa chiền, bệnh viện, giáo đường, trường học... Những *vệ binh* đỏ trong bộ quần áo đen, mũ vải mềm, cổ quấn khăn rằn đen đỏ cũng im lìm, họ chỉa súng chờ đợi những kẻ trễ nãi cuối cùng rời khỏi nhà, rồi gia nhập vào đám đông. Đám đông là một chuyến tàu khổng lồ dắt díu nhau đi chân trần, và một nhóm quấn khăn rằn, mang nhãn M(a)o-is(t)e vác bia trời, giơ (bia) kinh (đỏ), gườm súng (AK, garant) đi trước.

Tôi biết rồi Noul ơi. Ngày 17 tháng tư năm 1975, nhóm người « dân mới » này đã lùa người của Nam Vang ra khỏi thành phố, lùa tất cả những « người dân cũ », gồm có dân ngụy, trí thức hay nông dân, là những tên « phản bội » đã theo chân đế quốc, tư bản, phong kiến quân chủ, đã tiếp tay thực dân Pháp, giúp sức « tôn giáo » mông muội ngu dân. Trong những ngày sau đó, ở mọi thành phố lớn khác cũng đều như thế. Thị dân bị lùa về công trường, đồng ruộng, sông hồ, rừng núi ...Những chuyến đi về hướng tương lai, sẽ đem trở lại thứ « con người mới » ước mơ, thứ người tuyệt vời sẽ tạo nên xã hội lí tưởng.

Tôi biết rất muộn màng điều mà một năm sau đó, năm 1976, Noul cũng như tôi đều mù tịt : Pol Pot, Khieu Samphan... các lãnh tụ sáng giá đã du học tại Sorbonne sáng giá của Paris, đem về quê hương những món quà sáng giá không kém *: đập tan tư sản, xóa bỏ quá khứ...faire table rase du passé...*

Lại một chuyến tàu (tất yếu ?) lịch sử. Không, không, Noul ơi, dừng lại đi, tôi đã biết, đã thấy rồi.

Tàu đi như một cơn điên đảo
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau.
Ta tưởng chừng nghe thời đại động
Xô đi ầm ỹ một cơn đau
Ngồi đây giữa những phân cùng bụi
Trong chuyển dời xung xát bạo tàn.

Ta trở thành than, thành súc vật.
Tiếng người nghe e cũng đã quên ngang.[3]

Noul nhìn thẳng vào mắt tôi :
- Làm sao toa biết được ? Toa đã thấy gì ? Ở đâu ?
- Thấy ...trên tivi ! Trong...sách vở !

Anh bật cười bao dung, chỉ tay về phía trước :
- Sách vở ? Sách vở ư ? Thuốc độc đấy ! Thi thấy cái này chưa ?

Rừng người lúc nãy bây giờ đang lom khom chật cả cánh đồng nứt nẻ chói chang nắng bụi, những nhát cuốc đều đặn lên xuống nhịp nhàng theo từng hồi trống ngắn.

Chỗ khác đảng (Ăng ka) say mê giảng đạo, học tập, tổ chức hát ca

... phong kiến cấu kết với thực dân Pháp

... cùng bọn tay sai đế quốc tư bản khát máu hung tàn bóc lột và đàn áp...

... giai cấp lao động vô sản phải nắm lấy vận mệnh đất nước...Quê hương ta vốn rừng vàng biển bạc...Lãnh đạo ta cực kì trí tuệ...Tổ quốc ta sẽ rực rỡ trời Đông vân vân và vân vân.

Chỗ kia đảng nghiêm trang làm lễ tơ hồng, *hãy lột xác để trở nên người mới, hãy sinh đẻ người mới cho quê hương đứng dậy. Vân vân và vân vân.*

...Toàn chuyện lô gích và ước mong tốt đẹp. Toàn những lí lẽ làm nức lòng tuổi trẻ. Một thời tuổi trẻ. Một thời để đánh mất. Và bị đánh cắp.

Nhưng là bài bản đột ngột, nên những đệ tử và cô dâu chú rể mặt mày kinh hoàng, thiểu nảo, cảnh vật xung quanh lạ lùng, thê lương. Nên tôi khe khẽ lay Noul, nắm nhẹ bàn tay khô héo của Noul, rưng rưng ngậm ngùi. Trong những ngày tháng đó, có bao giờ Noul được phép bỏ cuốc để ôm đàn ?. Mang kính cận, ngả mình dưới bóng cây đọc sách triết ? Ngồi thong dong bên bờ sông nhớ lại chốn cũ với người xưa *? Ngồi thong dong nhớ lại đời mình *?*

Kìa, ngày ấy toa hứa đưa Nga và moa đi xem đền đài Đế Thiên Đế thích...Hay là chẳng còn vết tích ngàn xưa vì đám *người cũ mới*, cấu kết với mafia quốc tế đã khuân hết cả sang Thái Lan, Tân Gia Ba, Anh, Pháp, Mĩ ...rồi ?

Noul mỉm cười hất hàm chỉ về phía trước.

Nơi chân trời, trong ánh hồng của buổi chiều đang xuống trên đồng bằng, lô nhô những đỉnh tháp đen nhiều tầng. Những nhánh tháp cong như những bàn tay móng nhọn uốn ngón chậm chạp xoay tròn

theo tiếng nhạc, tiếng gõ. Chỗ này là Phnom Kulen, nơi bắt đầu, toa nhìn thấy tượng voi tạc trong đá chưa, à, đây là Koh Ker, Pnom Bàkheng, Thi ơi, đếm xem có đủ 108 tháp không.

Những ngọn tháp phụ chầu quanh ngôi tháp chính, những bậc thềm dài, những tượng đài lấm tấm rong rêu, lichen, mousse trắng đen xanh vàng. Chúng tôi lướt qua những mặt đường lót đá, những thần rắn Naga trăm đầu, những nữ thần, thánh, Phật, La Hán. Chúng tôi len lỏi săn đuổi những tượng hình trốn kín giữa cành lá dây leo, chúng tôi lần theo những thân rễ khổng lồ, chúng cũng len lỏi ôm vòng những thân tượng, xô lệch những tảng đá, hoặc chảy mềm qua những bậc thềm tìm về nẻo đất. Rừng cây, cổ đền quấn quyện, theo nhau lớn lên cùng một lúc, thách đố nhau và bảo vệ nhau. Từ một nghìn năm trước. Một cõi thiên thu.

Noul say sưa, tỉ mỉ giải thích sự tích nguồn gốc từng thánh đường, lăng tẩm, từng phố đền, từng vùng thánh địa. Từ những Jayavarman đệ nhị, đệ thất, đến những Ang Chan, Ang Duong... Những biến đổi trên đường nét biểu hiện những tượng đài, phong cách các nghệ sĩ, nghệ nhân theo thời gian, theo lịch sử. Một biểu lộ bản sắc cụ thể hình thành dần qua mười mấy thế kỉ.

Nghìn vạn bàn tay, khối óc, trái tim như Noul, đã hình dung, tưởng tượng, đã rung động, đã yêu cảm, đã chạm khắc, đục đẽo, đã vận chuyển hàng triệu khối đá, sa thạch. Để lại dấu vết thiên thu.

Noul vuốt nhẹ từng mặt đá, cẩn thận giở từng chuỗi dây leo, dựng lại những đầu, thân tượng lăn lóc. Anh cười : André Malraux không phải là kẻ cấp đầu tiên. Tôi muốn nói thêm : và những người tham lam đói khát nào đó, « Duồn », Khmer trắng, đỏ, « Lơ », « Hồi », của hai, ba mươi năm trước, của bây giờ cũng không phải người cuối cùng.

Noul ơi !Tài hoa như thế, sức mạnh như thế sao thỉnh thoảng lại làm « Thổ dậy » hay làm người Khmer chính cống vượt biên giới tìm người Việt chém đầu ?

Noul thở dài : họ không nghĩ mình « vượt biên giới » đâu, toa không biết thật sao?. Tôi thở dài lăn lưng ra biện hộ. Những lời trần tình biện bạch biên soạn đã từ bao năm, sẽ vô cùng anachroniques, lỗi nhịp thời gian, trễ tràng với mọi vận sự. Mà không nói bây giờ biết khi nào mới nói được, biết bao giờ gặp lại Noul lần nữa ? Nhưng nói gì hầu giải thích những điều phi lí, những cành nhánh, râu ria nhân quả đã mất hút trong đêm tối quá khứ ? Có dễ dàng trách cứ những bàn tay nghệ sĩ không giỏi nghề gươm đao chém giết ? Hay thưa rằng đây là quả báo vì tiền nhân Noul đã nuốt Phù Nam, góp phần tiêu diệt Chiêm Thành ? Hờn trách các ông vua Miên yếu lòng, bối rối trước

hai kẻ hàng xóm xâm lăng ? Mỗi lần vua cầu viện người ngoài, đất nước Cao Miên lại mất đi một mảng. Khi phía bắc, lúc phía nam. Noul cũng biết các đền đài Angkor hoang phế vì tổ tiên anh bất lực trước người Thái Xiêm ?

Hay trí nhớ tập thể quá nhiều cảm tính, dùng trái tim sàng lọc trăm thứ để chỉ giữ lại điều muốn giữ ? Vì tinh chất Ấn quen thuộc, gần gũi hơn ở người hàng xóm Bắc phương ? Vì dân tôi quá kiêu kì, tham lam ? Tôi bào chữa ra sao khi cả thế giới nhìn thấy người bộ đội Việt Nam, sau khi đã thi hành nghĩa vụ quốc tế, sử dụng những tượng cổ xưa làm bia bắn súng ?

Có phải cuộc sống chung nào cũng có luật chơi, không tôn trọng thì trả giá đắt ?. Nhưng dễ gì biết rõ và có khả năng tôn trọng luật chơi, thứ luật chơi không do chính đương sự đặt ra ? Dễ gì biết rõ và tôn trọng kẻ khác khi chưa bao giờ chính họ được hiểu rõ và tôn trọng ? Vì tương quan võ lực, văn hóa quá sai biệt ?

Đủ rồi, thôi mình đi về, Noul ơi !

Nhưng Noul không còn nghe gì nữa. Anh dữ dằn : Nhìn đi, tìm đi, Thi !. Moa ở trong đó. Hãy nhìn kia.

Trong những căn nhà mới cất nhưng đơn sơ không vách hay trường học cũ với tường gạch kiên cố, tôi nhìn thấy hàng hàng lớp lớp những sọ người, hàng hàng lớp lớp những khúc xương tay, xương chân. Những cuộc đời im tiếng, xếp hàng ngoan ngoãn. Ai là ông, ai là bà, là mẹ, ai thi sĩ, ai nhạc sĩ, ai đã hẹn hò với cô hàng xóm, ai vừa vào bệnh viện mổ ruột dư, ai đã từng chém đầu một/vài người Việt đánh cá hay mổ bụng một/ vài người Tàu chủ tiệm thuốc bắc ?

Tìm moa trong đó đi Thi !

Tôi ngẩn ngơ kinh hoảng. Noul nói gì kì quá. Noul đang đứng đây mà. Thôi, về, Noul ơi.

Không muốn nhìn, không muốn nghe, nhưng tôi đã nhìn, đã nghe, đã biết. Noul lôi tôi ra ngoài, chỉ vào từng chiếc hố, đất đào lên nằm vun đầy bên miệng hố. Phải moa đây không ? Phải moa không ?

Từng chiếc sọ được dí vào mắt tôi. Những chiếc sọ cái trắng cái ố vàng, cái vỡ mất một mảng xương trán, cái khuyết một mảng đỉnh đầu, cái vỡ mất hàm dưới, cái nhe trọn đôi hàm răng, tất cả hun hút đen tròn đôi hốc mắt, những mảnh xương khô dòn tưởng chừng như sắp gãy vụn, cập rập đồng thanh : *phải moa không...phải moa không ?*

Nét mặt Noul chợt dịu lại, anh lắc nhẹ đầu : không phải moa.

Anh đưa tôi ra ngoài. Những ngọn đuốc quấn bằng lá thốt nốt khô cháy phừng lửa ngọn. Khói nóng thơm tho như khói đuốc lá dừa. Tôi nhớ lời Nga ngày trước. Về những thức giống nhau giữa đôi bên. Về những buổi chuyện trò hào hứng, vui vẻ ngày xưa. Giữa bọn tôi thì

đôi khi cãi cọ, trêu chọc nhau, nhiều lắm chỉ đến mức độ đứt tay. Ở đây, là thế ư : *Tiêu diệt chính trị, áp dụng bạo lực* buộc lòng cho một thiểu số tội lỗi?

Cớ sự này chắc thế nào cũng phải trả nợ truyền kiếp. Dưng không mà nghe lời Noul. Hết chỗ đi chơi rồi sao ? Tôi cũng không nói được bây giờ với Noul điều không muốn nói mấy mươi năm về trước : hãy thông cảm cho những tấm lòng chùa Một cột ...chúng tôi không biết múa, chúng tôi không biết vần đá, tạc tượng, dựng xây đền đài tưởng nhớ tổ tiên thánh thần trời phật, chúng tôi chỉ có...Văn miếu... và lăng thờ (vua chúa lãnh tụ).

Phải kiêu căng, căm thù mới đủ lấp che mặc cảm, sự ngu dốt và tham lam ?.

Nhưng trễ rồi.

Noul buồn rầu : moa không còn gì để lại, Thi ạ ! Không sọ, không một đốt xương nhỏ. Không một dấu vết để lại. Làm sao toa nhận ra moa ?

Những người cầm đuốc đứng gần nhau quanh những vòng tròn kẻ vôi trắng thật lớn. Đám đông bên ngoài chìm trong bóng tối. Những bó đuốc giơ lên cao. Tôi cố nhìn những mặt người câm lặng.

Ai là Angca giảng dạy lí thuyết và bí quyết đi đến ngày mai rực rỡ, ai vạch ra cương lĩnh, ai là văn nô sáng tác những bài văn thơ bừng bừng lửa cách mạng để cầm tay đồ tể, ai là đồ tể, ai là người ra án lệnh, ai là người thi hành bản án, ai đã chôn hàng trăm nghìn trái mìn tròn nhỏ made in China, made in USA ?

Noul cười gằn :

- Biết rồi thì sao ?

Anh buông tay tôi, bước lại gần vòng người, họ mở ra một khung cửa. Từng người trong đám đông tiến tới, lần lượt bỏ vào giữa vòng tròn một quyển sách. Chỉ trong chớp mắt, những núi sách cao nghệu. Những cây đuốc ném vào. Những giàn hỏa của tòa giáo đình trung cổ Inquisition.

Tất cả xảy ra nhanh đến nỗi tôi không kịp có phản ứng, Noul và nhiều người khác bị ném vào giữa những khối sách cùng lúc với các bó đuốc.

Những khối lửa cháy bừng bừng nóng hực, kẻ vạch những đường vòng phân chia bóng đêm ngu muội và ánh sáng chân lí hỏa thiêu tội lỗi.

Tiếng Noul thì thầm bên tai tôi : chết trong tay đồng bào mình hoặc trở thành phò mã ...nguỵ ? Chọn chết cách nào ? Dân tôi tài hoa nghệ sĩ hiền hòa như Thi tưởng ? Nhưng phải là cớ để đồng bào Thi đến chiếm đóng đất nước tôi ?

Tôi không muốn Noul nói nữa. Sao anh không đặt anh, tôi, Nga, đặt chúng ta ở ngoài vòng hệ lụy rất lẩn quẩn này ?

Tôi nghe mình vật vả van nài : không, không. Noul ơi, sao anh về quê hương làm chi ? Ai cần anh ?

Cùng một lúc tôi thấy hình ảnh một Pol Pot nằm dài trên chiếc giường tre liệm, mắt nhắm, tay xuôi, xác xơ, thê thảm, bộ quần áo đen tả tơi, hai cuộn vải đút mũi. Ông ta sẽ tự biện hộ thế nào đây ? Bộ hạ ngu dốt đã hiểu lầm *giết chết* là *tiêu diệt* chính trị, đốt hết quá khứ là dựng xây xã hội mới ? Và bây giờ, trong đám đông hàng ngàn người công nhân tạm bợ, với bầu đoàn thê tư, tả tơi lếch thếch dìu dắt nhau dọc theo con đường phải đào để chôn dây cáp quang cho thế giới văn minh truyền thông, ai mất mẹ, mất cha, mất tình nhân, ai đã biên số, đề tên, chụp ảnh từng tử tội ? Trong giấc ngủ giữa cánh đồng hoang đất khô lộng gió, bóng đêm đen đặc, họ có ác mộng không hay chỉ thao thức lo lắng nghĩ đến ngày mai kia, ở tận cùng đường biên giới khi, chẳng còn một đốc công nào chìa ra cho những đồng bạc rách nát, công việc nào, tương lai nào chờ đợi họ ? Mùa giao thừa, họ cúng giỗ ra sao ?

Và có ai nhớ đến Noul không ?

Những bàn tay tiếp tục ném những quyển sách, những tập nhạc, những bộ kinh, cả những cây đàn, dương cầm, guitare, mandoline, vĩ cầm, những ống sáo...Ừ, chẳng ích lợi gì, thiêu huỷ hết đi.

Nhưng chưa đủ, nên « cách mạng » phải tiêu diệt kẻ ngoại đạo, tiêu diệt những bộ óc, những bàn tay, vì trong tương lai, chúng có thể viết những quyển sách khác hẳn với kinh của lãnh đạo, chúng có thể sáng tạo những biểu tượng, những cái đẹp hoàn toàn khác với bộ mặt lãnh tụ ? Giết đi cho yên lòng lãnh tụ.

Đám cháy lan rộng, cao lên mãi.

Dường như đến lượt tôi được nâng lên cao, và bị ném vào giữa những ngọn lửa. Những lưỡi lửa nhảy nhót, tiếng lửa táp nghiến rần rật, hơi nóng trùm lên tôi, rát bỏng.

Tôi mở mắt giữa những dây nhợ, bình thuốc, ống nước biển, máy đo nhịp sống chết. Mùi cồn, mùi thuốc xông vào mũi, gọi dậy. Thì ra chỉ là giấc mơ. Miệng chát đắng, cả thân mình nặng chì, khô ran, tay chân gãy vụn, đầu óc đặc cứng. Chị Thương khóc cười ríu rít như chim. Thi ơi, Thi ơi. Em tôi sống lại rồi. Má đang chờ ở nhà. Ba sẽ tạm rời cô vợ trẻ, bay từ Sài Gòn qua với em, với chúng ta.

Tôi dần dần định thần lại. Tôi chợt nghe mình mừng rỡ. Vậy là Noul sẽ còn sống vì tôi trở về cõi sống. Như một cơn mơ kì lạ. Chỉ là một cơn mơ. Tôi đã chẳng thấy đường hầm hào quang nào cả. Mơ thật rồi.

Ngày tôi rời bệnh viện, trên đường đưa tôi về nhà, chị tôi huyên thuyên kể chuyện, nước mắt nước mũi như mưa lũ. Cuốn đi mọi giận hờn khác biệt. Tôi mấp máy lời xin lỗi. Tôi muốn mãi mãi được hoa hồng mùa Vu Lan. Tôi muốn nghe hoài những huyền thoại xa xôi, những nhắc nhở không ngừng. Và đôi lúc, sẵn sàng và sung sướng nhận tối hậu thư.

Em nhớ gì không, hả Thi. Sao nằm bệnh mấy tuần trong nhà mà không báo cho ai. May nhờ bà phát thơ tìm thấy em bất tỉnh trước cửa cổng. Hôn mê mười mấy ngày, chưa bao giờ chị sợ đến như vậy.

Khi đẩy băng ca qua hành lang vào phòng khách, người y công chợt dừng chân vì tay áo blouse trắng bị nắm cửa giữ lại. Chị Thương chạy vội đến. Tôi quay mặt nhìn lên tường tìm kiếm bức tranh. Rõ ràng tôi đã treo nó lên chỗ này. Và nó vẫn ở đúng y chỗ ấy. Vẫn bức tranh xưa, vẫn hàng chữ mềm mại của Nga. Vẫn đường tuyết quạnh hiu, hàng cây trơ cành, con chim đen nhỏ trên chiếc cửa phủ tuyết, hai bóng người vẽ thêm của Noul. Chỉ thiếu những giọt máu nâu.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
4/2001
Tặng anh Ngô Thế Vinh,
để nhớ Vòng đai xanh
và Cửu Long cạn dòng, biển đông dậy sóng.

---

* Trịnh Công Sơn

1 Nguyên văn của cụ Tiên Điền :*Yên Sinh thành trung lai hà vi,* trong bài Phản *chiêu hồn.* Tạm (phản)dịch :
Hồn ơi, hồn ơi ! hồn chớ *nên về*
Bốn phương trời mà chẳng nơi nương tựa
Khắp cõi nhân gian cũng không chỗ chứa
Thì ghé chốn Bolsa *làm chi hề ?*

2 Restaurant universitaire : quán ăn sinh viên

** Phạm Duy

3 Trong « *Tàu đêm* ». Thơ tuyển Tô Thùy Yên, Tác giả xuất bản, 1995, Minnesota, Hoa Kì.



ĐINH TRƯỜNG CHINH
âm bản núi

"Một lần bóng núi in bên sông dài
Một lần thấy bóng tôi"
(Trịnh Công Sơn - Một Lần Thoáng Có)

Tôi cầm lửa qua chiều
thắp lên khoảng không mầu nhiệm
trí nhớ thả đều những tiếng rơi khô
Mặt trời mọc đỏ lên vai Núi
liệm những giấc mơ
mùa phục sinh chưa kịp vẫy chào.

Cõi người ta
tiễn một cõi đời
hát ca bài đồng dao cuối
phát hiện giữa đám đông
nỗi hoang vắng trong tiếng người
cất giữ trí nhớ mình vào buổi chiều nắng chùng kí ức
thiêu đốt bản phác thảo cuộc đời
cháy giữa hư vô.

Hãy *ngủ dưới vòm cây*
làm lại đứa trẻ trong bào thai Mẹ
khóc lại một ngày mùa xuân
chỉ còn cánh rừng trần gian chợt thèm héo úa
còn biển thở khàn giọng hát chiều hôm
xoá trắng âm bản đời
đè nặng địa cầu phút nguy nan.

Đêm rủ rê hồi niệm
về một ngọn đèn dầu
vừa thổi tắt trong căn nhà nhỏ.
Tôi còn *ôm lòng đêm* chờ mặt trời mọc khuya
như máu chảy từ vai Núi.

ĐINH TRƯỜNG CHINH
9/4./2001





NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

người đàn ba mũ nồi

Gió luồn qua khe kính xe mở hé. Trời mưa lớn hơn khi Hương rời xa lộ hướng về khu đại học S. Ra vẻ thạo đường, nó quẹo phải, quẹo trái không chút ngần ngại cho đến khi tôi sực nhận ra.

"Lại Middlefield!" rồi nhìn nó, "Mày biết đường không đấy?"

"Biết," nó quả quyết rồi quẹo trái. Một chập. Đường phố nhòe nhoẹt dưới mưa đêm. Tôi nhìn những tấm bảng nhỏ bên đường, lên tiếng.

"Mình đang ở trong khuôn viên đại học."

"Biết rồi, nó nằm bên rìa đại học. Mày xem hướng nào về thương xá trường?"

Nó, là tiệm ăn Nhật tương đối rẻ cho túi tiền sinh viên và bọn trẻ mới ra trường có việc làm trong những công ty mới thành lập dính dáng đến thị trường mạng lưới toàn cầu. Bọn mới ra trường này, lương khá, nhưng vẫn quyến luyến đời sống sinh viên dù biết rằng không thể thức khuya những tối trong tuần.

Tôi nhìn nhưng mãi vẫn không thấy gì cả. Kính mờ hơi nước. Tôi mò mẫm tìm quanh quẩn trong xe. Hương liếc nhìn.

"Mày kiếm gì vậy?"

"Khăn hay cái gì cũng được để lau kính xe."

"Nệm sau."

Tôi nhoài người nhặt lên hộp khăn giấy rỗng. Hương nói.

"Hông cửa."

Tôi sờ soạng lôi ra những thứ giấy vụn, hóa đơn vò viên, kẹp tóc đã gãy. Sau cùng, tôi kéo dài tay áo len của mình, lau kính. Hương liếc nhìn.

"May là áo đen."

"Nhiều ích lợi."

"Mày thích màu đen," rồi cười lớn, "ê, đừng quên đây là duyên hải miền Tây!"

Thừa hiểu Hương muốn đùa gì, tôi cười theo.

"Đông hay Tây thì ăn nhằm gì. Tao đang thích màu đen. Dễ lựa chọn."

Hương nhướng mày.

"Dễ lựa chọn? Mày có nhầm không đấy?" rồi nhận xét "Màu đen của mày có nhiều sắc. Trông thế mà không phải thế!"

Bất giác tôi nhìn xuống áo rồi nhún vai không nói. Hương cười, vòng tay lái quẹo, tôi đưa tay giữ chỗ dựa khuỷu tay, đà xoay của xe hơi gắt lên tiếng.

"Trời mưa."

"Biết rồi. Mày nhìn xem hướng nào về thương xá của trường?"

Hương lại hỏi rồi dừng xe giữa đường nhìn qua nhìn lại. Bất giác tôi day nhìn phía sau, không có xe. Hơi ấm trong xe làm mờ nhòe mọi cửa kính. Tôi quay kính xuống nhìn tấm bảng trắng nhiều hàng chữ nhiều mũi tên chỉ phải chỉ trái. Không thấy mũi tên nào chỉ về thương xá trường. Không cả nói đến.

"Không có đường nào về cái thương xá mày hỏi cả. Chỉ có đường về thư viện, khu hành chánh, sinh vật học, ngành kỹ sư... Mày muốn đi đâu?"

Hương lẩm bẩm gì đó, lái xe đi, đến ngã tư có bảng STOP nhập nhòe dưới mưa, thản nhiên quẹo phải. Tôi quay cửa kính lên, phủi phủi những giọt nước bám trên vai, nơi tóc.

"Kiếm người hỏi đi."

"Kỳ quá, tao nhớ đúng mà sao giờ lại không thấy đâu cả. Qua khỏi khu sinh vật học là đến thương xá của trường. Cạnh khu ấy có mấy tiệm ăn quán cà phê tụi sinh viên của trường hay ra đó. Tao nhớ mà."

Tôi kêu lên.

"Lại Middlefield! Mày đánh mấy vòng rồi?"

Hương lắc lắc đầu. Tấm bảng nền xanh lá cây chữ trắng có đèn sáng giăng ngang đường lung lay dưới gió thổi những làn mưa nặng hạt. Không rõ vì ngã tư có đèn xanh đỏ đông xe thật sự, hay vì đường hẹp chỉ có hai chiều, lại mờ mịt mưa nên gây cho tôi cảm tưởng sai lạc sau những con đường bé vòng quanh khuôn viên đại học. Mấy lần tôi muốn quay kính hỏi người lái xe bên cạnh nhưng Hương tiếp tục chạy theo dòng xe, một chập quanh quẩn lại lạc vào con đường vắng xe, nhiều ánh đèn vàng chớp tắt, cây chắn cắm dọc theo đường từ từ dồn xe vào con đường hẹp có chỗ gập ghềnh mặt nhựa xới lên, dọc hai bên nhiều đống đất, rãnh sâu. Hương chậm xe lại. Một người chạy băng qua đường trước đầu xe. Tôi quay vội cửa kính xuống nhưng chưa kịp lên tiếng, hắn đã chạy vào dãy nhà bên phải, hình như là khu nội trú. Hương quẹo phải. Tôi phê bình.

"Mày đúng là... đàn bà. Hễ lạc đường thì cứ quẹo một chiều, sẽ về lại chỗ cũ."

Hương trề môi.

"Chỉ giỏi nhanh mồm. Con khỉ."

Tôi cười.

"Không phải à? Nãy giờ mày quẹo phải lắm lần. Lát lát lại gặp đường Middlefield. Lát lát lại thấy Middlefield. Chẳng phải đi lòng vòng thì là gì? Bản đồ đâu? Xe mày chẳng có hệ thống chỉ đường, cũng không có bản đồ, lại không thạo đường, dừng lại hỏi cũng không chịu, cứ quẹo phải mãi, thế nào cũng về lại nhà, ăn mì gói cho xong chuyện."

"Trời mưa như thế này, có ai đứng đường chờ mày hỏi?" Hương nguýt tôi. Kịp thấy một người đang đi xe đạp loạng choạng trước mặt, tôi chỉ.

"Đây, đây. Hỏi người này. Mày chạy nhanh hơn tí coi. Song song với hắn để tao hỏi... nhưng đừng cán nó nghe."

Tôi vừa quay kính xe xuống thì người đạp xe lại vòng lên lề. Tôi thò đầu ra, nước mưa rất lạnh, chưa kịp lên tiếng, hắn đã vòng xe lẫn vào bóng tối của dãy nhà. Tôi quay kính lên vừa kịp nhìn thấy tấm bảng màu trắng cũng với nhiều mũi tên.

"Bên trái. Thương xá bên trái."

Hương quẹo trái nơi đèn xanh. Loanh quanh một chập vẫn không thấy thương xá nào cả, chỉ có vài tiệm ăn nhỏ, cây xăng, hình như đã ra khỏi khuôn viên đại học. Hương làm một vòng chữ u.

"Tao nhớ ra rồi."

Tôi lắc đầu.

"Nãy giờ mày nói nhớ đã mấy lần. Tao không tin vào trí nhớ của mày. Có lẽ mày cũng không nên tin vào trí nhớ không mấy tin cậy của mày," rồi sực giật mình, vỗ nhẹ tay Hương "lại Middlefield!"

Hương cười rộ lện "Mày bị ám ảnh bởi Middlefield!"

"Còn lâu. Chẳng phải Middlefield mình vừa thấy là gì? Mày vòng ngay ngã tư Middlefield. Thành phố này có mấy con đường Middlefield? Chẳng lẽ Middlefield chỉ xuất hiện khi mày lái xe vào riêng thành phố này mà thôi? Nơi tao ở chẳng có đường nào tên Middlefield." Tôi quả quyết.

Hương không trả lời, chăm chú nhìn trước mặt rồi dừng xe.

"Quay kính xuống, hỏi ông này."

Tôi làm theo lời nó nhưng người đàn ông nhìn thẳng về phía đèn đỏ trước mặt. Tôi quơ quơ tay nhưng ông vẫn nhìn thẳng. Tôi kêu lên.

"Hê hê hê ông kia..."

Hương cự nự.

"Ăn nói cho đàng hoàng."

"Ông ấy có nghe đâu mà mày cằn nhằn tao."

Hương bấm kèn. Ông già chỉ day nhìn sau khi xe bắt đầu chạy vì đèn bật xanh. Tôi cố nói nhưng ông không thể dừng lại và cũng không quay kính xuống, đưa tay vẫy nhẹ như xin lỗi. Tôi quay kính lên, phủi phủi những giọt nước bám trên tóc trên áo. Đến đèn đỏ kế tiếp, Hương kêu.

"Hỏi bà này."

Cũng như ông già trước đó, người đàn bà mang kính trắng tóc ngắn cổ quàng khăn, nhìn thẳng trước mặt một cách nghiêm trọng. Tôi chẳng rõ vì trời mưa lại là ban đêm nên mọi người biến thành nghiêm khẩn hay vì họ và xe lẫn thành một khối câm điếc với thế giới bên ngoài. Tôi nghiêng đầu ra khỏi cửa xe quơ quơ tay. Lần này thì bà nhìn thấy, quay cửa kính xuống một khoảng nhỏ vừa đủ để nghe câu hỏi rồi trả lời.

"Tới ngã tư kế quẹo trái rồi quẹo phải... để coi... một, hai, ba... không, hai cái STOP, quẹo phải, đi thẳng chừng ba bốn dặm, quẹo trái đường... để coi... đường gì nhỉ... cứ quẹo trái vì chỉ có đường đó có đèn."

Tôi cảm ơn rồi quay kính lên. Vừa lau mặt tôi vừa lặp lại lời của bà già. Hương chắc lưỡi.

"Đàn bà chỉ đường có khác."

"Mày không khác mấy, đừng vội. Quẹo trái cứ bảo quẹo phải."

Hương cười cười. Tôi mỉa mai cách Hương chỉ đường cho tôi đến nhà chiều qua. Hương chữa.

"Đừng tưởng chỉ có đàn bà. Đàn ông cũng có người hay đi lạc. Tao có thằng bạn biệt danh U vì đi nơi nào lạ thế nào nó cũng phải đánh vòng chữ u ít nhất là ba lần mới đến nơi. Ai bảo đàn ông giỏi định hướng?"

"Ờ thì nếu ai cũng như mày thì chắc không ai đi đến nơi. Chỗ nào mày cũng đánh dấu bằng hình ảnh. Góc đường có cây xăng, có tiệm ăn, có quán cà phê... trời ơi, gần như góc đường nào cũng có thể có một cây xăng cả. Còn tiệm ăn quán cà phê tiệm tạp hóa chạp phô cũng thế, đâu cũng có thể có cả. Chevron thì nhớ ra Mobil. Thôi thì cũng được đi vì cùng có màu trắng màu xanh tương tự, nhưng Shell ra 76 thì hơi khó hiểu.

Lang thang rồi cũng đến Miyake trên đường University. Trời mưa dịu hơn lúc nãy. Hương vòng ngang trước cửa tiệm rồi quẹo phải. Trước cửa chỉ có hai người đứng. Nhìn qua cửa kính tôi hơi lo ngại.

"Đông quá."

"Cứ vào thử xem đợi bao lâu thì có bàn. Nếu lâu quá thì mình đi tiệm khác."

Tôi gật gật đầu. Vừa lúc có xe bên lề sửa soạn đi. Hương bật đèn chờ.

"Hên quá có chỗ đậu cạnh tiệm, không phải đi xa. Vậy nếu phải đợi lâu mới có bàn cũng không sao!"

Tôi lại gật đầu đồng ý. Thật ra chạy lòng vòng dưới trời mưa như thế này tôi đã bắt đầu chán, chỉ muốn dừng lại đâu đó. Hương xuống xe cầm theo cây dù rồi nghĩ sao ném vào nệm sau. Tôi xuống xe chạy nép theo hàng hiên bên hông tiệm nhìn vào thấy bên trong đông người náo nhiệt. Dừng lại trước cửa tiệm, tôi lẩm bẩm một câu lễ phép với hai người đang đứng trước cửa rồi len ngang đẩy cửa kính bước vào. Bên trong ấm đến độ phát ngợp. Chỗ đợi quá chật hẹp. Người đứng, ngồi sát bên nhau. Hương nói với anh tiếp viên.

"Hai người. Đợi bao lâu hở anh?"

"Khoảng nửa giờ."

Tôi và Hương nhìn nhau. Nghĩ đến đoạn đường mịt mờ mưa ướt lạnh và kiểu mù mờ đường xá của Hương, tôi nói.

"Đợi đi. Anh cho giữ bàn hai chỗ."

Đợi tiếp viên quay đi, Hương cười cười.

"Mày sợ tài lái xe của tao."

"Không. Cái đó tao không sợ mấy. Tao sợ tài nhớ đường của mày, và sợ nhất, là đường Middlefield!"

Hương cười to khiến người đứng trước mặt tò mò day lại nhìn. Một thằng Á châu đẹp trai, tóc cắt ngắn nhuộm nâu đỏ. Tôi cười khi Hương thay đổi nụ cười, dáng đứng, kiểu cách hất tóc ra sau vai. Tôi thì thầm tai Hương.

"Thằng này trông được đấy."

"Mày không thấy con bồ của nó à?"

Quả thật Hương tinh mắt. Nhưng tôi thừa biết nó thích thách đố đùa cợt và hời hợt tình cảm. Càng thách đố, càng khó khăn, nó càng thích, và càng hời hợt hơn bao giờ hết. Dường như nó hụt hẫng mất hứng những lúc chế ngự được khó khăn, vượt qua thách đố. Thành đạt biến nhạt màu sắc một khi đã nằm trong tay nó. Tôi với Hương có nhiều thứ nhiều điều nhiều tính tình trái ngược nhưng có lẽ vì thế mà thân. Tôi chịu đựng được nó. Và đó mới là điều quan trọng.

Hương len qua hàng người đứng đợi đi về phía phòng vệ sinh nằm tận cuối nhà hàng. Tôi biết nó chỉ cố tình để khoe dáng người đầy đặn của mình trước bao cặp mắt con trai lẫn con gái trong tiệm ăn đông người. Tôi theo tiếp viên về bàn của mình trước khi Hương ra. Tôi lật tới lật lui thực đơn hỏi.

"Ở đây có gì đặc biệt?"

Hương không trả lời chỉ đưa ngón tay chỉ nơi chữ Đặc Biệt. Tôi hất ngón tay của nó ra.

"Biết đọc rồi! Mày hay lại đây tất biết món nào ngon."

"Đây là lần thứ tư tao tới đây. Những lần trước giờ tao cũng chẳng nhớ đã gọi gì, ăn gì."

Thực đơn có nhiều món mang tên rất kêu. Kamikaze Roll. Rainbow Roll. IBM Roll. San Francisco Roll. Tôi lại hỏi.

"Khác biệt ở chỗ nào, mấy cái cuốn này? IBM thì màu xanh? Kamikaze thì có chàng phi công đâm bổ giữa bàn mời ăn? Cầu vòng nữa? Có thùng vàng ở cuối cầu vòng?"

"Con khỉ. Cứ ăn thử thì biết."

Tôi kêu lên.

"Trời ơi có cả Acapulco Roll nữa. Chắc là taco còn sống!"

"Im đi. Có ăn thì gọi, không thì thôi. Tao gọi một món combination, rồi mỗi đứa gọi thêm phần sushi riêng. Chịu không? Mày uống bia không? Tao gọi chai Sapporo lớn nghe."

Tôi gật gật đầu rồi chọn Kamikaze Roll. Tên của món nhắc tôi nhớ đến mấy ly Kamikaze uống với bạn bè mùa thu rồi ở Boston trong hộp đêm Prada. Tôi nhớ, vì sau đó một đứa trong đám chết lãng xẹt ở bãi đậu xe tiệm Sears. Kyle làm nhân viên an ninh cho tiệm sau giờ học. Nó chưa xong đại học trong khi bọn tôi đã có đứa đi làm, đứa

học tiếp cao học. Cũng có đứa lấy chồng. Jenny. Có đứa lấy vợ. Khải. Có con. Jessica, mười bảy, giờ không biết ra sao.

Kyle theo một người vừa ăn cắp đồ trong tiệm ra tận bãi đậu xe. Kyle là nhân viên an ninh bán thời gian, không có súng, không có gì cả ngoại trừ bộ đồng phục màu xanh trên người. Kyle, mà tôi vẫn biết, chung lớp sáu cho đến hết trung học, cho đến mùa thu vừa rồi tình cờ họp mặt ở Boston, là một đứa học trò trung bình, rụt rè ít nói, một thằng con trai hiền lành không có bạn gái, thường chìm lỉm trong đám đông. Theo nhân chứng thì Kyle vừa đến cạnh xe chưa kịp nói gì thì người trong xe nổ súng. Kyle chết trên xe cứu thương. Vì một bộ đồ con nít trị giá không tới hai mươi đô la.

Giờ thì Kamikaze luôn nhắc tôi tới Kyle. Tới thằng bạn rụt rè trong bóng tối Prada, cùng nốc mấy ly Kamikaze, ôm vai tôi "Cảm ơn, đã là bạn tao," Tôi vẫn nghĩ Kyle say khi nói câu trên. Giờ, tôi nghĩ, lời cuối của nó, với mọi người không phải với riêng tôi.

Anh bồi ghi món ăn xong, tay gom hai tờ thực đơn hỏi Hương câu gì tôi chỉ nghe loáng thoáng.

"... không?

Hương có vẻ ngần ngừ rồi lắc đầu. Tôi hỏi Hương hắn nói gì? Hương bảo hắn nói gọi bia có gọi thêm sake không? Lái xe trời mưa và Hương uống bia, thế đã không đi với nhau rồi nói gì đến sake. Hương nói.

"Tao uống bia lát nữa mày lái xe nghe."

Tôi gật đầu nhấp nháp tách trà đợi thức ăn, cảm thấy đói nhiều hơn lúc nãy. Đèn trong tiệm bỗng tối đi. Tiếng nhạc rock vẫn ồn ào nhưng hình như mọi người chung quanh có vẻ chộn rộn như chờ đợi điều gì. Bốn người ngồi bàn bên cạnh bỗng đứng cả lên ghế. Bàn dài cuối phòng cả đám đều đứng trên ghế. Lấy làm lạ tôi hỏi Hương.

"Tụi nó làm gì vậy?"

"Chờ coi."

Những người đứng trên ghế đều cầm hai cái ly. Một ly lớn chứa bia, và một ly nhỏ chứa sake. Một anh tiếp viên đi quanh rủ rê thêm người, mồm thổi tu huýt điếc tai, hét lớn.

"Sake!"

Đám đứng trên ghế đáp lời.

"Bomb!"

"Sake!"

"Bomb!"

"Sake!"

"Bomb!"

Rồi bỏ ly sake chìm trong ly bia, nốc cạn một hơi. Chung quanh khói giả phun ra ngập phòng mùi nồng. Không khí ồn ào náo nhiệt. Tiếng la hét cười nói tranh đua với tiếng nhạc rock'n'roll. Rồi đèn bật sáng, mọi người lại ngồi xuống. Tôi đùa Hương.

"Chỉ có thế?"

"Ờ, chỉ có thế."

"Chẳng trách càng về khuya càng náo loạn cả lên. Giờ đó, cả lũ đã say tí bỉ rồi."

"Đêm nào cảnh sát cũng đợi sẵn quanh đây."

Khoảng mười, mười lăm phút thì trò sake bomb lại được bày ra. Không khác trò uống Tequila là mấy. Trừ mỗi một chuyện là uống Tequilla thì còn có người rót rượu vào mồm rồi tay bịt mồm bằng khăn và lắc lắc đầu người uống như xốc. Những trò uống rượu để say như thế này tôi không thấy có gì thích thú. Anh tiếp viên mời chào mọi người tham gia trò uống rượu sake thỉnh thoảng cũng nốc cạn ly với khách hàng. Tiệm càng đông, càng nhiều người thay phiên nhau uống hoặc uống liên tiếp mỗi lần được rủ rê thì tiếng ồn tiếng cười nói thi đua với tiếng nhạc techno càng lớn. Quanh tôi nhiều người mặt mày đỏ gay, nghiêng ngã cười tay gắp cuốn sushi cho vào mồm. Chẳng bao lâu có lẽ cả khách ăn lẫn nhân viên đều say sake. Khói nhân tạo phun ra ngập phòng khiến tôi phát ngột. Đứng dậy, tôi nói.

"Khói này khó chịu quá. Tao vào phòng vệ sinh một tí. Cứ ăn trước đừng đợi."

Phòng vệ sinh ở cuối hàng lang quanh quẹo gần nhà bếp. Đi ngang tôi liếc nhìn. Nhà bếp cũng rộn ràng bận bịu nhưng không có nhiều tiếng động tiếng nói như nơi phòng ăn. Hành lang rất lạnh so với không khí nồng ngợp hơi người hơi rượu. Phòng vệ sinh dành cho đàn bà nằm bên trái của ngõ ra khẩn cấp. Ánh đèn đỏ chữ EXIT nổi bật nơi hành lang thiếu ánh sáng.

Tôi đẩy cửa. Cánh cửa khá nặng. Bên trong nhỏ hẹp, đủ chỗ cho một băng dài và hai cái ghế, trên tường có một cái điện thoại công cộng và một điện thoại tư của nhà hàng. Trang trí kiểu lỗi thời, dường như đã lâu năm phòng bị bỏ quên không ai nhớ đến, dùng đến. Cuối phòng thêm cánh cửa nữa cũng màu nâu tối tăm. Nặng nề tay kéo, tôi bước vào, đối diện tấm gương lớn cao tận trần nhà xuống đến sàn. Tất nhiên tôi không tránh khỏi nhìn thấy mình trong gương.

Cửa khép nhẹ sau lưng, tôi bước sang phía tay mặt, bất giác nhìn thấy từ khóe mắt phải, một người đang đứng trước tấm gương cũng trên tường nhưng là tường bên hông phải từ nơi tôi đang bước. Lịch sự tôi quay đi ngay không nhìn lâu hơn, nhưng thế cũng đủ để

nhận ra là một người rất cao lớn, đội mũ nồi, áo khoác ngoài màu xám dài quá gối. Tất nhiên người ấy đứng xoay mặt nhìn vào gương, rất gần với gương. Không hiểu sao, linh tính tôi bảo đấy là một người đàn bà da đen mặc dù tôi không hề thấy mặt.

Bên trong là một dãy dài sáu ngăn cửa màu cam đối diện cũng một dãy dài sáu cái la bô trắng sạch, gương trên la bô thật lớn dọc dài suốt tường. Phòng lạnh hơn ngoài hành lang đến nỗi tôi bất giác ôm vai rùng mình nhẹ một cái rồi khựng lại. Dãy cửa đóng kín như đã có người. Tôi nhìn mình trong gương trên la bô. Ánh đèn trắng néon xấu xí. Trong gương, tôi không thấy chân người bên dưới những khung cửa ngắn khép kín. Dù không cố tình tôi vẫn nhận ra là thế. Hơi kinh ngạc, tôi quay lại ngần ngừ nhìn hàng cửa. Hẳn hòi phải có người cài then bên trong vì thường là cửa hé khi không có người sử dụng. Tôi hơi khom người định nhìn bên dưới cửa để kiểm chứng nhưng sực nhớ có người đang đứng sau lưng mình, làm thế có vẻ bất lịch sự, nên day lại như vả lả trước khi cúi người.

Sau lưng tôi chỉ có tấm gương phản chiếu mấy ngăn cửa khép. Không có ai đứng trước gương. Tôi ngạc nhiên vì không nghe tiếng cửa mở đóng. Cánh cửa khá nặng và kẽo kẹt nhỏ nơi bản lề, tôi nhớ rất rõ lúc kéo cửa bước vào khi nãy. Tôi vừa thắc mắc không rõ người đàn bà ấy bỏ đi lúc nào, vừa lấy làm lạ khi nhận ra cửa ngăn trong góc, nơi người đàn bà đứng, mở hé. Đinh ninh cô ta vào ngăn ấy, tôi quay lại khom người nhìn thoáng. Không có chân người nào dưới những ngăn cửa khép. Không có ai cả. Tôi thẳng người nhìn quanh ngần ngừ. Chỉ có ngăn nơi góc tường có tấm gương lớn, cửa mở. Tôi do dự không hiểu. Sau cùng chẳng lẽ đứng mãi không quyết định, tôi lại gần cái la bô đầu tiên mở nước rửa tay.

Trong lúc rửa tay, tôi quan sát lần nữa mấy ngăn cửa từ nơi gương trên tường. Không có gì khác lạ. Cửa vẫn khép. Tôi nửa muốn lại đẩy thử một cửa xem sao nhưng cảm thấy có điều gì không ổn. Nước rửa tay đang ấm bỗng lạnh hẳn đi. Lạ lùng tôi đưa tay vặn vòi nước nóng. Vặn hết cả vòng nhưng vẫn không có gì thay đổi. Nhún vai, nghĩ rằng vòi hư, tôi xoay ngược lại để tắt. Tay vòi lỏng lẻo đến độ ngạc nhiên. Tôi xoay xoay bên nước lạnh. Cũng thế. Cả hai tay vặn lỏng lẻo không còn ăn khớp. Nước vẫn ào chảy. Tôi cuống quít vặn đi vặn lại cả hai bên. Nước bỗng ào chảy càng lúc càng mạnh. Nghĩ rằng vòi bị hư nhằm lúc mình sử dụng, tôi cố gắng nhưng càng quay, tay cầm càng lỏng lẻo. E rằng nó sẽ tuột ra, tôi ngừng thôi không quay nữa, với tay rút mấy tờ giấy lau khô tay. Nước chảy rất mạnh khiến tôi lo ngại nhìn quanh. Mấy ngăn cửa vẫn đóng trừ ngăn nơi góc. Tôi đưa tay sờ thử tay

vặn vòi nước la bô bên cạnh. Nó cũng lỏng lẻo như vòi bên này nhưng không có nước chảy. Tôi sờ cả hai tay vặn. Lỏng lẻo như đã hư và tất nhiên là không có nước chảy ra. Đinh chắc nhiều thứ bị hư trong phòng, tôi quay đi ném giấy vào thùng rác. Nhìn mấy ngăn cửa đóng. Tôi nửa muốn vào nửa không. Mục đích của tôi vào phòng vệ sinh không phải chỉ để rửa tay nhưng giờ tôi lại do dự. Có một cái gì không mấy bình thường nhưng tôi không cảm thấy gì khác ngoại trừ nỗi kinh ngạc càng lúc càng tăng. Tôi chỉ kinh ngạc chứ không sợ hãi. Càng lúc tôi càng thấy lạ. Tôi đứng im vài giây suy nghĩ nên hay không nên vào ngăn cửa mở trong cùng. Sực tôi nghĩ ra, mọi ngăn đều đóng cửa trừ ngăn trong cùng thể như buộc tôi phải vào ngăn ấy. Nhất định có người muốn đùa giỡn chuyện chi. Có thể có người đứng đợi trong ngăn ấy, nhưng đợi để làm gì. Tôi nghĩ đi nghĩ lại. Và vòi nước không tắt được chỉ là chuyện tình cờ. Nghĩ mất vài giây, nhận ra mình vẫn đứng khựng giữa phòng, tôi quyết định không vào và nảy ra ý định lại gần những ngăn ngay trước mặt đẩy cửa thử xem sao. Tôi mới dợm bước thì bỗng nghe tiếng nước đang chảy đều đều bỗng lớn hơn,ồ ạt hơn. Tôi thảng thốt nhìn. Sáu la bô, sáu vòi nước cùng chảy. Đến đây, cho rằng trò đùa quá quắc, tôi vội tông cửa ra ngoài. Gặp hai cô đi ngược vào phòng vệ sinh. Tôi nói.

"Coi chừng, vòi nước hư không tắt được!"

Hai cô gật đầu, tôi không rõ có thật sự nghe mình nói.

Bên ngoài, màn uống sake vẫn tiếp tục. Tiếng trống nhạc techno nghe inh tai. Mấy anh bồi qua lại bận rộn, đèn mờ tối, khói ngập phòng, rồi bật sáng và tiếng ồn vẫn vậy. Hương nhìn mặt tôi chăm chú như dò xét điều gì. Tôi ngồi xuống, tiện tay cầm ly trà hớp một ngụm nhỏ.

"Mày nhức đầu?"

Tôi lắc đầu. Hương quả quyết.

"Tao có thuốc trong ví. Mặt mày tái mét như vừa thấy ma không bằng."

"Không. Không..." tôi dừng lại, không biết nên kể như thế nào với Hương. Sau cùng tôi nói khác đi.

"Đông người vậy mà tụi nó chẳng chăm sóc phòng vệ sinh gì cả."

"Hả?"

"Vòi nước hư!"

"Ờ?"

"Lại chỉ có một ngăn cho ngần ấy người!"

Hương nghiêng đầu hỏi lại.

"Mày nói cái gì?"

Tôi nói lớn hơn, tranh đua với tiếng hét "Sake!", "Bomb!" quanh bàn và tiếng nhạc từ loa trên tường.

"Phòng vệ sinh chỉ còn một ngăn dùng được trong khi vòi nước không khóa được!"

Mặt Hương ngẩn ra rồi phán.

"Hồi nãy tao vào đâu có thấy cái gì hư trong ấy. Mày không uống bia mà cũng say!"

Tôi nhíu mày nhớ lại những gì đã thấy. Hai cô gái vào sau tôi trở lại bàn của họ vui vẻ như không có gì. Tôi nhìn khắp phòng khi đèn đã bật sáng. Hơi ấm trong phòng khiến mấy hàng cửa kính mờ hơi. Hình như bên ngoài trời vẫn còn mưa. Hương nói gì tôi không nghe ra. Đầu tôi bận rộn quay lại cảnh xảy ra trong phòng vệ sinh. Cảnh tượng quay đi quay lại, đầu tôi lởn vởn suy nghĩ lòng vòng bức rức, vẫn không hiểu được những gì mình vừa thấy. Hương uống hết ly bia. Nãy giờ chỉ mình nó uống, tôi chỉ uống trà.

"Tao dành cho mày hai cuốn. Ăn xong rồi mình lại đàng kia có món tráng miệng rất ngon và lại bán khuya nữa. Chỗ đó không ồn như tiệm này đâu."

"Sao không ăn tráng miệng ở đây?" tôi thắc mắc một cách thờ ơ.

"Đàng kia có tiệm ăn trang trí rất đẹp nhưng cũng rất đắt tiền. Sau mười một giờ nó cho mọi người vào chỉ để gọi món tráng miệng mà không phải gọi dặn chỗ trước. Sau giờ đó họ không dọn ăn tối, nhưng lại dọn tráng miệng cho đến năm giờ sáng. Tao thấy đó là một cách buôn bán rất hay. Sau mười hai khuya chỉ còn bọn sinh viên và tụi trẻ, mấy ông già bà cả giàu có ăn tối xong lại không thức khuya, bàn trống để làm gì chi bằng cho đám nhỏ vào để bán cái bánh bé xíu mười đồng. Ê, túi tiền bọn mình chỉ đủ ăn tráng miệng ở những tiệm như thế."

Có lúc tôi và Hương im lặng ăn hoặc tò mò nhìn mọi người chung quanh uống rượu cho đến hết bữa. Hương đứng lên.

"Tao rửa tay rồi mình đi. Mày lái xe nghe."

Tôi ngần ngừ.

"Coi chừng..."

"Gì?"

"Mấy vòi nước..."

Hương cười rồi quay đi. Tôi biết nó không tin mình. Nhưng tôi biết giải thích làm sao những điều đã thấy. Người đàn bà lẳng lặng bước ra lúc nào? Linh tính nào cứ bảo với tôi đó là một người đàn bà da đen khi tôi không hề nhìn thẳng vào mặt người đó. Và những vòi

nước bỗng dưng cùng chảy một lượt? Tôi không uống bia, không uống gì cả thì không thể nào bảo vì rượu hay vì ảnh hưởng của bất cứ gì. Huống gì chuyện lại xảy ra ở một tiệm ăn đông người, không phải chỗ vắng vẻ hay tha ma nghĩa địa. Tôi chưa thấy người nào từ phòng vệ sinh bước ra mặt mày lơ láo kinh ngạc như tôi cả.

Tôi phân vân ngồi đợi Hương. Thỉnh thoảng tôi ngoái đầu nhìn về cuối phòng. Đã hơn mười giờ nhưng vẫn còn người đứng đợi bàn nơi cửa ra vào. Tôi đặt tiền trả lên cái khay bé, từ chối ly trà kế tiếp. Tôi thôi không đếm lần thứ mấy bốn người bàn bên cạnh đúng lên ghế uống sake bomb. Cũng có lúc tôi theo dõi họ một cách kín đáo để không phải nhớ đến mấy vòi nước hùa nhau chảy. Không rõ sao Hương lại lâu đến thế.

Vậy mà khi Hương đặt tay lên vai, tôi giật nảy cả người. Hương cười, mặt vẫn đỏ.

"Người gì dễ giật mình thế!"

Tôi đứng dậy vớ áo khoác mặc vào.

"Trả tiền rồi. Thôi đi."

"Làm gì gấp vậy?"

Tôi không nói lẳng lặng ra cửa. Hương đi theo, tay rút chùm khóa khỏi ví đưa cho tôi. Bên ngoài trời mưa hạt nhỏ như bụi, không khí mát nhẹ. Tôi đút tay túi áo vừa đi vừa hỏi Hương.

"Trong phòng vệ sinh có gì lạ không?"

Hương nhìn tôi.

"Có gì lạ là có gì lạ?"

Tôi mở cửa bên này, nhìn Hương bên kia xe.

"Thì nước chảy không ngừng và năm sáu ngăn chỉ còn một cái xài được."

Hương lắc đầu. Tôi vừa nổ máy xe vừa nhìn Hương không hiểu cái lắc đầu trước khi vào xe của nó.

"Nước nào chảy?"

"Nước ở la bô. Sáu cái cùng chảy một lượt."

"Có thấy cái nào hư đâu? Mấy ngăn đều dùng được hết kia mà."

Tôi bỗng rơi trở lại cảm giác kinh ngạc trước đó. Dừng nơi đèn đỏ, tôi kể nhanh cho Hương nghe. Càng kể, tôi càng cảm thấy sợ. Nỗi sợ trước đó hoàn toàn không có. Càng kể, tôi càng lắp bắp như nuốt mất lời, như sợ không kể hết chi tiết, như đang thấy mọi diễn tiến trước mắt lặp lại rõ ràng chậm chạp. Tay chân tôi nổi gai ốc. Hương nói.

"Mày có chắc là thấy bà da đen? Trong tiệm hoàn toàn không có người nào đen cả. Mày chắc không? Từ lúc mình vào cho đến lúc mình

đi, tao không người nào đen cả. Nhất là người cao lớn đội mũ nồi như mày nói thế nào cũng nổi bật giữa đám đông phần lớn là Á châu này."

Tôi liên tưởng lại cái nón nồi màu đen, áo khoác ngoài máu xám dầy, dáng cao lớn, tệ lắm cũng phải sáu bộ.

"Không, không thấy mặt nhưng theo linh tính tao thì đó là một người đàn bà da đen rất to con. Nhưng, cô ta ra lúc nào làm sao tao lại không biết? Mày nhớ cái cửa thứ hai ở bên trong nặng và có tiếng rít bản lề khi mở đóng."

Hương gật gật đầu không trả lời. Tôi tiếp.

"Khi mày vào trong đó thì sao?"

Hương nhìn tôi.

"Bình thường không có gì hết. Ngăn nào trống thì cửa hé. Ngăn nào có người thì nhìn vào gương trên tường cũng đã thấy chân rồi, không cần phải khom người nhìn bất lịch sự..." rồi lắc lắc đầu... "có thể người đó đi ra nhẹ nhàng quá nên mày không hay..." liếc tôi một cái, "nhưng rồi mày nói nước chảy..."

Chính tay tôi mở nước, tức có sờ mó nên không thể bảo là nằm mơ hay tưởng tượng. Và cũng chính tay tôi khóa nước, cảm nhận cái lỏng lẻo khi xoay xoay nhiều vòng trái phải ngược chiều nhau. Tôi không giải thích được hiện tượng bỗng dưng cả sáu cái vòi đồng chảy nước ào ạt mạnh mẽ. Tiếng nước chảy nghe rõ ràng, và mắt tôi nhìn thấy cả sáu vòi, nước tuôn tung tóe.

Thoạt đầu tôi kể Hương còn cười nhưng về sau thấy rõ là tôi không đùa, nó ngưng cười ngồi nghe, quên cả chỉ đường cho tôi đi. Im lặng một lát, nó chỉ bảng tên đường.

"Lại Middlefield. Quẹo trái đi. Thôi mình về đi uống trà hột lựu."

Tôi ngước nhìn tấm bảng lung lay trước gió, mấy hạt nước mưa đan chéo thấy rõ dưới ánh đèn đường nơi ngã tư. Nhìn bên trái, tôi quay đi rồi nhìn lại lần nữa. Hương kêu lên.

"Đợi gì sao không quẹo? Trống xe rồi."

Tôi nhìn Hương, rồi nhìn nơi góc đường. Sau lưng hình như có tiếng kèn xe thúc giục. Nơi góc đường có người đứng mặt quay hướng khác, áo khoác dài quá gối, mũ nồi đen. Tôi kêu lên, tay chỉ.

"Hương. Hương."

Hương hơi nghiêng về phía tôi nhìn qua cửa kính. Tôi chạy đi, trong khoảng khắc mãi nhìn góc đường đã không nhận ra xe đang tiến tới từ chiều trước mặt. Hình như Hương kêu lên gì đó tôi không rõ có nghe, chỉ biết xe đang quẹo ngay đầu chiếc khác, và mắt tôi không rời người đứng nơi góc đường.

Biết và có phản ứng là hai điều khác nhau quá xa.

Tôi biết xe đang tới. Tôi biết xe mình trong trớn quẹo nên chậm. Tôi biết đường ướt mưa trơn trượt. Tôi cũng biết người kia đang thắng vì tiếng bánh xe lết trên nhựa đường. Tôi cũng biết người nơi góc đường là người đàn bà da đen mặc dù người đó xoay mặt về hướng khác. Tôi cũng biết khi va chạm mạnh xảy ra. Hai tay ghì chặt lấy tay lái, chân nhấn mạnh bàn đạp thắng theo phản xạ chậm trễ nào đó, cả người vụt cương cứng, tôi nghe tiếng vỡ tiếng kim khí loảng xoảng đâu đó. Đầu Hương đập mạnh vai tôi rồi ngẩng lên. Đầu tôi va bên thành cửa nhưng tôi không cảm thấy gì hết ngoại trừ tai vẫn tường tận nghe đủ mọi âm thanh từ tiếng đụng chạm rồi đến tiếng máy xe đều đều sau đó.

Từ mảng kính vỡ tôi nhìn dáng đứng nơi góc đường không thay đổi. Vẫn mũ nồi. Vẫn áo khoác xám. Hương sờ soạng mở dây an toàn cho tôi.

"Khoan đừng cử động."

Những mãnh kính vỡ rơi đầy trên áo trên đùi tôi. Có dòng nước mưa từ từ chảy ướt ngoằn ngoèo bên má, tôi đưa tay sờ nhẹ. Không phải nước mưa. Hương tắt máy xe. Có người hỏi gì đó tôi không rõ hỏi gì phía bên cửa Hương ngồi. Tôi không cử động chỉ đưa tay khều Hương, bắt đầu cảm thấy đau nơi đầu chỗ đập vào kính xe.

"Kìa. Kìa."

Hương nhìn ngơ ngác.

"Cái gì? Cái gì? Ai?"

"Người đội nón nồi."

Hương nói.

"Trời mưa, không có ai đứng ngoài đường cả. Mày đau ở đâu? Trời ơi."

Tôi chớp mắt chỉ tay nơi đầu rồi lại tiếp tục nhìn ra cửa xe. Người đàn bà vẫn đứng đó nơi góc đường như không hay biết chuyện gì vừa xảy ra. Một người nghiêng đầu nhìn tôi qua khung kính vỡ rồi hỏi gì đó, tôi uể oải trả lời, xong lại không nhớ đã trả lời gì cho câu hỏi nào. Chợt có người cầm dù đứng bên cửa ngăn bớt những giọt nước mưa bắn trên người trên mặt tôi. Mắt tôi thấp thoáng bị che bởi người đó nhưng vẫn có lúc thấy được người đội mũ nồi đứng nơi góc đường. Có tiếng xe cứu thương đâu đây. Tôi cảm thấy lạnh nơi mặt, nơi kính vỡ có gió luồn qua.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG





LAFCADIO HEARN

Hirai Teiichi
(dịch từ Anh ngữ sang Nhật ngữ)
Nguyễn Nam Trân
(dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ)

truyện chàng hôichi cụt tai

Lời người dịch :

Gió luồn qua ngàn liễu bến Matsue (Tùng Giang), thành phố nhỏ nhìn ra biển Nhật Bản bốn mùa phong vũ. Đến nay, liễu vẫn thắm xanh trên bến như cái thuở con người phiêu bạt Lafcadio Hearn (1850-1904) đến định cư để tìm hiểu một nền văn hoá xa lạ đối với ông. Hearn (người Nhật đọc là Haan hay Herun) sinh năm 1850 ở quần đảo Ionia, Hy Lạp. Cha Ái Nhĩ Lan, mẹ Hy Lạp. Từ khi cha mẹ ly hôn, ông rày đây mai đó cho đến năm 1890, ngày đặt chân lên đất Phù Tang. Lấy tên Koizumi Yakumo (Tiểu Tuyền Bát Vân), ông viết nhiều tùy bút, biên khảo về đất nước và con người Nhật Bản.

Hearn lớn lên ở Pháp, chu du Mỹ, Canada, Martiniques... trước khi sự tình cờ đưa ông cập bến Yokoh ama năm đã 40 tuổi. Yêu mến phong cảnh hữu tình đất Matsue, ông sống một chuỗi ngày thật hạnh phúc ở đây, sau vì bệnh hoạn phải xuống Kumamoto rồi lên Tokyo dạy Anh ngữ ở những ngôi trường nổi tiếng như Waseda,

Tokyo, trước khi qua đời năm 1904 vì nghẽn mạch tim.

Viết văn, ông chịu ảnh hưởng Robert Stevenson, Gustave Flaubert, Guy De Maupassant, những nhà kể truyện nổi tiếng. Ông muốn từ bỏ thế giới Tây phương để mạo hiểm đến những miền đất lạ như nhiều nghệ sĩ cùng thời, trong đó có Paul Gauguin và Pierre Loti.

Hearn đặc biệt yêu thích những truyện kinh dị không cứ gì của Nhật mà của quần đảo Antilles, của cả Trung Quốc. Lúc mới đến Nhật, chưa rành mặt chữ, phu nhân Setsuko đọc truyện ma quái Nhật cho ông nghe. Ông soạn lại bằng tiếng Anh, sau mới được dịch ra Nhật ngữ. Người ta biết Hearn nhiều qua tập Kaidan *(Quái Dàm) mà* Truyện Chàng Hôichi Cụt Tai* *(Miminashi Hôichi no Hanashi) này là một... Nguyên tác (chỉ dài độ một phần ba bản văn) vốn mang tên* Tì Bà Bí Khúc Khấp U Linh *lấy từ tác phẩm cổ điển* Ngoạ Du Kỳ Đàm *do một ẩn sĩ tên Nhất Tịch Tản Nhân soạn, bản cổ nhất còn lưu lại in năm 1782.*

Tham khảo :

1. Hirakawa Sukehiro, Koizumi Yakumo, Kaidan, Kidan (Tiểu Tuyền Bát Vân, Truyện Kinh Dị), Kodansha, 1990.

2. Hirakawa Sukehiro, Koizumi Yakumo, Kureooru Monogatari (Tiểu Tuyền Bát Vân, Truyện Cổ Vùng Đảo Antilles), Kodansha, 1991.

3. Lafcadio Hearn (Tashiro Michitoshi dịch), Kaidan, Kidan (Truyện Kinh Dị), Kadogawa, 1956, ấn bản năm 1995.

4. Lafcadio Hearn (Hirai Teiichi dịch), Kaidan, Iwanami, 1940, ấn bản năm 2000.

*

Cách đây hơn bảy trăm năm, vùng Dan no Ura ngang eo biển Shimonoseki là nơi xảy ra trận quyết chiến giữa hai giòng họ Minamoto và Taira. Ở Dan no Ura, một nhà Taira từ đàn bà con nít đến cả vị ấu chúa mà ngày nay người ta còn nhớ đến qua cái tên Thiên Hoàng Antoku (An Đức), đều bị tuyệt diệt. Từ đó đến nay bao nhiêu nước đã chảy qua cầu mà một vùng biển Dan no Ura vẫn còn xì xào về những chuyện kinh dị về hồn ma vất vưởng của giòng họ Taira. Đừng nói chi đến những con cua Heike (một tên khác của Taira) trên lưng mang hình mặt người như muốn giữ lại dấu tích oán hờn của các chiến sĩ Taira, (lũ

cua mà người kể truyện đã có lần nhắc đến trong một tác phẩm khác), trên một vùng biển đó, người ta đã nghe, đã thấy bao nhiêu là sự kiện kỳ quái. Ví dụ cái cảnh hàng nghìn ánh lửa ma trơi không biết đâu ra, lướt trên ngọn sóng trong những đêm tối đen. Dân chài thường gọi nó là *qủi hoả*, loại ánh sáng xanh lè lạnh lẽo. Nào đã thôi đâu, những ngày gió lớn, lúc đó từ ngoài khơi lại vọng về những tiếng thét gào cuồng nộ như âm thanh sát phạt trên bãi chiến trường.

Xưa đã thế nhưng ngày nay những con ma Taira còn lộng hành hơn trước nữa. Ma hiện ra bên thuyền bè đi lại ngoài khơi, tìm cách nhận đắm hoặc chờ những ai đang bơi lội giữa giòng, bất thần chụp lấy rồi kéo họ xuống đáy biển. Cái chùa A Di Đà lập lên ở vùng Akamagaseki (nay là Shimonoseki) vốn nhằm mục đích cúng tế, an ủi vong linh những con ma Taira ấy. Phần đất cuối chùa nơi sát biển, nhà chùa có dành ra một khu chôn cất, dựng bia mộ khắc tên vị thiên hoàng chết đuối cũng như tên quần thần của người, mỗi năm đến ngày giỗ chạp, đều lập đàn tràng giải oan. Từ khi A Di Đà Tự lập ra, rồi đến khi bia đá dựng lên thì qủi quái họ Taira cũng bớt quấy người. Dù vậy, những chuyện quái dị không vì thế mà hoàn toàn chấm dứt, điều đó chứng tỏ vong linh kia vẫn chưa được phiêu diêu về cõi thọ.

Vài trăm năm trước ở vùng Akamagaseki có một chàng mù tên gọi Hôichi (Phương Nhất). Hôichi nổi danh về tài đánh tì bà và hát theo điệu đàn. Cái tài đánh đàn kể truyện, anh chàng vốn có từ ngày bé. Khi hãy còn là một gã thiếu niên, tài chàng đã vượt cả thầy học. Chả thế mà mấy chốc Hôichi đã trở thành nhạc sư tì bà, sở trường về khúc *Truyện hai nhà Minamoto-Taira tranh hùng*. Người ta bảo khi Hôichi chơi đến đoạn nói về cảnh thủy chiến ở Dan no Ura thì não nùng ai oán đến *qủi thần cũng phải cảm thương nhỏ lệ*.

Lúc Hôichi chưa có danh chi, chàng ta rất nghèo. May nhờ có một người tri kỷ nâng đỡ. Người ấy là hoà thượng trụ trì chùa A Di Đà, một nhà tu hành tinh thông cả thi ca âm luật , lâu lâu vẫn gọi Hôichi đến chùa đánh tì bà cho cụ nghe. Hoà thượng thấy chàng tuổi trẻ tài cao, thương mến muốn giúp đỡ đến độ mời chàng đến trọ hẳn. Hôichi cảm lòng tốt của cụ, bèn nhận lời. Từ đó, Hôichi vào ở hẳn một gian hậu liêu. Cảm cái ơn cho nơi ăn chốn ở, hễ đêm nào không có khách mời chơi đàn, Hôichi vác tì bà đến đánh để hoà thượng giải sầu, và như thế thành lệ.

Chuyện xảy ra vào một buổi chiều mùa hạ. Hôm đó, một đàn việt có tang ma, sư cụ phải đi đọc kinh suốt đêm, mấy chú tiểu chú điệu đều tháp tùng. Hôichi ở lại canh chùa một mình. Trời nóng hầm, Hôichi lò mò ra ngoài hàng hiên trước phòng ngủ để kiếm chút hơi

mát. Hàng hiên này nhìn ra khu vườn nhỏ phía sau chùa. Hôichi ra ngồi đấy với ý định chờ sư cụ về, nhưng ngồi một mình mãi không làm gì cũng buồn, chàng mới bắt đầu dạo một khúc tì bà. Qua nửa đêm mà sư cụ vẫn chưa về. Hôichi dợm vào phòng nằm duỗi tay chân một lát thì thấy không khí trong phòng hãy còn nóng, chàng ta mới ra ngoài lại. Vừa trở ra, Hôichi bỗng nghe có tiếng chân người từ cánh cổng sau tiến lại gần. Ai đó đi xuyên qua cánh vườn con, tiến về phía hàng hiên. Đang phỏng đoán như thế thì chàng ta nghe bước chân kia đã tới sát trước mặt mình, đứng sựng lại. Nhưng người đó không phải là hoà thượng. Một giọng to, khoẻ cất lên gọi tên chàng mù. Giọng trịch thượng, kẻ cả như giọng samurai gay gắt gọi người dưới :

- Hôichi !

Hôichi quá kinh hoàng đến độ trong một chốc không cất thành tiếng. Giọng nói kia lại như ra lệnh :

- Hôichi !

- Thưa vâng !

Chàng mù lí nhí trả lời, chả bù với giọng nói nhanh như gió cuốn của người lạ.

- Thưa tôi mù loà, không thấy đường. Vị nào đang gọi tôi đấy ạ...

- Ngươi chớ sợ.

Giọng nói bỗng có phần dịu lại, người lạ tiếp lời :

- Ta nhân đóng quân ở gần vùng ày, có việc mới ghé qua đây. Chủ quân của ta là bậc cao quí, xưa vẫn ra vào chỗ cung cấm. Nay bề trên, và đoàn tùy tùng của ngài ghé trọ qua đêm ở vùng Akamagaseki này, biết đến trận quyết chiến ở Dan no Ura nên ghé vãng cảnh. Bề trên nghe đồn tài kể truyện của ngươi rất cao diệu, ngài muốn nghe một khúc. Vậy ngươi hãy mau mau lấy đàn theo ta đến chỗ dừng chân của các bậc tôn quí. Các vị ấy đang chờ ngươi đó !

Thời ấy, samurai đã ra lịnh thì mọi người phải răm rắp tuân theo. Hôichi vội vội vàng vàng xỏ dép, vác đàn, đi theo người lạ. Người vũ sĩ nắm tay Hôichi một cách gọn gàng, kéo chàng ta đi nhanh như tên bắn. Bàn tay người lạ rắn như thép nguội, mỗi bước đi, bên sườn có tiếng lách cách như thể đang mang giáp trụ. Có lẽ người lạ là vũ sĩ cận vệ của một nhà quyền thế nào đó. Cái sợ hãi buổi đầu đã bớt dần, Hôichi điềm tĩnh trở lại, và trong lòng bắt đầu rộn lên một niềm hãnh diện. Bởi vì anh chàng nhớ ra lúc nãy người lạ có nhắc đến mấy chữ *một bậc cao quí ngày xưa vốn ra vào chỗ cung cấm*, như vậy tài đàn của mình đã lọt đến tai một bực đệ nhất công hầu nào rồi. Vừa nghĩ đến đó thì người vũ sĩ bỗng dừng bước. Hôichi lắng tai nghe và có cảm tưởng hai người đang đứng trước một cánh cổng lớn. Ở chốn xa thành

thị phố xá như thế này, ngoài chùa A Di Đà chắc không làm sao có một cái cổng lớn cỡ này. Hôichi đang nghi hoặc thì tùy giả đã cất tiếng dõng dạc :

- Khai môn !

Không phải đợi lâu, có tiếng song hồng mở nặng nề, hai người đã bước vào bên trong cửa. Đi qua khỏi một khu đình viên khá rộng, cả hai đến một cánh cửa khác. Dừng chân ở đó, tùy giả lại hô lớn : *Có ai trong dó không, xin được bẩm đã đem Hôichi về đến đây rồi*. Nói xong, có tiếng chân người từ bên trong đi ra, lại có tiếng vách giấy mở ra, tiếng rèm cửa cuốn lên, giọng đàn bà con gái xì xào. Nghe họ trò chuyện với nhau, Hôichi thầm nghĩ những người này phải là bọn thị tì trong một phủ đệ. Chàng mù đâm ra lo lắng không biết người ta sẽ dắt mình đi đâu. Chưa kịp nghĩ ngợi gì, có người đã đưa tay dắt chàng ta đi lên năm sáu bậc thang. Đến bậc cao nhất, có lệnh phải cởi dép. Bàn tay đàn bà lại tiếp tục dắt Hôichi đi qua những khu hành lang lát gỗ nhẵn thín và dài tưởng chừng bất tận. Chàng mù rẽ quặt không biết bao nhiêu lần ngõ ngách, cột trụ, xuyên qua mấy gian phòng trải chiếu rộng toang trước khi được đưa vào trong một gian đại điện. Hôichi nghĩ ôi chao, đại điện này hẳn là nơi tụ tập các vị tôn quí vì chàng ta nghe tiếng vạt áo lụa chạm nhau sột soạt như tiếng lá trong rừng xao động, tiếng người đông đảo đang trò chuyện với nhau. Họ đang thì thầm những gì, Hôichi không hiểu rõ nhưng ngôn ngữ họ đúng là của nơi gác tía lầu son.

Hôichi được lệnh cứ tự nhiên. Người ta bày trước mặt chàng một tấm nệm tròn, mềm mại và bảo ngồi lên. Hôichi đang nắn lại giây đàn thì một giọng đàn bà đã cất lên, dường như tiếng của lão chủ quản trong cung :

- Mi hãy so dây, bắt đầu dạo khúc *Truyện Heike* cho bề trên thưởng thức đi !

Nhưng nếu bà ta chỉ nói chừng đó thì Hôichi không biết phải bắt đầu từ đâu. Truyện nhà Taira dài lắm, kể biết mấy dêm mới xong. Hôichi mới đánh bạo :

- Dám thưa Truyện Heike khá dài, một buổi không sao kể hết. Chẳng hay bề trên muốn nghe đoạn nào ?

Hỏi đến đây thì giọng lão bà lại trả lời :

- Hãy kể cho ngài nghe đoạn quyết chiến ở Dan no Ura. Trong cả truyện Heike, đoạn này nghe buồn thấm thía nhất đấy !

Hôichi bèn từ từ cất giọng, kể lớp nói về trận thủy chiến khủng khiếp. Tiếng đàn khéo làm sống lại nào là tiếng mái chèo quạt nước, tiếng đoàn thuyền lao lên xung trận, tiếng tên bay xé gió, tiếng chân

rầm rập xen với tiếng quân reo hò, tiếng đao kiếm giáp trụ chạm vào nhau soang soảng, tiếng người bị giẫm ngã ùm xuống nước... Trong lúc Hôichi đang ra sức trình tấu, chung quanh người nghe đã bắt đầu xuýt xoa tán thưởng. *Làm sao lại có tay đàn tuyệt vời như thế nhỉ*, *Ngay ở kinh đô cũng chưa nghe ai đánh hay đến vậy*, *Dưới gầm trời này hỏi ai hơn được Hôichi*..., bao nhiêu lời khen tặng lọt vào tai chàng mù. Trong lòng Hôichi rộn một niềm tự hào, chàng lại ra sức đàn hát. Tán thưởng tưởng còn như khôn dứt thì chung quanh bỗng nhiên trở lại im lặng như tờ. Lúc ấy khúc đàn đã tiến dần đến đoạn tả thảm cảnh nhà Taira, một đoàn người đẹp, trẻ thơ bỗng nhiên gặp cảnh tuyệt mệnh thương tâm, nhất là cảnh hai bà phi bồng ấu chúa trầm mình dưới giòng nước bạc. Người nghe ai nấy ngậm ngùi thở dài, chợt nổi lên đâu đây tiếng nấc tức tưởi nghẹn ngào rồi tiếng khóc oà vang. Tiếng khóc vỡ ra như không cầm lại được, chính Hôichi cũng phải ngạc nhiên không ngờ mình đã động mối thương tâm của người nghe đến thế. Tiếng khóc kéo dài một hồi lâu rồi như vơi đi, bốn bề bỗng yên trở lại. Trong cái im lặng đó, giọng bà lão lại cất lên :

- Ngón đàn như thế thật trên đời có một không hai. Đã đành từng nghe tiếng người đồn đãi nhưng đêm nay xem mi trổ tài mới biết lời đồn kia còn thua sự thật. Đức vương thượng rất hài lòng. Ngài còn giáng chỉ cho chúng ta bảo phải ban cho mi nhiều tặng vật để thưởng công. Vậy kể từ đêm nay, trong suốt sáu đêm, mỗi đêm mi phải tới đây đánh đàn, đàn tiếp cho chúng ta nghe. Nếu đức ngài không phải lên đường thượng kinh gấp, thì ngày mai, cũng vào giờ khắc này, sẽ có người gọi mi tới dinh này. Kẻ dẫn đường cho mi hôm nay ngày mai sẽ đến đón. Ta chỉ có một điều căn dặn mi là chuyện bề trên ngự đến Akamagaseki này, mi không được hé môi cho ai. Đức ngài vi hành tới vùng này nên không muốn trong hay ngoài biết. Hôm nay như thế là xong, mi có thể lui về chùa được rồi.

Hôichi rạp mình chào xong, bàn tay thị nữ lại dắt chàng ta ra tận cửa, ở đó, người tùy giả lúc nãy đã đợi để đưa chàng ta về chùa. Vũ sĩ đưa Hôichi trở lại mái hiên chùa, rồi từ giã quay về. Lúc Hôichi trở lại chùa trời đã sáng bạch nhưng việc anh ta qua đêm ở ngoài, chẳng có ai để ý. Hoà thượng coi bộ đêm đó về khuya lắm, tưởng là chàng mù đã đi ngủ từ lâu nên chẳng bận tâm. Sáng hôm sau, Hôichi có nằm nướng một chút lấy sức nhưng cái chuyện kỳ lạ đêm qua, chàng ta không để lọt ra ngoài một tiếng. Nửa đêm hôm đó, người vũ sĩ lại đến tìm Hôichi đi trình tấu ở chỗ các bậc tôn quí hội họp, và cũng như đêm trước, chàng thu lượm được muôn ngàn lời tán tụng. Tuy nhiên trong lúc Hôichi đi đánh đàn, ở chùa người ta bỗng phát giác sự vắng mặt của

chàng mù. Khi về chùa lúc hừng sáng, chàng ta được gọi đến trước mặt sư cụ. Sư cụ không bằng lòng chút nào, luôn miệng trách mắng :

- Hôichi, ta nói điều này chỉ vì ta lo cho ngươi thôi. Đã mù loà, một thân một mình mà bỏ chùa đi đâu suốt đêm đến sáng. Thật không có gì nguy hiểm hơn. Nếu có đi đâu sao không bảo tụi nhỏ đứa nào nó dắt đi mà tự ý đi một mình như vậy. Thế chớ đến nay, ngươi đã đi những đâu ?

- Bạch sư cụ thứ lỗi cho con. Chỉ vì con có chút việc riêng mà ban ngày ban mặt không thu xếp xong phải kéo đến tối đấy ạ.

Hoà thượng coi mòi Hôichi không chịu nói thực, cụ không bực mình mà chỉ ngạc nhiên. Đây là chuyện không bình thường chút nào, hẳn có lý do chi đây. Hoặc giả chàng mù này đang gặp chuyện gì chẳng lành, bị ai lừa lọc gì chăng. Lo thì lo nhưng nói thêm không tiện, hoà thượng chỉ còn biết ra lệnh cho mấy chú điệu phải trông chừng nhất cử nhất động của chàng mù. Hễ mà đến đêm Hôichi còn bỏ chùa đi đâu nữa thì phải tức tốc theo dõi.

Đêm ấy khi Hôichi vừa ra khỏi chùa thì đã có người biết. Mấy chú tiểu chú điệu liền xách lồng đèn theo dấu anh chàng. Thế nhưng trời đang mưa, đường tối mịt. Bọn nhà chùa vừa ra tới ngõ lớn thì đã hút mất bóng Hôichi. Làm như thể Hôichi có chuyện phải nhanh chân đi gấp. Không thấy đường mà đi được nhanh như thế thật có trời mới hiểu, nhất là đường sá gập ghềnh. Bọn nhà chùa bèn thử xuống dưới xóm, đến những nhà Hôichi quen biết xem chàng ta có ghé đó không. Họ điểm từng nhà hỏi thăm, không sót đâu cả thế mà chẳng ai rõ tung tích chàng mù. Lúc không còn biết đi đâu mới theo ven bãi lui gót trở lại chùa thì họ chợt hoảng kinh. Trong khu nghĩa địa chùa A Di Đà, bỗng văng vẳng tiếng tì bà dồn dập. Phía khu mộ địa tối om vẫn chập chờn đôi ba ánh lửa ma trơi như mọi hôm. Theo ánh lửa đèn lồng, bọn trai trẻ nhà chùa rốt cục tìm ra Hôichi trong nghĩa địa. Giữa cơn mưa tầm tã, Hôichi đang ngồi thẳng lưng trước lăng Thiên Hoàng Antoku, tay đàn miệng hát, dáng điệu đau đớn thiết tha, kể sự tích cuộc tranh chiến ở Dan no Ura. Chung quanh Hôichi toàn là bia, là mộ, ngổn ngang gò đống, và trên đó hàng hàng lớp lớp những ngọn lửa quỉ lạnh lẽo chập chờn. Từ trước đến giờ, chắc chắn chưa có ai thấy một nơi nào mà ma trơi tụ tập nhiều như ở đây.

- Chú Hôichi ơi, chú ơi !

Bọn trai trẻ gào lên. *Chú Hôichi ơi, ma nó ám chú rồi !*

Chàng mù như không đếm xỉa gì đến lời nói đó. Không những thế, chàng ta càng mạnh tay đàn, cao giọng hát, dồn hết tâm lực để kể truyện trận quyết chiến Dan no Ura. Bọn nhà chùa nắm vai Hôichi, lay

lấy lay để và nói như thét vào tai : *Chú Hôichi, chú Hôichi ơi, theo bọn tôi về chùa thôi !*. Bỗng lúcđó Hôichi quay lại chúng, nói như mắng :

- Trước mặt bậc cao quí như thế này mà chúng mày dám ồn ào. Coi chừng mất đầu đấy nhé !

Lời nói chẳng ăn nhập gì đâu vào đâu làm bọn trai trẻ nhà chùa không khỏi phì cười. Đã đến mức này thì họ đủ biết Hôichi gặp đúng của gì rồi. Họ bèn hè nhau dùng sức kéo Hôichi dậy và bốc chàng ta về chùa. Theo lời dạy của sư cụ, họ thay quần áo khô và cho chàng ăn uống. Thế rồi hoà thượng giục Hôichi phải tường trình về hành vi lạ lùng của mình.

Ban đầu Hôichi còn trù trừ không muốn nói nhưng cuối cùng, nghĩ đến sư cụ xưa nay vẫn chu đáo với mình mà mình lại làm phiền, mới đem tình thực giải bày. Từ chuyện người samurai nửa đêm đến tìm mình cho đến những chuyện gì đã xảy ra từ đó đến nay, đều thuật lại cho nhà sư.

Hoà thượng lúc đó mới nói : *Hôichi, thật tội nghiệp cho ngươi. Ngươi đang gặp nạn lớn đấy. Khổ nỗi là ngươi không kể cho ta chuyện này sớm hơn. Trăm điều nguy khốn xảy đến cho ngươi cũng vì do cái tài đánh đàn tì bà. Tuy nhiên lúc này ngươi phải tỉnh táo để tìm cách chấm dứt cơ sự này. Mấy đêm nay ngươi chẳng đi đánh đàn ở nhà ai cả, chỉ ra ngồi ở khu mả họ Taira trong nghĩa trang nhà chùa đó thôi. Thật ra hồi hôm, bọn nhỏ nó tìm ra ngươi giữa đêm mưa trước lăng Thiên Hoàng Antoku đấy. Có thể là ma dẫn lối qủi đưa đường cho ngươi nhưng những gì ngươi đã gặp đều là huyễn ảnh thôi. Một khi đã nghe lời ma qủi thì chúng sẽ trói buộc ngươi mãi mãi. Nay đã đến tình cảnh này chỉ còn có cách không bao giờ chịu nghe theo chúng nữa, nếu không có ngày chúng phanh thây. Thật đấy, chẳng chóng thì chầy chúng sẽ giết ngươi thôi... Mà này Hôichi, hôm nay lại có đàn việt mời đi cầu siêu suốt đêm, bắt buộc ta phải rời chùa, không thể ở bên ngươi được. Dầu sao trước khi đi ta cũng sẽ viết kinh lên trên ngươi để làm bùa hộ mạng cho ngươi.

Trước khi tắt nắng, hoà thượng bảo Hôichi phải phơi trần ra rồi cùng tăng sĩ trông việc sổ sách kho đụn, cả hai lấy bút lông xúm lại viết kinh lên người chàng mù. Từ ngực đến lưng, cả trên đầu, trên mặt, tay chân, cùi chỏ... ngay cả gan bàn chân cũng được chép đầy Ban Nhược Tâm Kinh, coi như toàn thân không thiếu chỗ nào. Chép kinh xong, hoà thượng mới ôn tồn :

- Đêm nay khi ta đi rồi, ngươi nhớ ra ngồi chỗ hàng hiên hậu liêu mà chờ. Tất nhiên ma kia sẽ đến đón. Thế nhưng dù có chuyện gì xảy

ra chăng nữa, nhất thiết ngươi không được trả lời, không được động đậy. Cứ câm như hến, ngồi đấy thiền định theo phép Tam Muội, chuyên tâm vô niệm cho ta. Hễ ngươi rục rịch hay mở mồm là ngươi tới số đó nhé. Nói vậy chớ ngươi đừng sợ hãi gì, có gì xảy ra cũng chớ mở miệng kêu cứu, kêu cứu chỉ tổ chết sớm. Cứ làm đúng từng ly tùng tí lời ta căn dặn thì ngươi sẽ thoát hiểm từ đây.

Tối đến, hoà thượng cùng tăng sĩ thủ kho ra đi. Hôichi đúng lời sư cụ dặn, ra ngồi trước hàng hiên. Chàng mù đặt cây đàn tì bà trên sàn ván, ngồi nghiêm trang nhập định. Tâm thần yên ắng, không một tiếng ho khẽ, không một hơi thở mạnh. Cứ như thế, Hôichi ngồi chờ từ giờ này sang giờ khác. Dần dà, đã nghe tiếng chân bước từ chỗ phía khách vãng lai tiến về phia mình. Tiếng chân đi ngang cửa gỗ, thông qua khu vườn đến bên hàng hiên, dừng lại trước mặt Hôichi.

- Hôichi ! Vẫn cái giọng khoẻ, oang oang, cất tiếng gọi. Thế nhưng lần này chàng mù nén thở, im tiếng, châu thân bất động.

- Hôichi ! Tiếng quát lần thứ hai lanh lãnh rợn người. Lần thứ ba nó trở nên hằn học :

- Hôichi !

Hôichi vẫn ngồi im như tượng đá. Giọng nói kia không giữ được sự bực bội :

- Không trả lời ! Quái ! Thằng khốn nạn kia nó biến đi dâu nhỉ ?

Tức khắc đã nghe tiếng chân bước thô bạo lên hiên. Tiếng chân xáp gần Hôichi rồi bỗng nhiên khựng lại. Hôichi cảm thấy trống ngực đập thình thịch, người run lẩy bẩy. Bên cạnh, vẫn không có một tiếng động nào.

Thoạt nhiên, cái tiếng nói thô bạo kia bỗng ghé sát bên tai chàng mù :

- Tì bà thì có mà nhạc sư tì bà không thấy. Chỉ có hai cái lỗ tai treo ở đây !... Có tai mà không nghe để trả lời. Chắc muốn trả lời mà không có miệng. Cả người chỉ còn lại cặp tai !... Được rồi, đến thế này thì ta chỉ còn có cách đem cặp tai này về cho bề trên để có chứng cứ là ta đã làm đúng mệnh lệnh của ngài.

Chỉ trong một sát na, Hôichi đã cảm thấy hai ngón tay cứng như thép nguội giật lấy tai chàng ta, rồi xoẹt, hai tai đã dứt lìa. Khỏi phải nói chàng mù đau nhói đến tâm can nhưng cắn răng không thốt nửa lời. Tiếng chân kia từ từ bướcxuống khỏi hàng hiên, đi qua khu vườn, xa dần về phía cổng hậu rồi mất hút. Hôichi cảm thấy hai bên đầu có cái nước gì nong nóng đang ròng ròng chảy xuống nhưng vẫn không dám đưa tay lên sờ.

Tờ mờ đất, hoà thượng mới khăn gói về chùa. Đến nơi cụ đã tức

tốc chạy xuống phía hiên hậu liêu. Bỗng sư cụ dẫm lên cái gì nhơm nhớp, trượt chân suýt ngã. Rồi cụ bỗng hoảng hốt vì dưới ánh sáng ngọn đèn lồng, đó là một vũng máu. Nhìn ra thì trên hàng hiên, Hôichi vẫn ngồi chính toạ trong tư thế nhập định, từ vết thương, máu nhỏ xuống nhuộm đỏ cả người.

- Hôichi đó hả ! Sư cụ ngạc nhiên kêu *Trời Phật ôi làm sao đến nỗi bị thương thế này ?*

Nghe tiếng hoà thượng, Hôichi biết rằng nguy hiểm đã qua, bật lên khóc rồi bù lu bù loa kể sự thể đêm qua.

- Tội nghiệp ơi là tội nghiệp !

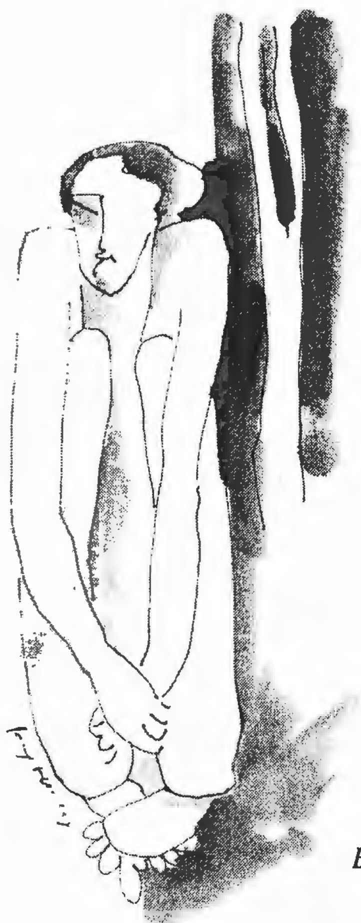
Hoà thượng không cầm được tiếng than. *Trăm sự cũng tại ta bất cẩn. Viết kinh lên khắp người của ngươi mà lại không viết lên tai. Thấy chỗ tai hẹp khó viết ta mới cậy thủ kho viết giùm, mà chính ta cũng chẳng chịu kiểm xem hắn có viết cho chưa. Để đến nỗi này là do ta sơ ý... Nhưng có hối thì cũng đã muộn, điều gấp rút bây giờ là trị liệu cho ngươi chóng bình phục. Hôichi, chớ có buồn nữa, phải vui lên vì kể từ nay tai qua nạn khỏi rồi. Chắc chắn ma quỉ chẳng còn đến đây hạch sách quấy nhiễu ngươi nữa đâu*.

Nhờ lương y tận tâm, chẳng bao lâu vết thương của Hôichi đã lành lặn. Câu chuyện kinh dị xảy đến cho chàng mù được đồn đãi nhanh chóng, danh tiếng chàng nổi lên như cồn. Bao nhiêu nhà giàu có cao quí đua nhau tới vùng Akamagaseki để thưởng thức ngón đàn của chàng, thi nhau cho vàng tặng lụa. Chẳng mấy lúc Hôixchi trở thành giàu có. Thế nhưng vì câu chuyện quái dị kể trên mà Hôichi mang cái hỗn danh là *Hôichi cụt tai*.

LAFCADIO HEARN
NGUYỄN NAM TRÂN dịch
(Tokyo Mai 2001)

Chú thích :

Cuộc thư hùng giữa hai giòng họ quyền thần Taira, (Bình, còn gọi là Heike, Bình gia) và Minamoto (Nguyên, còn gọi là Nguyên thị (Genji)) thời Trung cổ Nhật Bản cũng giống như những cuộc tranh phong Trịnh-Nguyễn, Lê-Mạc của ta. Tháng 3 năm 1185, danh tướngYoshitsune nhà Minamoto đánh tan đoàn chiến thuyền Taira ở Dan no Ura và mở màn cho chính trị mạc-phủ Kamakura. Cả một nhà Taira bị diệt vong, thiên hoàng Antoku (cháu ngoại họ Taira, tuổi hãy còn thơ) cũng chết theo trong trận thủy chiến. Sinh hoạt của hai giòng họ đã để lại những cổ điển bất hủ như Genji monogatari (Nguyên thị vật ngữ), một tác phẩm phong lưu được coi như truyện Kiều của Nhật, hay anh hùng ca Heike monogatari (Bình gia vật ngữ).





PHẠM TRỌNG LUẬT
tẩy hẹn

"Ngày ấy cùng say trong quán rượu
Sầu tư đã cạn rượu hồ vơi
Hai chàng trai trẻ ca rồi hát
Bắt chước người xưa đề vách chơi..." (1)

Gió luồn qua rừng cây thung lũng, lồng lộng đổ vào thôn. Ở đây trời tối trong chớp mắt. Chỉ mới cuối giờ thân mà mươi căn nhà quây quần hai bên con lộ chính đều đã đóng kín cửa, cả cái quán trọ tiêu điều nằm chơ vơ cuối lộ. Tất cả chìm trong một màu đen bao la, ẩm và lạnh.

Lão chủ quán ngồi chống cằm ngáp dài. Lão chỉ còn chờ người khách duy nhất kia đi ngủ để rút lui. Song người đàn ông đứng tuổi, từ chiều đến giờ cứ khề khà bên hai chung rượu, vẫn chưa động đến đĩa thịt nai trước mặt. Gã chỉ lồng lộn, hết nhìn chiếc ghế trống đến chén rượu chờ trước mặt, tràn trề nước mắt.

Tiếng gió rít nghe chừng mạnh hơn, chen lẫn với tiếng ngựa hí. Cánh cửa trước mặt lão bỗng bật tung. Chàng thanh niên khập khiễng bước vào, rồi quờ tay ra sau sập mạnh cửa. Ngọn đèn dầu không đủ

sáng để nhìn rõ mặt anh ta. Nhưng ở tận góc đằng kia, người khách duy nhất trong quán bật phắt dậy, gạt nước mắt :

- Trời, hiền đệ! Gã kêu to, sửng sốt nhưng mừng rỡ. Đã tưởng không bao giờ gặp nhau nữa...

- Hiền huynh!

Họ cùng bước tới, để cùng ngã vào tay nhau. Người anh chới với như quá say, hơi khựng lại, nhìn chằm chặp vào mặt em, rồi ôm hai vai lắc mạnh. Anh ta dìu người em đến tận bàn - cái bàn của mười năm trước, trong góc.

- Hiền đệ chẳng khác chi cả! Gã tiếp với giọng sôi nổi. Ít nhất về dung mạo.

- Thật ư?

- Nhưng sao ướt át, bụi bặm, thế này?

- Đệ ngã ngựa, rơi xuống lạch. Người trẻ tuổi đáp nhẹ như tiếng thở dài.

Dù vai em, trông chàng phong sương hơn, nhiều nét hoàn toàn tương phản với gã đứng tuổi. Áo quần đạm bạc, hơi lếch thếch có lẽ do ngã ngựa. Mặt mày xanh xao, tóc cắt rũ xuống vai chứ không búi ngược. Ống sáo vắt chéo kiểu người đi săn đeo cung.

Vẻ phảng phất buồn, chàng dán mắt lên vách như đang hồi tưởng hoặc tìm kiếm. Người anh cũng quay mặt lại, giơ cao ngọn đèn. Trên vách tường cũ kỹ, cáu bẩn, hiện ra mấy hàng chữ viết bằng than đã nhạt, rất khó đọc nếu không thuộc nằm lòng :

Nhớ Bạch Vân thôn quán rượu này
Nhớ ngày, nhớ tháng, hẹn rồi đây,
Mười năm sau sẽ cùng nhau lại,
Xem cuộc đời qua mấy đổi thay (1)

Bên dưới là ngày tháng, nguệch ngoạc hai chữ ký với lời thề thốt.

- Thật là ngông cuồng! Chàng thanh niên bỗng cau mặt.

- Không đâu hiền đệ, gã kia nói. Chúng ta đúng hẹn đấy chứá! Cũng ngày này, tháng này, chỉ hơi trễ thôi. Bao người còn sống được như cổ nhâná? Phải uống mừng mới được. Quán chủ đâu, mang thêm rượu ra đâyá!

Gọi mãi vẫn không thấy tăm hơi chủ quán, người đứng tuổi càu nhàu giờ này còn đi đâu, rồi loạng choạng vào bếp mang ra hai vại mới với mấy đĩa thịt. Họ nâng chén ngang mày.

- Nào, cạn chung! Gã khoan khoái thôi thúc.

Rượu được vài tuần, người em xem chừng bớt ủ dột song giọng vẫn mơ hồ chua chát.

- Ngông cuồng!

Người anh nhíu mày không hiểu.

- Tự cao tự đại ...

- Không đâu hiền đệ. Chợt hiểu ra, gã cãi. Bọn chúng dốt tuốt. Nghè cống gì cũng thế thôi. Hơn chi ta!

- Nhưng ta đã làm gì hơná? Chàng trai hỏi vặn.

Đến lượt người đứng tuổi lây bệnh đăm chiêu. Gã nhìn tay nải đặt trên bàn bên cạnh, với cây đàn, ngay từ khi mới đặt chân vào quán sáng nay. Môi mấp máy muốn nói gì, nhưng chợt đổi ý.

- Đúng thế! Nhưng ta còn thời gian. Phải giữ lấy hoài bão chứ! Trong giọng vỗ về nghe đã có hơi hướm trách móc.

Chỉ có tiếng thở dài đáp lễ. Dưới ánh đèn nhợt nhạt, gã nhìn chăm chăm vào mặt người thanh niên trẻ hơn mình gần một giáp mà lòng đã đầy nghi hoặc, cố tìm lại nét hăm hở của mười năm trước.

Họ đã thoáng gặp nhau ở trường thi. Rồi hai sĩ tử bị đánh hỏng vì phạm trường quy lại không hẹn mà gặp nhau ở đây, trong quán trọ ẩn khuất này. Tiếu tự thư sinh lạc đệ thì, hai nụ cười gắng gượng làm quen, dăm tiếng thở dài hậm hực theo hơi men dần dà bốc thành những lời lẽ đầy khí phách và một dự phóng tâm huyết.

- Biển xanh còn có ngày biến thành ruộng dâu, mà học hành thi cử thì muôn đời vẫn thếá! Cậu trẻ hơn than vãn.

- Hừ, hết từ chương, trích cú, lại cấm tự, kỵ húy! Chàng kia bĩu môi phụ hoạ.

- Đã thế thì ta mắc làm gì vào cái nợ lều chõng hả hiền huynh? Giọng khi nãy đã đổi thành bực dọc.

- Đúng thế! Bọn nghè cống nào có chi hơn mình...

- Văn chương là của chung, trường thi là cuộc sống. Cậu con trai bỗng sôi nổi khẳng định.

- Đúng ! Lưu danh văn miếu trăm năm sao bằng để lại một tác phẩm nghìn đời? Chàng kia gật đầu tán đồng.

- Nhưng hiền huynh ơi, phải làm gì để có thể hoàn thành một tác phẩm như thế! Cậu con trai chợt hỏi với giọng mơ màng đượm chút ưu tư.

- Ta sẽ đi khắp nơi, sẽ làm mọi nghề, rồi cũng có ngày... Chàng vai anh đáp, rồi hất hàm. Thế còn hiền đệ?

- Ngu đệ sẽ tìm một nơi thật hẻo lánh, để nhìn suốt chỉ một cái chữ *tâm* bí ẩn ! Cậu trẻ tuổi đáp như một vị sư già khổ hạnh.

- Đấy! Không hẹn mà hai ý định lại bổ túc cho nhau đấy! Sau một

thoáng sững sờ, chàng đàn anh hân hoan kết luận. Cái tác phẩm lưu danh thiên cổ kia biết đâu chẳng là của hai ta viết chung !

Thế là họ kết nghĩa anh em, bắt chước người xưa hẹn đến ngày tái ngộ, mỗi người sẽ kể cho nhau nghe những biến đổi trong cuộc sống riêng tư, trên con đường thực hiện mối hoài bão chung to tát ấy. Hoặc có khi, lúc đó, mỗi người còn mang theo cả cái tác phẩm chờ đợi kia cũng nên.

Quyết định đổi đời ghi trên vách quán một sáng đầy mây trắng tung tăng trên bầu trời trong xanh, chỉ cần hai chung rượu với vài nén nhang là *Bạch Vân thôn* và *Quán Hẹn* đã nghiễm nhiên trở thành tên gọi của chỗ qua đường một ngày. Từ ấy, người xuôi Nam, kẻ ngược Bắc, họ như đôi tình nhân trông ngóng tin nhau.

Mây thôn Bạch Vân đã thay hình đổi dạng bao lần qua suốt mười thuá? Đúng ngày hẹn, gã đứng tuổi trở lại quán rượu từ sáng, với chiếc tay nải nặng trĩu, có lẽ đựng tác phẩm đời mình. Sau vài câu hỏi han, chừng như sốt ruột, gã dặn lão chủ quán đặt bàn, dọn sẵn rượu thịt, rồi lên yên đi đâu mất. Đến quá giờ ngọ, gã mới trở lại quán ngồi lặng lẽ bên vại rượu. Thời gian càng qua, gã càng vật vã chờ đợi, không ăn uống gì, chỉ vừa khề khà vừa tức tưởi trong tiếng nấc. Đến khi màu đen bao trùm vạn vật, thì cố nhân mới đến, nhưng sao lại mang theo ngọn lửa rực của hoài nghi ? Tốt hơn cả là đừng nói gì, ngoài việc cổ động tinh thần cho nhau.

- Hiền đệ xem, ngu huynh cũng thế, đã làm được gì đâu? Gã vỗ về.

- Mười năm này không đủ, ta lại hẹn nhau mười năm nữa sao ? Chàng thanh niên hỏi với giọng ngần ngừ.

- Đúng thế! Tác phẩm để đời nào mà không ăn thời gian? ... Song chỉ cần có một mà thôi! Gã nói tiếp.

- Miễn là tuyệt tác. Người trẻ tuổi buột miệng, không hiểu như câu hỏi hay lời tán đồng.

- Đúng, phải là tuyệt tác. Nào, cạn chung! Như lần trước, gã đàn ông kết luận.

Chàng thanh niên nghe tim mình rộn ràng trở lại. Họ lại khề khà, tiếp tục kể cho nhau nghe những vô thường của cảnh vật, của kiếp người. Họ nhắc nhở nhau giữ nguyên hoài bão, cái không thể đánh mất nếu muốn để lại một vết tích đủ khả năng cầm cự với thời gian. Họ cười đùa, ngâm nga, đàn sáo đến quá giờ tý thì chàng trai bỗng đổi nét mặt, rồi nghiêm giọng:

- Hiền huynh à, có hai điều ngu đệ rất tha thiết ...

- ...Thứ nhất là xây dựng tác phẩm của đời mình, chàng thanh

niên nói tiếp khi thấy kẻ đối ẩm ngước nhìn với ánh mắt chờ đợi, nhưng sao càng viết càng thấy khoảng cách xa thêm, cứ viết xong lại xé đi ...

- Còn điều kia ? Gã đàn ông không dấu nổi sự tò mò.

- Thứ hai là đến quán hẹn này, nhưng ngồi đây rồi mà sao vẫn thấy như chưa đến!

- Hà hà! Cái trước thì chỉ cần kiên nhẫn thôi. Còn cái sau thì có chướng ngại gì, gã nói nửa đùa nửa thật, hiền đệ cứ chỉ, ta gỡ cho. Hà hà!

- Hiền huynh tài sức đến thế sao? Hoạ có là Trời!

- Hà hà! Cứ nói! Cải lão hoàn đồng, cái tử hoàn sinh, gì gì ta cũng làm được tuốt!

Rồi gã cười rống lên như khóc, vô cớ. Cười như bỗng nhận thức được tất cả sự ngông cuồng của câu nói. Khóc như chợt cảm biết tất cả cái hữu hạn bất lực của nhân sinh. Cười rung cả người đến nỗi bật ngửa ra sau. Khóc như điên dại trên chiếc ghế đổ dưới đất, nước mắt ràn rụa. Chàng trai cũng khanh khách cười khóc theo. Rồi họ nằm gác chân lên bụng nhau mà cười, mà khóc. Cho đến khi cùng thiếp đi trong giấc ngủ trẻ thơ.

*

Khi người đàn ông giật mình ngóc dậy thì mặt trời đã lên cao. Trên bàn còn đầy những chung, vại, đĩa, đũa. Đó đây ngổn ngang vài chiếc ghế đổ.

Chàng thanh niên đã ra đi từ tiếng gà gáy đầu tiên. Khi người và ngựa đã lững thững rời sân, gã mới tựa cửa rưng rưng nhìn theo cho đến khi cả hai mất hút trong màu đen còn dày đặc sương mù. Rồi gã trở vào gục đầu trên bàn, vai rung bần bật cho đến khi lại đổ xuống không còn biết gì nữa.

Bây giờ gã ngồi bắt chéo chân, mắt nhắm nghiền như đang định thần hay hồi tưởng những gì đã xảy ra suốt ngày hôm qua, chẳng buồn để tâm đến lão chủ quán đang chằm chặp nhìn người khách duy nhất từ cửa bếp với vẻ vô cùng ái ngại. Gã ngồi như thế lâu lắm mới đứng dậy sửa soạn đi, nhất định không ăn uống gì.

Mắc tay nải lên gù yên ngựa, gã dõng dạc gọiá:

- Quán chủ đâu, ra cho ta hỏi chút việc.

- Quý khách có điều chi sai bảo ? Lão chủ quán hỏi, mắt hấp háy nghi ngại.

- Lão bán lại cho ta cái quán này! Gã nói như ra lệnh.

Lời tuyên bố thẳng đuột xác nhận với lão chủ quán rằng người khách này là kẻ điên. Lão đã ngờ thế từ tối qua. Khi ngọn gió độc thổi bật cánh cửa, đập thẳng vào người, lồng lộn trong quán rồi sập cửa lại, lão cảm thấy mặt mày xây xẩm, hai chân khuỵu xuống, rồi nằm bất động luôn dưới gầm bàn trong một góc. Nhưng lão không mê, lão vẫn đủ tỉnh để nhìn thấy tất cả mọi việc...

- Đủ không? Gã rút từ tay nải ra một gói đầy, cả vàng lẩn bạc.

... Người khách này cũng trúng độc như lão. Ở góc phía bên kia, cạnh cửa sổ, y múa may, ăn uống một mình, cười khóc, đối đáp, đàn hát một mình, đến gần sáng mới ngã xuống ngủ thiếp đi cho đến trưa. Bây giờ y lại muốn mua luôn cả cái quán hoang phế của lão, mà trả những ngần ấyá! Như sợ kẻ điên đổi ý, lão chụp vội lấy cái gói.

- Nhưng ta đặt một điều kiện...

Gã nói tiếp khi thấy lão chủ quán trố mắt dọ hỏi:

- Chốc nữa, khi ta đi khỏi đây, lão phải đốt cái quán này cho ta. Muốn lấy chi thì lấy, nhưng phải đốt hết...

Rồi gã nắm tay chủ quán, lôi vào trước bức vách có bài thơ.

- ... trừ tấm vách này. Chiều nay ta trở lại. Để cho ta một ít nhang đèn.

Lão không biết làm gì hơn là vội vã gật đầu.

Gã vỗ nhẹ đầu ngựa nói tuấn mã dẫn ta trở lại chỗ hôm qua. Như quen đường, nó từ từ cất vó rồi sải theo lối mòn dẫn tới vùng đèo núi phía Bắc. Vài dặm sau, nó ngừng trên một bờ vực. Chung quanh không một làn khói, một mái tranh. Gã dáo dác nhìn quanh, rồi mon men đến mép vực tìm đường xuống. Gã ngừng lại trước nấm mồ sơ sài ngay cạnh xác chàng thanh niên. Cái xác vẫn chưa có mùi, nhưng ẩm ướt và dính đất.

Trí nhớ của gã còn đậm nét cảnh vật và sự việc hôm qua. Biết mình tới trước, gã bỗng nảy ra ý định chận đón người em kết nghĩa sẽ đến chỗ hẹn từ phương Bắc. Một con ngựa vô chủ cứ quẩn quanh bên bờ vực hoang vắng này như muốn kêu cứu xui khiến gã tò mò nhìn xuống. Có ai bị thương nằm ngang lạch nước dưới kia. Gã đã xuống tận đây để rụng rời, lạnh toát người khi nhìn ra xác chết chính là kẻ hẹn hò với mình. Đau đớn đến chết lặng một lúc lâu, gã đào mồ chôn bạn với một khúc đá nhọn. Cũng với mảnh đá ấy, bây giờ gã đào sâu thêm, khẽ khàng đặt xác chàng thanh niên vào, rồi lăn từng phiến đá nặng nề đè lên. Quỳ bên cạnh, gã dặn trong tiếng nấc:

- Đây là lần thứ hai ta chôn hiền đệ. Từ nay hãy ngủ yên.

Khi gã trở lại thôn *Bạch Vân* chiều hôm ấy với hai con ngựa,

Quán Hẹn chỉ còn là đống tro âm ỷ. Song tấm vách vẫn đứng sững đấy, cây đèn dầu với một bó nhang bên cạnh.

Xuống ngựa, gã nhặt một mảnh than gạch chéo bài thơ hai lần, đốt ba nén nhang rồi lầm thầm khấn:

- Tha cho ta cái tội đại ngôn ! Tác phẩm nghìn đời chỉ là một món nợ mà kẻ yêu chữ nghĩa tự tròng vào cổ, để vô tình làm mình bại liệt. Hiền đệ viết rồi lại xé. Còn ta thì chẳng viết chi được nữa, làm đủ mọi nghề rồi trở thành phú thương tự bao giờ cũng chẳng hay. Ta định trở lại đây để nói với hiền đệ như thế. Ngờ đâu chỉ gặp đặng cái tâm của hiền đệ bên cõi kia, ta hổ thẹn không dám thú thật ! Thôi, từ nay ta xin rũ nợ.

- Tha cho ta cái tật hẹn hò. Đây chỉ là một trò chơi mà kẻ đa tình tự đặt ra, để chẳng lập tâm mà thành ra hành hạ người, dằn vặt mình. Cổ kim đã có ai với ai thật sự tái ngộ đâu, dẫu cho trở lại đúng nơi, đúng ngàyá? Bởi kẻ hẹn với người đến có bao giờ là một ? Người hẹn với hiền đệ năm xưa là thi nhân, kẻ đến nay là thương gia. Kẻ hẹn với ta trước kia là người dương thế, kẻ đến với ta hôm nay đã thuộc về cõi âm. Thôi, từ nay cho ta tẩy hẹn.

Trời chưa tối hẳn. Trên yên ngựa, gã giơ cao ngọn đèn trước vách tường, nhìn hai chữ ký với lời thề dưới bài thơ hẹn năm xưa lần cuối cùng. Rồi gã ném cả cây đèn vào chân vách đất. Ngọn lửa bò theo vết dầu, chạy dọc chân tường và bắt đầu từ dưới liếm dần lên. Cùng với những hình ảnh chập chờn của cái thuở ngông cuồng mà lửa đỏ đang gọi về, bên tai gã bỗng văng vẳng tiếng ai cười đùa cảnh báoá:

- Thề như thế mà cũng thề hả hiền huynh? Chàng thanh niên lặp lại câu gã vừa viết trong tràng cười giễu cợt. Chỉ có cái chết mới ngăn huynh đúng hẹn!

- Thì hiền đệ cứ thề độc hơn đi nào !

- Xem đệ thề đây này. Từ mảnh than giằng lấy trong tay gã, hiện lần trên vách từng con chữ định mệnh. Dẫu chết rồi, đệ cũng sẽ đúng hẹn!

PHẠM TRỌNG LUẬT
St Denis,11/03/2001

---

(1) Trích và mượn từ bài thơ dịch ðHạnh Hoa Thônáữ (?) thời trung học, không nhớ của ai và do ai dịch. Mong bạn đọc thông cảm.



TRÂN SA
đồi xương rồng



Gió luồn qua cái một thời là trẻ thơ và thiếu nữ của tôi khi nó chạy ào qua đồi cát đầy những bụi xương rồng và những cây bông mủ lá màu xám bạc. Đứng đây nhìn xuống, căn nhà nhỏ tí nằm giữa một khu đất rộng rào quanh bằng dây thép nối xuyên qua những cột trụ xi măng. Mỗi tháng cha tôi cắm xuống một trụ, nối dần những sợi dây thép dài ra qua những cái lỗ lớn bằng đồng xu. Khi trời vừa chạng vạng, Đen bày Lư lum khum úp lon sữa bò đã đục trống hai đầu vào những lỗ hổng ấy để bắt những con thằn lằn rồi quạt than lên nướng. Một trụ, hai trụ, ba trụ, mười lăm trụ... Tôi nhảy tung tăng bên cha tôi đếm những cột trụ ông đúc với thứ cát trắng tinh xúc về từ nơi tôi đang đứng, hay ngồi chồm hổm nhìn Đen ngắt đầu lột da những con thằn lằn chảy mỡ xèo xèo trên mấy cục than đỏ vừa bốc mùi thơm vừa thấy ghê ghê. Ghê như chân Đen mốc meo không bao giờ chịu mang dép, tròng mắt ngoài con ngươi, khi cười ngoác hai khóe miệng rách lở trông càng hung nghịch .

Buổi sáng nghỉ học tôi với Lư đứng bên dưới nhìn lên cha tôi đang trèo từng bước cẩn thận trên cái thang gỗ tựa vào thân cây dừa, náo nức ngước chờ ông quăng xuống những trái dừa xiêm mỏng cơm

ngọt lịm nhưng rồi bẻn lẽn ngó đi nơi khác ngay, khi lần đầu tiên tình cờ nhìn thấy vật của ông thỏng đưa trong ống quần đùi rộng. Những buổi trưa nắng hanh hao vàng khô, tôi đi loanh quanh nhìn áo quần phơi rang trên dây thép bay phần phật, lắng nghe một mình tiếng gà gáy từ xa vắng tanh, buồn vẩn vơ như đang mất mát dần những điều gì không rõ, mơ hồ thấy có một biên giới nào đó bắt đầu làm ngăn cách tôi với cha tôi với Đen với Lư. Buổi tối tiếng súng thỉnh thoảng vọng từ núi xuống làm tôi thức giấc sợ hãi. Chị Lam ôm tôi dỗ, "Ngủ đi. Người ta bắn nhau trên núi, không xuống đây đâu." Nhưng cũng có vài lần cha mẹ tôi cuống cuồng đánh thức mấy chị em vào giữa khuya, hối thúc chúng tôi theo họ lên nhà một người quen trên phố lánh đạn. Có đêm Mimi chạy theo rồi đi lạc đến mấy ngày mới tìm được đường về, ốm tong teo. Tôi mừng muốn khóc, những ngày trước đó tôi đã buồn thất ruột tưởng đâu nó sẽ đi lạc mãi mãi, không biết ai sẽ cho nó ăn, ai sẽ vuốt ve thương nó.

Thời cha tôi để tôi trên hai đùi làm máy bay chở đi cái vù cho tôi cười sặc sụa qua đi đã lâu. Ông tránh né mỗi lúc tôi sà tới ôm cổ ông mà hôn. Đen càng lớn càng hoang đàng hung tợn chưởi thề đánh lộn và khinh tôi con gái không biết tạt lon đánh đáo. Tôi bảo Lư tôi không thích chơi với Đen nữa, chuyển qua đọc truyện và ngồi hàng giờ nơi bàn để tập viết những kiểu chữ. Lư để móng tay dài, tóc tai khi nào cũng thẳng mượt, càng ngày càng xa cách giấu kín, lừ lừ ít nói. Những căn nhà cứ từ từ mà mọc lên bao giờ không biết, vùng đồi cát hoang vu ngày nào chỉ toàn cây dại thú hoang giờ đã có xóm trên xóm dưới, xe lục lộ chạy lên chạy xuống ầm ầm cán nhựa làm đường, gió bớt lồng lộng từ bốn hướng. Ông kỹ sư lục lộ hay vào nhà xin ngồi nghỉ trưa uống nước mang tặng mẹ tôi những bao xoài cát những xấp vải lụa. Hai gò má ửng hồng bên bếp lửa, những giọt mồ hôi lấm tấm hai bên thái dương dưới những sợi tóc còn đen mỏng, mẹ cắm cúi nấu cơm mặc người đàn ông ngồi nhìn chăm bẳm kể lể đủ thứ chuyện trên đời. Tôi nhìn theo mắt ông ta nhưng chỉ thấy mẹ lúc nào cũng buồn rầu lem luốc vất vả, chẳng bao giờ được chưng diện son phấn như người ta. Những trái xoài cát tươi rói ngọt lịm ông ta hái từ vườn nhà, mẹ cho tôi và Lư tha hồ ăn. Xấp vải lụa mẹ không cầm, ông ta cứ để trên bàn. Mẹ làm gì có thì giờ cho người đàn ông lạ, tôi và Lư ăn cơm xong là mẹ thúng gánh nhào ra chợ tiếp. Nhưng cha tôi cầm rìu bổ rầm xuống chiếc bàn ăn gỗ mun tét một đường dài và rồi là tiếng la hét kêu rú chạy quanh điên cuồng hoảng hốt.

Mẹ tôi mang khuôn mặt tím bầm trở về từ bệnh viện lầm lì. Nửa đêm thức dậy nghe mẹ khóc rấm rứt sát mặt mình, buồn hoang

mang, "Con ơi, chắc mẹ phải bỏ đi thôi. Cha con là một thằng điên!" "Mẹ không yêu cha con được, nhưng làm sao bỏ các con đây hả con?" Ngày tháng đầy tiếng gây gỗ chửi rủa. "Tôi thù ông, khổ suốt đời vì cha con ông! Đừng hòng bắt tôi đẻ thêm. Đi kiếm một hốc cây mà đút vô. Đừng hành tội tôi nữa!" Mỗi buổi sáng khuôn mặt cha đầy căng thẳng, ông sẽ quát tháo cáu bẳn một hồi trước khi hối hả cầm hộp đựng cơm đi làm. Có lúc tôi đứng ở cửa sổ nhìn theo dáng đi tội nghiệp của cha, cái cẳng bị teo tóp này cố gắng lết một cách khổ sở cho kịp chiếc chân khỏe mạnh kia, càng vội đi cho nhanh thì dáng đi trông càng kỳ dị. Mỗi đêm trước khi đi ngủ, mẹ ngồi đếm những tờ bạc nhàu nát mặt nhăn nhúm lo âu. Tôi trốn vào phòng, trèo lên ngó ghê tởm những con chuột con đỏ hỏn nằm phình bụng trên trần nhà nhưng không nỡ bắt ném đi.

"Sự sống, sự sống để làm gì mà nặng nề đau khổ đến thế cho cha mẹ tôi, cho tôi? Tôi đã bị cướp đi sự thơ ngây và lòng tin cậy để còn tiếp tục..." Chữ chị Lam nghuệch ngoạc lem nhem. Tôi cạy những viên gạch trên tường, khoét một khoảng trống nho nhỏ cất vào đó con búp bê nhỏ bé làm bằng vải độn bông mặc áo đầm xanh viền thêu ren trắng, lầm thầm một mình, "Mày chết rồi! Chôn mày đi!"

Bây giờ đồi cát vẫn tinh nguyên, tôi quì xuống bên một bụi xương rồng mập mạp, hai bàn tay trong suốt vọc sâu xuống cát vốc lên quả trứng có những đường vân xanh xanh hồng hồng ngắm nghía. Tiếng chân Lư và Đen xạt xào dò hỏi trong gió thì thầm, "Còn con rắn mẹ đâu?" Tôi đào cát lấp lại trứng. Chỗ này cũng là nơi Mimi trốn ra nằm những ngày già bệnh bắt tôi đi tìm lung tung đây. Nó chẳng buồn ăn đĩa cơm tôi mang tới, chuồi mõm xuống cát không phản ứng lại những cái vuốt ve của tôi. Hai con mắt mệt mỏi buồn rầu bảo, "Thôi Ly về nhà đi, ta muốn nằm yên lặng một mình ở đây."

Nắng nhạt dần, đồi cát phớt màu xám mỏng mênh mông. Ngày xưa, khi trời vừa dịu nắng là tôi đã chạy về nhà, sợ sự vắng vẻ của những buổi chiều tà trên đồi. Ban đêm thì có lẽ chỉ có những con thú hoang và rắn rết mới lui tới chỗ này. Mimi gật đầu, "Ừ, ngày xưa. Sáng hôm sau ta về chạy quanh chân Ly ba vòng rồi mới ngã xuống, còn nhớ à?" "Nhớ chứ sao lại không, đúng ba vòng..." Tôi trả lời xoa đầu Mimi rồi lửng thững trở về nhà. Tôi cũng còn nhớ tôi đã cất con búp bê vải độn bông bé bằng cái lon nước ở đâu.

Đứa bé gái quì xuống khom đầu cúi nhìn sát chiếc lưới nhện giăng móc trên mấy cành cỏ hoang. Con nhện nhỏ màu xám tro có

những cái cẳng dài co quắp, nhúc nhích di chuyển một tí rồi nằm yên bất động. Đứa bé kêu lên, "Ê tụi bây ở đây có con nhện này! Nhện ơi, đang làm cái gì đó?" Hai thằng con trai đang cầm que gõ lóc cóc trên mấy cột trụ xi măng đã đổ nát phá lên cười, " Khùng. Nhện đâu biết nghe tiếng người!" Đứa bé khoa bàn tay bé tí của nó trước những sợi tơ, con vật vẫn nằm im không nhúc nhích. "Nó không sợ, tụi bây ơi!" Thằng bé lớn hơn leo lên bức tường gạch chỉ còn non nửa cái chiều cao, đứng dang hai tay lấy thăng bằng, hét lớn, "Xem đây!" rồi cong mình lộn nhào nhảy xuống. Đứa bé gái lẩm bẩm, "Té ra mày không thấy gì hết. Mày đâu có thấy tao! "

Những vệt máu trên mấy bậc đá rửa màu lục nhạt đã thâm khô từ nhiều ngày vẫn còn đó khi tôi kéo những tờ nhật trình đậy bên trên ra. Tôi ngồi xuống, lấy một đầu ngón tay rờ rẫm. Cha tôi cười mừng rỡ, giọng ấm áp âu yếm như vẫn luôn như thế với tôi, "A, Ly về rồi đó hả con?" Tiếng dép lạt xạt quen thuộc âm mạnh âm yếu tiến về chỗ tôi và mẹ kêu "Ui chào, nó về rồi kìa!" nhẹ nhõm. Tôi nói, "Dạ, con đây...!" và chảy nước mắt.

Mọi đồ vật trong nhà còn y nguyên, không xê dịch thay đổi, cái tủ chén già ở phòng khách chưng lỉnh kỉnh những chiếc ly thủy tinh cao cổ tôi đã bày ra mời nước mỗi khi có bạn bè đến chơi, bình trà cổ khắc chạm hai con rồng uốn lượn đã mẻ miệng, những cái tách bé tí gãy quai, gạt tàn đá trắng hình con voi, mấy cái ghế gỗ rộng. Trong bếp cái bàn ăn còn nguyên vết rìu chém đựng đầy hủ nọ lọ kia bịt bằng những mẫu giấy dầu ố cũ, những con dán to tướng chạy ra lấp ló như chào hỏi từ cái tủ gỗ chứa nồi niêu soong chảo đen thui móp méo. Phòng nhỏ của tôi trên gác, bàn viết vẫn nhìn ra lan can có ba chậu bông hồng cha trồng cho tôi còn đang hoa đỏ thắm. Lọ mực, cây bút máy ngay ngắn bên cạnh mấy cuốn tập, những cuốn sách tôi thu nhặt đây đó thời trẻ vẫn san sát đứng trên kệ. Cả những lá thư ướt át trẻ dại nhớ thương cũng còn trong hộc tủ.

Chiếc giường nệm sờn rách còn ấm hơi người, tôi nằm xuống nghiêng đầu nhìn Thục đang khoe răng khểnh ra cười nũng nịu, "Không nhớ hả? Nhớ mà sao không ôm!", nhắm mắt nghe môi Xoan nóng hổi mê man vùi trên ngực đi lần xuống bụng, "Yêu Ly nghe?" Và Hài đang nhào tới vừa khóc vừa đấm thình thịch lên người tôi điên dại, "Đồ phản bội! Đồ phản bội!' Rồi là Khanh là Vân đang khúc khích trêu chọc, "Ôi, nó ghen quá rồi!" Mẹ tôi thở dài quay mặt đi, " Loạn quá..." Tôi cười rạng rỡ, cả thân thể bừng lên ấm áp, hiếu kỳ say đắm

từng phân vuông trên người của mỗi đứa con gái xinh đẹp như bông rừng hoa núi man dại quanh tôi. Những cơ thịt dưới bụng họ rung lên làm tôi thích thú, tiếng rên khẽ khoái lạc của họ làm tôi sung sướng. "Có hạnh phúc không? Yêu lắm phải không?" Những đôi mắt đen lánh long lanh cười lên bí mật đồng lõa và màu hồng trên mặt họ đẹp làm sao, ngắn ngủi thoáng qua làm sao. Họ nắm lấy tay tôi như ngày xưa, cười trong trẽo, môi mi đều lay động, "Rồi tụi mình phải đi lấy chồng cả thôi, đẻ ra những đứa con có da trắng ngà và những con mắt màu tím!" Cha tôi cầm những chiếc mũ của đám con gái trên tay, đếm một mình, "Mũ trắng, mũ xanh, mũ đà, mũ đen, mũ xanh, mũ hồng, mũ trắng..." Rồi bật cười kêu lên như reo, "Tự do! Màu chi thì màu!" A, cha thương con biết chừng nào. "Ừ, hồi nhỏ con thiệt là ngoan, con dễ thương lắm, không hay khóc lóc..." Vậy mà lần về trước cha nằm dài bất động trên chiếc ghế bố cho tôi năn nỉ khóc, "Cha ơi, đừng chết, đừng chết, cha ơi..."

Tôi khóc cái chết của ông ba lần những ngày ấy, mỗi lần cách nhau khoảng mười năm đời người, nước mắt cứ tuôn ra như suối. Lần này bình thản lạ lùng, mân mê rờ những vệt máu trên bậc thang lầu tôi hỏi dịu dàng, "Cha có bị đau không?" và nghe ông cười nhỏ, "Không, chẳng đau chi, cha chỉ đi theo mẹ. Sợ mẹ con đau thôi. Nhưng mà cũng mau lắm, đơn giản lắm, con ạ." Mẹ tôi vẫn hay hờn dỗi như bao giờ, buông câu trách cứ từ cuối căn phòng khuất tối, "Sao không hỏi mẹ này? Hỏi chi cái ông điên đó?" Tôi đến ôm bàn tay bà mềm lủn những đường gân phồng, vuốt ve và đưa áp lên mặt, "Lúc nào con chẳng yêu mẹ, chẳng xót ruột yêu mẹ, hả mẹ?"

Những chiếc bóng chúng tôi lung linh ngã vào nhau, như ngày nào, tôi vẫn quấn quít, cựa quậy, ở giữa họ.

"Mai mốt chỗ này sẽ là một cái buyn- đinh rất đẹp!" Thằng lớn hơn đi lòng vòng quanh đống gạch đá đang được đập phá và dọn đi dang dở , "Bố tao bảo thế." "Ngày xưa, lâu thật là lâu, ở đây toàn là cây xương rồng," đứa kia thêm vào, "và có những con ngỗng, ngỗng cắn đau lắm, chúng mổ cả những con rắn, Bà tao nói vậy đó. Chẳng có ai ở đây cả!" Đứa bé gái bĩu môi, giọng xảnh xẹ, "Mày biết gì! Không ai ở sao lại có nhà!' "Nhà đâu mà nhà?" thằng con trai nhỏ gân cổ lên cãi. Đứa bé gái nhảy nhót chạy men những bờ tường đổ, rà tay lên những viên gạch phai màu mòn cạnh, "Trước kia người ta ở đây nè, đây là phòng ăn , đây là phòng ngủ, ngu ơi là ngu!" Đứa bé trai lớn đề nghị, "Chơi tìm kho tàng! Biết đâu có một cái hủ vàng người ta chôn

giấu xuống đất rồi quên mất." "Chiều rồi, tao phải về!" đứa bé gái lắc đầu. Thằng nhỏ nhất tiếc rẻ nhìn quanh, chắc mẩm phải có một kho tàng ở đâu đó trong khu đất đổ nát này và nó phải tìm thấy trước khi người ta xây buyn-đinh lên. Nó thỏ thẻ thuyết phục, "Một lát nữa thôi. Mẹ mày chưa về đâu..." "Bố tao thì lâu lắm mới về một bữa!' thằng con trai lớn nhún vai.

Tôi biết anh Lưu sẽ làm gì nhưng không buồn nói. Anh sẽ làm cái trò vô ích đi lên đi xuống những căn phòng ngắm nghía thu dọn đồ đạc cho vào những cái thùng giấy lớn rồi gọi người đến chở đi. Mẹ tôi cương quyết bắt ghế ngồi ngáng ở cạnh cửa không cho bất cứ ai di chuyển những vật dụng bà tích trữ từ bao nhiêu năm ra khỏi nhà. Mẹ kêu lên tiếc rẻ, "Để đó, đừng có quăng uổng!" khi chị Lam đem đám chai lọ lủ khủ của bà ra chiếc thùng rác phía sau nhà. "Cái gì mẹ cũng giữ, không biết để làm gì." Giọng chị Lam phản đối buồn bã, mỏng như gió thoảng. Chị không nhìn anh Lưu khi họ đi ngang qua mặt nhau, không thấy, như những ngày cuối còn sống chung trong một căn nhà.

"Anh là anh trưởng!" anh Lưu gằn giọng. Tôi cũng không thấy anh Lưu, chỉ có chị Lam quay nhìn ra cửa sổ, nửa mặt ngó nghiêng thanh tú xinh đẹp. Chị mới mười sáu tuổi. Thân thể căng đầy sức sống, những chiếc áo dài lụa trắng chật dần đi nhưng mẹ chưa có tiền cho chị may áo mới cứ làm cho đôi vai càng thấy tròn hơn, hai trái vú mọng hơn. Hồi đó hai mắt anh Lưu hay ngừng trên ngực chị Lam, "Cấm em không được có bồ!" Nhưng những chàng thanh niên thỉnh thoảng vẫn đưa thư và có kẻ đến trường sau giờ tan học để hộ tống chị về nhà. Mặt chị một dạo buồn hẳn đi, chị bỏ ăn trùm chăn kín mít nhiều ngày, không còn chải tóc cho tôi cũng không giúp tôi giải những bài toán nữa. Có lúc chị đứng ngó trừng trừng ra ngoài trời và hét, "Tại sao? Tại sao?!!"

Những trang nhật ký loang lỗ nước mắt của chị Lam tôi chỉ đọc được sau ngày chị đi, chúng kể những điều làm tôi rùng mình kinh tởm. Tôi bảo Lư đừng nói ai nghe và nó lồng lên như con thú dại, "Lư giết nó! Lư phải chém cho nó chết đi thằng khốn nạn!" Nhưng mấy năm sau Lư cũng bỏ đi như chị Lam . Tôi biết tin Lư đi một buổi chiều trời mưa xám xịt khi mới đi học về, mẹ tôi khóc kể thảm thiết và cha ngồi một chỗ bất động nhìn ra cửa, nước mắt ứa. Tôi vẫn tưởng tượng lúc ấy Lư đang nằm ngủ trên chiếc võng máng qua hai chạc cây trong rừng, khuôn mặt còn non dại của nó khi ngủ trông thật bình an ngây thơ. Những viên đạn đi xuyên qua người Lư rất nhanh chắc nó không

kịp thấy đau. Tôi kể cho Lư nghe sự mường tượng của tôi và Lư nói, "Mới mấy ngày trước đó Lư còn dắt Ly đi quán cà-phê. Ừ sao tự nhiên bữa đó về nhà rồi quyến luyến không muốn đi nữa, đã tính trốn vậy mà sợ ở tù lại cũng đi. Đù mẹ chiến tranh, Ly hả?" Rồi Lư cười, đôi môi đỏ hồng như con gái, "Giờ thì khỏe rồi. Không thèm làm lính tráng gì nữa. Lư vẫn cặp kè đi chơi với Đen đều đều thôi. Đen xì ke Ly à, nhưng Lư không bắt chước nó đâu."

Mặc anh Lưu lăng xăng chạy lui chạy tới, tôi đi xuống bếp với dì Tam. Người đàn bà chỉ lớn hơn tôi mười tuổi, người giúp việc nhà, người tình cuối đời của cha tôi đây, thảo nào dạo sau này ông lại mua về những cái áo thung rất trẻ trung và mặc quần sọt như chuẩn bị đi đánh banh, lưng đột nhiên thẳng lại và trông trẻ hẳn. Dì Tam đang lúi húi bên cái lò ga, quậy thức ăn trong nồi bằng đôi đũa tre, bối rối chào, "Cô mới về?" rồi buồn tủi, " Tôi chỉ ở thêm buổi chiều này thôi, thăm ông rồi tôi về nhà tôi cô ạ." Tôi cười nghi ngờ, lạ lùng, "Dì thương cha tôi thật à?" Người đàn bà hai mắt đỏ hoe, cúi xuống im lặng. Tôi kiếm lời an ủi, "Dù sao cha tôi cũng đã già quá, gần tám mươi rồi mà Tam. Đừng buồn. Dì còn trẻ, còn cơ hội gặp người khác." Khuôn mặt dì Tam nghiêng cúi xuống, thầm thì, " Nhưng ông là người tốt, rất là tốt..." Mẹ tôi thở ra, lắc đầu phì cười, "Tự nhiên già sinh tật con ơi, mẹ không thèm nói chi cả." Còn cha tôi lúng túng ho khan, "Cha thiếu tình cảm, mẹ con có đời nào thương cha đâu."

Ít ra cho đến hôm nay cha mẹ đã dịu dàng hẳn với nhau so với những ngày tôi còn bé. Vậy mà họ cũng đã sống với nhau đến hết cuộc đời, đó cũng là một thứ tình yêu dù cay đắng. Tôi về phòng, đo bằng gang bàn tay, đếm một, hai, ba,... Đây là chỗ tôi đã chôn con búp bê bằng vải chị Lam đã khéo tay làm. "Chị tha thứ cho anh Lưu chưa, chị Lam?" Chị Lam cười hiền hậu, kéo tôi sát vào người, cầm chiếc lược đồi mồi chải tóc cho tôi, "Ly ơi, tóc mày bù xù như cái tổ quạ!"

Những đứa bé vờ vĩnh chạy lăng xăng vòng quanh những đống gạch đá như ba con kiến nhỏ đi tìm kho tàng của chúng. Mỗi đứa kiếm cho mình một nhánh cây khô cầm tay để xoi xuống đất, nạy lên những vụn vỡ, gõ cả vào tường, làm bộ áp tai xuống mặt đất nghe ngóng. Hai đứa con trai nản chí sớm xoay qua trò chơi đấu kiếm, đấu súng rồi đấu bằng bom nguyên tử của người địa cầu cùng với sinh vật hỏa tinh, đất cát ném qua ném lại ào ào. Đứa bé gái nhặt một miếng gạch nhỏ, bặm môi khắc bốn chữ "LAM ĐÃ Ở ĐÂY" lên bức tường đổ. Nó phải đè mạnh tay lắm chữ mới hiện ra được. Viết xong chữ Y,

nó nhoẻn miệng cười.

Chợt nhìn thấy một mảnh cạc-tông đã vàng ố mục rã treo lủng lẳng dưới hàng chữ của nó vài gang tay, đứa bé gỡ ra, cúi mặt nhìn vào. Giữa khoảng hổng của bức tường có một con búp bê bằng vải đã cũ, bé bằng cái lon nước... Đứa bé reo lớn lên, tim đập nhanh trong ngực. Nó cầm con người vải nhỏ tí trong tay, sung sướng kinh ngạc như bất ngờ tìm lại được một vật quí giá đã mất. Có gì như quen thuộc. "Mình đã từng nhìn thấy con búp bê này rồi, nhưng hồi nào, ở đâu?" Nó cố moi óc ra mà nghĩ.

Rồi đêm cũng thật êm ả nhẹ nhàng trong căn nhà của cha mẹ tôi. Họ đã vào phòng nghỉ sớm sau khi bảo tôi đừng bận tâm về cái trượt té của mẹ trên cầu thang.

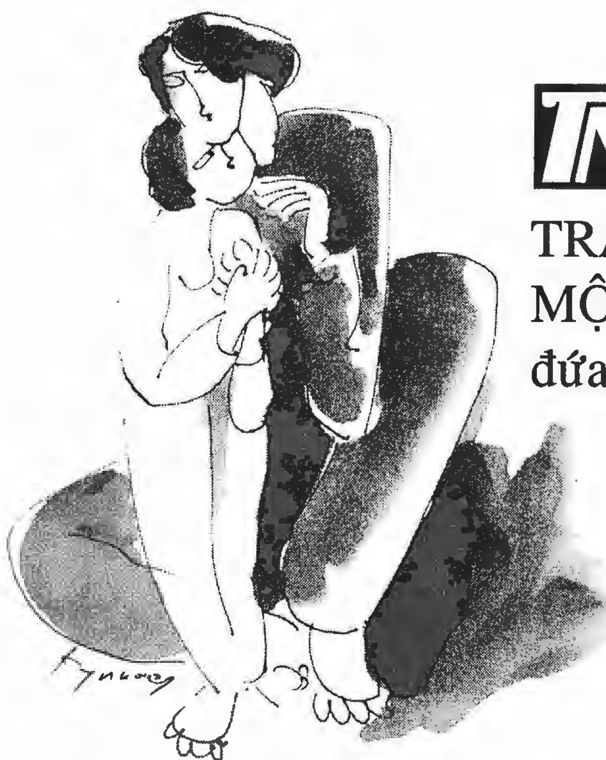
"Nói vậy thôi chớ ai mà không té hả con. Hồi nhỏ con chơi u mọi té lên té xuống, hai đầu gối đầy sẹo, máu chảy ròng ròng." Một chân mẹ gác lên đùi cha, ông quàng tay qua người mẹ, cả hai ngủ đi ngon lành như hai đứa bé. Lư ngồi đàn ngoài lan can, bên cạnh nó chị Lam đang ngả đầu buông giọng hát theo, tiếng mỏng nhẹ như gió.

Cái cảm giác này, không phải tôi đã chờ từ rất lâu rồi sao. Tôi đã nghĩ tôi không thể nào thật sự tự do nếu một người thương yêu nào của tôi còn đang đau khổ. Còn con búp bê vải của tôi, nó vẫn còn nằm ở cái vị trí mà tôi đã đặt nó xuống gần trăm năm về trước, vẫn xinh đẹp qua bao nhiêu thời gian, chẳng phai màu, không cũ đi một mảy may nào cả. Ban nãy tôi thật mừng rỡ tìm thấy lại nó, tuổi thơ tôi, nhưng khi tôi vừa định đưa tay để chạm tới thì bỗng dưng nó lại biến mất đi như có một bàn tay vô hình nào đó đã cầm lấy trước tôi trong chỉ một tích tắc! Cảm giác lạ, mà chẳng có gì đáng sợ – tôi đâu còn phải sợ hãi điều gì nữa đâu, cũng thật là sung sướng để nhận ra điều này. Có ai đó, cái gì đó tôi không thấy, không biết, chung quanh đây, một thế giới khác...

Nhưng căn nhà vẫn rất yên tĩnh, chỉ có gió mát rượi lùa qua những cánh cửa khoảng khoát không bao giờ khép lại. Tôi thong thả nằm duỗi xuống bên tiếng thở rất nhẹ của những cây xương rồng xanh thẫm trên đồi cát thênh thang tắm đẫm ánh trăng, trong hai mắt Mimi long lanh ướt sáng nhìn lên trời cao, có tiếng cười trong trẽo tít tắp trên mấy ngôi sao.

Và tôi cảm thấy thật là thảnh thơi.

TRẦN SA
3/2001





TRẦN MỘNG TÚ
đứa con

Gió lùa qua cửa sổ, lật nhẹ tấm chăn đang đắp trên người A Sây. Thằng bé đang nằm co trên tấm ván ngủ trưa. Mùa Đông ở Bắc Kinh thật là lạnh . Người mẹ kéo chăn đắp lại cho con. Cái cửa sổ cũ kỹ lúc nào hai cánh cũng như muốn rơi ra, suốt buổi sáng chị đóng đi, đóng lại cả bao nhiêu lần rồi, chị có lấy sợi giây buộc lại, mà nó vẫn cứ tung ra. Chắc lại con bé đó đến phá, chứ còn ai vào đây nữa.

Con bé độ 6, 7 tuổi, nhà nó chắc cũng không xa lắm, nên nó hay đến nhà chị chơi.

Nó muốn đến lúc nào thì đến. Sáng sớm tinh mơ khi chị vừa mở cửa ra quyét sân, hay trời chập choạng tối, khi chị ra xem lại cửa ngõ. Lúc nào nó cũng đói, mà nhà chị cũng đâu dư ăn, chị phải chia một phần ăn của A Sây cho nó. Chị hỏi nó nhà ở đâu , thì nó chỉ tay ra ngòai đường , chị chẳng biết hướng nào. Nó nói tên nó là A Múi. Hỏi tên cha mẹ thì nó không biết. Thường con nít ở tuổi này không biết tên cha mẹ. nên chị không hỏi nữa. Nó và A Sây rất hạp với nhau. Thằng bé lên năm không bao giờ thấy ganh tỵ hay ghen ghét khi mẹ chia phần ăn của mình cho con bé.

Người đàn bà khoảng 60 tuổi, đội một chiếc khăn đen cũ, chùm ra phía trước, che gần hết nửa mặt. Bà ta từ lúc vào nhà không nói một câu nào, bà tự kéo cho mình chiếc ghế đẩu ra ngồi ở một góc phòng. Đó là A Phồ. Cả làng này hầu như những bà mẹ trẻ điều cần đến bà ta.

Trong chiếc phòng nhỏ, tối đen, còn hôi mùi thuốc Bắc, người mẹ vạch vú ra cho con bú. Người bố đứng bên cạnh bồn chồn, chân tay anh thừa thãi không biết cất vào đâu. Cái trán hẹp của anh cau lại, những vết nhăn hằn sâu xuống, hai bên má anh hóp vào, nhưng cằm anh lại bạnh ra như anh đang nghiến răng cắn một miếng gì rất cứng trong miệng. Anh đứng nhìn vợ cho con bú, thỉnh thoảng lại đưa tay ra muốn bế lấy đứa bé, nhưng thấy vợ vẫn cúi xuống ôm chặt con, anh lại co tay vào.

Căn buồng im phắc, chỉ nghe thấy tiếng thở của những lá phổi lép xẹp.

A Phồ cởi chiếc khăn chùm đầu ra, giũ một cái, xong lại đội lên đầu. Đó là thói quen của bà trước khi bắt tay vào việc. Bà làm công việc này 15, 16 năm nay rồi, bà biết phần đông thân chủ của bà , đợi cho bà làm hành động cuối cùng. Bà đứng lên đi vào buồng sản phụ.

Căn buồng tối như bưng, nhưng bà biết rất rõ vị trí của chiếc giường. bà đi thẳng đến, lạnh lùng cúi xuống xốc đứa bé ra khỏi tay người mẹ. Người mẹ không giằng lại, hai cánh tay chị mềm nhũn ra, rồi cả thân thể chị rũ xuống như một chiếc chăn mục. Người bố chạy a lại vừa lúc giơ tay đỡ người mẹ ngã xuống, anh nhìn theo người đàn bà ôm đứa bé bước ra như một cơn gió

A Phồ đem đứa bé về nhà mình, đặt đứa bé vào một cái chậu. Bà đi nhóm lửa hâm một chén cháo ăn cho ấm bụng, Bà nghĩ đến những khoảng đất trống ở sau những ngôi chùa. Khu nào còn chỗ, khu nào không . Hình như khu nào cũng đã kín cả rồi. Chắc lần này phải đem ra bãi đất cạnh bờ sông.

Ăn xong bát cháo, A Phồ ra đổ nước tắm cho đứa bé. Đứa bé được ngâm trong nước với nguyên cả quần áo và khăn quấn. Nó quẫy nhẹ lên một cái như con cá nhỏ, rồi nằm im. Nước bao quanh và phủ kín nó.

A Phồ để nó nằm đó, đi ngủ trưa một giấc đã. Bát cháo hành có thêm qủa trứng thật là bổ, nó làm cho đầu óc A Phồ lâng lâng.

Trong cơn ngủ chập chờn của A Phồ , bà thấy có bao nhiêu là đứa

trẻ đến vây quanh giường. Chúng toàn là con gái. Đứa khóc oe oe, đứa nhẩy ầm ầm. A Phồ xua tay đuổi chúng , chúng không chịu đi . Bà quát to lên:

- Hãy về mà quấy phá cha mẹ bay.
- Không phải lỗi ở tao

Bà càng quát tháo, chúng đến càng đông . Cuối cùng bà hét lên một tiếng thật to rồi

vùng dậy ra khỏi giường. Bà ôm xốc đứa bé đang ngâm trong chậu nước, quơ tay với cái xẻng dựng ở góc nhà, chạy như bay về phía bờ sông.

Con sông mênh mông, nước đen ngòm. Buổi tối không trăng sao, nhưng gió thổi mạnh qúa ! Tiếng gió chạy rào rào trên những bụi cây gai ở bãi đất hoang, thỉnh thoảng lại có tiếng đập cánh kèm theo một tiếng kêu quác quác của loài chim đêm nào đó bay vụt ra từ những gò đất ở bên dưới, làm kinh động cả những đứa bé đang ngủ trong những căn nhà sát bờ sông. Những đóm lửa đom đóm nhấp nháy trên đầu những ngọn cỏ , là những ngọn đèn giúp cho A Phồ tìm được một chỗ nằm cho đứa bé đang bế trên tay. Bà dùng một chiếc xẻng đã gẫy cả cán , mà trong lúc hấp tấp ra khỏi nhà đã quơ vội theo, đào một cái hố nông choẹt . Bà đặt đứa bé còn ướt sũng xuống đó, dùng hai

chân đá đá vội vàng chỗ đất vừa đào lên , một mảnh khăn quấn của đứa bé còn lòi ra

trên mặt đất. Trong bóng tối, chéo vải mầu trắng trông như chính cái vạt aó của A Phồ đang mặc , làm bà sợ hãi . Bà hấp tấp bẻ một cái cành cây ngay tại cái bụi gần đấy phủ lên cái mầu trắng đó, dùng chân dậm dậm thật nhanh trên mô đất. A Phồ ra về.

Nhưng A Phồ không về ngay được. Vừa chân cao chân thấp chạy chưa được dăm bước, A Phồ vấp ngay phải một đám trẻ con gái dắt tay nhau chặn bà lại. Chúng làm thành một vòng tròn quay chung quanh bà. Cái vòng thật là khít khao, không một khe hở, và cứ càng lúc càng thu nhỏ lại. Rồi bỗng nhiên đám trẻ con gái đó trở thành một sợi giây thừng kiên cố , trói nghiến A phồ lại. Khi A Phồ ngã lăn quay trên mặt đất, thì sợi giây lại bật tung ra, A Phồ chưa kịp ngồi dậy thì những đứa trẻ lại xuất hiện. Chúng đem tới một cái chậu thật to, đầy nước , rồi xúm lại khênh A Phồ đặt vào trong chậu. A Phồ cố vùng vẫy nhưng không thể nào thoát ra khỏi những bàn tay nhỏ xíu đó. Mỗi lần A Phồ

muốn ngóc đầu lên, thì lại có một bàn tay nhỏ xíu ấn đầu xuống. Chúng vừa tắm A Phồ trong nước vừa ca hát, thỉnh thoảng lại có tiếng

trẻ khóc chen vào cùng tiếng hát.

A Phồ quẫy nhẹ một cái cuối cùng như con cá, rồi nằm luôn trong chậu. Những đứa con gái để A Phồ nằm đó. Chúng rũ nhau đi nhom lửa nấu một nồi cháo ăn cho ấm bụng.

Con bé tối nay lại đến. Trời lạnh thế này mà cha mẹ nó để cho nó lêu lổng, chắc tại là con gái nên không thiết. Ở cái xứ sở này mà chỉ có một đứa con gái, là nỗi bất hạnh cho cha mẹ. Mẹ A Sây đi lấy một chén cơm cho nó ăn, nhà chẳng còn gì, có cơm trắng là may lắm rồi. Chị rắc rắc một chút nước tương vào cơm cho nó. Nó ăn có một chút rồi bỏ đôi đũa xuống, nhìn quanh. Chắc nó muốn tìm A Sây, A Sây tối nay đi theo cha nó sang bà nội. Nhà chỉ có một mình, bất giác chị muốn giữ con bé ngủ lại với chị. Con bé ít nói, nó chỉ nói với A Sây, và hay gật hay lắc đầu với chị. Hình như đọc được ý chị, con bé tự

đi vào nhà sau một mình, nó đi thẳng đến chiếc giường ngủ của mẹ con chị như đang ở nhà nó vậy. Nó ngồi lên giường, bỏ thõng hai chân đong đưa, ngước hai con mắt đen láy

nhìn chị. Chị đi lấy cái lược chải đầu cho nó, tóc nó rối bù. Chải tóc xong, chị bỗng muốn ôm nó vào lòng mà cứ ngập ngừng mãi, không dám. Hình như nó biết chị muốn gì,

nhưng nó không có cử chỉ nào khuyến khích chị, nên chị lại thôi. Trong mắt nó hình như vừa có vẻ tha thiết, lại vừa có vẻ giận hờn. Chị không đoán được.

Chị đi giăng mùng, rồi lấy cái gối của A Sây đem vào cho nó. Nó ngoan ngoãn nằm xuống cạnh chị, chị quàng tay sang ôm nó. Trong bóng tối nhờ nhờ của ngọn đèn ngủ, chị thấy nó mỉm cười, hai mắt nhắm lại. Một nỗi êm ả đến cảm động lan khắp thân thể chị. Bất giác chị ứa nước mắt.

Nửa đêm, người mẹ chợt thức, chị quơ tay sang bên cạnh, không thấy con bé đâu cả. Chị ngồi dậy thắp sáng ngọn đèn. Trong giường, bên cạnh chiếc gối của A Sây, chỉ thấy một bộ quần áo trẻ sơ sanh sũng nước.

TRẦN MỘNG TÚ

Tháng 3 năm 2001



Paul Gauguin: *Self-Potrait*, 1888



VÕ ĐÌNH

go-ganh và "noa noa"

Ngày 4 tháng 4 năm 1891, một họa sĩ Pháp, gốc Bretagne, đáp chuyến xe lửa xuôi Nam ở Paris, rồi từ Marseilles đi tàu (thủy) về biển Thái bình, về Đại dương châu, về đảo Tahiti thuộc quần đảo Polynesia. Những gì xảy ra sau đó, mọi người đều biết. Như câu thành ngữ Anh/ Mỹ: "the rest is history" (1)

Ở đây, chúng ta hãy cương quyết đừng kể đi kể lại những chi tiết thật hấp dẫn trong cuộc đời trôi nổi của Paul Gauguin (PG): Cùng với Vincent van Gogh, ông là một trong những nghệ sĩ Đông Tây, cổ kim từng được nói đến nhiều nhất. Kho tàng sách vở, báo chí về ông đã quá đồ sộ rồi, thêm vào chỉ là một việc làm thừa thãi.

Tuy nhiên, chúng ta cần nêu ra đây hai điểm thật quan trọng. Quan trọng vì có liên hệ trực tiếp với chúng ta, những người Việt nam yêu văn chương, hội họa, những người đặc biệt yêu Gauguin.

Thứ nhất, PG là một trong những nghệ sĩ có ảnh hưởng lớn lao nhất trên nghệ thuật hình sắc hiện đại (modern visual arts) của Việt nam, thời kỳ trước 1975, đặc biệt giai đoạn trước 1954, trước cả 1945. Chúng ta chỉ cần khẳng định thế mà thôi, không cần đi vào chi tiết.

Đây là một đề tài nghiêu khê, đòi hỏi được phân tích và luận giải trên một diễn đàn (sách, bài) rộng lớn hơn, thích hợp hơn, có tính cách "hàn lâm" hơn.

Thứ hai, cuộc đời và tác phẩm của PG bắt chúng ta phải suy nghĩ về chính hoàn cảnh của chúng ta ở hải ngoại, những nghệ sĩ hình sắc (visual artists) của đất nước Việt nam. Mới nhìn qua đã thấy có sự khác biệt lớn lao giữa hai trường hợp. Một bên là một họa sĩ đã có ít nhiều tên tuổi (trước khi đi Tahiti, PG đã được biết đến như le maitre de Pont-Aven!) trong một quốc gia có truyền thống văn hóa, đặc biệt hội họa, phong phú và lâu đời, một quốc gia giàu mạnh. Một bên là những con người, trong những hoàn cảnh khác nhau, bị bứng rời ra khỏi quê hương, một quốc gia với một nền văn hóa không kém phong phú và lâu đời, nhưng là một đất nước nghèo khó và chậm tiến.

PG đi Tahiti, hoàn toàn tự nguyện. Chúng ta, cách này hay cách khác, đã đến tìm chốn dung thân ở các nước phương Tây tân tiến, như một chọn lựa chẳng đặng đừng. PG từ bỏ một cuộc sống phong lưu để lăn xả vào một môi trường hoang dại (PG ưa dùng chữ sauvage – savage) Chúng ta tách mình ra khỏi những cuộc sống thiếu an toàn để bươn chải trong những xã hội "văn minh" đầy tiện nghi và cơ hội.

Nhìn thoáng qua, đã thấy có sự khác biệt như thế. Nhìn kỹ hơn, chúng ta thấy, tuy có đủ thuận tiện để tiến thân theo trào lưu Ấn tượng đương thời, PG khao khát và quyết tâm đi tìm một nghệ thuật vững chãi hơn, gân guốc hơn. Chúng ta, ở hải ngoại cũng như ở quốc nội, loanh quanh lui tới trong những vòng bủa vây của hội họa Tây phương, với đây đó những tô điểm gọi là, làm ra vẻ Đông Á! Có được một cuộc trưng bày ở nước ngoài, chúng ta hãnh diện tưng bừng. Chúng ta mãn nguyện khi bán được tranh – trong khi vợ không đau mà con cũng chẳng đói. PG đi từ business (ông đã từng là một chuyên viên tài chánh có cỡ, lương bổng hậu hĩ) đến art. Chúng ta tung hô nghệ thuật nhưng trong lòng đau đáu chuyện "làm ăn". Có quá nhiều người giữa chúng ta yên lòng, bằng lòng, đành lòng với tình trạng hiện có.

Cuối thế kỷ 19, khi Âu châu nói chung, Pháp quốc nói riêng, đang lo làm giàu, khi đặc biệt văn chương và hội họa nở rộ (đó là thời, văn chương có Zola, Maupassant, Mallarmé, Baudelaire..., hội họa có Manet, Pissaro, Monet, Renoir...) vậy mà PG vùng dậy phản kháng. Vì có một PG mà hội họa Pháp mới vươn mình lớn mạnh, đổi thay hình dáng, để về sau đẻ ra những con mãnh thú – les Fauves— như Matisse, như Rouault, như Derain, như Braque... Từ những năm đầu thế kỷ 20. Cho nên, chúng ta có thể tự hỏi: Rồi đây, những "người con gái Việt nam da vàng", hao hao Tây, hao hao Tàu, những cô gái ấy sẽ đẻ ra

những gì?

Sự kiện PG bỏ Paris ra đi và sống như một thổ dân hoang dại dưới Đại dương châu, rồi chết đơn độc trong một chòi lá ở đảo Marquesas được huyền thoại hóa và thương mãi hóa tối đa suốt thế kỷ 20. Mấy chục năm về trước, một nhà văn tài danh như Somerset Maugham, cũng đã lấy đời ông để viết cuốn tiểu thuyết ăn khách The Moon and Sixpence. Điện ảnh Hollywood cũng đã mời diễn viên thượng thặng Anthony Quinn thủ vai PG trong cuốn phim được hàng triệu người xem là Lust for Life về cuộc đời Vincent van Gogh. Trong những thành phố lớn như Paris, London, New York, cứ bước vào một tiệm sách báo hay ghé qua một quán nhỏ có bán bưu thiệp, là người ta thấy ngay tranh PG được in lại. Cùng những bức in lại tác phẩm của van Gogh, những reproductions tranh PG đã trở nên vô cùng quen thuộc (quen thuộc đến...nhàm chán!) như những cái tháp Eiffel nho nhỏ du khách ưa mua cất làm kỷ niệm chuyến viếng thăm Paris!

Những nỗ lực huyền thoại và thương mãi hóa này đã bốc lên một thứ sương mù bao vây lấy con người nghệ sĩ đích thực. Phải thành thật nói rằng rất nhiều người giữa chúng ta yêu chuộng PG qua những giai thoại. Một số nhỏ hơn, không những chỉ thích thú những giai thoại đầy quyến rũ ấy thôi mà còn, trong giới hạn nào đó, mê say những hình tượng và màu sắc đặc thù PG. Chỉ một số nhỏ hơn nữa, rất nhỏ, mới ý thức rằng đằng sau con người ngổ ngáo và ngang ngạnh ấy còn có một tâm hồn liên tục thao thức trở trăn. Đằng sau những mảng màu thắm rực, những hình thể đơn giản hóa cùng cực ấy còn có những hy sinh lớn lao của một đời người, một ý chí cương quyết và dứt khoát.

PG đi Tahiti hai lần. Lần đầu, 1891, ở lại đến 1893. Lần thứ hai, 1895, dời chỗ trú ngụ qua đảo Marquesas, cũng thuộc Polynesia. Ở đó cho đến chết, 1903. Tám năm. Tám năm gian khổ, thiếu thốn về mọi mặt (trừ, cố nhiên, nắng nóng nhiệt đới, và mấy nàng vahinés vú trần, da màu đồng đỏ) Đã có lúc PG bệnh hoạn, túng quẫn, trục trặc lôi thôi với chính quyền (Pháp, da trắng) địa phương, muốn buông xuôi, tính quay về Pháp, nhưng bạn thân của ông, họa sĩ Daniel de Monfreid ở Paris, đã viết thư khuyên can: "Đừng, đừng về... Bây giờ người ta không dám đụng vào ông nữa đâu, nhưng người ta lại coi ông như một người đã chết, một người chết được trọng vọng. Giờ này, tên tuổi bạn đã đi vào lịch sử hội họa."

Trong Lời Dẫn Nhập cho bản dịch Anh văn cuốn Noa Noa, Alfred Werner (2) viết: "Đáng ra, de Monfreid có thể nói thêm: và lịch sử văn chương"

Thật vậy. Werner viết:

"PG không được học hành đến nơi đến chốn (not a thoroughly educated man) cũng không có một bút pháp trau chuốt, bóng bảy. Tuy nhiên, như một người viết cũng như một người vẽ, ông có khả năng tự diễn đạt một cách phóng khoáng, không mặc cảm, không câu nệ; ông có biệt tài quan sát sắc bén, và luôn luôn tò mò về thực chất của mọi sự vật. Tuy thường được biết đến như một kẻ khó tính – và có lúc thật khó thương — ông cũng là người có một bầu nhiệt huyết sôi sục, sôi sục bốc lên thành những công trình nghệ thuật. Vì thế chúng ta trân quí những gì ông đã viết như chúng ta trân quí cuốn "Nhật ký" (Journals/Diaries) của Delacroix, hay những lá thư riêng (Lettres/Letters) của van Gogh.

"Noa Noa" (tiếng Tahiti là "hương thơm") là văn liệu được biết đến nhiều nhất của PG. Trong sáu thập niên qua (Werner viết những dòng này đầu thập niên 60 –ghi chú của V.Đ) bản văn này đã làm mê mẩn hàng ngàn độc giả. Họ xem nó như một bài tường trình mới mẻ từ một "Miền Huyễn" ("Never-Never Land"), như một phần tự truyện hấp dẫn, như một đóng góp cho sự hiểu biết của chúng ta về văn hóa Đại dương châu, hay như một ngọn đèn soi sáng cho sự thưởng ngoạn nghệ thuật PG của chúng ta." (2) (...)

"Đọc cuốn sách của PG, chúng ta hiểu ngay những lý do bất khả kháng đã xui khiến ông bỏ cả cuộc đời yên ấm đi mất hút về một hòn đảo nhỏ hàng vạn cây số xa cách Pháp quốc. Không thiếu gì người Pháp đương thời lớn tiếng sỉ vả ông: Thứ phiêu lưu vô trách nhiệm! Đồ hèn nhát trốn chạy! Cái loại người tự quảng cáo rùm beng! Và luôn luôn không thể thiếu trong những lời kết án: PG, hắn là thứ súc sanh không tim, không ruột! Ra đi bỏ vợ bỏ con như thế! Những lời kết án này có giá trị hay không, đây không phải là nơi cần bàn đến — chuyện này người ta đã mổ xẻ, phân tích nhiều rồi, buộc tội cũng có mà ngợi ca cũng có, trong chừng bốn mươi cuốn sách và vô số bài báo đăng tải đó đây.

Chỉ cần nói ngay rằng thực chất cái tự do mà PG đi tìm đâu phải là thứ ước mơ có tính cách vừa lẩm cẩm vừa bấn loạn của mấy anh đàn ông, bất cứ ở đâu, thời nào, cứ đến tuổi lưng chừng nửa đời là vùng vẫy trút bỏ những xiềng xích vô hình khỏi thân xác bằng một cuộc nổi loạn bất ngờ, chẳng đếm xỉa gì đến những hậu quả cả." (2)

(...)

"Từ khi chốn thị tứ ngày càng đông đúc, xô bồ (càng "lao xao", mượn chữ của Nguyễn Bỉnh Khiêm), từ khi cuộc sống ngày càng máy móc, càng "tiêu chuẩn hóa", con người phương Tây lại càng mơ tưởng đến một "thiên đàng" đã mất, một "thiên đàng" xưa kia tổ tiên của họ

đã bị xua đuổi ra đi. "Thiên đàng" đã mất mãi mãi hay là đâu đó trên trái đất này còn có một nơi con người có thể tìm đến trú ẩn.

Nghệ sĩ Pháp quốc thế kỷ 19 đã ra công tìm cho được khu "Vườn Địa Đàng" này. Các thành viên của trường phái Barbizon tin rằng họ đã tìm ra được nơi chốn tuyệt vời này tại một làng nhỏ ven bìa rừng Fontainebleau. Pissaro ẩn cư ở Pontoise, nơi một vài nghệ sĩ trẻ tuổi hơn, như Cézanne và Gauguin, đã đến vẽ những vườn trái cây và đồi cỏ trong vùng. Monet và Renoir lấy làm vừa lòng với khung cảnh đồng quê tĩnh lặng ngay trong miền Ile de France. Nghe tin PG chuẩn bị đáp tàu xuống Đại dương châu, Renoir nhún vai: "Trời Đất! Vẽ ở Batignolles (3) cũng quá đặng rồi!" (2)

(...)

"Hồi xuân? Có, PG muốn "hồi xuân" đấy. Ông muốn "hồi xuân" trong nghĩa cách tân nghệ thuật đương thời mà ông sợ đang khô héo dần trong cái cảnh vất vả khó khăn của khuynh hướng nghiêng về chủ nghĩa Tự Nhiên (Naturalism) mà hiện thân cuối cùng là Ấn tượng họa (Impressionism) tuy rằng ban đầu phong trào này cũng mang tính cách mạng đầy mình. PG chỉ "phản động" trong nghĩa ông mơ tưởng đến một bầu khí "tiền Phục hưng". Thời đó, mặc dù tất cả cuộc sống hàng ngày được nghi thức hóa và chế định hóa, con người nghệ sĩ, không phải nô lệ của Thực tại, vẫn còn có tự do vận dụng trí tưởng tượng và óc ảo ngông của hắn." (2)

(...)

"Trước chuyến đi Tahiti thật lâu, PG đã từng phát biểu:

Sử dụng, như một cái cớ , những đề tài lấy từ cuộc sống hay từ thiên nhiên, tôi tạo nên, bằng cách bố trí đường nét và màu sắc, những giai điệu, những hợp âm đặc biệt: Chúng không 'thực' trong nghĩa thông tục nào cả; chúng không biểu hiện trực tiếp một cái gì cả nhưng chúng có khả năng, như âm nhạc, làm cho chúng ta suy tưởng, suy tưởng mà không cần đến ý nghĩ hay hình ảnh, suy tưởng bởi cái tương quan huyền bí giữa não bộ chúng ta và nghệ thuật bố trí đường nét và màu sắc nói trên.

"Những phong cảnh 'trừu tượng' dệt trên thảm thời Trung cổ, vẽ trên những bích họa, hay trên những trang cổ thư "tiền Phục hưng" là những gì rất gần gũi với lý tưởng này của PG. Nhưng để được sống, được thở trong một bầu khí cho mình có khả năng tạo nên một nghệ thuật "phản thiên nhiên", chống cự lại được sự quyến rũ liên tục của truyền thống hậu Phục hưng Tây phương, PG thấy mình phải thoát ra khỏi Âu châu và trở về với thế giới hoang dại, thế giới ban sơ. Nghệ

thuật của thế giới này, không lâu sau đó, đã được một vài nhà phê bình đi tiên phong khám phá ra và đánh giá sâu sắc, nhưng rồi cũng chỉ bị tống giam vào nằm ì trong những viện bảo tàng vạn vật học mấy chục năm dài. Nhà phê bình (Sir) Kenneth Clark (4) có nói: PG đã phải làm một chuyến đại viễn du trong không gian để có được một chuyến trở về trong thời gian." (2)

*

Từ Marseilles. chiếc tàu chở PG lênh đênh trên biển mấy tháng trời mới cặp bến Papeete, thủ đô đảo Tahiti, cai trị bởi Pháp quốc. PG không ở đó lâu vì chán ngán thấy rằng:

"Cuộc sống ở Papeete nhanh chóng trở thành một gánh nặng.

Đó là Âu châu— Âu châu mà tôi tưởng đã lìa bỏ đi rồi – một Âu châu trong hoàn cảnh tệ hại, đua đòi se sua trên một mảnh đất thuộc địa, chỉ biết bắt chước, bắt chước một cách kệch cỡm, những thói hư tật xấu của chúng ta, những phong tục, thời trang của chúng ta, những hình thái phi lý của nền "văn minh" chúng ta.

Phải chăng tôi đã đi thật xa, thật vất vả như thế này chỉ để tìm thấy những gì tôi đã trốn chạy?"(5)

PG lần mò đi xa hơn, về tận một nơi xa Papeete hơn trăm cây số. Ở đó, ông đã tìm được cái không khí hoang dại ông đi tìm. Thư viết cho bạn là de Monfreid ở Paris:

"Bạn có biết, ở lại đây hai năm, có mấy tháng tôi chẳng làm cái đếch gì cả. Nhưng tổng cọng lại, trong hai năm ở đây tôi đã hoàn tất sáu mươi sáu tranh trên bố và một số điêu khắc phẩm. Khá bộn cho một người đấy chứ không à?" (5)

Thư viết cho vợ là Mette ở Copenhagen, Đan mạch:

"Em biết không, anh khá vừa lòng với những họa phẩm mới hoàn tất sau này. Anh có cảm tưởng một tính cách 'đại dương' đã hình thành trong cái nhìn của anh. Anh có thể khẳng định rằng việc anh đang làm, chưa ai trên đời này từng làm; ở Pháp người ta chưa từng thấy nghệ thuật như vậy. Anh mong rằng sự chuyển mới này sẽ làm nghiêng hẳn cán cân về phía anh." (5)

Mette là người vợ Đan mạch đã phải đem con về nương náu cha mẹ khi PG nhất quyết rời bỏ Âu châu. Cả một năm trước ngày giã từ Pháp quốc, PG đã viết thư cho vợ, giải thích, bày tỏ, phân trần:

"Anh mong đợi cái ngày – có lẽ gần đây thôi – anh có thể chạy núp vào khu rừng nào đó trên một hải đảo dưới biển Nam, và sống

trong hoan lạc, trong bình an, sống cho Nghệ thuật... xa, thật xa cuộc vật lộn với đồng tiền ở Âu châu này. Ở Tahiti, trong tĩnh lặng của đêm nhiệt đới, anh có thể lắng nghe tiếng thì thầm ngọt ngào của trái tim anh, đánh một nhịp ái ân với vạn vật huyền bí quanh mình. Tự do, ôi, tự do, thôi, vĩnh biệt những âu lo, những toan tính; chỉ sống mà thôi, sống, và hát, và chết mà thôi." (5)

Trong "Noa Noa", PG gần như không nói gì đến công việc riêng quan trọng nhất của ông, tức là hội họa. Ông chăm chú nhận xét thế giới quanh ông, một thế giới khác lạ một trời một vực với Paris và Âu châu cuối thế kỷ 19. Sau đây là vài đoạn đặc biệt thú vị trong sách:

Yên lặng! Tôi tìm hiểu niềm yên lặng của đêm Tahiti.

Yên lặng đến nỗi tôi không nghe gì ngoài tiếng tim tôi đập.

Ánh trăng lọt qua những thân trúc, vươn lên những đoạn cách đều, sáng đến tận giường tôi. Những đoạn ánh sáng đều đặn này gợi nên hình ảnh một nhạc cụ trong trí tôi –kèn trúc của người Maori, mà họ gọi là vivo. Ánh trăng và những thân trúc tạo nên một hình thù quá cỡ cho nhạc cụ này – một nhạc cụ suốt ngày im lìm nhưng khi đêm về, dưới ánh trăng huyền ảo, lại trỗi lên những giai điệu hằng yêu mến trong trí nhớ kẻ nằm mơ. Tôi chìm vào giấc ngủ trong khi tai nghe vẳng lại tiếng nhạc ấy.

Giữa tôi và trời trên chẳng có gì ngăn cách ngoài cái mái chòi mỏng manh lợp lá dứa có thằn lằn rắn mối làm tổ.

Tôi đang hiện hữu một nơi thật xa, rất xa những khám đường là nhà cửa ở Âu châu.

Cái chòi Maori không cách ly con người với cuộc sống, với không gian, với chốn vô cùng...(6)

(...)

Qua ngày thứ hai, lương thực đã hết sạch trơn. Làm sao bây giờ?

Tôi đã tưởng rằng có tiền là có tất cả những gì cần thiết cho đời sống. Tôi lầm to. Một khi bước ra khỏi ngưỡng cửa đô thị, phải quay về Thiên nhiên mà sống. Thiên nhiên giàu có, Thiên nhiên rộng lượng, Thiên nhiên không từ chối bất cứ ai đến xin được chia sẻ một phần những kho tàng bất tận Thiên nhiên cất giữ trong cây cỏ, trong núi rừng, trong biển hồ. Nhưng muốn được chia sẻ, phải biết leo cây, phải biết chui sâu vào núi rừng. Phải biết bắt cá, biết lặn sâu để cạy những nghêu những hàu bám cứng lấy đá dưới đáy nước. Phải biết làm, phải biết cách làm.

Tôi đây, một con người đến từ văn minh, rõ ràng là tôi thua kém mấy người hoang dại về những việc này. Tôi ganh tị. Tôi thấy cái

cách họ sống, sung sướng,an bình, không làm gì ngoài những chuyện cần thiết nhất cho nhu cầu hàng ngày, chẳng bao giờ lưu tâm mảy may đến tiền bạc. Bán cho ai, bán cho ai bây giờ khi mọi người ai cũng có thể được chia sẻ những quà tặng của Thiên nhiên? (6)

(...)

Tôi cố làm việc, ghi chép tùm lum và phác họa khá nhiều.

Phong cảnh ở đây, với màu sắc nguyên chất thật dữ dội, làm tôi choáng váng, lóa cả mắt. Tôi tìm tòi, tôi quờ quạng...

Cùng lúc, tôi biết là sự việc có gì đâu, thật giản dị, cứ vẽ như con mắt trông thấy; cứ đặt một màu đỏ cạnh một màu xanh, không so đo tính toán gì ráo. Cứ nhìn những thân người vàng rực như dát vàng trong dòng suối, trên bãi biển, là lòng tôi reo vui lên. Ánh sáng mặt trời huy hoàng này, tại sao tôi lại e dè đặt lên mặt vải?

Ôi, những truyền thống Âu châu xưa cũ! Ôi, những biểu tượng rụt rè của những giống nòi thoái hóa!

Để làm quen với những nét đặc thù của khuôn mặt thổ dân bản xứ, từ lâu tôi muốn vẽ chân dung một cô hàng xóm, một thiếu phụ trẻ tuổi rặt gốc Tahiti.

Ngày nọ, nàng này đã làm gan bước vào chòi lá của tôi và đứng nhìn mớ ảnh chụp lại tranh tôi vẽ, treo trên tường. Nàng nhìn bức Olympia thật lâu.

Tôi hỏi: "Cô thấy người trong tranh này sao?" Tôi đã lượm được dăm tiếng Tahiti trong hai tháng từ ngày tôi đến đây, tuyệt nhiên không nói tiếng Pháp nữa.

Cô gái trả lời: "Cô ấy đẹp lắm!"

Nghe câu ấy, tôi không khỏi mỉm cười. Thiếu phụ Tahiti có chăng một ý niệm về cái đẹp? Tôi nghĩ: Nghe câu nói này, những vị giáo sư ở Viện Hàn lâm Mỹ thuật sẽ bàn bạc ra sao bây giờ?(6)

(...)

Mỗi ngày trôi qua, một ngày đẹp hơn.

Bây giờ tôi đã đủ quen thuộc với tiếng nói của thổ dân Maori để nghĩ rằng một ngày gần đây tôi sẽ nói tiếng họ một cách dễ dàng.

Hàng xóm của tôi –ba người thật gần, chòi họ nằm cạnh chòi tôi – và nhiều người nữa ở xa hơn, bây giờ coi tôi như một người trong bọn họ.

Đi chân đất hoài, đạp cát, đạp sỏi suốt ngày, chân tôi chai cứng đi. Thân thể tôi, gần như trần truồng suốt ngày, dang nắng đã đời, hết cháy da.

Văn minh, vâng, văn minh rơi rụng từng vụn nhỏ từ con người tôi.

Tôi thấy tôi bắt đầu biết suy nghĩ một cách đơn giản, biết thương người...

Tất cả cuộc hoan lạc của một đời sống tự do, bây giờ ở trong vòng tay tôi. Tôi đã thoát khỏi tất cả những gì nhân tạo, đầy ước lệ, đầy qui củ. Tôi đang đi vào sự thật, vào Thiên nhiên.

Tin tưởng rằng ngày mai cũng như hôm nay, cũng tự do và đẹp đẽ như thế này, tôi an tâm. Tôi đang phát triển một cách bình thường. Từ nay tôi chẳng thèm để tâm đến những màu mè hoàn toàn vô bổ của cuộc sống văn minh nữa. (6)

(...)

Trời chưa sáng, tôi đã dậy, lên đường đi Arorai.

Hai tiếng đầu, chỉ việc lần theo con đường mòn trên mép sông Punaru. Hai bên bờ, núi dựng đứng. Đỉnh núi cao vút, chồm lên, nghiêng tới giữa dòng sông, chống đỡ bởi những hòn đá khổng lồ.

Cuối cùng, tôi không thể nào tiến xa hơn ngoài cách lội nước giữa dòng. May là sông ở đây cạn, có chỗ chỉ đến đầu gối, có chỗ sâu tới vai. Ban trưa vậy mà mặt trời cũng khó lọt vào được giữa hai mặt núi; nhìn lên thấy cao vút và gần như chụm lại với nhau. Tôi thấy mấy ngôi sao nhấp nháy giữa lằn trời xanh ngắt!

Độ năm giờ chiều, ngày sắp tàn, tự hỏi tối nay ngủ đâu, tôi bỗng nhận thấy bên tay phải có một chỗ bằng phẳng và rộng rãi. Chuối dại, dương xỉ, và "bouraos" (Tra cứu mãi, tôi không tìm ra được đây là thứ thảo mộc nhiệt đới gì—ghi chú của người viết). May quá, tìm được một ít chuối chín. Tôi bẻ cành khô, nhóm lửa. Vậy là yên chuyện cơm tối.

Ăn xong, tôi tìm một gốc cây nằm xuống ngủ. Có mấy cành thật thấp, tôi lấy lá chuối lợp lên, để lỡ có mưa.

Tối đến đã lạnh lẽo, suốt ngày lội nước làm tôi cóng toàn thân.

Ngủ không được ngon.

Nhưng tôi biết rằng bình minh cũng sắp ló dạng, và tôi chẳng có gì phải e ngại, không lo về người cũng chẳng lo về vật. Trên đảo Tahiti này, không có thú dữ ăn thịt người, cũng chẳng có rắn rít. Thú hoang, có chăng là mấy con heo trốn chuồng chạy vào rừng, sinh con đẻ cái trong đó rồi nay trở thành 'heo hoang'. Điều đáng sợ nhất là chúng mò đến, cà chân tôi đến bóc cả da. Vì thế, ngủ mà tôi vẫn giữ cái dây cột cán dao quấn quanh cổ tay.

Đêm sâu lắng, mịt mùng. Không thấy gì cả ngoài chút bụi sáng như lân tinh gần bên đầu, kỳ lạ hết sức. Tôi buồn cười một mình nhớ

lại những chuyện Maori đã được nghe, chuyện những Tupapaus, ma quỉ hiện ra trong đêm tối phá phách người nằm ngủ. Giang sơn những ma quỉ này ở sâu trong núi, bao bọc chung quanh bởi rừng rú âm u. Những nơi ấy ma quỉ nhiều vô số, ngày càng đông đúc vì có thêm linh hồn những kẻ mới chết. Nghĩ mà kinh cho ai đó lạc lối vào chốn âm ty này!...

Té ra chính tôi lại là cái đứa gan liều đó!

Tôi nằm mơ, những giấc mơ chẳng đâu vào đâu nhưng làm tôi bàng hoàng cả người.

Bây giờ thì tôi biết cái bụi sáng như lân tinh là gì rồi. Nó đến từ một thứ nấm mốc mọc trên cành chết, thứ cây cành tôi đã lượm đốt.

Sáng hôm sau, thật sớm, tôi dậy tiếp tục chuyến đi.

Con sông, càng đi xa càng thấy quanh co, khúc khuỷu. Khi thì chỉ là một con suối nhỏ, khi thì như nước sông mùa lũ, khi thì chảy ào ào như thác đổ. Nước có khi chảy quanh một cách lạ lùng và bất thường; đôi khi tôi có cảm tưởng con sông nó tự đổ vào lòng nó. Lạc ra khỏi lối mòn, lắm lúc tôi chỉ tiến lên được bằng cách đu bổng từ cành cây này qua cành cây khác, chân không chạm đất.

Từ dưới đáy nước, mấy con tôm hình thù kỳ dị nhìn lên như thăm hỏi: "Này, người kia, đến đây làm gì vậy?" Và mấy con lươn thật lớn vụt lủi mất khi tôi lại gần.

Bỗng nhiên, đến một khúc ngoặc gắt, tôi thấy một thiếu nữ hoàn toàn trần truồng, đứng dựa vào một hòn đá nhô ra trên mặt nước. Nhìn kỹ hơn, tôi thấy nàng không dựa vào hòn đá. Thật ra,nàng đang vuốt ve nó. Vuốt ve nó với cả hai tay. Từ đâu trên cao, trên ngọn núi đá, một dòng nước chảy xuống, và nàng con gái há mồm ra uống. Uống xong, nàng dang hai tay hứng lấy dòng nước cho chảy vào ngực, vào giữa hai bầu vú. Tôi cố đứng thật im lìm trong bụi rậm, nhưng người con gái như biết có gì không thường, nghiêng đầu nghe ngóng, giống hệt một con nai khi cảm thấy có hiểm nguy. Đoạn nàng nhìn thẳng vào chỗ lùm cây cỏ tôi đang náu mình. Tích tắc sau đó, có lẽ đã thấy tôi, người con gái phóng cái ùm xuống nước, kêu lên:

"Taehae! (Giận lắm!)

Tôi nhìn xuống dòng sông: Không có ai cả, không có gì cả – chỉ có một con lươn to tướng đang oằn oại trườn đi nhanh sau mấy hòn đá nằm dưới đáy nước. (6)

*

Trong khi viết bài này, với những trích dẫn văn liệu của chính Gauguin, hoặc của người khác, tôi không khỏi nghĩ đến hoàn cảnh chúng ta, những người cầm cọ Việt nam. Người ở Hà nội, Sài gòn. Kẻ ở Paris, Los Angeles... Vì những lý do này nọ, chung cũng như riêng, chúng ta chấp nhận cách này hoặc cách khác, hồ hởi hoặc miễn cưỡng, vui sướng hoặc khổ đau, sống còn trong những môi trường của thế kỷ 20, ấy, xin lỗi, thế kỷ 21. Môi trường "công nghiệp hóa" và "hiện đại hóa" ở Việt nam, môi trường "hậu công nghiệp", "hậu hiện đại" ở Âu Mỹ.

Thôi thì, mỗi người chúng ta, làm được gì thì làm. Tùy khả năng. Tùy cơ duyên. Tùy số mạng.

Có điều, nếu chúng ta vẫn tha thiết với nghệ thuật, nói riêng, với văn hóa Việt nam, nói chung, chúng ta hãy luôn luôn nhớ rằng:

(...) "giấc mơ của người nghệ sĩ Á đông, hay Việt nam, đâu chỉ có phải là, thứ nhất, mày mò bắt cho được một cái chéo áo Tây phương, rồi nhắm mắt nhắm mũi nắm cứng lấy để, thứ hai, lật đà lật đật lọt cho được vào cái gọi là "nghệ thuật thế giới" vốn chỉ là một mạng lưới khổng lồ của hệ thống kinh doanh, truyền thông, và van hóa Âu Mỹ gốc da trắng." (7)

Bởi chăng

(...) " thế kỷ về trước, ở một nước Pháp đã kỹ nghệ hóa, đã lên chân "mẫu quốc" cho cả một đế quốc chính trị và quân sự ở Phi châu và Á đông, đã chứng kiến sự lớn dậy của trào lưu Ấn tượng, rồi Hậu Ấn tượng cực kỳ phong phú, vậy mà Paul Gauguin đã có một hành động, tuy có vẻ như quá cực đoan và lãng mạng đó nhưng chúng ta phải công nhận là cũng vô cùng ngoạn mục. Ngày nay, khi ở cả những con hẻm lầy lụa tối tăm tại Sài gòn, trong những căn nhà vá chùm vá đụp, màn ảnh truyền hình vẫn nhấp nha nhấp nháy ngày đêm, phải chăng chúng ta chỉ còn một nơi để quay về: tâm tình sâu thẳm và đích thực của mình. Và chỉ lắng tai nghe một tiếng gọi: tiếng của "khánh đá, khánh ngọc khẽ được đánh lên một nơi xa vời." (7)

VÕ ĐÌNH
2001

Chú thích:

(1) Võ Đình, "Cái Chết của Gauguin", Làng Văn, tháng 10/1988, in lại trong cuốn "Sao Có Tiếng Sóng", Văn Nghệ xuất bản, 1991.

(2) Alfred Werner, học giả mỹ thuật học, giáo sư ở Wagner College. Werner viết Lời Dẫn Nhập bằng Anh văn cho cuốn Noa Noa của Paul Gauguin, xuất bản bằng tiếng Pháp ở Paris năm 1901. Sách này được dịch ra Anh văn bởi O. F. Theis (The Noon Day Press, A Division of Farrar, Strauss & Co., New York, 1957)
(3) Batignolles, khu lao động bình dân, ngoại ô Paris.
(4) (Sir) Kenneth Clark (1903- 1983), nhà phê bình mỹ thuật Anh quốc.
(5) Những đoạn ngắn từ thư riêng của Paul Gauguin được trích ra từ Lời Dẫn Nhập cho bản dịch Anh văn của "Noa Noa". Xem chú thích (2).
(6) "Noa Noa"
(7) Võ Đình, "Rừng Mắm Văn Nghệ" (Văn Nghệ, California, 2000), tr. 190, 192.

Phụ giải cho bài "Gô ganh"

Viết xong bài "Gô Ganh và "Noa Noa" chúng tôi gửi người bạn trẻ đọc thử (qua điện thư). Bạn này, một người thường lưu tâm rất nhiều đến các vấn đề văn học nghệ thuật, hồi âm ngay. Xin chia sẻ với bạn đọc đôi điều:

[...]

"Bài viết của anh, em mới đọc qua, thích cách đặt vấn đề và giọng văn, nhưng thấy vẫn lấn cấn hai điều:

1. PG đi Tahiti thì tìm được vô số những cái mới, làm chuyển hướng hẳn nền hội họa Tây phương; nhưng đối với các nghệ sĩ bản xứ ở Tahiti thì sao? Nếu họ sống ở đó suốt đời thì em chắc là họ không tìm ra cái gì mới cả. Dĩ nhiên, em không tin lý do là vì họ bất tài. Phải không anh?

2. Thay vì PG, một người đã đạt đến trình độ "bậc thầy" về hội họa ở Pháp đi Tahiti, một anh họa sĩ tay ngang nào đó ở Paris, chưa bao giờ từng nắm vững các kỹ thuật mới mẻ của hội họa, đi Tahiti thì cái gì sẽ xảy ra? Em chắc số phận của người họa sĩ ấy cũng không khác các họa sĩ bản xứ ở Tahiti mấy. Không biết có đúng không anh?

Từ hai điều lấn cấn trên, em nghĩ:

A. Điều quan trọng nhất hình như không phải từ Đông sang Tây hay từ Tây sang Đông mà là sự giao tiếp, sự giao lưu.
B. Những sự giao tiếp hay giao lưu ấy có lẽ chỉ đạt được những thành tựu to lớn nếu nó diễn ra trên nền tảng một vốn liếng khá vững chắc về kỹ thuật.

Bởi vậy, việc chạy theo nắm chéo áo của Tây nhất định là không

nên nhưng ngay cả việc cứ tiếp tục cố thủ ở Đông Hồ để vẽ mãi những bức tranh gà lợn chắc cũng không phải là giải pháp tốt.

Em không rành về hội họa. Có gì sai, xin anh bỏ qua cho.

v.v. [...]

Chúng ta thấy là bạn này có 2 điều lấn cấn (1 và 2) khi đọc xong bài "GGvà NN". Từ hai "lấn cấn" ấy, bạn ta đã suy ra hai điều khác (A và B). Và, "bởi vậy", đi đến kết luận. Một lá điện thư ngắn ngủi, nhưng đầy đủ.

Chúng tôi đã trả lời người bạn trẻ, đại khái nói rằng bạn ta đã có những "lấn cấn" chính đáng. Và, mặc dù "không rành về hội họa", bạn đã có những suy nghĩ xác đáng. Tuy nhiên, vì cũng trả lời bằng điện thư, chúng tôi chưa có cơ hội đi sâu hơn vào những ngõ ngách người bạn đã khơi mở. Sau đây, xin được chia sẻ với bạn đọc những suy gẫm chi li hơn:

1. Đúng vậy, những nghệ sĩ bản xứ (Tahiti) nếu không tìm ra cái gì mới chẳng phải vì họ "bất tài". Chính vì họ có "tài" mà họ đã tạo nên được những hình thái, màu sắc có ảnh hưởng sâu đậm trên PG, và từ đó trên cả nền hội họa Tây phương (và từ đó...Việt nam!) Nhưng nếu họ chỉ quanh quẩn mãi ở Tahiti (chúng ta nên nhớ rằng đây là Tahiti của 100 năm về trước), họ sẽ chỉ khai thác tận cùng những hình thái đó cho đến lúc chúng kiệt quệ, trở thành những món trang trí có thể được coi như hấp dẫn dưới mắt du khách nhưng, thật ra, đã khô cằn, không còn sức sống nữa.

2. Số phận của anh họa sĩ "tay ngang" này không khác các họa sĩ bản xứ ở Tahiti mấy, thật vậy. Nhưng không phải chỉ anh "tay ngang" này mới lâm vào cái cảnh ấy. Những anh "tay nghề", *nếu không có cái tâm tình của PG, cái bản năng của PG*, sẽ cũng chẳng hơn gì. Cứ nhìn lại một số báo *National Geographic* cũ (NG Magazine, April 1951, "Portrait of Indochina" by W.R. Moore and M.O. Williams) có tranh của họa sĩ Pháp Jean Despujols (về sau, thành công dân Hoa kỳ)

Ông D. vẽ vũ nữ vú trần, cầm hoa sen đứng trước một ngôi đền dáng dấp Angkor; đứa con gái nhỏ bồng em đứng dưới gốc dừa, sau lưng là một góc chòi lá, xa xa là cây cỏ nhiệt đới rậm rì, xanh tốt; cô "Delicate Annamese"tóc bối, cô "Robust Tonkinese" tóc vấn khăn... vân vân. Xin lỗi bạn đọc: Mỗi lần tôi thấy lại những tranh này, tôi buột miệng chửi thề, "Merde!" (ông họa sĩ này người Pháp)

Những thiếu nữ da ngăm này, những hàng dừa xanh, những đồi đất đỏ này cần một Gauguin chứ không cần những "tay nghề" lẩm cẩm như cái ông Despujols này, để trở thành những hình thái nghệ thuật mới mẻ

và độc đáo. Ông D. này là trường hợp vô vị của một người vẽ lành nghề nhưng là một nghệ sĩ tồi, rất tồi. Trường hợp một "tay nghề", một "bậc thầy về hội họa ở Pháp", "từng nắm vững các kỹ thuật mới mẻ", như Monet, như Cézanne, đi Tahiti (hay Đông dương, đầu thế kỷ) những gì sẽ xảy ra? Tôi chỉ có thể trả lời là tôi không biết. Đó là một nghi vấn đầy giả thuyết. Tôi không biết nhưng tôi ngờ. Tôi ngờ rằng *chưa chắc* những tài năng lớn như Monet, như Cézanne, lại tạo nên được những hình ảnh như trong tác phẩm của PG.

Riêng ông Despujols này, thay vì đi Đông dương, nếu ông đi Tahiti số phận của ông dám còn tệ hơn là số phận các nghệ sĩ bản xứ. Có thể ông đã kiếm ra bộn tiền bán những bức tranh vùng nhiệt đới này cho một quần chúng (ngu dốt) nào đó ở Âu Mỹ. Về mặt nghệ thuật, ông không thể đứng ngang hàng với những nghệ sĩ "dân gian" bản xứ.

A. PG chứng tỏ sự giao lưu không những chỉ xảy ra giữa Đông và Tây mà còn giữa Bắc (hàn, ôn đới) và Nam (nhiệt đới). Như con người, văn hóa, nghệ thuật có lúc cần được "tiếp máu".

B. Ở đây, bạn ta nói đúng, nhưng chỉ đúng một phần. "Vốn liếng khá vững chắc về kỹ thuật", cần lắm. Rất cần. Nhưng chưa đủ. Cần nhất là tâm hồn. Tâm hồn. Tâm tình. Tâm tính. Bản năng. Phong cách. Nói chung, cần một cá tính, một tính riêng, một *personality.* Chính cái cá tính này quyết định hình thái của kỹ thuật. Kỹ thuật mới chỉ là "ngón nghề". Hình thái của kỹ thuật mới làm nên nghệ thuật.

Hoàn toàn đồng ý về điểm không nên "nắm chéo áo Tây phương" mà cũng không "cố thủ" ở Đông Hồ. (Hiện nay, hình như ở Việt nam có phong trào "phục hưng" rầm rộ nền mộc bản cổ truyền, nhưng chưa thấy có những thử nghiệm mới mẻ trong ngành này. "Phục hưng" ở đây, phải chăng có nghĩa, vì lý do kinh tế, dĩ nhiên, lấy những bản khắc cũ, hay những bản khắc mới dựa theo bản cũ, in lại một cách vội vã, cẩu thả, có khi lòe loẹt, để phục vụ khách du lịch?)

Vấn đề là làm sao đi cho "kịp" người. Đồng thời "ta" vẫn là "ta". Trong kinh A-Hàm có chuyện người cỡi ngựa, chạy thật nhanh. Ai đó la lớn: "Đi đâu vậy?" Người cỡi ngựa trả lời: "Không biết! Hỏi con ngựa ấy!" Người nghệ sĩ phải biết cỡi ngựa, biết thúc ngựa chạy nhanh, và biết mình đi đâu. Không biết thì phải học, phải tìm. Chẳng lẽ dừng ngựa lại, tụt xuống, vỗ mông nó một cái rồi...bỏ về nhà! Khó quá!

May là bạn ta không "rành về hội họa". Rành như ông họa sĩ Jean Despujols, phí cả một đời cầm cọ.

VÕ ĐÌNH





LÊ QUỲNH MAI
phỏng vấn họa sĩ võ đình

Phát thanh (trực tiếp qua điện thoại) trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật -Đài Tiếng Nói Việt Nam TNVN - FM 103.3-MTL (tháng 11/2000) do Lê Quỳnh Mai - Phân Khoa Truyền Thông Báo Chí - Université De Montreal - thực hiện

Họa sỹ Võ Đình tên thật Võ Đình Mai, sinh năm 1933 tại Huế .

Những năm 50 du học tại Pháp Quốc .

Năm 1961, triển lãm họa phẩm đầu đời ở New York City.

Từ đó, hơn 40 triển lãm cá nhân và vô số triển lãm tập thể ở Âu Châu, Á Châu, Canada và Hoa Kỳ.

Ông có tất cả hơn 40 ấn phẩm : sáng tác, dịch thuật, minh họa.

Năm 1975, họa sỹ Võ Đình được trao giải nghệ thuật CHRISTOPHER AWARD, New York.

Văn phẩm bằng Việt ngữ gồm : Xứ Sấm Sét (Văn Nghệ xb-1987) - Yoga Căn Bản (VN-89) -Đóa Sen Và Nụ Cười (VN- 1990) - Sao Có Tiếng Sóng (VN-1991) - Lầu Xép (VN-1997) - Rừng Mắm Văn Nghệ (VN-2000).

Bảy tác phẩm bằng Anh ngữ, 12 tác phẩm chuyển dịch và 18 tác phẩm minh họa.

*

- Năm 1982, ông viết bài – Sáng Tác Và Tự Do – đăng trên Đất Mới. Theo họa sĩ Võ Đình thì: « Việt tính là một điều kiện không thể không có được của tâm thức sáng tạo Việt Nam hiện đại ». Gần 20 năm trôi qua, ông có nhận xét gì về Việt tính trong dòng văn chương hiện đại?

- Đây là một câu trong bài tôi đã đọc trong buổi hội thảo « Người Việt và Việt Học » ở đại học George Mason ở Virginia. Có một đoạn tôi viết rằng cái quan trọng trong tác phẩm của một nghệ sĩ Việt là một thực tại nào đó, « thực tại đó không phải gì khác hơn là một thực tại tuy không có hình mà vẫn có màu sắc, không có dáng mà vẫn có âm thanh, không có thể mà vẫn có đường nét. Đó là một cái gì chúng ta biết rằng có mà không thể tả ra được, biết rằng thật mà không thể nắm lấy được. Cái gì đó có mặt thì chúng ta thoải mái, xem như như chuyện đương nhiên, mà nếu vắng mặt thì chúng ta thấy thiếu thốn, thèm khát, lo lắng, bất an. Thực tại đó, tôi xin gọi là *Việt tính* ».

Việt tính theo tôi, trong thành thật và khiêm tốn, là một điều kiện không thể không có được, nói theo ngôn ngữ hàn lâm là một thứ *sine qua non* của tâm thức sáng tạo Việt Nam hiện đại. Nghĩa là nếu một tác phẩm không có nó sẽ không là một tác phẩm Việt nữa, nó sẽ thành tác phẩm Pháp hay Mỹ hay Đức hay Nga hay Canada. Cái Việt tính đó không phải là một đề tài Việt hay một dữ kiện Việt. Đó là một phong thái Việt.

Ở bên Mỹ, có lần người ta đã náo động về vụ khiêu dâm, đưa lên tận Tối Cao Pháp Viện, Supreme Court, của Hoa Kỳ. Ông chủ tịch lúc bấy giờ là Earl Warren có nói rằng : « I know it when I see it », vì người ta cố định nghĩa khiêu dâm là gì, và không ai đồng ý với nhau cả. Theo tôi, Việt tính cũng vậy. Khi tôi thấy nó thì tôi biết nó là Việt

tính.

- Từ cổ chí kim, người ta đã nhân danh tôn giáo gây ra bao nhiêu cuộc chiến tương tàn. Họa sĩ Võ Đình viết « Lấy con người khổ đau làm đối tượng, tôn giáo và nghệ thuật vẫn là sự cứu rỗi cuối cùng trên con đường tuyệt lộ của lừa lọc và bi đát »[1]. Theo ông, có phải chỉ có nghệ thuật mới là sự cứu rỗi cuối cùng?

Tôi tin rằng nghệ thuật mà thôi không phải là sự cứu rỗi mà phải có tôn giáo. Theo tôi hiểu tôn giáo là một sự hướng thiện, một đạo đức, chứ không phải tôn giáo như là một thế lực thần quyền và tục quyền. Ví dụ trong Thiên Chúa giáo, đó là lời dạy bảo của Đức Chúa Jésus, chứ không phải là thế lực những nhà thờ, hay Đức Giáo Hoàng hay giáo hội Vatican. Có thể nhiều người không hài lòng khi tôi nói thế, nhưng tôi tin rằng tôn giáo theo nghĩa chính yếu của nó là đi từ đấng giáo chủ nguyên thủy. Hay Phật giáo là đi từ Đức Phật chứ không phải từ giáo hội này hay giáo hội kia

- Họa sĩ Võ Đình đã viết : « Thực tại của bức tranh mới là đáng kể »[2]. Xin ông khai triển ý nghĩ này

- Tôi viết câu này trong bài « *Cái Văn, Cái Vẽ, và Cái Đẹp* » . Cái đẹp của một bức tranh không nằm ở đề tài của nó, cái đẹp của bức tranh nằm ở bút pháp, đường nét và màu sắc của nó. Đó là thực tại. Thực tại của một bức tranh là cái « *réalité physique* » của bức tranh, cái đó mới là quan trọng, nghĩa là bức tranh có thể biểu đạt một hình thái nào đó mà bên ngoài đời có thể cho là xấu xí nhưng trong tranh vẫn có thể đẹp vì do đường nét và màu sắc.

- Xin ông cho biết về -Bộ Tranh Thơ (Kiều ,Chinh Phụ, Cung Oán, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu ...) mà ông dự định thực hiện từ năm 1987 [3]

- Cách đây trên 20 năm tôi đã có ý định làm và tôi vẫn tiếp tục làm, nhưng vẫn chưa xong vì tôi thấy còn nhiều việc khác cần phải làm trước. Câu trả lời là tôi vẫn chưa hoàn thành dự định này.

- Họa sỹ Võ Đình đã có lúc khuyên «vẽ như nước chảy, như mây trôi. Vô tâm.Vô tâm « [4]*. Có phải ông đã thực sự đem Thiền vào hội họa không?Và ông có thiền hay không?*

- Tôi có tập luyện đôi chút, nhưng có thiền hay không thì tôi không thể trả lời. Tôi có thể nói rằng tôi không phải là người đem thiền vào hội họa. Hội họa là thiền rồi. Không nhất thiết phải là thiền

họa – Peinture Zen - mới là thiền. Chính trong hội họa nếu vẽ như nước chảy như mây trôi thì tự nó đã là thiền rồi, *nghệ thuật đã là thiền rồi* . Sự sống của chúng ta từ sáng mở mắt thức dậy cho đến tối nhắm mắt đi ngủ đã là một hiện tượng thiền. Đến khi mình chết, chết cũng nằm trong thiền. Vậy sống tử sinh tức là thiền, nghệ thuật chỉ là một sinh hoạt của con người trong bối cảnh sống chết đó, cho nên nghệ thuật cũng là thiền.

- Bàn đến vấn đề Vô Tâm, ông có nhắc đến nữ họa sĩ lừng danh chuyên vẽ hoa và tĩnh vật : Georgia O'Keefe, người mà ông gọi là « hoàng thái hậu của hội họa thế giới » và « bà tiên của New Mexico »[5]. Xin ông nói về nữ họa sĩ lão thành này.

- Bà Georgia O'Keefe mất năm bà 99 tuổi. Tôi đã từng viết bài ca ngợi bà như một nữ hoàng của nghệ thuật tạo hình không riêng của Hoa Kỳ mà của cả thế giới. Pháp chiếm kinh đô Huế năm 1885, bà Georgia O'Keefe ra đời hai năm sau đó, 1887. Đầu thế kỷ hai mươi, sau khi chồng mất, bà bỏ miền Đông Hoa Kỳ, nơi nhộn nhịp về văn hóa văn nghệ, để về sống ở New Mexico phía Tây Nam Hoa Kỳ. Tôi có viết vài câu đắc ý lắm « trời rộng xanh ngắt không gợn chút mây, núi đồi trơ trọi, cây cỏ khô cằn, sỏi đá ngổn ngang, nhìn đâu cũng toàn là màu đất đỏ, nâu, đen, vàng, xám, một chốn trời đất bát ngát vô cùng tịch mịch mà dữ dội ». New Mexico là như vậy.

Có lẽ trong khung cảnh đó mà nghệ thuật của bà Georgia ngày càng chuốt lọc, sắc gọn hơn. Bà giản dị hóa tối đa cuộc sống thường nhật cũng như gột sạch những gì phù phiếm trong nét bút, trút bỏ những phiền toái hoa hòe.

Năm 43 tuổi, bà viết « tôi biết rằng không thể vẽ một cái hoa, một mặt trời đang lên trong sa mạc của buổi sáng hè rực rỡ, nhưng với ngôn từ của sơn màu, tôi có thể truyền giao cho bạn xúc cảm của tôi khi tôi ngắm cái hoa ấy, hay cái cảm xúc khiến cho cái hoa ấy có ý nghĩa đối với tôi đúng vào thời điểm đó ». Câu mà tôi thích thú hơn là câu bà viết năm 90 tuổi « có tài chưa đủ, phải cố gắng hơn nữa, phải gan và phải lì, phải làm việc và làm việc cho dữ nữa kìa ».

Năm 1987 Hoa Kỳ triển lãm 100 bức tranh của bà Georgia O'Keefe ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tôi có nhắc đến hai cụ Tá Chi và Kim Y là thân sinh của chị bạn, nhà văn Trương Anh Thụy, hai cụ cũng đã trên 80 và là gương sáng cho đám hậu sinh Việt Nam ở hải ngoại. Tuy lớn tuổi như vậy nhưng ngày ngày hai cụ vẫn viết lách và đọc sách, vẫn sống cuộc sống thường nhật một cách u nhã, phóng dật, hệt như các bậc tiền hiền đời trước.

- Họa sỹ Paul Gauguin kết bạn với Kỳ Đồng ở quần đảo Marquises[6]. Bạn ông, T.B là học trò xuất sắc của danh họa George Grosz [7]. Riêng hoạ sỹ Võ Đình với hơn nửa đời cầm cọ, ông đã có duyên gặp gỡ những danh họa nào trên thế giới ?

- Khi tôi còn trẻ, có những họa sĩ ở Pháp tôi từng làm đệ tử và tôi ngưỡng mộ vô cùng. Những Yves Brayer, những George Rohner... Tôi đã từng được gặp các cụ đó. Nhưng cũng có những họa sĩ tôi vô cùng ngưỡng mộ mà không được gặp, bởi vì tôi có tánh không đi tìm làm quen những người tôi ngưỡng mộ. Ví dụ như họa sĩ Mỹ gốc Nhật, Kuniyoshi, đến Mỹ lúc mới 13 tuổi. Một họa sĩ khác tôi rất hâm mộ, gốc Hòa Lan sang Mỹ lúc khoảng trên 20 tuổi, Wilhem De Kooning. Lúc tôi sang Mỹ các họa sĩ này còn sống, tôi cũng ở New York nhưng cũng không đi tìm làm quen hay thăm. Cũng như những nhà văn như Henry Miller hay Arthur Miller tôi hâm mộ vô cùng, tôi cũng từng có dịp thăm viếng họ nhưng tôi không đi tìm.

- Họa sỹ Võ Đình và nhà văn Doãn Quốc Sỹ có nhiều kỷ niệm :»Cà bát hấp dầm nước mắm tỏi « [8] hoặc «cuốn sách Dòng Nước Ngược của Tú Mỡ « [9]. Xin ông nói về tình bạn này ?

Tưởng ai chứ nói về nhà văn Doãn Quốc Sỹ thì chắc phải để phỏng vấn kéo dài vài tiếng đồng hồ. Tôi không chỉ yêu mến ông như một nhà văn mà còn yêu mến ông như một người anh ruột. Tôi có nhiều kỷ niệm với ông này lắm. Chỉ nói đơn giản để chia xẻ với quý thính giả.

- Cuốn năm 1967 tôi được đọc « Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến » của Doãn Quốc Sỹ, một cuốn trong bộ trường thiên « Khu Rừng Lau » của ông. Thú vị quá tôi viết thư thăm ông, năm ấy đang tu nghiệp tại Tennessee. Đâu ngờ ngày 1 tháng giêng năm 1968, cách đây 32 năm, ông đi xe bus từ Tennessee lên New York, rồi đổi bus lên tận cực bắc Pensylvania nơi khỉ ho cò gáy tôi đang ở để thăm. Đúng vào hôm đó, nhà tôi lại chuyển bụng, chính tôi và ông Doãn Quốc Sỹ đã đưa bà đến nhà hộ sinh. Đặc biệt đáng nhớ là xe hôm đó đề mãi không chịu nổ vì lạnh quá, tôi thì ngồi trong xe với bà xã mà ông Doãn Quốc Sỹ một nhà văn tài danh của Việt Nam thì cong đuôi tôm mà đẩy xe, vì xe này là xe sang số, nên khi máy nổ tôi không dám dừng, chạy tuốt luôn để quên ông Doãn Quốc Sỹ ở lại, tôi đem vợ đi nhà hộ sinh sanh cháu xong mới trở về tiếp ông. Ông ở với tôi 3 ngày. Có lẽ vì những tiểu tiết đó, nên ngoài chuyện văn nghệ ra chúng tôi coi nhau như anh em.

- «Vẽ là trầm tư với hình tượng...Trầm tư với hình tượng thì chúng

biểu lộ» [10]. *Khi phát biểu câu trên, ông có nghĩ đến câu của danh họa Hokusai không « ...Tất cả những gì tôi vẽ trước tuổi 70 không đáng nói tới. Chỉ tới tuổi 73, tôi mới bắt đầu thấu hiểu hình tượng đích thực của sinh vật và bản chất đích thực của cây cỏ...Tới 90 tuổi, tôi sẽ tới gần cốt tủy của nghệ thuật ...Tới 110 tuổi, mỗi chấm mỗi nét trong tranh của tôi sẽ có một đời sống riêng...»* [11]

- Xin lỗi quý thính giả, tôi xin được phép để tạm câu Hokusai này qua một bên, vì đó là một câu bàn về lãnh vực rất chuyên môn. Tôi xin nhắc lại một câu khác của Hokusai. Có lần, người nọ xem bức tranh của Hokusai, một đại họa sĩ thế kỷ 19, thấy góc trên có con chim bay, mới hỏi tại sao ông lại vẽ con chim trên góc còn toàn bộ bức tranh lại chẳng có gì cả. Hokusai mới trả lời « Tôi đâu có vẽ con chim, tôi vẽ không gian mà con chim mới bay qua ». Tôi thấy câu nói đó rất hay. Tôi nghĩ một người như Hokusai có thể dạy dỗ được chúng ta rất nhiều điều và tôi cũng rất vui mừng là cô Lê Quỳnh Mai đã đọc được cuốn sách này.

- Người ta vừa bán một bức tranh tĩnh vật của hoạ sỹ lừng danh hiện đại Paul Cézanne với gía 60 triệu rưỡi mỹ kim . Theo ông hiện tượng này có lợi hay bất lợi cho nghệ thuật hội họa?

- Trước khi nói về lợi hay bất lợi, tôi xin nói rằng Paul Cézanne, mất đầu thế kỷ 20, là một trong những họa sĩ mà tôi ngưỡng mộ nhất trên đời. Tôi xem ông như một tổ sư trong nghề. Người ta gọi ông là cha đẻ của hội họa hiện đại, *le père de la peinture moderne*. Còn việc bức tranh của Cézanne bán 60 triệu mỹ kim, thật tình tôi không lưu tâm lắm, tôi cho chuyện đó chẳng có lợi hay bất lợi cho hội họa, vì 60 triệu, 40 triệu hay nửa triệu là chuyện của những người buôn bán, họ có những quy luật riêng, những đường đi nước bước riêng chả ăn nhằm gì đến chuyện hội họa nghệ thuật cả.

Thời thanh niên, Paul Cézanne rất ao ước được vào học tại trường Cao đẳng Mỹ Thuật ở Paris, nhưng ông thi trượt. Về sống ẩn dật ở miền Nam nước Pháp, vẽ những trái táo quèn, vậy mà ông đã tìm ra con đường đi của mình, sau này được tôn vinh là cha đẻ của nền hội họa hiện đại. Người ta đã cất giữ những tác phẩm của ông và đầu tư sao đó để có bức lên đến 60 triệu, tôi chắc là nằm dưới mồ ông cười ha hả.

Trong lúc còn sống, một nghệ sĩ có tài khi nào cũng đi trước thời đại của mình, đó là một chuyện không thể chối cãi được. Có những hình tượng và công thức về nghệ thuật được xem là phổ biến hiện nay đã được khám phá ra từ hàng trăm năm trước.

- Có phải bản chất của người nghệ sỹ là - cô đơn -? nên ông mới viết «Trong cái cảnh ba nghìn thế giới vô thỉ vô chung, phải chăng người nghệ sỹ - của hình ảnh, của âm thanh, của ngôn ngữ - là những cánh bướm lồng lộng và phù du? Và thiểu não .Và điên rồ .Và làm đẹp cho đời.» [12]

- Câu này tôi lấy làm đắc ý.Trong cái cảnh ba nghìn thế giới vô thỉ vô chung, phải chăng người nghệ sỹ của hình ảnh, *tức là hội họa*, của âm thanh, *tức là âm nhạc*, của ngôn ngữ, *tức là văn chương*, là những cánh bướm lộng lẫy và phù du, *vừa đẹp mà vừa phù du*, không kéo dài được, và thiểu não, *tội nghiệp vô cùng*, và điên rồ, và *có điên mới làm được như vậy*, và làm đẹp cho đời. Chúng ta hãy tưởng tượng văn chương Việt Nam nếu không có Nguyễn Du, không có truyện Kiều, chúng ta sẽ thấy một vùng đen tối, trống rỗng, buồn bã biết chừng nào. Bây giờ có đấy, mình cứ xem như chuyện đương nhiên. Nhưng nếu văn chương Việt Nam không có Nguyễn Du, không có Chinh Phụ Ngâm, không có Cung Oán Ngâm Khúc, không có Nhất Linh, Khái Hưng hay ngay trong hiện tại nếu không có ông Võ Phiến chẳng hạn, thì buồn biết chừng nào. Do đó mà tôi đã viết câu « và làm đẹp cho đời ».

- Tác phẩm -Đường Xưa Mây Trắng -của Thiền sư Nhất Hạnh đã gợi ý cho ông viết -Đoá Sen Và Nụ Cười - [13]*. Yếu tố nào đã thúc giục ông viết cuốn - Yoga Căn Bản -?*

- Xin thưa rằng cuốn « Đường Xưa Mây Trắng » của Thiền sư Nhất Hạnh đã không gợi ý cho tôi viết cuốn « Đóa Sen Và Nụ Cười ». Chính ông Võ Thắng Tiết, Giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ đã gợi ý cho tôi, ba năm sau gợi ý đó tôi mới chần chừ bắt tay vào việc. Cuốn Đường Xưa Mây Trắng chỉ giúp tôi một vài tư liệu thôi, vì vậy trong lời cảm tạ của cuốn sách tôi đã ghi rõ ràng như thế này « Thiền sư Nhất Hạnh, công trình viết lách của thầy, biên khảo cũng như sáng tác đã từ lâu tưới mát lòng yêu Phật sẵn có ở người viết. Đặc biệt đoạn 21 và 22 trong sách này có đôi ba điểm được gợi ý từ « Đường Xưa Mây Trắng » của thầy ».

Cuốn « Yoga Căn Bản », sự thật cũng tức cười lắm. Ngày xưa tôi sang Pháp là để học y khoa chứ không phải học vẽ, nhưng tôi xé rào đi theo nghệ thuật, vì vậy trong bao năm trời tôi cảm thấy có tội lỗi đối với cha mẹ vì làm cha mẹ thất vọng. Vì vậy sau khi thầy mẹ tôi mất năm 1985-86, đến năm 89-90 tôi mới viết cuốn Yoga Căn Bản, và trong lời nói đầu của tác giả tôi đã viết « Cũng xin thưa vốn là con cháu của một dòng họ mấy đời thầy thuốc, tôi đã hơn ba mươi năm về

trước chọn lựa con đường văn nghệ thay vì học y khoa để cứu nhân độ thế theo ý thích của cha mẹ. Viết sách này cũng là một cách để làm vui lòng hai bậc sanh thành nay đã khuất núi ».

Viết cuốn sách như một sự tạ lỗi.

- Truyện ngắn đặc sắc nhất của Võ Đình là truyện Xứ Sấm Sét, đã được Thụy Khuê «phê bình một cách chân thành chí tình «. Ông cũng nói «biết ơn nhưng có đôi điểm trong bài của bà tôi không phục « [14]. *Thưa ông những điểm nào ông không đồng ý trong bài phê bình ấy?*

- Chết thật! Chết thật! Nhưng trước hết cô Lê Quỳnh Mai cho rằng Xứ Sấm Sét là truyện ngắn đặc sắc nhất của Võ Đình à?

- Dạ thưa, không riêng gì Lê Quỳnh Mai mà theo như thống kê bằng điện thoại, thì chúng tôi được biết một số bạn bè rất thích truyện ngắn đặc sắc này của họa sỹ.

- Theo như bài viết của bà Thụy Khuê, bà cho rằng tôi đắc ý nhất với truyện ngắn đó nên đã lấy làm nhan đề cho cả tập truyện.

Thụy Khuê là một người đàn bà thông minh, sắc bén, đọc sách rất nhiều, biết rất nhiều, rất tinh tế. Nhưng trong bài phê bình của bà, nói chung thì bà khen ngợi, nhưng có những điểm bà nêu ra tôi không phục. Tôi đã từng viết cho bà để nêu ra những điểm đó, tôi thấy rằng bà Thụy Khuê đã có phần nghiêng về lý luận của tôi.

Nhân vật chính trong Xứ Sấm Sét là bà Lan. Cái năm xảy ra chuyện bà Lan đã 57 tuổi nhưng tóc bà vẫn còn xanh « ngực bà căn lên sau làn vải mỏng, đường eo của bà thóp lại một tí, chỉ một tí thôi làm hông bà càng đầy đặn thêm mịn màng thêm ». Bà Thụy Khuê bảo rằng « một người đàn bà như vậy sao có vẻ nhà nho vậy ». Bà nói nếu bà Lan cư ngụ tại vùng núi South Mountain, Nam Sơn, nếu bà không cỡi ngựa không uống rượu mà cũng chẳng có việc gì lớn bất đắc ý như người bạn của Vương Duy, thì tại sao một người đàn bà như vậy lại có tư tưởng nhà nho như vậy, bà Thụy Khuê cho đó là việc vô lý.

Tôi nghĩ không có gì vô lý. Tôi cho rằng một người đàn bà có thể là một người đàn bà đẹp, một người đàn bà thông minh, một người đàn bà tân tiến nhưng người đàn bà đó có thể có tư tưởng nhà nho, như bà Lan. Tôi đã viết như vậy chứ không phải có tư tưởng như Mạnh Hạo Nhiên, mà cũng không phải hoàn toàn là một người đàn bà se sua chỉ biết chuyện trang điểm mà thôi.

Trong phong trào nữ quyền tại Hoa Kỳ, những người như Gloria

Steinem, Germain Greer chẳng hạn, có nhan sắc mà lại thông minh có phong cách của những người có học. Thành ra tôi nghĩ hai chuyện đó không chống đối nhau. Tính tình có nét đam mê, nhưng có thể cũng có những suy tưởng nghiêm chỉnh về thế giới và xã hội.

- Ông đã viết trong Hợp Lưu số 53, tháng 6 & 7/ 2000 : « Bây giờ đã «hưu». Vẽ là vẽ thôi . Không ước ao. Không tìm kiếm. Không đuổi bắt .Vẽ thôi .» . Theo họa sỹ Võ Đình, tuổi già (hưu) ...»được phép « ngưng sáng tạo phải không?

Thưa cô, không. Tôi nghĩ rằng thường tình con người đến tuổi nào đó có cuộc sống yên ổn rồi, thì sinh ra những mơ ước khác. Lúc còn trẻ mình đi theo một con đường, nhất là nghệ thuật, thì mình không ước ao gì ngoài chuyện có cơm ăn áo mặc, có phương tiện, có thì giờ để sáng tác và sáng tạo. Khi mình đã có nhà cửa có vợ chồng, con cái, có tiền bạc thì lại mong muốn chuyện khác, nên làm loãng chất sáng tác và sáng tạo đi.

Tôi nói *« không ước ao »* ở tuổi già có nghĩa là không ước ao cái gì ngoài chuyện sáng tạo, không tìm kiếm gì ngoài chuyện sáng tạo. Cái nghĩa là như vậy chứ không phải là ngưng sáng tạo. Tôi nghĩ rằng tuổi già nếu nuôi dưỡng được chất sáng tạo trong mình, thì mình càng sáng tạo độc đáo hơn nữa.

- Ông có ý kiến gì về nghệ thuật vẽ tranh khỏa thân phụ nữ. Họa sỹ Võ Đình đã từng vẽ tranh phụ nữ khỏa thân hay chưa?

- Tôi phải nói ngay rằng chữ *khỏa thân phụ nữ* của tiếng Việt, vì chưa có từ nào để chỉ khỏa thân phụ nữ trong tranh, cho nên phải dùng chữ khỏa thân phụ nữ. Nhưng nếu dùng từ như vậy, thì mình sẽ nghĩ đến *phụ nữ khỏa thân.* Trong lúc tiếng Pháp có chữ *nus* và tiếng Anh có chữ *naked* và *nude.* Khi vẽ thì vẽ một cái *nude*, khi người mẫu không có y phục, không mặc áo quần thì gọi là *naked.* Khổ như vậy! Tiếng Việt của mình chỉ có chữ khỏa thân phụ nữ cho nên tiềm tàng ý nghĩ khêu gợi, trong khi những từ Anh và Pháp chỉ có nghĩa mỹ thuật mà thôi.

Có! Tôi đã từng vẽ « khỏa thân phụ nữ ». Nhưng bây giờ thì tôi không vẽ nữa, không phải vì tôi coi thường hay khinh bỉ hay chê bai khỏa thân phụ nữ hay phụ nữ khỏa thân! Ngược lại, lý do tôi không vẽ vì phụ nữ là một con người mà con người là một hình thể, một *objet*, như cái chai, cái bàn, cái ghế, là một vật bên ngoài trong không gian. Vì tôi không vẽ những hình thể trong không gian nữa nên tôi không vẽ phụ nữ khỏa thân nữa.

- Người ta thường nói hội họa là nghệ thuật của cái đẹp. Và họa sĩ là người thẩm thấu cái đẹp. Vậy đứng ngoài lãnh vực hội họa thuần túy, xin họa sĩ Võ Đình có đôi lời về cái đẹp thông thường nhất trong thế gian : cái đẹp của phụ nữ nói chung và phụ nữ Việt Nam nói riêng.

Câu này chúng ta có thể nói hàng giờ!

Chắc cô cũng công nhận sắc đẹp bây giờ có thể nói là được toàn cầu hóa.

Ví dụ cái đẹp ngày xưa, áo tứ thân váy sồi với hàm răng đen, cái đẹp đó chỉ nằm trong khung cảnh Việt Nam, ở thời đó. Tôi dám chắc một cậu sinh viên ở Cali hay một cô Việt Nam trẻ tuổi ở Montreal mà thấy chưa chắc cho đó là đẹp, chỉ cho là « đẹp » khi xem trong video mà thôi.

Tại sao, vì trước kia văn hóa địa phương có những tập tục riêng biệt, có quan niệm riêng biệt về cái đẹp. Tôi còn nhớ ngày xưa trong nhà, các anh lớn mở ra một tờ báo Pháp, có cô người mẫu quảng cáo kem Tokalon, một loại mỹ phẩm dành cho phụ nữ, cô người mẫu tóc cắt ngắn kiểu 1940, mấy anh bảo « thế này mà đẹp à » và chê vô cùng. Sau sang Pháp, tôi nhớ lại chuyện đó, nhớ lại hình ảnh đó, tôi mới thấy cô đó là đẹp.

Vậy thì đẹp là do sự quen thuộc và do bối cảnh văn hóa mà ra.

Bây giờ cái đẹp của Phi Châu và Á Châu dần dần lấn vào quan niệm 100% cái đẹp của Mỹ Châu và Âu Châu. Năm nay cô hoa hậu Mỹ ở Hawaii, gốc người Á Đông, 15 năm trước đây không thể nào một cô mặt mũi như vậy mà được chấm làm hoa hậu Mỹ quốc.

Còn về phụ nữ Việt Nam, tôi cho cũng giống như phụ nữ các nước khác, nghĩa là có người đẹp người xấu, có lần tôi ngồi cạnh một nữ nghệ sĩ Việt Nam nổi tiếng về sắc đẹp và tài hoa, tôi thấy cô có hai bàn tay xấu vô kể, những ngón tay ngắn và thô. Và ngay lập tức trong giây phút đó cái nhìn của tôi về nhan sắc người nghệ sĩ đó thay đổi ngay tức khắc. Theo tôi, một người đẹp không chỉ đẹp ở mắt mũi mà đẹp từ ngón tay ngón chân, đẹp từ những cái mình không thể thấy được.

Tôi quan niệm một cái gì hoàn hảo chưa hẳn là đẹp. Mắt mũi, miệng cân đối làm thành một khuôn mặt tốt, chưa hẳn là một khuôn mặt đẹp. Câu nói của họa sĩ Paul Gauguin « le laid peut être beau, le joli jamais » (« cái xấu có thể được coi là đẹp; cái xinh xinh, không bao giờ ») có thể đem áp dụng chung cho cái đẹp của phụ nữ, mặc dù câu này ông viết về hội họa.

- Ông viết « Trưng bày là nghề. Vẽ là nghiệp. Bỏ nghề ,được.Bỏ nghiệp, sức mấy .»Đã mang lấy nghiệp vào thân mà « [16]. *Như vậy NGHIỆP là hạnh phúc lớn nhất của họa sỹ Võ Đình . Nhưng ông cũng nói «Tuyệt đại đa số nghệ sỹ đều 'nghèo mạt rệp' nếu hạn định theo 'Poverty Line' của Hiệp Chủng quốc Hoa Kỳ»* [17]. *Nếu có phép lạ nào đó biến ông thành -người giầu có nhất -và -tước đoạt -mất - cái Nghiệp-giá vẽ -cây cọ của họa sỹ . Thì ông có bằng lòng không?*

- Thưa cô, tôi không biết rằng cái nghiệp của tôi là hạnh phúc lớn nhất của tôi. Cái nghiệp chỉ là nghiệp thôi, nếu hiểu theo từ Phật giáo Karma, cái nghiệp theo Nguyễn Du « đã mang lấy nghiệp vào thân », tiếng Pháp là *destin*. Tôi không biết đó có phải là hạnh phúc lớn nhất hay không nhưng tôi có thể trả lời thẳng thắn câu hỏi của cô là KHÔNG.

- Là một họa sỹ hoàn toàn sống bằng cây cọ của mình. Ông có nhận được sự hưởng ứng của những người mua tranh theo đề nghị « mua trả góp »[17] *của ông hay không?*

- Có trước kia, chứ bây giờ thì ít. Tôi không để tâm đến chuyện bán tranh vì bây giờ già rồi. Bao nhiêu năm tôi đóng thuế nghề tự do cho Hiệp Chúng Quốc, bây giờ họ trả lại cho tôi dưới dạng tiền già. cho nên tôi không cần bán tranh theo lối đó nữa.

- Người ta nói họa sỹ Võ Đình hiện nay đã ẩn cư . Xin ông cho biết tin này - đúng hay sai- . Và ngoài sáng tác -vẽ -viết - Ông có «take care» những việc khác trong nhà (mà bình thường người đàn ông Việt Nam không thích làm - cũng không thích phát biểu khi được phỏng vấn câu này .Ví dụ như : làm phụ bếp - làm vườn -trồng rau - đi chợ -...?

- Trời ơi! câu này tôi thích lắm.

Tin tôi ẩn cư, sự thật tôi không ẩn cư gì cả, tôi có cư, chứ ẩn thì không. Từ ngày qua Mỹ, tôi đã ở những thành phố lớn như New York, San Fransisco. Thật tình tôi chán những thành phố lớn, tôi mệt mỏi, và không ưa không khí nhộn nhịp, tôi ưng về ở những vùng nhà quê thôn dã, tôi thích cây cỏ, súc vật hơn. Còn ẩn cư, tôi nhớ trước khi cụ Tá Chi mất, cụ hay đùa tôi rằng « ông Võ Đình có biết không, ở nơi phố thị mới là đại ẩn, còn ở nơi sơn lâm cùng cốc chỉ là tiểu ẩn thôi ». Tôi đã nói « thưa bác, bác nói thế đúng quá nhưng cháu ở tiểu ẩn như thế này vì cháu không đủ tiền ở thành phố lớn ».

Tôi chủ trương người đàn ông nào cũng phải làm việc nhà, đó là chuyện tự nhiên. Đã ăn thì phải biết rửa bát, đã ăn phải biết dọn bàn. Tôi hoàn toàn phản đối quan niệm trọng nam khinh nữ truyền thống,

các ông ngồi nhậu các bà phục vụ. Hồi tôi về Saigon thăm ông anh tinh thần Doãn Quốc Sỹ, ăn cơm xong, ông ấy bưng bát đi rửa. Đó là ông ấy chưa ở ngoại quốc chứ đừng nói là tôi ở ngoại quốc lâu năm nên tiêm nhiễm những thói tật « xấu » . Tôi cho làm việc nhà là chuyện rất tốt.

- Ông có tiếc tuổi trẻ không? Ông có nghĩ mình -thật sự đã già rồi không? - Khi nhìn một người trẻ tuổi . Ông có cảm giác gì ?

- Tôi không tiếc tuổi trẻ, tôi chỉ tiếc sức khỏe, tôi muốn nói đến sự dai dẳng. Trước kia tôi thích làm việc tay chân lắm, tôi không phải là người trí thức cả ngày ngồi trong phòng cầm cây bút hay cuốn sách. Tôi thích làm việc ngoài vườn, đào xới, đóng bàn đóng gỗ, cưa đồ. Trước kia tôi có thể làm việc ba bốn tiếng đồng hồ không biết mệt, bây giờ làm một hai tiếng đồng hồ là tôi xỉu rồi.

Tôi chỉ tiếc như vậy. Tôi thấy rằng lớn tuổi có cái hay của nó, mình bao dung hơn, mình rộng rãi hơn, mình có cái nhìn bao quát hơn

- Họa sỹ Võ Đình có sợ chết không ? Khi thế hệ bạn bè của ông lần lượt ra đi ?

- Cô Quỳnh Mai nhắc tôi mới nhớ, ông Mai Thảo đi rồi, ông Nghiêu Đề đi rồi, ông Ngọc Dũng mới đi, toàn người lứa tuổi tôi. Nhưng thú thật là tôi không sợ chết, tôi chỉ sợ đau ốm không làm việc được. Làm việc ở đây là vẽ, viết, làm việc tay chân. Vì dù theo đạo Thiên Chúa, đạo Phật hay đạo ông bà, mình đều tin vào *sinh ký tử qui*, tức là sống gởi thác về, tử sinh là hai mặt của thực tại, cho nên chuyện sống chết thật tình mà nói tôi không lưu tâm lắm.



- Ông có hài

lòng với tất cả các tác phẩm hội họa của mình không? Ông có tiếc vì - chưa hoàn thành một tác phẩm hội họa theo đúng ý muốn hay không?

- Tôi thấy ông bà nghệ sĩ nào cũng trả lời là chưa, « tôi không hài lòng, và tôi chỉ hài lòng với cái tôi sẽ làm... ». Đó là câu nói vừa khiêm tốn vừa tránh né. Tôi xin nói thật, có những tác phẩm của tôi, tôi rất là vừa lòng và rất là đắc ý tuy không nhiều. Tôi nghĩ đó là chuyện tự nhiên, thỉnh thoảng có một ngày trời rất đẹp vừa ý mình chứ đâu phải ngày nào cũng vậy. Trời đất còn như vậy huống gì một tác phẩm. Vì vậy trả lời cho thành thật thì có những tác phẩm tôi rất lấy làm ưng ý.

- Nếu tin có kiếp sau, họa sỹ Võ Đình mong mình sẽ làm gì ? Nếu ước trở lại làm - họa sỹ - văn sỹ, ông có sợ «nghèo mạt rệp « không?!

Tin hay không tin kiếp sau. Cứ coi đó như là *một giả thuyết, một hypothèse*. Cứ cho là tôi tin đi, vậy thì xin trời cứ cho tôi làm họa sĩ, văn sĩ lại. Tôi nghĩ là nghèo đến mức đói không có cơm ăn hay lạnh không có áo mặc mới đáng sợ chứ nghèo kiểu Mỹ, kiểu Canada thì không đến nỗi nào!

LÊ QUỲNH MAI *thực hiện*

Chú thích:

(1) : Đêm Lạnh Cuối Năm, tc Độc Lập tháng 2-87
(2) : RMVN – Cái Văn Cái Vẽ và Cái Đẹp, trg 119
(3) : Văn Học – tháng 11-87
(4) : Rừng Mắm Văn Nghệ, trg 284
(5) : Sao Có Tiếng Sóng, trg 260
(6) : Nguyễn Khắc Ngữ « Kỳ Đồng, Nhà Cách Mạng và Nhà Thơ » xuất bản : Tủ Sách Nghiên Cứu Sử Địa 1990
(7) : RMVN trg 139
(8) : SCTS, trg 232
(9) : Lầu Xép, trg 38
(10) : Lầu Xép, trg 24 – 25
(11) : Hokusai, Matthi Forrer & Edmond De Goncourt, Flammarion 1988
(12) : Làng Văn, tháng 10-88
(13) : Văn Nghệ xb năm 1990
(14) : SCTS trg 281
(15) : Hợp Lưu số 53, trg 211
(16) : Hợp Lưu số 53, trg 212
(17) : RMVN trg 40





ĐẶNG TIẾN
chuyện kể năm 2000

Biến cố văn học Việt Nam năm 2000 là cuốn Tiểu thuyết gồm hai tập Chuyện Kể Năm 2000 *của Bùi Ngọc Tấn, do nhà xuất bản Thanh Niên vừa mới ấn hành thì hai tuần sau bị chính quyền tịch thu thiêu huỷ.*

Nhưng đã có 300 bản được lưu hành. Và ngay sau đó thì cả hai tập, gồm hơn 400 trang, được truyền đi trên mạng lưới điện tử trên toàn thế giới, được nhiều người đọc, và được nhà xuất bản Thời Mới (Canada) kết hợp với các báo Hợp Lưu (Hoa Kỳ) và Diễn Đàn Forum (Pháp) in lại. Dường như nhà xuất bản Văn Nghệ tại Hoa Kỳ cũng tái bản. Nghe nói còn nhiều bản in khác.*

Tác phẩm và tác giả

Chuyện kể năm 2000 của Bùi Ngọc Tấn là một tác phẩm văn học hay, có hiệu lực phê phán và tố cáo xã hội toàn trị. Ngoài ra, còn

có giá trị văn chương nghệ thuật, đáng được phân tích trân trọng và đề cao.

Cuốn sách bị thu hồi là điều dễ hiểu vì tác giả mô tả cảnh tù đày trong nhiều trại giam miền Bắc từ 1968 đến 1973 và những đọa đày, bất công, phi lý của toàn xã hội miền Bắc những năm sau đó. Tác phẩm sắc nét hiện thực phê phán, và tố cáo không khoan nhượng. Điều đáng ngạc nhiên là làm sao nhà xuất bản Thanh Niên, của đoàn Thanh Niên Cộng Sản, lại ấn hành một tác phẩm như vậy, đã đưa lọt qua bao nhiêu vòng duyệt xét của nhiều tầng lớp kiểm duyệt. Đây là một điểm son của nhà xuất bản Thanh Niên, gợi ý cho nhiều nhà xuất bản khác. Đất nước đã anh hùng thì thiếu gì người dũng cảm.

Một khi sách đã in ra rồi thì khó bề thu hồi lại được với không gian xi-be hiện đại. Tịch thu sách chỉ là quảng cáo cho thông điệp và uy tín của tác giả. Dù là tác phẩm không hay. Huống chi *Chuyện kể năm 2000* lại là một tiểu thuyết giá trị về nhiều mặt. Vì vậy nhờ lệnh thu hồi của nhà nước, chỉ trong vòng một vài tuần lễ mà Bùi Ngọc Tấn danh nổi như cồn. Tác phẩm thì được nhiều người tìm đọc, khắp bốn bể năm châu. Tuy nhiên tác giả cùng với nhà thơ Đoàn Thị Lam Luyến - người biên tập - vẫn tham dự Đại Hội của Hội Nhà Văn tại Hà Nội, giữa tháng t năm 2000, và được các bạn văn nghệ đặc biệt quan tâm thăm hỏi.

Bùi Ngọc Tấn, sinh năm 1934, quê huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng, viết văn từ 1954, làm phóng viên cho báo Tiền Phong, Hà Nội rồi báo Hải Phòng Kiến Thiết, sau đó mất việc vì lập trường chính trị, đi làm cán bộ Thuỷ Sản tại Hải Phòng đến khi bị bắt tháng 11 năm 1968 với tội danh ôphản cách mạng, tuyên truyền chống chế độ (I, tr. 86), ít lâu sau nhà văn Vũ Thư Hiên, bạn ông, trong cùng một vụ án (về sau) được gọi là *xét lại chống đảng*. Được phóng thích năm 1973, ông về lại Hải Phòng sống lây lất bên lề xã hội, làm đủ thứ nghề để mưu sinh, và không có tác phẩm in ấn trong hai mươi năm. Mãi đến 1993 mới có bài về Nguyên Hồng đăng trên báo Cửa Biển tại Hải Phòng. Năm 1995, được in cuốn *Một Thời Để Mất*, hồi ký về Nguyên Hồng, 180 trang. Và sau đó là *Những Người Rách Việc*, 1996, gồm 8 truyện ngắn, 176 trang. Đây là chưa kể đến hàng loạt tác phẩm thuộc nhiều thể loại, dưới dạng bản thảo, bị công an tịch thu không trả lại.

Lao pháp, cơ sở của chế độ

Chuyện kể năm 2000 chủ yếu thuật lại một đoạn đời của nhân vật chính Nguyễn văn Tuấn qua năm năm tù đày, không xét xử, qua

nhiều xà lim tiền trạm trước khi chuyển đến các trại tập trung cải tạo miền thượng du Việt Bắc (1968-1973). Và vài năm sau đó, khi ông về sống lây lất tại Hải Phòng quê nhà.

Nếu xét về cốt truyện, tỷ lệ số trang, tuyến nhân vật, thì chủ yếu tác phẩm mô tả cảnh đọa đày của tù nhân - nhất là tù chính trị không có án. Nhưng tham vọng người viết có lẽ không dừng lại ở đó. Tác dụng của chữ nghĩa - nội dung sâu xa của tác phẩm - đã phơi bày toàn bộ chính sách của một chế độ toàn trị, sử dụng nhà giam để quản lý xã hội, áp đặt chế độ chuyên chế, tập trung quyền sinh sát trong tay một thiểu số của guồng máy .

Bắt giam người không xét xử có nghĩa là muốn bắt ai thì bắt, giam bao lâu, ở đâu, buộc làm gì cũng được. Chế độ ấy gieo hãi hùng trong toàn bộ xã hội, ngay cả trên đầu cán bộ cao cấp. Mỗi con người là một pháp nhân bán hợp pháp, một công dân bán chính thức. Nó chưa được làm một *phó thường dân* - vì không có *thường dân,* chỉ có những phạm nhân tiềm thể (dôtenu potentiel), tù nhân *nội trú* hay *ngoại trú* (I, tr. 251), những *con tin* của guồng máy, không chút tin cậy gì ở luật pháp. Vì chỉ có lao pháp thay cho luật pháp. Không có công pháp, chỉ có công-an-pháp. Nói khác đi, người đọc, qua *Chuyện Kể Năm 2000* , nhận thấy toàn bộ nền tảng cơ sở của một chế độ. Nó *ưu việt* ở chỗ toàn hảo trong kỹ thuật toàn trị. Đây là nội dung chính yếu của tác phẩm. Những cảnh lao lý, đau thương đến mấy, cũng chỉ là những *chi tiết* minh hoạ.

Quyền lực và lạc thú

Nói rằng xã hội không có luật pháp, có nghĩa là pháp lý không bảo vệ con người, ở những quyền hạn tối thiểu. Chứ luật lệ thì vẫn có, và nhiều lắm. Tuấn khi ra tù, sau bao nhiêu nghề ngỗng lêu bêu, mới tìm được việc làm ở xí nghiệp đánh cá, thì bị không biết bao nhiêu phép tắc không cho đi làm, từ công an khu phố, thành phố, sở Lao động, v...v...

Chế độ toàn trị dựa trên vô số luật pháp để phát huy quyền lực ; người cầm quyền áp dụng luật pháp tuỳ nghi tuỳ thích. Trong *Thân Phận Làm Người (*La Condition Humaine*)* một nhân vật của Malraux nhận xét : con người không khát khao quyền lực mà chỉ đi tìm *lạc thú* (le bon plaisir). Trong trại giam, ông quản giáo Thanh Vân tuỳ hứng xử lý việc tù nhân được hay không được gặp mặt gia đình thăm nuôi : *Từ chỗ không* đợc gặp mặt vợ, đến chỗ, đợc gặp nhng không đợc nhận quà, rồi nhận tí quà, rồi cuối cùng đợc nhận tất cả. *Thật là kỳ diệu ằ (I,*

tr.19). Hoàn toàn tuỳ hứng. Trầm trọng hơn nữa là ông Trần, giám đốc công an, định phóng thích Tuấn từ 1971, rồi đổi ý kiến, (I, tr.113) quyết định long trọng cho Tuấn đi làm rồi ngầm ra lịnh cấp dưới cấm Tuấn đi làm (II, tr.93 và 98) cũng là theo *lạc thú* - dĩ nhiên là có động cơ, quyền lợi riêng, nhưng không nhất thiết để thăng quan tiến chức như Tuấn *dự đoán*; có khi chỉ thực thi *lạc thú*: tôi đã hứa vói anh điều này, nhưng nay tôi trở mặt, làm điều kia, điều trái ngược. Vì đó là uy quyền, là tự do của tôi, lạc thú của con mèo vờn vọc thân xác con chuột. Thực hiện lời hứa là thường tình, làm ngược lại lời hứa mới là *cách mạng*.

Quyền lực ban ơn để tạo uy. ơn uy là những lạc thú có khi bệnh họan. Xã hội nào cũng có người bệnh hoạn, nhưng chỉ ở trong những xã hội toàn trị bệnh hoạn mới đưa đến đỉnh cao của quyền lực. Bi kịch ở chỗ : lạc thú người này gây ra thảm cảnh người kia, tạo nên những tình huống hoàn toàn phi lý và bi đát. Bi đát ở phần khổ ải đã đành, còn bi đát ở chỗ phi công lý và phi luận lý. Như tảng đá của Sisyphe.

Mạng lưới toàn năng

Xã hội toàn trị là một mạng lưới toàn năng. Hệ thống trại giam toàn hảo ở nhiều điểm. Trước hết là không thể trốn, vì không biết trốn đi đâu. Thời Pháp thuộc, cán bộ Cộng Sản trốn tù về nhà dân, về cơ sở ẩn náu suốt tháng quanh năm. Trại giam cộng sản hiệu lực hơn : tù nhân, tên Sáng trốn năm lần đều không thoát, vì không biết đi đâu. May lắm là về làng để bị bắt lại trong lúc *ăn cơm với mắm cáy cùng bố mẹ* (I, tr.61).

Hoặc giả như Già Đô, một Việt kiều cũ, khi được phóng thích về thành phố, không gia đình, không nhà cửa, không sống nổi, phải làm đơn xin vào tù trở lại, dĩ nhiên là đơn không được cứu xét. Già Đô sống lây lất trên những đống rác và chết trong một ngôi đình đổ nát *Già không chết trong tù, đúng như có lúc già mong ước* (II, tr.89).

Thảm khốc hơn nữa là Nguỵ Như Cẩn, tù chính trị, bị giam cầm không án suốt ba mươi năm - người tù lâu nhất nhì trong cả nước - quen sống với rừng sâu và muông thú, hoàn toàn biệt lập với xã hội loài người, đến khi được lệnh thả thì tự tử *treo cổ lủng lẳng trong rừng, chết cứng từ bao giờ* (II, tr.112). Một số cựu tù nhân khác như Min, Giang sống lây lất bên lề xã hội, hành nghề trộm, cấp rồi bị bắt trở lại.

Riêng nhân vật chính, là nhà văn thuộc gia đình cộng sản, được vợ con, bè bạn dũng cảm cưu mang, cũng phải gian nan lắm mới kiếm được miếng cơm manh áo và nhất là không thoát ly ra khỏi ám ảnh tù

đày *Gặp ai, ở đâu hắn cũng tưởng như gặp lại bạn tù cũ. Những người đi trên đường không một ai cười : Giống nhau. Xam xám. Đăm chiêu (...). Nhưng rồi hắn giật mình : chẳng lẽ lại nhiều người đi tù đến thế. Đất nước lắm người đi tù đến thế ? ?* (I, tr.257).

Hỏi thế là có ngày trở lại núi cũ, rừng xa đấy...

*

Tiểu Thuyết hay Tự Truyện

Chuyện Kể Năm 2000 được viết ở ngôi thứ ba, với chủ từ hắn, *nhưng thực chất là một tự truyện. T*ác giả có tác phẩm từ 20 tuổi, đến 35 tuổi mới đi tù ; sau đó lại có tác phẩm. Người đọc nhận ra ngay : hắn - Nguyễn Văn Tuấn là tôi - Bùi Ngọc Tấn. Dùng ngôi thứ ba cho thuật sự nhẹ lời, khách quan hơn, để dễ bề cay đắng. Biết đâu nhờ hư cấu mà dễ bề qua mắt kiểm duyệt.

Hắn nhân vật cùng năm sinh 1934 với tác giả, cùng ở đường Điện Biên Phủ, Hải Phòng. Cùng đi kháng chiến chống Pháp, về tiếp quản Hà Nội 1954, làm báo T (Tiền Phong), viết sách, bị bắt, được thả cùng ngày. Cùng có những người bạn chung, có khi kể tên thật như Dương Tường (I, tr.193), Nguyên Hồng (I, tr. 137), Quang Dũng, có khi đọc chệch đi một tý : Kiều Duy Vĩnh thành Kiều Xuân Vĩnh, Lê Bầu thành Lê Bàn,... . Có khi chệch xa hơn : Vũ thư Hiên thành Nguyễn Vũ Phương *biên tập viên điện ảnh* (I, tr. 71) bị bắt cùng một thời điểm, cùng một tội danh. Tên nhân vật Tuấn là tác giả Tấn thêm vào một chữ u, trong u uất, u minh, u ngục ... Tên vợ là Ngọc, đồng nghĩa với tên Bích ngoài đời.

Chúng ta không cần phải là bới móc đời tư tác giả để kiểm chứng người thật, việc thật trong tác phẩm, *Ai đi phân chất một mùi hương* (Xuân Diệu), nói chi đến việc đào bới phân tro để tìm *hồn của bông hường*. Nhưng cũng nên nêu lên một khía cạnh : Bùi Ngọc Tấn kể chuyện người thật việc thật mà không dùng thể loại trực tiếp là tự truyện, lại sử dụng tiểu thuyết là một hình thức hư cấu. Lý thú ở chỗ: sự thật hay hư cấu ... cũng vậy thôi ! Tôi, anh, mày, hắn ... đều là một *chúng ta* nặng nề thân xác, đương đầu thường xuyên với một guồng máy với *Người vô hình toàn năng đang im lặng buộc tội* (II, tr. 113). Ngoài ra, đại từ *hắn* như một công cụ thi pháp, một kinh nghiệm mà Bùi Ngọc Tấn đã thừa kế từ Nam Cao, cũng như một vài phong cách khác. Nhưng lịch sử đã đưa Bùi Ngọc Tấn trôi giạt đi *học tập* xa hơn Nam Cao. Chữ *hắn* trong *Chuyện Kể Năm 2000* mang tính chất bi kịch, phẫn nộ lẫn phản kháng chưa có ở Nam Cao. Nên có thể nói : đây là

chủ thể *hắn-hiện-đại-hoá*.

Hơn nữa, vương quốc Việt Nam là một *cõi nhân gian bé xíu*. Anh bắt bớ ai, thậm chí sắp nhốt ai, là thiên hạ đều biết. Người bị bắt, vì chính trị tự dưng thành một biểu tượng, huống hồ là *một phóng viên có tiếng, quen biết rộng, khi bắt đã tạo thành dư luận ầm ĩ. Nếu thả, lại càng ầm ĩ hơn (II, tr.* 90).

Bùi Ngọc Tấn không cần viết tự truyện hay hồi ký, bạn đọc cũng nhận ra đâu là chuyện thật. Sử dụng ngôi thứ ba, dùng *hắn* thay *tôi* không những là một thủ thuật văn học, mà còn là một phản ánh và một phản ứng xã hội, một xã hội cực kỳ *ưu việt*, trong đó người Việt Nam có cách riêng để hiểu Rimbaud *Je est un autre* (Tôi là kẻ khác). Dùng hắn thay tôi là tha hoá chủ thể phát ngôn. Tha hoá còn có thể được hiểu nôm na : hoá ra mình được... *tha !*. Bùi Ngọc Tấn tham chiếu một nhân vật tiểu thuyết của Huy-gô, tội đồ Jean Valjean, cái tên vang dội ngay vào Giăng Văn Giăng, kẻ móc túi trong *Chuyện Kể Năm 2000* . Uy- mua (humour) ở đây là tình cờ hay hữu ý ?

Ngục Tù và Trăng Mật

Sau khi Tuấn bị bắt, các bạn ông bị theo dõi sát nút. Có người như Bình sắm sẵn *ba lô con cóc bộ đội cũ* (I, tr.249). *Hai vợ chồng cứ thế âm thầm chuẩn bị cho việc đi tù của Bình. Và chính thời gian đó họ sống như trong tuần trăng mật.* Sẵn sàng ba lô là chuyện thật, tôi đã từng nghe người khác kể trước đây. Còn *tuần trăng mật* thì không biết thật đến đâu: bị công an gắn máy ghi âm ngay đầu giường, hai vợ chồng không dám làm tình. *Một thời gian dài, anh hoàn toàn bị liệt* (I, tr. 248). Nhưng sau đó *Bình đã xác định lại : không thể để như người impuissant. Như thế là không được. Là thua... Ta phải giành lại phần tự do tối thiểu. Họ lại yêu nhau chăm chỉ. Cả ban ngày lẫn ban đêm (I, tr.* 250). Làm tình với vợ là một khẳng định tự do, một thách đố chính trị , trong những điều kiện nào đó, mà bằng giọng kể dí dỏm, Bùi Ngọc Tấn đã gợi lại những nét cụ thể.

Chuyện Kể Năm 2000 là một bản giao hưởng chập chùng trên nhiều giai điệu. Giữa cảnh trần ai khổ luỵ, thỉnh thoảng có những trang tả tình đằm thắm qua ba hoàn cảnh và giai đoạn yêu đương khác nhau: đôi lứa Tuấn-Ngọc yêu nhau vội vã, khi chưa là vợ chồng, trong căn buồng nhỏ hẹp tại Hà Nội. Sau đó là cảnh yêu đương một đêm trăng tắm giếng ở nông thôn, vô cùng thi vị và gợi cảm (I, tr.150) và cuối cùng, cảnh vợ chồng tái hợp *sáng loà như một đám cháy ở chân trời (...) là những gì còn đó nguyên vẹn mà không bạo lực nào có thể cớp*

đi (...) là yêu nhau. Là lại được yêu nhau (I, tr. 205). Cảnh này sẽ có độc giả cho là không hợp tình hợp lý, vì kéo dài suốt mấy chục trang, gián đoạn bằng những hồi tưởng về cảnh tù đày. Những trang ân ái không nhiều, và viết không đều tay, nhưng đánh dấu những cái mốc quan trọng trong đời sống.

Nhân vật nữ trong tác phẩm hiện thân cho tình yêu, hiểu theo nghĩa hy sinh, chịu đựng. Họ không có thái độ trực tiếp phản kháng như nam giới. Nói chung trong văn học, chúng ta có ít chứng từ về người tù phụ nữ. Nhưng nhất định số phận của họ cũng gian lao không kém gì nam giới.

Chuyện Kể Năm 2000 là bức tranh toàn cảnh một xã hội đen tối. Dù rằng vẫn có vài mảng ánh sáng tươi thắm, phản chiếu niềm tin ở cuộc đời và tình người, nhất là tình nghĩa vợ chồng.

Cấu trúc Truyện kể

Chuyện Kể Năm 2000 phát triển theo cấu trúc hiện đại, trên dòng tâm tư nhiều chiều hướng, khi xuôi chiều thời gian theo sự việc, khi ngược chiều thời gian theo hồi tưởng, khi chồng sự kiện lên nhau theo liên tưởng.

Phần đầu, nửa đầu tập I là lối kể chuyện thông thường, theo dòng thời gian đơn tuyến, để mô tả cảnh tù đày trong các trại giam. Hành văn hiện thực, ngữ pháp hồn nhiên làm nổi bật những lao khổ, cơ cực của người tù, có phần tự nhiên chủ nghĩa một chút.

Sang nửa sau tập I, tác giả đổi phương pháp : nhân vật Tuấn được phóng thích về lại thành phố, Hà Nội, Hải Phòng, rồi về nông thôn thăm bố mẹ. Hành trình *hồi hương* theo trình tự thời gian, nhưng truyện kể lại dích dắc theo hồi tưởng, theo giao động tâm lý : Về quê xa *hắn* ở nhà ba ngày. *Ba ngày ấy, hắn sống bằng cả ba kiếp sống. Cái hội chứng sống nhiều kiếp trong một lúc chỉ hắn mới có, chỉ những người mới ở tù ra mới có. Thực ra hắn chưa ý thức được rằng mình mang bệnh ấy. Sống mà luôn luôn nghĩ tới qua khứ, những ngày cha bị bắt, và những ngày ở trong ấy, từ chuyện này lan man sang chuyện khác* (I, tr.225).

Sang đến cuốn II, Bùi Ngọc Tấn tả cảnh sống lêu bêu tại Hải Phòng, làm đủ thứ nghề linh tinh, những sinh kế *gia công* không chính thức, những gian truân vì công an không cho nhận việc làm có biên chế. Dĩ nhiên là giữa hai sự kiện hiện thực, tác giả lại liên tưởng, lại hồi tưởng, hay thực sự gặp lại những bạn tù xa, khi tình cờ, khi hữu ý. Những ám ảnh tâm lý đã đành, thêm những thân tàn ma dại của Dự, của Già Đô xuất hiện trong thực tế. Quả là tác giả đã *từ chuyện này lan*

man sang chuyện khác nhưng không đào vong ra khỏi chủ đề : xã hội toàn trị là một trại trừng giới vĩ mô.

Nhưng tác giả vẫn giữ niềm tin, ở bản thân, ở thân nhân, thậm chí ở chế độ đã đày đoạ ông. Trang cuối cùng loé lên một tia hy vọng: Tuấn sẽ được phép đi làm việc ở xí nghiệp đánh cá.

Ngưỡng cửa lao tù

Nhân vật Tuấn, và tác giả Bùi Ngọc Tấn cùng với nhiều phạm nhân khác là người tù không án. Không án nghĩa là bị bắt giam không xét xử, chứ không phải là không có lý do chìm nổi.

Lệnh tạm giam là *bắt bốn tháng* vì tội *tuyên truyền phản cách mạng* (I, tr. 86 và 16). Lại thêm *lệnh tập trung cải tạo : phần tử nguy hiểm cho cách mạng* (I, tr. 16). Những cáo trạng *rất chung nên rất gay. Bốn tháng là dành cho những ngời tội nặng, điều tra phức tạp. Nhẹ chỉ hai tháng thôi(I, tr.* 89). Nhưng cụ thể thì không ai nói rõ tội nặng ấy là hành động gì. Chính ông quản giáo trại giam, khi phóng thích, còn hỏi hắn *anh bị bắt vì tội gì ?* (I, tr. 66).

Chỉ có một lần hỏi cung, ba tháng sau lệnh bắt, ông Lan công an, sau khi tự hào đã từng *thụ lý ba án tử hình, năm án chung thân và trên hai mươi án hai mươi năm* (I, tr75) đã thẳng thừng bảo Tuấn *Anh bôi đen chế độ, người ta gô anh lại* (I, tr. 77).

Về sau này, trường hợp Bùi Ngọc Tấn, Vũ Thư Hiên... sẽ được gói chung lại trong vụ án *xét lại chống Đảng.* Tác giả, ở phần cuối sách, đã *phỏng đoán : Thời gian đó ở Hà Nội, đã phát hiện một tổ chức chống Đảng. Toàn những cán bộ đảng viên. Có cả cán bộ cao cấp. P. (Hải Phòng) cũng phải có ở mức độ nhẹ để hưởng ứng Hà Nội (...). Người ta chọn (bắt) hắn vì hắn chẳng mở miệng chửi phim Khi Đàn Sếu Bay Qua (...). Hắn lại có những yếu tố để dễ bất mãn. Hắn mâu thuẫn với bí thư chi bộ. Hắn không muốn vào Đảng. Hắn lại còn nói sẽ bẻ bút không viết nữa. Bất mãn quá rồi còn gì. Hắn chơi bời với một số người Hà Nội, người bị bắt, người đang bị theo dõi. Hắn bấp bênh về lập trường. Hắn tự kiêu tự đại. Hắn mất cảnh giác và dễ bị lôi cuốn. Sau này hắn còn được biết ông bí th thành uỷ K. rất ghét hắn (II, tr.75).* Như vậy đã là quá nhiều *nghi án.* ít tội hơn thế nữa, cũng đã lắm người bị bắt.

Thế giới Tập trung cải tạo

Chế độ tập trung cải tạo, không phải là một phát minh mới lạ,

càng không phải là sáng kiến Việt Nam. Nhà cầm quyền Cộng sản chỉ thừa kế một gia tài hương hoả của nhiều chế độ anh em, và đã khéo ứng dụng vào một nước nhỏ đang chiến tranh, với nhiều nét xã hội, tâm lý riêng biệt.

Bùi Ngọc Tấn không nêu đích xác các địa danh, chỉ gọi là xà lim 75, hay 76, rồi những trại QN hay VQ để bảo vệ lý thuyết *hư cấu* trên bề mặt. Nhưng ngời đọc cũng nhận ra khi tác giả định hướng : *trại VQ nằm vào thung lũng giữa rừng già Việt Bắc ... , đi tàu, rồi ba chục cây số đường rừng(I, tr.* 10) *miệt Hà Giang* (I. tr.35). Trại giam cả hàng ngàn người thuộc nhiều loại tù khác nhau từ hình sự đến chính trị. Tù có án mang số chẵn. Tù không án mang số lẻ gồm có những phần tử nguy hiểm cho chế độ, những nhà văn như Bùi Ngọc Tấn, Vũ Thư Hiên, những người trong quân đội Pháp cũ, tu sĩ công giáo, phật giáo, đảng viên đảng phái..v.. v.., nói chung là *có hại cho an ninh xã hội.*

Chuyện kể Năm 2000 là tác phẩm văn học vì đã khắc hoạ được những nhân vật điển hình, trong cá tính, ngôn ngữ, phản ứng riêng. Cùng là nạn nhân bị đoạ đày trong đời sống lao cải, họ đến từ những chân trời khác nhau, những hoàn cảnh xã hội dị biệt, phải hoà mình vào một tập thể quái đản. Có khi yêu thương, đùm bọc lấy nhau, cũng có khi tố giác, hành hạ, đánh đập nhau. Nhưng nói chung, tác giả làm nổi bật nhân phẩm chung và tư cách riêng của con người dưới sự đàn áp. Lửa thử vàng, nhục nhằn thử đức. Không nhục nhằn nào so được với cảnh tập trung cải tạo.

Tuyến Nhân Vật

Chuyện Kể Năm 2000 quay chung quanh Tuấn, nhân vật hắn *trung tâm.* Dĩ nhiên là không ai hiểu Tuấn bằng tác giả. Kỹ thuật hư cấu cho phép tác giả vượt qua thực tại một cá nhân, cường điệu hay thăng hoa người thật việc thật - từ đó cách điệu hoá các nhân vật - tạo nên những nhân cách văn học. Đây là ưu thế của tiểu thuyết so với tự truyên hay hồi ký. Vũ Th Hiên, tác giả Đêm Giữa Ban Ngày (1997) đã vất vả lưu ý người đọc và giới phê bình vào tính cách nghệ thuật của tập hồi ký, nhưng không phải ai cũng phân định rốt ráo.

Trại tù là một nhân gian bát nháo. Có ngời ở tù vì là thành phần của một cơ chế, như quân đội Pháp. Bảo Đại trước 1954: Hợp lính *nguy*, tập trung cải tạo đến năm thứ 9, thích bẩm, sớ, để lập công, sớm được về (I, tr. 20). Cương sĩ quan Đà Lạt khoá cuối (?), Vĩnh cựu đại uý, vv vv...

Những nhân vật Việt kiều cũ : Già Đô, tình nguyện về nước, để

xây dựng công nghiệp, bị bắt vì ăn ngay nói thẳng ; Cán về thăm đất nước, khi ra sân bay bị mời ở lại vì bị nghi là gián điệp và ở tù từ 18 năm (I, tr. 43).

Nhiều người tù thuộc các dân tộc, nhiều nhất là gốc Hoa. A Thềnh, gốc Nùng bị tù vì làm cháy rừng , bị bắn chết khi hái trộm mấy quả ớt (I, tr.40). Voòng Kỷ Mình vào khám vì tố cáo ban chủ nhiệm hợp tác xã tham nhũng (I, tr.57). Khả ái như Giang, con liệt sĩ, bị bắt đi bắt lại vì trộm cắp ; độc đáo như Triều Phỉ, tay anh chị bến Cảng Hải Phòng.

Tù trí thức : Sơn kỹ sư, bị bắt vì ăn cắp nguyên liệu. Đỗ *dược sĩ cao cấp* án tử hình với tội (oan) giết vợ (I, tr.177). Có anh bộ đội bị án tử hình bởi tội đào ngũ và bắn chết đồng đội (I, tr. 182).

Đi tù, cho dù bất cứ lý do gì, oan hay ưng, đều bi đát trong những điều kiện vật chất, tinh thần của những trại tập trung cải tạo. Nhưng tác giả vẫn có giọng dí dỏm :

Hắn nhớ hai ông Minh trong B. Một ông Minh là máy trưởng. Về nông thôn chữa máy bơm thuê. Ông lấy tiền nhôm ra đúc piston. Một ông Minh khác là thợ thủ công, lấy nhôm lá dập thành xu. Cả hai ông đều phạm pháp. Một ông phá hoại tiền tệ, một ông làm tiền giả. Hai ông gặp nhau ở BD (buồng giam) ; Giá hai ông gặp nhau trước thì đâu đến nỗi (I, tr.134).

Giọng hài hước, một mặt thay đổi khí hậu cho tác phẩm, điểm nụ cười mỉm trên những khuôn mặt hốc hác. Mặt khác, nó xác nhận tâm thức tự do của con người mạnh hơn tảng đá đè lên nó. Trong tù, ngoài tù cũng vậy.

Ngoài tù, một loạt nhân vật linh động : rõ nét nhất là Ngọc người vợ, tận tuy, chung thuỷ và chịu đựng, dường như Thượng Đế đã tiền chế một người đàn bà sinh ra để làm vợ chung thân một tên tù không án. Những người bạn dũng cảm và chu đáo. Đôi vợ chồng Bình-Thao là những vai phụ linh hoat, sống động. Gia đình Tuấn, cha mẹ, anh em toàn là cộng sản gốc, các người anh đã thoát ly theo kháng chiến từ khởi thuỷ. Anh Chân từng bị bắt oan và đối xử nghiệt ngã nhưng vẫn kiên định và tin tưởng. Anh Thân tinh tế và sáng suốt. Họ là những đảng viên kỳ cựu và trung kiên. Cộng sản nhưng vẫn là người bình thường, thậm chí khả ái : họ là người cộng sản chưa nắm quyền bính. Ông Hoàng, đảng viên cao cấp, cũng là người bạn chí tình. Tiếc thay ông đã mất hết quyền bính.

Ngục trung nhật ký

ở tù, ở đâu, thời nào cũng khổ. Trên miền Bắc, vào khoảng 1970

càng khổ. Lao dịch, đàn áp, đã đành. Còn đói rách trong một xã hội cùng khổ và bị chiến tranh tàn phá. Đã có nhiều sách nói về thảm cảnh trong các trại cải tạo, nhất là các trại học tập dành cho sĩ quan, công chức miền Nam sau 1975. Nhưng có lẽ *Chuyện Kể Năm 2000* là chứng từ đầy đủ nhất, phản ánh nhiều khía cạnh nhất, nhìn dưới ánh sáng nhân đạo và nhân văn. Trong *Đêm Giữa Ban Ngày,* Vũ Thư Hiên cũng đã có dụng công này, nhưng thông điệp chính trị nặng nề hơn, do đó chất lượng chính trị lấn át màu sắc nhân văn và văn học.

Một tù nhân đã đưa đàn trâu sâu vào rừng để làm tình với một con trâu cái, bị phát giác vì *nó lại kêu họ họ lúc làm tình*(I, tr. 228). Đây là một cảnh lẻ loi. Không tiêu biểu, nhưng cũng là cách hoán dụ (mộtonymie) gợi lại toàn cảnh tù đày. Cảnh đói thì vô cùng vô tận. Tù nhân ăn mọi thứ : chuột, rắn mối, kỳ nhông ; ăn sống dế và tò vò, Cầm bạnh ra vì nhai sắn ; cảnh đê nhục con người là lúc chia cơm. Đói sinh ra ăn cắp, tạt được cái gì ăn cái đó ; ăn cắp không phải là cái tội, mà là một hành động phản kháng. Dĩ nhiên là có đứa tố giác :

Tích cực bẩm, sớ, để được giảm án. Lê đã bóp cổ Voòng Kỷ Mình để Voòng Kỷ Mình lè ra khỏi miệng quả vải thiều vừa mới tạt được, nhưng chưa nuốt trôi xuống cổ. Lê cầm quả vải ớt nhoe nhoét ấy đi báo cán bộ (I, tr.47).

Quả vải thiều chưa kịp trôi xuống cổ : một chi tiết thôi, rất nhỏ nhưng nói nhiều, nhờ phong cách hoán dụ, đặc biệt của điện ảnh.

Kiếm miếng ăn đã gian nan. Giữ tư cách trước miếng ăn lại càng không đơn giản. ăn đã vất vả, ỉa đái cũng gian lao : *Đi ỉa cũng vội, ỉa không hết cứt (...). Hắn nhắm mắt, nín thở, đái, co bụng lại mà đái cho nhanh (I, tr.* 50-51).

Đây là chưa nói đến lao dịch : *nước sông công tù. Công cúa thằng tù vô tận (I, tr.59).*

Giấc Mơ và Lời Chim

Lao khổ và áp bức huỷ hoại từ cơ thể đến tinh thần con người, len lỏi vào tận những giấc mơ. Nhân vật Tuấn hoàn toàn mất khả năng nằm mơ *Đã bao lần tôi ao ước nằm mơ thấy vợ, thấy con. Lần cuối cùng tôi nằm mơ cách đây hơn ba năm rồi. Tôi nằm mơ thấy thằng cháu lớn... túm đầu thằng bé mà tát nó, đánh nó. Nó khóc, nó khóc thảm thiết : con lạy bố rồi, bố đừng đánh con nữa. Tôi vẫn cứ ấn nó xuống mà đánh... Tôi choàng tỉnh. Run lên, toát hết mồ hôi ... Sao hắn lại đánh con như đánh đòn thù ? Sao phải lạy bố, hở con (I, tr.32,33).*

Bạo lực, những đòn thù từ cuộc sống dội vào đến tận đáy tiềm thức con người, hành hạ những bóng dáng thương yêu nhất. Nó huỷ

hoại đến cốt tuỷ những tình cảm thiêng liêng nhất. Bạo lực bất nhân, phi lý rền vang trong câu hỏi quái đản : *sao phải lạy bố hở con ?* Thậm chí con người sao lại phải van lạy con người ở cuối thế kỷ hai mươi ? Mất khả năng nằm mơ, người tù lại càng không dám sống về ký ức *Những đêm mất ngủ trong tù thật là khủng khiếp* (I. tr.49), vì kỷ niệm không an ủi mà còn dằn vặt, tra tấn, lẫn lộn vào bạo lực.

Đoạ đày xen kẽ vào những giấc mơ. Và toả bóng rộng ra, bao trùm lên ngoại cảnh, nhức nhối trong mỗi lời chim. Văn học đã từng có những tiếng chim thê thiết. Trên bước đường lưu lạc, Thuý Kiều lắng nghe tiếng *chim hôm thoi thót về rừng*, và sống tâm cảnh:

Rừng thu từng biếc chen hồng
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn

Nghe tiếng quyên khắc khoải năm canh xen giữa *tiếng khóc nỉ non*, ngời vợ lính thú gánh gạo đưa chồng, cũng lần bước trên dặm trường thượng du Việt Bắc. Nhưng khắc khoải đến đâu, dù *năm canh máu chảy đêm hè vắng*, cũng không bi thương bằng những tiếng chim xé rách thế giới tù đày, *những tiếng kêu thất thanh. Như những mũi dao khoan xoáy vào không trung (I, tr.92).*

Trước hết là tiếng chim bắt cô trói cột nghe thành : Khó khăn khắc phục.

Tiếng chim bên này rừng : khó khăn
Tiếng rừng bên kia dáp lại : khắc phục.
Khó khăn ... Thôi. Đủ rồi. Cái điệp khúc này tao nghe mãi rồi ... Khó khăn. Khắc phục (...)

Rồi con chim Còn khổ. Đó mới thật là tiếng của kinh hoàng. Còn khổ, còn khổ. *Không thoát được cảnh này đâu.* Còn khổ. Còn khổ. *Đừng mong đợi một ngày qua làm gì. Có án đâu mà tính đã qua được một ngày.*

... Còn khổ : Hắn quảy thùng nước phân thứ một trăm trong ngày, leo dốc, thở ra cả mang tai, mặt trời đốt vai rát bỏng. Dòi ở hố phân bám vào chân hắn trắng xoá, con rơi xuống đất theo từng bước chân huỳnh huỵch, con vẫn tiếp tục bò ngược lên tận bẹn. Còn khổ ... Còn khổ. Còn khổ cái con cặc tao đây này. Còn khổ . Cooòn khôôổ. Đúng là tiếng của đất, của rừng than thở một mình ... và tiếp tục là tiếng thở dài của rừng sâu (I, tr.93).

Lại còn tiếng chim thứ ba, kêu rất to ngay bên cạnh như tiếng người : ới con ơi. *Tiếng ơi không nhỏ dần đi mà lại to lên. Đúng lúc to*

nhất thì đột ngột tắt. Rừng sâu lại lịm đi. Chưa ai trông thấy nó, nhưng nhiều người đã nghe thấy nó gọi con. Họ đặt tên là chim ới con ơi (I, tr.95).

Kiến, Rận và Người

Tiêu khiển của người tù là nhìn đời sống hèn mọn chung quanh, mang hình ảnh của thân phận : *Ngồi nhìn lũ kiến tha cơm. Những con kiến bò ngòng ngèo vào tổ. Những con ra đi gặp những con đi về đều đứng lại. Như thăm. Lại cũng như kiểm tra. Hắn cố tình thả xuống một hòn cơm to. Lũ kiến bu lại. Đông. Rất đông. Không thấy cơm đâu. Như một hòn kiến động đậy.* (I, tr. 80). Phong cách vừa tả thực vừa ẩn dụ. Cay đắng chừng mực, có phần thi vị . Nhưng khi nuôi rệp để đùa chơi thì ẩn dụ đau đớn hơn nhiều : *Hắn nhốt con rệp được tám tuần lễ thì buồn quá, không chờ được nữa, đã đem con rệp ra cho nó hút máu. Tám tuần lễ nhịn đói, con rệp gần như khô đi. Nhưng khi bắt ra để trên cổ tay chỗ mạch đập, ngửi hơi máu, ngửi hơi người, cu cậu tỉnh ra ngay, bò, xoay xoay và chổng đít lên cắn da hút máu. Cho mày hút đẫy bầu đấy. Hẳn là một bữa đại tiệc. Cu cậu lim đi... Lại còn xếp những que diêm sóng hàng bắt ba bốn con rệp chạy qua que diêm, như kiểu chạy vợt rào. Cũng lồng lên như ngựa. Thú vị, nhưng chơi lâu cũng chán (II, tr.* 189).

Từ đàn kiến nhắm cơm đến con rệp nuôi hút máu, lối ẩn dụ đã được nâng cấp trong thi pháp thảm khốc. Ở đây, chúng tôi muốn lưu ý đến tính cách nhân đạo của ẩn dụ. Trong *Đêm Giữa Ban Ngày,* Vũ Thư Hiên có kể lại thời gian ở xà lim Bất Bạt, ông đã nuôi một con cóc làm bầu bạn, và giải thích là do *bản năng cầu bầu* một từ cổ, có nghĩa là che chở, săn sóc một sinh vật yếu đuối hơn :

Không phải chỉ nhu cầu có bạn trong cảnh cô đơn, mà người tù xà lim nuôi những con vật chẳng ai nuôi làm cảnh bao giờ. Con người cần có ai đó để mà săn sóc. Nói cách khác, nó cần được thấy có ai đó cần đến nó, để được thấy nó đang hiện hữu và hiện hữu có ích. Tình cảm đó là hạt nhân Thiện nằm trong mỗi chúng ta(ĐGBN, Văn Nghệ, 1997, tr. 586).

Bài học chúng ta lãnh hội được từ những người tù như Vũ Thư Hiên hay Bùi Ngọc Tấn là : sau bao nhiêu đày đoạ oan khiên họ vẫn độ lượng với xã hội, tin tưởng ở lẽ phải trong cuộc đời, những tình cảm tốt đẹp trong lòng người, chức năng của ngòi bút và hạnh phúc ở trần gian.

Thế kỷ Mới - Thế giới Mới

Chuyện Kể Năm 2000 là một biến cố văn học, không phải chỉ vì nó bị nhà nước tịch thu, nhưng nhờ giá trị tự tại của nó, trong một đất nước chưa có xã hội văn học chân chính, theo đúng nghĩa của một xã hội văn học.

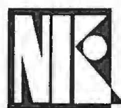
Giá trị của một cáo trạng dũng cảm, tố giác một xã hội toàn trị đặt cơ sở trên guồng máy công an, điển hình qua những trại tập trung cải tạo, giam giữ, đày đoạ con người không cần xét xử. Chính sách lao trị chủ nghĩa điều kiện hoá toàn bộ xã hội dân sự, khiến con người bị tha hoá, mất cả tự do, phẩm chất và tư cách.

Cáo trạng trong *Chuyện Kể Năm 2000* là một thông báo hiệu lực, nhờ giá trị văn học vững vàng, đặt trên nền tảng một nội dung nhân văn, nhân đạo và một nghệ thuật tiểu thuyết điêu luyện. Nghệ thuật trong cấu trúc truyện kể hiện đại, xây dựng nhân vật linh động, sử dụng bút pháp đa đạng, và một kho từ ngữ phong phú, ở nhiều cấp độ khác nhau.

Chuyện Kể Năm 2000. Năm 2000 ? Tại sao lại 2000 ? Phải chăng tác phẩm có tham vọng chấm dứt một thế kỷ anh hùng và đày đoạ, để mở ra một chân trời văn học mới, hứa hẹn một ánh sáng bình thường của công lý, dân chủ, nghệ thuật và hạnh phúc ?

ĐẶNG TIẾN
Paris, 5 Mai 2000





KIM THI

ngày... tháng...

Ngày... Tháng...

Sáu tháng nay tôi mất ngủ. Đêm nào cũng đến một hai giờ là thức giấc, trằn trọc mãi tới sáng. Các bạn từng có lúc mất ngủ, hẳn biết, đêm trở nên quá dài, đầu óc mụ mẩm lãng đãng, mọi âu lo, buồn bực ban ngày, vì công việc, tạm quên, sẽ tăng trưởng cường độ giữa khuya khắc, một mình, với chăn gối lạnh lẽo.

Sẽ phát điên nếu không tìm cách thoát khỏi tình trạng khốn khổ ấy. Tôi trở dậy, bật đèn đọc sách. Ban đầu, đọc không vô. Thân xác mệt mỏi, khó tập trung tư tưởng. Đọc đấy, mà không hiểu đang đọc gì, chữ sau vào, chữ trước trào ra.

Nhưng dần dần quen đi, tôi bắt đầu bám được vào ngữ nghĩa của những con chữ.

Cho đến hôm nay, đọc sách vào lúc nửa đêm về sáng, trong môi trường yên tĩnh thanh sạch, kể ra cũng là một thứ hạnh phúc.

Pha ấm nước trà, thỉnh thoảng rót, chiêu vài ngụm. Ngồi khoanh

chân trên ghế sofa, phủ từ thắt lưng xuống sát thảm một tấm mền dày, đặt ngửa cuốn sách mở rộng trong lòng, đeo cặp kính trắng lên mắt. Trong vị trí và tư thế ấy, tôi nhẫn nha nuốt trôi một hai trăm trang sách mỗi đêm. Tôi đọc, đủ loại. thơ ca, truyện ngắn, truyện dài, phê bình, khảo luận, nghiên cứu văn học, sử học, đạo học, triết học. Từ Đông sang Tây, từ tư bản đến cộng sản.... Đọc tuốt tuột. Tủ sách bề bộn gom góp mười sáu năm nay, đa phần tôi chỉ đọc lướt, đọc vì nhu cầu làm báo, nay, tôi bắt đầu đọc lại, cẩn trọng hơn, đàng hoàng hơn, ý thức tìm biết rõ ràng hơn.

Tối hôm qua, tôi vừa đọc xong cuốn *Bông Hồng Vàng* của Konstantin Paustovsky, bản dịch Vũ Thư Hiên.

Cuốn sách này vào những năm đầu sau 1975, tôi đã được đọc tại Việt Nam. Nhưng thuở ấy áo cơm cùng bao nhiêu chuyện cấp thiết cần lưu tâm hơn, đọc, chỉ để giết thì giờ, đọc, chỉ vì thói quen đã có từ nhỏ, do đó, ấn tượng cuốn sách mang lại, gần như không có. Năm trước, nhà Văn Nghệ được dịch giả cho phép tái bản cuốn *Bông Hồng Vàng,* phần trình bày bìa do tôi đảm trách. Như lệ thường, nhà xuất bản tặng tôi năm cuốn. Tôi tặng bốn cuốn cho bạn bè, chỉ giữ lại một, nhét vào tủ sách, rồi quên bẳng.

Tối qua, cuốn sách bị lôi ra, để rồi cùng tôi gắn bó đến sáu giờ sáng. Khi cuốn sách được gấp lại, tôi hiểu rằng ấn tượng tôi đang có khởi từ cuốn sách, là khá mạnh mẽ, và sẽ còn tồn tại dài lâu.

Đúng như tác giả viết, cuốn sách như một thứ *"khái niệm về bản chất tuyệt vời của lao động nhà văn".*

Tôi cũng viết văn, hình như cũng từng được gọi là nhà văn. Nhưng từ nhiều năm qua, tôi không còn đụng đến cây bút. Đúng hơn, tôi không còn làm công việc "lao động của một nhà văn", hiểu theo nghĩa nỗ lực, cần cù, khai phá, sáng tạo. Nếu có viết, cũng chỉ nhăng cuội, vớ vẩn cho xong. Viết, để trám chỗ, để làm đầy trang; viết, như một hình thức ăn gian, lường gạt bằng chữ!

Nghĩa nào đó, tôi đã xem thường văn chương, đã không còn xem văn chương là một "nghề" đáng quí, không còn nhận ra chức năng cao đẹp mà văn chương vốn có, không còn tin *"sáng tác của chúng ta được tạo ra là để cho cái đẹp của đất đai, cho lời kêu gọi đấu tranh vì hạnh phúc, cho niềm vui và tự do, cho cái cao rộng của tâm hồn người, cho sức mạnh của trí tuệ sẽ chiến thắng bóng tối, để chúng vĩnh viễn rực rỡ như một mặt trời không bao giờ tắt."*

Tối hôm qua, cuốn sách buộc tôi nhìn lại cách hành sử với chữ

nghĩa của mình, cuốn sách cũng tái tạo lại niềm tin trong tôi, thứ niềm tin từ lâu hoen rỉ, mòn nhẵn mọi góc cạnh đam mê.

Có lẽ cụ thể nhất, tôi nên trích lại một chương, mời các bạn cùng đọc. Tôi tin, bất cứ ai, nếu đã từng cầm bút viết văn, hay đã từng yêu mến văn chương, khi đọc hết chương này, chắc chắn sẽ có chung với tôi một cảm giác: đẹp thay chữ nghĩa, cao quí ngần nào những con người tạo ra chữ nghĩa. Không có chữ nghĩa, không có những con người tạo ra chữ nghĩa, thế giới này sẽ nghèo nàn buồn thảm biết bao nhiêu.

Bụi quí

Tôi không sao nhớ ra được bằng cách nào tôi đã biết được câu chuyện về anh thợ quét rác thành Paris tên là Jean Chamet. Chamet sống bằng nghề quét dọn các xưởng thủ công trong khu phố anh ở.

Nhà của Chamet là một túp lều ở ngoại ô. Tất nhiên, tôi có thể mô tả tỉ mỉ khu vực Chamet cư ngụ và bằng cách đó đưa độc giả đi xa khỏi cốt truyện. Nhưng có lẽ chỉ cần nói rằng cho đến nay ở ngoại ô thành Paris vẫn còn lại những bức tường pháo đài bằng đất cũng đủ. Vào thời gian xảy ra câu chuyện này, những bụi kim ngân và sơn trà vẫn mọc um tùm trên tường thành và chim chóc làm tổ trong những bụi đó.

Túp lều của anh thợ quét rác nằm ép sát chân tường pháo đài mặt Bắc, kế bên những căn nhà bé bỏng của các bác hàng thiếc, các bác thợ giày, những tên du thủ du thực và đám hành khất.

Giá mà Maupassant[1] để mắt đến cuộc sống của số cư dân trong những túp lều nọ, hẳn ông đã viết thêm được vài truyện ngắn tuyệt diệu. Có khi những truyện ngắn ấy còn mang lại cho vinh quang vốn đã vững chắc của ông bao nhiêu vòng nguyệt quế nữa cũng nên.

Đáng tiếc là người ngoài cuộc chẳng ai để mắt đến những nơi ấy, trừ lũ mật thám. Mà mật thám thì cũng chỉ ló mặt tới đây mỗi khi họ phải lùng sục tìm đồ mất trộm mà thôi.

Bằng vào cái biệt hiệu "Gõ kiến" mà xóm giềng đặt cho Chamet, ta phải hình dung anh ta là một người gầy gò, mũi nhọn và dưới vành mũ bao giờ cũng thò ra một lọn tóc[2].

Trước kia, Chamet từng có một cuộc sống dễ chịu. Anh đăng lính trong quân đội của "Tiểu Napoléon"[3], hồi chiến tranh Mehico.

May cho Chamet. Anh bị sốt rét nặng ở Veracruz. Và thế là anh

lính ốm yếu chưa từng một lần đọ súng thực sự nào liền bị tống về nước. Viên chỉ huy trưởng trung đoàn nhân tiện bèn gửi anh mang đứa con gái lên tám của ông là Suzanne về theo.

Viên chỉ huy của Chamet góa vợ, thành thử đi đâu ông ta cũng lếch thếch tha mụn con gái đi cùng. Nhưng lần này ông đành phải chia tay với con gái và gửi nó về cho bà chị ở Rouen. Khí hậu Mehico rất độc đối với trẻ con châu Âu. Hơn nữa, trong cuộc chiến tranh du kích bát nháo ở nơi này chẳng thiếu gì nguy hiểm bất ngờ.

Trên đường về Pháp, khí nóng bốc lên ngùn ngụt trên Đại Tây dương. Con bé suốt ngày lặng thinh. Thậm chí nhìn những con cá bay vọt lên khỏi mặt nước bóng nhẫy nó cũng chẳng buồn mỉm cười.

Chamet ra sức chăm sóc Suzanne. Tất nhiên anh cũng hiểu rằng con bé không chỉ mong được anh chăm sóc, mà còn muốn được anh âu yếm, vuốt ve. Khốn nỗi, một anh lính quèn của trung đoàn thuộc địa như anh thì làm sao có thể nghĩ ra được cái gì cho triều mến kia chứ? Anh có thể mua vui cho nó bằng cách nào đây? Đánh mạt chược với nó chăng? Hay là hát cho nó nghe những bài ca tục tĩu của lính tráng?

Nhưng dù sao thì cũng không thể nín lặng mãi. Càng ngày anh càng bắt gặp nhiều thêm những cái nhìn băn khoăn của con bé. Cuối cùng, anh đánh liều kể cho nó nghe về cuộc đời mình. Một cách không mạch lạc, anh kể lại cho nó nghe những tình tiết hết sức vụn vặt về một vạn chài trên bờ biển Manche, những bãi cát tơi, những vũng nước đọng khi triều xuống, ngôi nhà thờ nhỏ trong thôn nhà anh với quả chuông rạn, chuyện mẹ anh đã chữa cho hàng xóm khỏi chứng rát họng như thế nào.

Trong những mẩu ký ức đó Chamet cho rằng chẳng có gì khả dĩ làm cho Suzanne vui lên được. Nhưng anh ngạc nhiên biết bao khi thấy con bé lại háo hức nghe chuyện anh, thậm chí nó còn bắt anh kể đi kể lại những chuyện ấy, đòi biết thêm những tình tiết mới.

Chamet nặn óc tìm cho bằng ra những tình tiết ấy, cho đến khi anh không còn tin là chúng có thật. Đó không còn là những mẩu ký ức nữa, mà chỉ là bóng mờ của chúng. Chúng tan ra như những mảnh vụn của sương mù. Thực vậy, Chamet không bao giờ có thể ngờ rằng có lúc anh sẽ phải khôi phục trong trí nhớ quãng thời gian vô tích sự ấy của đời mình.

Một hôm, Chamet chợt mang máng nhớ tới một bông hồng vàng. Bông hồng thô kệch bằng vàng kim đã xuống nước ấy, được móc vào cây thập giá Chúa trong ngôi nhà một bà lão dân chài, chính mắt anh đã thấy. Có lẽ là như thế, mà cũng có thể là anh chỉ nghe láng giềng kể về nó.

Không, đúng là anh đã thấy nó thật, anh còn nhớ rất rõ nó lấp lánh thế nào, mặc dầu ngoài trời không có nắng và một cơn bão buồn thảm đang sục sôi trên eo biển. Càng về sau Chamet càng hình dung rõ hơn cái ánh lấp lánh ấy: nó giống như mấy ngọn lửa nhỏ sáng lên dưới một trần nhà thấp.

Người trong vạn chài thẩy đều ngạc nhiên thấy bà lão nọ cứ khăng khăng không chịu bán báu vật của bà. Bán nó đi bà sẽ sống dư dật. Riêng có mẹ Chamet thì quả quyết rằng bán bán bông hồng vàng đi là có tội, bởi vì nó là quà chúc phúc của người tình bà lão tặng bà khi bà còn là một cô gái tươi hơn hớn tại nhà máy đóng hộp cá mòi ở Odern.

- Trên thế gian này những bông hồng bằng vàng như thế hiếm lắm, con ạ - mẹ Chamet nói - Nhà nào có nó nhà ấy sẽ có hạnh phúc. Mà không riêng họ đâu, con ơi, người nào chỉ chạm vào bông hồng thôi, cũng sẽ được hạnh phúc.

Thằng bé Chamet mỏi mắt chờ cái ngày hạnh phúc sẽ đến với bà lão dân chài. Nhưng hạnh phúc chẳng thấy đâu, thậm chí bóng dáng của nó cũng chẳng có. Ngôi nhà của bà lão run rẩy trước gió và tối tối trong nhà chẳng có ánh lửa.

Thế rồi Chamet bỏ làng ra đi, không được thấy ngày đổi đời của bà lão. Mãi một năm sau, anh bạn của Chamet làm thợ đốt lò trên con tàu chở thư ở Le Havre mới cho anh hay rằng con trai bà lão vừa mới từ Paris đột ngột trở về, một anh chàng tính tình kỳ cục, râu xồm, vui nhộn... Từ ngày ấy túp lều của bà lão thay đổi hẳn, khó mà nhận ra. Nó trở nên ồn ào và dư dật. Thiên hạ kháo nhau rằng bọn họa sĩ vẽ lăng vẽ nhăng thế mà kiếm được ối tiền.

Một hôm, ngồi trên boong tàu, Chamet đang dùng chiếc lược sắt chải mớ tóc rối tung trước gió cho Suzanne thì con bé bỗng hỏi anh:

- Anh Jean ơi anh Jean, rồi cũng có người cho em một bông hồng vàng chứ ?

- Có thể lắm. - Chamet trả lời - Rồi cũng sẽ có một thằng dở hơi nào đó cho em, Suzanne ạ! Ở đại đội anh ấy mà, em biết không, có một tay còm nhỏm còm nhom, mà tốt số lạ lùng. Hắn ta lượm được trên chiến trường một cái hàm giả đã gẫy, bằng vàng. Tụi anh mới đem cái hàm giả ấy đi bán lấy tiền nhậu một bữa, cả đại đội. Chuyện xảy ra lâu rồi, từ hồi chiến tranh Annam kìa. Đám pháo thủ say khướt bèn lôi súng cối ra bắn chơi, thế quái nào một viên đạn lại rơi trúng miệng một núi lửa đã tắt rồi nổ tung trong đó. Núi lửa giật mình thở phì phì, và phun lửa. Mẹ kiếp, không nhớ cái núi ấy tên gì nhỉ. Đâu như Kraka-Taska thì phải. Chao ôi, nó phun mới dữ làm sao! Bốn chục dân bản xứ

đang yên lành lăn cổ ra chết tốt. Chỉ vì một cái hàm giả đã gãy mà ngần ấy con người ta toi mạng, thật là quá quắt! Về sau mới vỡ lẽ ra rằng cái hàm giả ấy là của chính ông đại tá của bọn anh đánh rơi. Vụ cái hàm giả rồi cũng yên - uy tín quân đội trên hết mà. Nhưng bọn anh dặn ấy say bí tỉ, em ạ.

- Ở đâu kia hả anh? - Suzanne ngờ vực hỏi.

- Anh nói rồi mà, ở xứ Annam, ở Indochine ấy[4]. Ở đấy em ạ, đại dương bốc cháy cứ bùng bùng chẳng khác gì dưới hỏa ngục, còn lũ sứa thì uốn éo lượn lờ y như những tấm váy riềm ren của vũ nữ. Lại còn ẩm nữa chứ, eo ơi là ẩm, ẩm đến nỗi chỉ một đêm thôi, trong ủng bọn anh nấm đã mọc đầy. Thật đấy, anh mà nói bịa thì giời đánh thánh vật anh đi[5].

Trước đây, Chamet đã nghe không biết bao nhiêu là chuyện tào lao của lính tráng, nhưng riêng anh, anh chưa từng bịa. Không phải anh không biết bịa, chẳng qua chưa bao giờ anh cần phải làm việc đó. Giờ đây anh coi việc làm cho Suzanne vui là một bổn phận thiêng liêng.

Chamet đưa con bé đến Rouen và trao tận tay bác gái của nó - một người đàn bà cao đuồn đuỗn, đôi môi tái nhợt mím chặt. Khắp mình bà ta toàn hạt cườm đen, trông chẳng khác gì một con rắn ở gánh xiếc.

Vừa nhác thấy bà bác, con bé bám chặt ngay lấy Chamet và nép vào cái áo ca-pốt bạc thếch của anh.

- Không việc gì đâu! - Chamet thì thầm và khẽ ủi vào vai, đẩy Suzanne ra, - Bọn lính trơn các anh, em ạ, cũng chẳng có quyền chọn cho mình các ông chỉ huy đại đội. Thôi, chịu khó vậy, Souzi, em cũng con nhà lính mà!

Chamet bỏ đi. Anh ngoảnh lại mấy lần, nhìn lên những khung cửa sổ của ngôi nhà buồn tẻ, nơi đến gió cũng chẳng buồn lay động những bức rèm. Nghe rõ tiếng đồng hồ hối hả trong những quán nhỏ nơi phố hẹp. Chamet còn giữ lại trong túi dết một kỷ niệm của Suzanne, một cái nơ buộc tóc màu xanh đã nhàu nát. Không hiểu sao cái nơ lại có mùi thơm dịu dàng đến thế, như thể nó được để lâu trong một giành hoa tím.

Bệnh sốt rét Mehico tàn phá sức khỏe Chamet. Anh chưa được thăng chức đội thì đã bị sa thải rồi. Chamet trở về cuộc sống dân thường với hàm binh nhì,

Năm tháng qua đi trong cảnh thiếu thốn đơn điệu. Chamet nếm hết nghề khốn khổ này đến nghề khốn khổ khác, để rồi cuối cùng trở thành thợ quét rác. Từ đó, mùi bụi bặm và rác rưởi lúc nào cũng ám vào anh. Anh thấy nó ngay cả trong gió thoảng từ sông Seine luồn vào

trong các phố, cả trong những bó hoa ướt mà các lão bà ăn vận sạch sẽ đứng bán trên các đại lộ.

Ngày lại ngày quyện lấy nhau trong một màu vàng đục. Nhưng đôi khi trong cái màu vàng đục ấy, Chamet lại thấy trong lòng mình hiện lên một áng mây hồng - đó là bộ áo dài cũ của Suzanne. Từ tấm áo ấy phảng phất hương xuân tươi mát như thể người ta cũng để nó lâu trong một giành hoa tìm.

Suzanne giờ ở đâu? Sống ra sao? Chamet biết giờ đây Suzanne đã là một thiếu nữ, còn cha nàng thì đã từ trần.

Đã nhiều lần Chamet toan đi Rouen thăm Suzanne. Nhưng anh cứ lần lữa mãi, cho đến khi chợt hiểu ra rằng mình đã bỏ lỡ dịp và Suzanne chắc cũng đã quên hẳn anh rồi.

Anh tự mắng mình là đồ bị thịt, khi nhớ đến cuộc chia tay với Suzanne. Đáng lẽ phải hôn con bé thì anh lại ấn vào lưng nó, đẩy nó tới chỗ con quạ già nọ và bảo: "Chịu khó vậy, Souzi ạ, em cũng con nhà lính mà!"

Ai cũng biết thợ quét rác chỉ làm việc về đêm. Họ phải làm đêm như vậy vì rác rưởi do các hoạt động náo nhiệt và không phải lúc nào cũng có ích mà con người ta thải ra tích tụ lại nhiều nhất vào cuối ngày, ngoài chuyện đó ra, thợ quét rác không được phép xúc phạm thị giác và khứu giác của dân đất kinh kỳ. Ban đêm hầu như chẳng ai thấy những người quét rác làm việc thế nào, trừ lũ chuột cống.

Chamet đã quen với công việc về đêm, thậm chí anh còn thích cái khoảng thời gian ấy là khác. Nhất là lúc ánh bình minh uể oải bắt đầu chọc thủng màn đêm trên thành phố. Sương mù vương vất trên sông Seine, nhưng sương không bao giờ bốc lên quá thành cầu.

Một hôm, cũng vào một buổi bình minh mờ mịt hơi sương như thế, Chamet đang đi trên cầu Phế Binh thì bắt gặp một thiếu phụ mặc áo dài màu tím nhạt viền ren đen. Thiếu phụ đứng bên thành cầu, cúi nhìn nhìn sông Seine.

Chamet dừng lại, cất chiếc mũ bụi bậm xuống và nói:

- Thưa tiểu thư, nước sông Seine giờ này lạnh lắm. Tiểu thư nên để tôi đưa về nhà thì hơn.

- Giờ đây tôi cũng chẳng có nhà để mà về, ông ạ.

Thiếu phụ trả lời rất nhanh rồi day mặt nhìn Chamet. Chamet để rơi chiếc mũ.

- Souzi! - Anh nói bằng một giọng tuyệt vọng và sung sướng đến cực điểm - cô bé con nhà lính ơi! Cô nhóc của anh ơi! Thế là cuối cùng anh cũng đã gặp được em. Chắc em quên mất anh rồi. Anh là Jean Ernest Chamet đây, chính là cái thằng cha binh nhì ở trung đoàn thuộc

địa số Hai Mươi Bảy đã đưa em về cho mụ bác gái tởm lợm ở Rouen đây. Souzi ơi, giờ em mới xinh đẹp làm sao! Tóc em chải khéo ơi là khéo! Còn anh, thằng lính quèn[6] này thì đến chải đầu cho em thôi cũng chẳng biết cách.

- Ôi, anh Jean! - thiếu phụ kêu lên, đâm bổ tới, đeo lên cổ anh và òa khóc. - Jean ơi, anh vẫn tốt với em như xưa. Em còn nhớ hết mà!

- Ồ, rõ vớ vẩn chửa kìa! - Chamet lầu bầu - Lòng tốt của anh phỏng có lợi gì cho ai mới được chứ! Chuyện gì đã xảy ra với em vậy, em gái bé bỏng của anh?

Chamet kéo Suzanne lại gần mình và làm cái công việc mà anh không dám làm trước kia ở Rouen: anh vuốt ve và hôn lên mái tóc óng ả của nàng. Rồi anh vội lánh ra, sợ Suzanne ngửi thấy mùi hôi của chuột cống trên áo ngoài của anh. Nhưng Suzanne lại càng nép chặt vào vai anh hơn.

- Có chuyện gì vậy, em gái bé bỏng của anh? - Chamet bối rối nhắc lại.

Suzanne không trả lời. Nàng không nén được nức nở. Chamet hiểu rằng trong lúc này anh chưa nên hỏi chuyện gì hết.

- Anh có một cái hang, em ạ, ở chỗ tường thành ấy. - Chamet hấp tấp - Hơi xa đây một chút. Tất nhiên, ở chỗ anh ở chẳng có gì hết, nhẵn như chùi. Nhưng được cái có thể hâm nước nóng và nằm ngủ trên giường. Ở nhà anh, em có thể tắm táp và nghỉ ngơi. Và nói chung em muốn ở bao nhiêu lâu tùy thích.

Suzanne ở nhà Chamet năm ngày. Năm ngày ấy một mặt trời kỳlạ cất lên trên thành Paris. Hết thảy mọi nhà, kể cả những ngôi nhà ám khói cũ kỹ nhất, tất cả những khu vườn, thậm chí cái hang của Chamet, đều rực lên trong ánh sáng của vầng thái dương ấy, như thể chúng là những vật báu.

Ai chưa từng xúc động với hơi thở nhè nhẹ của thiếu nữ trong giấc điệp mơ màng, người đó chưa thể hiểu thế nào là sự dịu dàng. Môi nàng tươi hơn cả những cánh hoa ẩm ướt và trên mi nàng lấp lánh nhữnh giọt lệ đêm.

Phải, những gì đã xảy ra với Suzanne đều đúng như Chamet dự đoán. Người tình của nàng - một diễn viên trẻ - đã phụ nàng. Nhưng năm ngày Suzanne sống bên Chamet đã đủ để cặp tình nhân làm lành với nhau.

Chamet tham dự vào việc hòa giải đó. Anh phải mang thư của Suzanne đến cho chàng diễn viên, và anh đã cho cái gã điển trai đáng ngán nọ một bài học về phép lịch sự khi gã định dúi vào tay anh vài xu tiền thưởng.

Ít ngày sau chàng diễn viên đáp xe ngựa đến tìm Suzanne. Và đâu lại vào đó: một bó hoa, những cái hôn, tiếng cười qua nước mắt, những lời xin lỗi và vẻ ngượng nghịu hồn nhiên.

Khi đôi tuổi trẻ lên đường, Suzanne vội nhảy lên xe, quên cả từ biệt Chamet. Liền đó nàng sực nhớ, đỏ ửng mặt, ngượng ngùng đưa tay cho anh.

- Em đã chọn cuộc sống theo ý em, Souzi ơi, giờ đây anh chỉ còn biết chúc em hạnh phúc. - Cuối cùng Chamet mới lầu bầu nói.

- Em chưa biết rồi em sẽ thế nào, anh ơi? - Suzanne trả lời và mắt nàng ngấn lệ.

- Em băn khoăn như vậy thực là vô ích, em bé bỏng của anh ạ! - anh chàng diễn viên trẻ dài giọng và nhắc lại - Em bé bỏng xinh đẹp của anh.

- Giá mà có ai tặng em một bông hồng vàng! - Suzanne thở dài - Nó chắc chắn sẽ mang lại cho em hạnh phúc. Em vẫn nhớ câu chuyện anh kể trên tàu, anh Jean ạ!

- Biết đâu đấy! - Chamet trả lời - nhưng dù sao thì người mang bông hồng vàng đến cho em sẽ chẳng phải là anh chàng qúi phái này đâu. Anh nói thế em đừng giận nhé, anh là thằng lính mà. Anh không ưa lũ công tử bột.

Hai người tưổi trẻ đưa mắt nhìn nhau. Gã diễn viên nhún vai. Chiếc xe chuyển bánh.

Thường thường, cứ hết ngày là Chamet đổ đi tuốt tuột một thứ rác rưởi anh dọn ở các xưởng. Nhưng sau lần gặp Suzanne, anh thôi không đổ bụi quét ở những hiệu kim hoàn đi nữa. Anh giấu giếm, bỏ chúng vào một cái túi rồi vác về lều. Xóm giềng cho rằng anh chàng quét rác nọ đã "lẩn thẩn". Hiếm ai biết rằng trong số bụi anh mang về có chứa một ít bột vàng, bởi vì những người thợ bạc khi làm việc thế nào cũng để rơi rớt một chút xíu thứ kim loại quí đó.

Chamet quyết định sàng sẩy vàng để đúc một thoi nhỏ. Anh sẽ dùng thoi vàng đó đánh bông hồng sẽ mang lại hạnh phúc cho Suzanne. Mà rất có thể, như mẹ anh đã nói, nó còn mang lại hạnh phúc cho nhiều người khác nữa. Biết đâu đấy! Anh quyết không gặp lại Suzanne nữa, chừng nào bông hồng chưa xong.

Chamet không kể cho ai biết chuyện đó. Anh sợ cảnh sát và tất tật những kẻ có quyền chức. Ai biết được bọn quan tòa nhiễu sự sẽ dở trò gì. Họ có thể buộc anh tội ăn cắp, tống anh vào tù và lấy mất số vàng anh có. Có thể lắm chứ. Dù sao thì vàng cũng chẳng phải của anh.

Trước khi đăng lính, Chamet là cố nông trong điền trang của một ông mục sư ở vùng quê và vì thế anh biết cách sàng sẩy. Hiểu biết đó

với anh bây giờ hóa ra lại có ích. Anh nhớ rằng khi người ta quạt lúa mì thì những hạt nặng rơi xuống đất, còn bụi thì gió sẽ cuốn đi.

Chamet làm một cái quạt gió nhỏ và đêm đêm, ở sân nhà, anh quạt bụi thu lượm được ở các cửa hiệu kim hoàn. Anh hồi hộp mãi cho đến lúc trông thấy mờ mờ một lớp mạt vàng lấp lánh trên ngăn gỗ.

Đến lúc có đủ mạt để đánh một thoi vàng thì đã mất bao nhiêu thời gian. Nhưng Chamet chưa đưa cho thợ bạc đánh bông hồng vội.

Không phải Chamet thiếu tiền thuê thợ: bất cứ ông thợ bạc nào cũng sẵn sàng đánh bông hồng ấy để lấy tiền công bằng một phần ba thoi vàng, và như thế họ cũng đã hài lòng lắm.

Nguyên do là ở chỗ khác. Mỗi ngày qua, giờ gặp gỡ với Suzanne càng gần lại. Nhưng không biết từ lúc nào, Chamet bắt đầu sợ cái giờ ấy.

Tất cả tình cảm triều mến từ lâu được giữ kín trong lòng, Chamet chỉ muốn dành cho nàng, cho Souzi. Nhưng cái tình cảm triều mến của con người dị dạng như anh phỏng có ích cho ai? Từ lâu Chamet đã thấy mỗi khi gặp anh, thiên hạ chỉ muốn bỏ đi cho nhanh để quên phứt bộ mặt hốc hác xám ngoét với làn da chảy xệ và đôi mắt nhìn chòng chọc của anh.

Trong túp lều của Chamet có một mảnh gương vỡ. Họa hoằn lắm Chamet mới soi gương, nhưng hễ cứ soi vào là anh văng tục và quăng vội nó đi. Thà đừng nhìn thấy mình, cái thân hình gớm ghiếc lê lết trên đôi chân tê thấp khập khiễng, còn hơn.

Cuối cùng, khi đã đánh xong bông hồng, Chamet mới biết Suzanne đã rời Paris đi sang Hoa Kỳ từ một năm trước và, người ta nói, nàng đi hẳn, không trở lại nữa. Không ai có thể cho Chamet biết địa chỉ của nàng.

Thoạt đầu, Chamet thấy nhẹ hẳn người. Nhưng rồi không hiểu sao, tất cả nỗi nhớ mong cuộc gặp gỡ đầm ấm và thanh thản với Suzanne đã biết thành một mảnh sắt rỉ. Mảnh sắc nhọn ấy mắc trong lồng ngực anh, ngay bên tim, và Chamet cầu trời cho nó mau mau đâm thẳng vào trái tim ốm yếu đi, cho nó vĩnh viễn ngừng đập.

Chamet bỏ việc quét dọn các xưởng. Anh nằm bẹp trong túp lều của anh mấy ngày liền, quay mặt vào tường.

Anh im lặng và chỉ mỉm cười một lần, đưa cánh tay áo cũ lên mắt. Không ai trông thấy anh khóc. Hàng xóm láng giềng chẳng ai thăm anh: người nào cũng có chán vạn lo âu và bận bịu của mình.

Chỉ có một người chăm sóc Chamet. Đó là ông thợ bạc đứng tuổi đã đánh từ thoi vàng ra một bông hồng rất mực tinh xảo. Cùng trên một cành, ngay bên cạnh bông hoa, ông ta đánh thêm một nụ hồng bé

và nhọn.

Ông thợ bạc thường đến thăm Chamet, nhưng không mang thuốc cho anh. Ông nghĩ rằng có mang thuốc cho anh cũng bằng thừa.

Thực thế, Chamet lặng lẽ qua đời trong một lần đến thăm của ông thợ bạc. Ông ta nâng đầu anh thợ quét rác lên, lật cái gối xám bẩn và lôi ra bông hồng vàng bọc trong một cái nơ nhàu nát màu xanh. Rồi khẽ khép cánh cửa cọt kẹt, ông ta thong thả đi ra. Từ cái nơ bay lên mùi hôi của loài chuột.

Lúc đó vào cuối thu. Màn đêm rung động vì gió và vì những đốm lửa nhấp nháy. Ông thợ bạc nhớ đến nét đổi thay trên gương mặt Chamet sau khi anh chết. Bộ mặt trở nên nghiêm nghị và trầm tĩnh. Ông ta thấy niềm cay đắng hiện trên mặt anh còn tuyệt đẹp nữa là khác.

"Cuộc sống không cho người ta cái gì thì cái chết cho người ta cái ấy", ông thợ bạc vốn quen với những ý nghĩ rẻ tiền nghĩ như vậy và thở dài não nuột.

Ít lâu sau ông ta đem bông hồng nọ bán cho một nhà văn già ăn vận lôi thôi lốc thốc, và theo ông thợ bạc nhận xét, thì nhà văn này cũng chẳng giàu có gì cho lắm để có thể bỏ tiền ra mua một vật đắt đến như thế.

Hẳn câu chuyện về bông hồng vàng do ông thợ bạc kể lại cho nhà văn đã đóng vai trò quyết định trong việc mua bán nọ.

Chúng ta phải mang ơn nhà văn già, nhờ những ghi chép của ông mà sau này mới có người biết được câu chuyện cau đắng trong đời người cựu binh trung đoàn thuộc địa thứ Hai Mươi Bảy là Jean Chamet.

Trong những ghi chép của ông, nhà văn viết:

"Mỗi phút, mỗi lời tình cờ được nói ra và mỗi cái nhìn vô tình ta bắt gặp, mỗi ý nghĩ sâu sắc hoặc bông đùa, mỗi rung động thầm lặng của con tim, thậm chí một bông tiêu huyền xốp đang bay lượn, hay lửa sao trong một vũng nước đêm - tất cả những cái đó đều là những hạt nhỏ của bụi vàng.

Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn đãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt nhỏ đó, thu góp chúng lại cho mình, một cách thầm lặng mà chính mình cũng không nhận thấy, biến chúng thành một hợp kim và rồi từ hợp kim ấy ta đánh một "bông hồng vàng" của ta - truyện, tiểu thuyết hay là thơ."

Bông hồng vàng của Chamet.

Đối với tôi, nó phần nào là hình tượng tương lai của hoạt động sáng tạo của chúng ta. Thật là lạ, chẳng có ai chịu khó nghiền ngẫm

xem từ những hạt bụi quí ấy đã khởi sinh nguồn văn học sống động như thế nào.

Nhưng cũng giống như bông hồng vàng của người thợ quét rác kia được tạo ra vì hạnh phúc của Suzanne, sáng tác của chúng ta được tạo ra là để cho cái đẹp của đất đai, cho lời kêu gọi đấu tranh vì hạnh phúc, cho niềm vui tự do, cho cái cao rộng của tâm hồn người, cho sức mạnh của trí tuệ sẽ chiến thắng bóng tối, để chúng vĩnh viễn rực rỡ như một mặt trời không bao giờ tắt.

(Konstantin Paustovsky, *bản dịch* **Vũ Thư Hiên)**

KIM THI

PHÂN ƯU

Thay mặt anh chị em văn thi hữu
và nghệ sĩ khắp nơi
vô cùng thương tiếc trước hung tin

nhạc sĩ
Trịnh Công Sơn

đã vĩnh biệt trần thế ngày 28 tháng 4 năm 2001,
tại Sài Gòn, Việt Nam, hưởng thọ 62 tuổi.

Cầu chúc hương hồn cố nhạc sĩ
sớm tiêu diêu miền cực lạc.
Thành kính chia buồn cùng tang quyến.

Ban chủ trương tạp chí Hợp Lưu, Văn, Văn Học



DƯƠNG THU HƯƠNG

chốn vắng

Truyện dài
(Khởi đăng từ HL 48 - Kỳ 2)

Cây đèn rọi sáng căn phòng rộng chừng sáu thước vuông, quét vôi trắng.

...Rộng gần bằng gian buồng của ta ngày xưa, nhưng cao hơn và có trần...

Bôn nghĩ. Anh ngửa mặt nhìn trần nhà phẳng lì quét vôi trắng lốp, không vết ố nhỏ hoặc màng nhện chăng. Sạch và sang trọng quá. Trước đây khi cưới Miên, anh đã đón chị vê gian buồng tồi tàn của mình. Cha mẹ anh để lại ba gian nhà gạch xây mộc, tường không trát vữa, trên lợp lá gồi. Mẹ con chị Tá chiếm hai gian, gian còn lại là của Bôn. Một tấm liếp tre dán giấy báo cũ ngăn đôi gian sơn. Ngày cưới Miên, đám trai làng dán đầy những chữ Hỉ bằng giấy đỏ và những đôi chim bồ cao lên tấm liếp ấy.

...So với gian buồn cũ phòng tắm của em sang trọng hơn nhiều. Em đã sống một cuộc sống khác xưa. Cuộc sống ấy tôi biết bao

giờ chạm tới?...

Ý nghĩ đó khiến Bôn bủn rủn chân tay... Gian buồng cũ, cái thiên đường nhỏ bé của riêng anh chỉ rộng hơn phòng tắm này chút ít, kê vừa chiếc giường đôi với chiếc kệ gỗ trên có chất chồng những thúng đựng bắp đựng lạc, đựng ớt khô. Góc buồng là chum bạo. Trên nắp chum, đặt chiếc giỏ mây của Miên, nơi cất giữ tư trang người đàn bà trẻ. Bôn vẫn thường lục lọi chiếc giỏ mây đó, xem những tấm mù-xoa thêu, sổ tay Miên chép bài hát và dán ảnh. Có một lọn tóc của Sương, em gái Miên. Con quay gỗ của An, em trai út. Mấy chiếc cặp tóc và vài sợi len đỏ... Căn buồng nghèo nàn, tường gồ ghề gạch vữa ấy từng là thế giới thần tiên của anh. Vào thời khắc yêu đương, vệt nắng lọt qua khe cửa hay ánh trăng rọi từ lỗ thủng mái gianh đều là ánh sáng thiên đường... Giờ đây, trong căn phòng tắm sạch sẽ thơm tho này, anh hồi nhớ cảnh cũ, nhớ những hình cắt lòe loẹt dán trên lớp giấy báo ố vàng, nhớ cái màn cuốn như vó tôm trên chiếc giường gỗ mộc, trên đó bụi, mủn lá rụng, màng nhện xác thiêu thân cùng những con cuốn chiếu đọng đầy...

...Liệu ta có đủ can đảm đưa Miên về sống lại trong gian buồng cũ hay chăng?...

Anh nghĩ. Và không còn dám nghĩ tiếp. Óc não anh quay đảo. Một cơn gió đẩy cánh cửa gỗ khiến anh hoảng hốt. Anh vội quay lại gài chốt cửa. Cánh cửa gỗ gụ đánh véc-ni bóng nhẫy khiến phòng tắm này mang đầy nét thôn dã. Nếu ở thành phố, hẳn người ta đã dùng cửa nhôm hoặc nhựa sáng màu. Nhưng đây là miền sơn dã, và dân giàu có ưa dùng đồ gỗ. Phần còn lại, hoàn toàn giống các phòng tắm sang trọng trong khu nhà ban chỉ huy quân đoàn ở: Thay vì sợi dây sát tường để vắt quần áo là hai hàng giá móc bằng thép không rỉ. Thay vì chum nước đặt góc buồng là một vòi nước bằng đồng gắn hẳn vào tường, ăn thông ra bể chứa nước lớn phía sau. Một thau men mới tinh đặt dưới vòi. Một chiếc gáo nhựa trắng tinh và chiếc khăn mặt còn nguyên nước hồ chưa giặt. Trên bức tường đối diện với nơi gắn vòi nước, treo tấm gương hình bầu dục, phía dưới gắn một hộp gỗ dài đựng bàn chải, thuốc đánh răng và vài bánh xà phòng thơm. Bôn treo quần áo lên móc, chợt nhìn thấy một chiếc quần đùi. Tim anh thót nảy lên:

...Chắc chắn đây là quần của người ấy...

Miên vô tình không thu cất. Nghe nói anh ta xuống thuyền đã vài hôm, đưa tiêu vào Đà Nẵng bán. Chiếc quần đùi hàng len màu xám viền sọc đỏ. Nó hút lấy mắt Bôn. Bởi anh đã trót treo chiếc quần đùi vải phin của mình bên cạnh. Sự khác biệt giữa hai đồ vật

tố cáo một cuộc so đo không ngang sức, một tỷ thí bất ngờ không định trước mà trong cuộc tỉ thí ấy thắng bại đã được ấn định từ khi các đấu thủ chưa kịp ra đòn.

Bôn đứng lặng, trân trân nhìn chiếc quần đùi của tình địch như con bệnh tâm thần rồi khoảnh khắc sau, không nén được lòng anh giơ tay kéo nó xuống. Lớp vải dệt mềm mại chạm vào da anh, những đường chỉ may khéo léo đập vào mắt anh. Bôn thọc hai bàn tay vào hai ống quần, giằng rộng ra xem kích cỡ người mặc. Anh biết hai bắp đùi người đàn ông này rất lớn. Bộ mông anh ta ít nhất cũng to gấp ba lần bộ mông teo tóp rúm ró của anh. Và cùng với cặp mông và bộ đùi ấy anh hình dung đến bộ phận truyền giống của đối thủ:

...Khốn nạn, khốn nạn thật... Tại sao mình lại làm cái trò khốn nạn này cơ chứ?...

Anh chửi rủa mình. Nhưng óc não anh lại hiện về khung cảnh những phiên chợ xưa, khi anh còn bé tẻo teo. Trong các phiên chợ ấy, người ta mua trâu bò, heo giống, chó mèo giống... Khách thò tay nắn bóp hạ bộ con vật, xem hai hạt tinh hoàn của nó cân hay lệch, mềm hay rắn, nây tròn hay méo lép... Rồi họ xoạc gang tay đo chiều dài dương vật...

...Khốn nạn, khốn nạn, khốn nạn, cớ sao mình lại nhớ đến những cảnh chết tiệt ấy?...

Bôn đau đớn nghĩ rằng chính anh vừa so đo, nắn bóp kiểm soát mình như khách mua kiểm soát một con vật làm giống:

...Thôi đi, thôi ngay cái trò đê tiện ấy đi...

Nhưng anh không thôi ngay được. Treo chiếc quần đùi của người đàn ông vắng mặt lên móc, anh vẫn phải đưa mắt liếc qua chiếc quần đùi phin trắng của mình. Nó là thứ đồ rẻ tiền người ta vẫn bày bán trên các vỉa hè bụi bặm, dưới chân khách bộ hành. Nó được cắt bằng những nhát kéo xiên xẹo vụng về, thứ vải phin qua một mùa là rách, những đường chỉ láo liên mũi dài tới hai ly...

...Thôi đi, thôi đi, thôi đi...

Bôn quát lên như để trấn áp một con vật đau đớn tủi hổ hèn nhát nào đó vừa trỗi dậy trong lòng, hòng kéo anh xuống vực thẳm của thất bại... Anh mở vung nồi nước lá. Làn hơi xông thẳng vào mặt anh bỏng rát. Nhưng cảm giác đó lại khiến anh tỉnh táo và làm vơi nhẹ tâm hồn. Anh giơ cao hai cánh tay, nhắm mắt để hơi nước trùm phủ toàn thân, luồn qua hai nách, mùi hương của hương nhu, lá sả, cúc tần xoa dịu trái tim đau đớn của anh, thấm đẫm thịt da anh, tẩy rửa đi mọi đắng cay mệt nhọc.

*

Trăng càng đêm càng ngời trên các vòm cây.

Sau mưa, những phiến lá trơn bóng như những mảnh gương nhỏ bằng đồng. Chúng phản chiếu ánh trăng nhân lên hàng vạn đốm lửa xanh rắc lổ đổ khắp nơi khiến vườn đêm xao động. Miên chăm chăm nhìn vườn cây ngoài khuôn cửa. Bóng lá lẫn ánh trăng nô rỡn tạo nên những hình thù kì bí. Một lũ đom đóm đuổi nhau, chui luồn qua kẽ lá. Những viền sáng bất chợt hắt lên khi ngọn gió thổi qua... Vườn của chị, nhưng chưa lần nào chị để mắt tới một cách kĩ lưỡng. Đêm nay là lần đầu. Bởi chị sắp lìa xa.

Miên biết chị sắp phải rời ngôi nhà thênh thang này, vườn cây thênh thang này trở về gian nhà cũ nát của Bôn, nơi mười bốn năm qua chị chưa một lần ghé mắt. Gia sản của Bôn chỉ có vậy và một khi quay lại sống với anh chị phải chấp thuận cái phần hẩm hiu số phận đã dành cho mình. Lúc đun nồi nước tẩy trần cho Bôn, chị nhìn những tàn than tung bay trên ngọn lửa tự hỏi mình một trăm lần vì sao đã quyết định quay lại sống với người chồng cũ. Một trăm lần, câu trả lời bật lên tức khắc, không đắn đo không ngập ngừng:

...Ta phải quay về, không có con đường nào khác...

Ý nghĩ đó đã bật ra ngay sau lời tuyên bố của ông chủ tịch. Ông xách cặp quay ra sân, tấm lưng ông bỗng biến thành bản cáo thị, trên đó chạy chi chít những dòng chữ đen xì, những con chữ tựa hồ những chiếc móc sắt nối vào nhau. Và bên dưới in hình con triện. Con triện ấy tròn hay vuông, Miên không định nổi. Chị chỉ biết rằng tấm cáo thị kia đã chỉ định phần đời phía trước của chị. Và con triện kia là dấu hiệu của quyền uy, của mệnh lệnh không ai được phép cưỡng.

Đã mấy lần trái tim ương bướng của chị lên tiếng:

...Rõ ràng tấm cáo thị đó là do trí tưởng tượng đặt bày. Chẳng ai ra lệnh cho ta. Cũng chẳng ai có quyền xui khiến ta rời bỏ cuộc sống ấm êm này. Cuộc hôn nhân giữa Hoan và ta được cả trời lẫn người chấp nhận...

Lần nào cũng có tiếng đáp lại tức thì:

...Cuộc hôn nhân thứ nhất cũng được trời và người chấp nhận. Thêm nữa, trời đã tạo ra sự dở dang trời sẽ lại lấp đầy. Người được cuộc sẽ là kẻ từ mặt trận quay về. Cứ nhìn vào mắt đám đông vây quanh ta là thấy...

Ngồi trước bếp lửa nhưng Miên lạnh toát. Mồ hôi toát đầy hai bả vai chảy theo rãnh lưng. Chị ngỡ mình bị nhấn chìm dưới dòng nước.

Không còn thuyền lai vãng. Không mảnh ván trôi. Trong cơn tuyệt vọng ấy trái tim nhỏ bé của chị vẫn nhắc chị rằng chị đã thuộc về người chồng thứ hai, cả tâm hồn cùng thân xác, rằng chị sẽ chẳng bao giờ có được hạnh phúc nếu rời bỏ anh, rằng anh là người đàn ông tài ba và cao thượng, may mắn lắm chị mới gặp được anh trên cõi đời và lìa xa anh là hành động điên rồ hay ngu xuẩn... Miên biết những gì trái tim chị mách bảo đều là sự thật. Nhưng trái tim chị quá nhỏ bé. Nhỏ bé và lẻ loi. Nó đơn độc, dai dẳng tuyệt vọng trong cái góc cỏn con của cõi đời. Phần còn lại, không gian bao la kia thuộc về những kẻ khác. Trên phần đất mênh mông ấy, trùng điệp người. Ức triệu người. Những người lính xếp thành đội ngũ rùng rùng chuyển động dưới lớp lá ngụy trang. Những tổ tiên xa xưa của chị, người quần vải áo lĩnh người váy sồi áo đũi, người vấn ô kẻ vấn khăn... đi thành đám như trẩy hội. Giữa hai đám người ấy là những kẻ cùng thời: chủ tịch xã bận sơ mi trắng, bí thư đảng ủy vận áo sọc bỏ ngoài quần lính bạc màu, lũ trẻ choai choai mặc áo dệt kim in hoa lòe loẹt. Đám đàn bà Xóm Núi vẫn mặc những bộ đồ đồng màu như thường nhật. Và tất cả đều hướng cặp mắt soi mói về phía chị:

...Thế nào, chị không bỏ rơi người anh em chúng tôi chứ?... Chúng tôi đi giết giặc. Tuổi xuân của chúng tôi mòn mỏi, máu chúng tôi đổ xuống, thân xác chúng tôi vùi dưới đất và khắp mọi miền cỏ cây xanh tốt nhờ thịt xương chúng tôi rữa nát trong đất đen... Những kẻ may mắn quay về không lẽ bị chính người thân ruồng rẫy?...

Những người lính lên tiếng trước tiên. Bởi họ đi thành hàng trùng trùng điệp điệp, tiếng nói của họ được lặp đi lặp lại như chúng vọng qua ngàn vạn hang sâu:

- Nào, người đàn bà xinh đẹp, hãy trả lời đi, chị không cắt phần hạnh phúc người đồng đội của chúng tôi chứ?...

Người lính già ở hàng đầu tiên ngẩng nhìn Miên, mắt anh ta bắn thẳng vào mặt chị những tia lửa bỏng rát, giọng nói nửa như chòng ghẹo nửa như huấn lệnh.

Rồi nheo mắt thay cho một lời chào anh ta tiếp tục bước, gương mặt lấp dưới vầng lá ngụy trang. Người thứ hai ngẩng lên, nhắc lại câu hỏi cũ. Người thứ hai ngừng lời, tiếp đến người thứ ba. Rồi người thứ tư, thứ năm. Hai người tiếp theo lần này là hai người lính già râu ria tua tủa giọng nói dữ dằn vang ồm ồm như tiếng sấm khan... Đoàn quân rùng rùng bước. Những người lính không ngớt lặp đi lặp lại câu hỏi. Cái điệp khúc ghê rợn không mệt mỏi ấy hòa nhịp quân hành khoan xoáy vào óc của Miên. Miên bủn rủn chân tay. Những ánh mắt lạnh buốt của họ vừa cảnh cáo vừa hứa hẹn sự trừng

phạt. Miên không thể cất lời, không thể bịt chặt lỗ tai, không thể né tránh ánh mắt gươm dao của những hồn ma oan nghiệt chưa từ bỏ lòng khao khát trần thế giờ đây trút lên vai chị tất cả những cừu thù của những cơn nuối tiếc chưa nguôi. Họ vẫn rùng rùng bước đi trong cuộc hành quân bất tận. Lời họ nối nhau vang rền trong nhịp trống âm u tàn khốc, nhịp trống chờ đợi chị, kẻ tội phạm bước ra pháp trường.

Ngọn lửa bếp nhảy nhót trước mặt Miên. Chị nhìn thấy trong ngọn lửa ấy, hình ảnh những ngọn lửa thiêu phạm nhân thời xưa cũ, và phía sau ngọn lửa trừng phạt đó, sừng sững những pháp đình xưa cũ, những pháp đình được dựng nên trong những hoàng hôn thời ly loạn và trong những mùa đông đầu tiên của loài người, khi họ vừa biết nhóm lửa, biết sống tụ thành đoàn trong các hang đá lớn.

Khi các đoàn quân xa khuất, đám người cổ xưa đủng đỉnh tiến đến. Khăn the áo lĩnh, váy chùng sát đất, êm nhẹ sẽ sàng. Ống tay áo rộng phất phơ của họ vẩy trong không gian những bóng sáng mờ ảo xen màu tím chết và màu đen, ánh mờ trắng giao thoa một rạng đông phôi pha với một đêm rừng tàn úa. Đám người đó tiến đến gần chị, đường bệ uy nghi, thủng thẳng buông lời:

- Thế nào, con suy tính kĩ chưa?... Phận làm người phải biết quên thân vì nghĩa. Người đàn bà đoan trang trước tiên hãy học chữ nén lòng. Làm theo lẽ phải khó khăn lắm, nhưng cần biết theo lẽ phải. Trời đã sinh ra người đàn bà để làm cây cột cái đỡ nhà, truyền nhân tính và giáo lí cho thế hệ sau qua dòng sữa. Người đàn bà không biết đến đức hy sinh, lòng cao thượng, không giữ đức hạnh cho tôn nghiêm không thể làm tròn chức phận mình.

Các bà già không nhai trầu, lặng lẽ nghe các ông già răn dạy, rồi họ kéo vạt áo tứ thân một cách nhẹ nhàng đường bệ quay lưng đi. Những ông già khô đét, mắt long lanh, giọng chậm rãi âm u, thả mỗi lời như thả một con chim sầu buồn băng giá. Nói xong họ chống ô bước về góc trời mù sương phía đông. Lời nói họ, giống những con chim u sầu đập cánh trong hang đá, khiến các vách đá lan truyền mãi những âm thanh huyền bí đầy quyền năng...

Đoàn người cổ xưa trôi dạt như mây nơi chân trời, những mép quần vải trắng của các cụ ông xen mớ váy lĩnh đen nhức của các cụ bà tạo thành bức ảnh trắng đen chuyển động. Giờ tới lượt những kẻ cùng thời. Họ ào tới vây quanh chị như sóng lũ bủa vây từ bốn phía. Cả những kẻ gần gũi lẫn những người quen biết sơ sài. Mọi gương mặt, mọi ánh mắt bỗng dưng trở nên lạnh lùng, nghiệt ngã. Miên kinh hãi khi thấy những kẻ bình thường vẫn lui tới nhà chị, khi xin viên thuốc kháng sinh cho đứa con viêm phổi, khi xin mật ong cho bà

mẹ ngậm ho, khi nhờ chị cho mượn chiếc máy bơm tưới nương, khi lân la vay tiền đi chợ... Những kẻ thường nhật tỏ ra thân tình hoặc quỵ lụy bỗng dưng có bộ mặt quan tòa. Dường như việc Bôn trở về đã cho phép họ thay đổi ngôi bậc. Giờ đây chị là người chịu sự phán quyết của họ, người đàn bà giàu sang nhất Xóm Núi bỗng sa cơ, biến thành kẻ đứng trước vành móng ngựa của tòa án lương tâm:

- Thế nào, chị đã hiểu phận sự của mình rồi chứ?... Hay cuộc sống giàu sang đã khiến chị tối tăm mắt mũi, khiến chị quay lưng lại với người chồng thuở hàn vi?... Đừng quên rằng tất thảy mọi gia đình trên giải đất Việt Nam đều có người ra trận và số phận Bôn cũng là số phận chung của những người trai đã hy sinh tuổi trẻ nơi trận mạc, đã lãnh phần thua thiệt cho kẻ khác an hưởng thanh bình. Trong nỗi mất mát của anh ấy có một phần đau khổ của thân nhân chúng tôi... Chúng tôi đứng về phía Bôn...

...Phải, họ không nói ra lời chị cũng biết họ đứng về phía Bôn. Tất cả. Đám người quây lấy chị vòng trong, vòng ngoài, từ ngõ đến sân, từ sân vào trong nhà... Tất cả nhìn chị hau háu. Ánh mắt họ giống những mũi tên bịt sắt chọc thủng lớp da mặt chị, khoan xoáy vào thớ thịt. Miên chợt nhớ lần nào đó, chị quan sát con chó săn của ông già hàng xóm rình mồi suốt buổi sáng. Lần ấy chị xiết bao kinh ngạc, và chị đã thán phục sự kiên trì quyết liệt của con vật. Giờ đây, chị thấy ánh mắt nó giống hệt ánh mắt những kẻ đang vây quanh mình. Cũng những tia sáng bắn tóe lên, háo hức, chăm chú, không lơi lỏng một giây, cũng vẻ bồn chồn dai dẳng, sự tàn nhẫn và khoái cảm đợi chờ... Niềm khoái cảm của những kẻ chăng lưới, chờ con mồi sa bẫy...

Sẽ không còn con đường nào khác.

Số phận giơ tay bỏ phiếu cho Bôn. Chị sẽ chết nếu chống lại phán quyết của định mệnh. Phải quay lại với Bôn, sống cuộc sống vợ chồng chắp nối mối tình nguội lạnh phôi qua, mối tình giống như một hồn ma chỉ lai vãng quanh mộ chí:

...Ngày xưa, ngày xưa ta đã sống cuộc sống vợ chồng với Bôn ra sao nhỉ?... Đã có một trưa hè oi nóng, đám con gái Xóm Núi chòng ghẹo ta và Bôn tới...

Chị nhớ rặng phượng vĩ chạy theo bìa đồi, trên lối vào rừng. Rặng phượng trổ hoa suốt mùa hè, đỏ hung hãn một trời lửa đỏ. Hồi ấy, Miên gầy bé, yếu ớt. Một lần đi kiếm củi, đám bạn xô chị xuống khúc suối sâu rồi bỏ chạy. Cô nào cô ấy gánh gánh củi trên vai, vừa chạy vừa cười như nắc nẻ:

- Miên ơi, cố lội lên mai tao cho nắm bỏng rang.

- Miên ơi, bơi chó mà vào mai tao dạy kiểu bơi ếch...

Các bạn Miên không hiểu trò đùa tai ác của họ là bẻ quặt đời chị sang lối rẽ không lường định. Miên vốn không biết bơi. Kẻ nào không biết bơi cũng sợ nước. Thuở nhỏ, cha chị thường dẫn chị tới con hồ Trăng Nguyền cách nơi họ ở vài quãng đồng. Ông dạy Miên bơi bằng đủ cách: Ném xuống nước, buộc dây bụng, cho chuồn chuồn cắn rốn, cột lưng vào thuyền... Miên vẫn không học nổi. Có lẽ năm bảy kiếp trước chị từng là loài thủy quái bị đầy ải, ngàn năm dằng dặc dưới biển sâu nên khi trở thành người chị không còn muốn nhìn lại nơi tiền oan nghiệp chướng.

Bố Miên dạy mãi không xong, đành thở dài bảo mẹ chị:

- Con bé này hẳn sẽ sống trọn đời miền sơn cước.

Vài năm sau ông qua đời. Điều tiên cảm của ông đã thành sự thực. Miên đưa các em về sống với dì Huyên nơi Xóm Núi. Chị không ngờ rằng ngay ở miền sơn cước chị cũng phải đối mặt với dòng nước, sự hiểm nguy và nỗi lo âu thường trực theo suốt cuộc đời những kẻ không biết bơi.

Lần ấy đám bạn Miên tưởng chị sẽ lóp ngóp lội vào bờ và hôm sau cả bọn được mẻ cười rũ rượi. Nhưng Miên đã trượt chân, sa xuống lòng suối. Khúc suối không quá sâu nhưng có rất nhiều tảng đá rêu phủ trơn nhầy. Từ tảng đá này trượt xuống tảng đá kia, càng trượt càng xa bờ và càng uống no bụng nước. Miên thu hết can đảm sờ soạng lối lên. Nhưng nước đã xộc lên sống mũi, óc chị choáng váng và mắt nảy hoa cà hoa cải... Chị không thể cất tiếng kêu bởi làn nước đã dềnh lên sống mũi. Chị ngỡ chị sắp sửa chìm xuống, chìm mãi mãi... Đúng lúc ấy, Bôn gánh củi tới. Chàng trai nhảy thoăn thoắt qua bãi đá, lội xuống kéo Miên lên. Đến bờ, một lúc lâu Miên mới hết cơn choáng váng. Bôn bảo chị cách nhảy lò cò nghiêng tai cho nước chảy ra, cách bịt mũi thở mạnh để tống hết nước còn đọng trong đường hô hấp, cách xoa nóng hai thái dương và sống mũi để tránh cơn cảm lạnh. Hai người ngồi ven suối đến non chiều Miên mới hoàn hồn. Lúc đó, Bôn cười:

- Ấy sợ quá hả?

- Sợ.

- Để mai tớ ghè cho lũ ranh một trận.

- Thôi.

- Tại sao?

- Tôi chẳng muốn mua thù chuốc oán...

Quần áo Miên đã se, chị bảo:

- Về đi.

Họ đứng lên. Mắt Bôn nhìn chằm chằm vào khoảng da cổ của chị:

- Ấy trắng gớm nhỉ?
- Trắng gì mà trắng?
- Trắng thật đấy, nõn như bông... Cả cổ tay cũng trắng như bông.

Tới đó, Bôn ngâm nga một câu ca dao quen thuộc:

Nói rồi anh nắm cổ tay
Ai nặn nên trắng, ai xây nên tròn...

Đằng ấy có bằng lòng cho tớ nắm cổ tay không?

Miên nóng bừng mặt, chị lặng thinh. Bôn đưa ánh mắt xuống, nơi cặp vú dậy thì của Miên phập phồng dưới lần áo ướt.

Cuộc tình của họ bắt đầu từ buổi chiều ấy. Những ngày sau đó sao chị không còn nhớ rõ... Họ đã hẹn nhau nhiều lần dưới gốc cây phượng vĩ cuối đồi. Con đường làng đầy cỏ leo, hai bên là đồi dứa. Lúc phượng nở cũng là mùa dứa chín. Lần nào Bôn cũng ngửi hít khoảng da cổ trắng nõn của Miên như con lợn háu ăn sục mũi vào máng cám. Anh giục cưới. Dì Huyên không thích Bôn nhưng cũng chấp thuận. Hai người bằng tuổi nhau nên Bôn bắt Miên thề sau đám cưới phải gọi Bôn là anh...

Đám cưới thời chiến giống nghĩa vụ hoặc món quà dân làng tặng cho các chàng trai trước ngày anh ta ra trận... *"Ngày mai anh lên đường, ngày mai anh ra chiến trường..."* Câu hát ấy cất leo lẻo trong miệng đám đàn bà con gái, dù còn son hay đã tới tuổi nạ dòng. Chủ hôn do ủy ban chỉ định. Nam thanh gồm các thiếu niên mười bốn, mười lăm. Nữ tú tuổi mười bẩy tới ba lăm, tất cả áo xống gọn gàng, đầu con trai chải mượt, tóc con gái gài hoa. Chú rể Bôn là chàng trai mười bảy tuổi duy nhất còn lại trong xã, sau đám cưới bốn mươi hai ngày anh sẽ tòng quân... Rồi ta sẽ sống ra sao sau đám cưới sơ sài ấy?... Ta chẳng còn nhớ. Ta đã rời căn buồng của Bôn ngay sau ngày anh ấy lên đường. Ta ghê rợn cảnh sống bê tha của Tá... Ngoài ra, không còn chút kỉ niệm nào. Trí nhớ ta mịt mù như khói đốt nương...

Miên lục vấn, truy tìm quá khứ. Nhưng ngoài lần bị xô xuống suối và màu hoa phượng đỏ, Bôn chẳng còn để lại trong tim chị tình cảm nào sâu đậm hơn. Kỉ niệm cũ quá mong manh, quá xa vời, tựa cây đa trên bến đò cũ. Bến đò ở tít thượng nguồn. Con thuyền đời chị trôi theo dòng nước, qua sông, ra biển...

Người đàn bà vươn tay qua song cửa, vít một cành cam. Cành lá

ướt sương, mát lạnh. Vườn cam này chị nhớ từng gốc được vạch vôi, đánh số. Giống Bố Hạ đưa vào từ miền Bắc, giống Miến Điện gửi mua từ hải cảng miền Nam. Mồ hôi, tiền bạc, và ước mộng của vợ chồng chị. Như ngôi nhà, như nương tiêu nương cà phê trải khắp các khu đồi xung quanh, như bể nước mưa sau bếp, như cái giếng khoan trong veo trong vắt, như rặng mẫu đơn và thạch thảo trước sân, như gốc dạ lan hương nơi góc vườn và những cây mộc sát mé tường hoa bên trái... Tất thảy đều ghi nhận một cuộc sống chung mặn nồng, tất cả đều là dấu vết của tình ái lẫn hy vọng... Vì sao, vì sao số phận du đẩy ta đến cảnh trớ trêu này?... Ta chưa từng ác độc với ai, chẳng biết dối lừa, cũng không tham lam kiếm chác trên lưng người khác?...

Miên rên rỉ. Biết rằng chẳng ai trả lời chị. Chị sắp phải từ bỏ cuộc sống ấm nồng này để bơi ngược dòng sông, tìm lại một bóng hình mờ ảo, tìm tro tàn của mối tình cũ, tìm gốc đa già trên bến nước mười bốn năm xưa. Chị biết chị sẽ chìm nghỉm dưới dòng sông ấy, nhưng vẫn liều thân nhảy xuống, phải cam chịu điều số phận đã đặt bày:

...Có lẽ kiếp trước ta có nợ với Bôn, và kiếp này chưa trả hết...

*

Quãng chín giờ tối, trăng vàng rực rọi qua song cửa chiếu thẳng vào mặt Bôn. Trăng sáng quá khiến anh phải mở choàng mắt dẫu rằng anh vẫn nhắm để đấy chứ chưa hề ngủ. Trăng sáng lạ như mọc dậy một rạng đông giữa đêm đen. Bôn khoanh tay gối đầu nhìn. Tay anh áp xuống mặt gỗ trơn lỳ, mát như cẩm thạch. Tấm phản Bôn nằm đóng bằng loại gỗ tứ thiết, mặt phản nhẵn tới mức tưởng đó không còn là gỗ mà là đồ sứ hoặc huyền thạch phiến đem mài. Ánh trăng rọi vào những hình ảnh cẩn xà cừ nơi góc. Mỗi chi tiết của hình chạm đều sống động, từ chùm nho tới đóa cúc, từ con ly tới con phụng... Ánh tím, màu hồng nhạt và màu vỏ trắng thay nhau hắt lên những tia phản quang mờ ảo. Thứ xà cừ vỏ ốc này đắt lắm, anh biết thế. Anh mới được nhìn thấy đôi lần trong thành phố Sài Gòn.

...Sang hay hèn nó cũng chỉ là tấm phản để ngả lưng. Khi yêu nhau người ta ngủ trong ổ rơm cũng thấy hạnh phúc...

Anh tự nhủ.

Cảm giác mát lạnh từ mặt gỗ trơn bóng truyền vào da thịt anh, nhưng là thứ mát mẻ gai góc.

Trong buồng, Miên thu dọn vật gì đó. Hình như chị gấp quần áo. Nghe tiếng cửa tủ kẹt ra kẹt vô mấy lượt. Hình như chị còn lục soát

hòm xiểng, có tiếng vật nặng rơi, cũng lại có tiếng sột soạt của giấy tờ. Bôn không dám gọi, cũng không dám gõ cửa. Đó là căn buồng của người đàn ông kia, nơi Miên ái ân với anh ta, nơi đứa con trai năm tuổi của họ đang ngủ. Đã nhiều lần anh xua đuổi ý nghĩ đó, nhưng nó vòng trở lại khiến ruột anh quặn đau như những lúc bị kiết lị hành:

- Ta cũng đã ngủ với những người đàn bà khác,... Cớ sao quanh quẩn ghen tuông?...

- Không, không thể so sánh như vậy. Không thể so những bữa ăn đầy cao lương mĩ vị với miếng ăn sống sít dọc đường hòng lấp đầy cơn đói. Đó chẳng qua như củ khoai hà khoai thối mót sau mùa.

- Phải. Cứ cho là như thế. Nhưng Miên không có lỗi.

- Cô ấy không có lỗi nhưng cô ấy đã được quyền chọn và được sống theo ý muốn của mình. Cô ấy đã được thụ hưởng tất thảy những gì người đàn bà thèmm muốn... Cô ấy đã hạnh phúc với người đàn ông kia. Không hề khốn khổ như ta...

- Anh đã ghen tị với một người đàn bà, lại là người anh yêu... Liệu anh có xứng là đàn ông chăng, chưa nói tới một người lính?...

- Tôi bất cần là người đàn ông xứng đáng, cũng chẳng cần được tặng danh hiệu người lính chân chính... Tôi là một người bình thường. Tôi muốn được phần cơm gạo của tôi. Tôi đã từng là chồng Miên. Sao giờ đây tôi phải chịu khốn khổ như vầy?...

- Mọi oán trách đều vô lý và vô nghĩa. Vợ anh chẳng có lỗi trong chuyện này.

- *Tôi biết, Miên không có lỗi. Nhưng vì sao lúc này cô ấy không lấp đầy khoảng trống trong tôi?... Cô ấy không san xẻ nỗi cô đơn dằng dặc mười bốn năm trời riêng tôi gánh chịu?... Bưng mâm cơm lên, cô ấy khêu đèn để tôi ngồi ăn một mình rồi đi gội đầu hong tóc. Chờ tóc khô cô ấy chui tọt vào cửa buồng với đứa con trai khóa trái cửa lại... Cô ấy không muốn đối diện với tôi. Tôi là kẻ thừa trên cõi đời...*

Sau những cơn dày vò như thể một thứ muối vừa chát vừa mặn đọng trong tâm hồn anh.

Trăng vẫn sáng. Vòm trời lắng mây trong như thủy tinh. Tiếng vỗ cánh của lũ chim vườn vọng vào. Sau đó, lại là sự yên tĩnh.

Miên ngủ rồi chăng?... Sao chị nỡ đối xử với anh cạn tàu ráo máng?... Dẫu sao họ cũng từng chia xẻ gối chăn. Mười bốn năm, bao tháng ngày mong nhớ. Anh kẻ thèm khát trường niên nay đứng bên dòng suối mà không dám nhúng môi.

...Hay cô ấy mệt quá nên ngủ thiếp đi?... Đàn bà con trẻ thường ngủ sao cơn no khóc...

Anh nằm cứng đơ trên phản, hai tay chấp lên bụng. Riêng đôi tai dỏng lên hết cỡ đón nghe từng tiếng động nhỏ nhặt nhất bên kia bức tường. Gian phòng lặng như tờ, chỉ con lắc đồng hồ gõ nhịp. Bôn tiếp tục nhìn mảnh trăng dãi trên ngực trên bụng mình tựa hồ từ khoảng sáng đó một cơ may mắn nào đấy sẽ nảy lên. Nhưng chẳng có gì, ngoại trừ tiếng côn trùng, càng về đêm càng hòa tấu một cách say sưa, suồng sã.

Chừng nửa giờ sau, thằng bé ú ớ nói mê và ê a khóc. Miên cất tiếng:

- A a... ngủ ngoan, ngủ ngoan nào...

Người mẹ vỗ về rồi cất tiếng ru:

Bao giờ cạn phá Tam Giang...

Giọng trong trẻo, nhẹ nhàng.

...Vậy là cô ấy chưa ngủ. Cô ấy ôm chặt đứa con trai, chẳng đoái hoài tới ta. Ta như kẻ bộ hành tới đây xin bữa ăn, ngủ nhờ góc phản...

Bôn ngồi phắt dậy. Cơn nhục nhã làm máu dồn lên mặt. Anh đột ngột xông tới, gõ cửa buồng:

- Miên... Miên... Ra ngoài này nói chuyện...

Chị không đáp.

Luồng máu uất ức làm mặt Bôn quay đảo. Mắt anh nhìn mọi vật xây xẩm đi. Anh không gõ mà lấy nắm tay đấm vào cánh cửa buồng gào lên:

- Miên... Miên... Có nghe tôi gọi không?

- Có nghe.

Miên đáp. Giọng bình thản, lạnh tanh. Giọng nói ấy xối nước lạnh xuống cơn điên giận của anh. Bôn đứng chết lặng trước cửa buồng. Giây lát sau, Miên nói tiếp:

- Anh ra ngồi ở bàn nước. Và thắp nến lên.

Bôn nấn ná đứng lại, không thể cưỡng được một thèm muốn mãnh liệt. Anh chờ chị qua cửa, để được đứng gần chị được ngửi mùi da thịt chị được thấy hơi thở chị lướt qua mặt anh.... Nhưng Miên đã lặp lại, lần ngày giọng chị như gần lại:

- Anh thắp nến lên.

Mặt Bôn bỏng rát nhưng anh quay lưng tiến về phía bàn nước, đưa tay rờ rẫm tìm bao diêm và sau đó quẹt lửa châm nến. Lúc ấy, có tiếng chìa khóa trong ổ, tiếng con chốt di động, và Miên đẩy cánh cửa buồng bước ra.

- Anh ngồi xuống đi.

Chị nói. Và chị ngồi xuống, đối diện với anh, bên kia bàn. Bôn cũng ngồi, nhưng tâm hồn sôi sục:

...Tại sao ta lại hành động theo sự sai khiến của cô ta, như một con rối, hoặc tệ hơn nữa, như thằng ở với bà chủ nhà?... Cô ấy có quyền gì buộc ta ngồi?...

Vừa chạm xuống mặt ghế, anh lại đứng phắt lên. Và không biết làm gì anh thọc hai tay vào túi quần theo đúng kiểu của tiểu đội trưởng ngày xưa, đi loanh quanh trong phòng. Bôn thấy bóng mình trong gương, trong tấm kính nơi tủ chè, trong các ô kính cửa sổ. Một gã đen gầy, gương mặt sầu muộn. Anh vô tình đi sát lại tấm gương lớn treo tường và ngước mắt lên. Trong gương, một đôi mắt hoảng loạn dưới cặp mày chữ nhất nhìn lại anh:

...Thôi đi, thôi đi, hãy ngồi xuống ghế và đừng giở trò gì nữa...

Năm ngọn nến như năm con mắt lửa năm đốm sáng có linh hồn. Chúng nhảy nhót phập phồng múa lượn tạo nên hàng trăm con mắt khác trong các tấm kính, tấm gương và thảy thảy những ly cốc, những đồ vật bằng thủy tinh. Ba gian nhà lộng lẫy và uy nghi như điện thờ còn người đàn bà bận bộ đồ lụa màu lục sẫm ngồi sau chiếc bàn thênh thang bỗng trở thành một bà lớn nào đó, quý phái và xa lạ. Bôn nhụt chí nhưng ngay lúc đó, kẻ phẫn uất liều thân trong tâm hồn anh đứng dậy:

...Bất kể hoàn cảnh nào cô ấy vẫn chỉ là Miên. Cô gái nhút nhát ta đã kéo lên từ dòng suối, người đàn bà nằm bên dưới bụng ta không chỉ một lần mà là hàng trăm lần. Ta biết rõ nơi vú trái cô ấy có một nốt ruồi son, ta biết rõ...

Anh bước thêm vài bước nữa, cố tình khuỳnh đôi tay ra theo điệu bộ kẻ bất cần đời nhưng rồi tự anh thấy ngượng nên đành ngồi xuống, trước mặt chị. Suốt khoảng thời gian đó Miên vẫn khoanh tay nhìn vườn cam ngoài cửa sổ. Khi anh đã ngồi yên một lúc lâu, chị vẫn không quay mặt lại. Làn da trắng hồng ngời lên trong ánh nến. Đuôi mắt phải của Miên có một mụn ruồi, trước đây nhỏ và nâu nhạt, giờ nó lớn hơn đen hơn, thành một dấu chấm đen tô điểm cho đôi mắt đen huyền bí, đôi mắt đã ám ảnh anh suốt mười bốn năm dài.

Chờ đợi mãi, Bôn đành hắng giọng nói:

- Nào, Miên nói đi.

Chị vẫn không rời mắt khỏi khuôn cửa vàng rực ánh trăng:

- Anh gọi em ra đây nói chuyện cơ mà... Anh nói trước...

Bôn ắng giọng...

...Phải, cô ấy có lý... Chính ta gọi cô ấy ra đây...

Nhưng bắt đầu câu chuyện ra sao, anh chưa biết. Trong lúc óc não anh còn loanh quanh dò lối, cơn khát yêu đương đã dâng đầy. Anh nhìn vào mắt Miên nhưng lại mường tượng đến khoảng trăng sáng nhễ nhại trên phản, nơi anh sẽ lột quần áo chị để được nhìn da thịt trắng ngần của chị và sẽ ái ân ngấu nghiến cho thỏa những năm mong nhớ...

Không kịp trù tính mở đầu câu chuyện cho phải lý, anh bỗng cất tiếng dập dồn, hối hả:

- Chúng ta là vợ chồng, chúng ta đã là vợ chồng... Tôi không thể...

Nhưng khi nghe chính tiếng mình vang lên trong ba gian nhà Bôn không còn biết nói gì hơn đành cúi mặt ngồi im. Miên không đáp. Dường như chị mệt. Và chán ngán. Chị vẫn đăm đăm nhìn về khuôn cửa sáng ánh trăng. Khi thiêu thân lao vào làm tắt một ngọn nến chị quẹt diêm châm lại.

Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường vang lên đếm nhịp. Một khoảnh khắc rất dài trôi qua. Miên thong thả lên tiếng:

- Mười bốn năm trước anh với em là vợ chồng. Giờ đây anh Hoan với em là vợ chồng. Hai việc đó rõ ràng làng xã đều chứng kiến. Em lấy anh có đăng kí, kết hôn. Em lấy anh Hoan cũng có con dấu chính quyền, cheo cưới đàng hoàng. Bây giờ anh trở về, anh định tính sao?...

Giọng chị bình thản, có đôi phần lạnh lẽo và khinh bỉ, anh hiểu rằng chính anh đang bị đặt trước sự lựa chọn của danh dự:

...Không, không, ta chẳng cần danh dự. Ta cần được ôm người đàn bà ta yêu. Ta cần Miên. Danh dự ư, từ ngữ đó nghe hay ho nhưng quá hão quyền. Không danh dự nào sánh được lạc thú với người đàn bà ao ước...

Anh hắng giọng, thấy hai tay bắt đầu run. Cơn run lan truyền khắp toàn thân. Anh hiểu Miên có quyền chọn lựa giữa anh và người chồng hiện tại. Rằng dù làng xã và đạo đức truyền thống có là khối đồng minh vững chắc đứng sau anh, nhưng người quyết định vẫn là Miên.

Anh cố nén cơn run rẩy, cất tiếng:

- Anh... Tôi yêu Miên... Tôi yêu Miên... Suốt ngần ấy năm trời tôi chẳng quên em một ngày... Và tôi không hề biết chuyện báo tử...

Đó không phải một câu trả lời. Đó là lời van nài, cầu khẩn. Một thứ giải bày đơn phương bất kể hồi âm. Bôn biết điều anh đã làm, giống như kẻ đi nước cờ sau chót.

Miên im lặng.

Trong tâm hồn nhục nhã của anh, những tiếng nói vang lên chồng chéo, hỗn loạn:

- Can đảm lên anh lính... Vào tình cảnh của anh người khác đã bỏ đi. Dưới vòm trời này bất cứ nơi đâu cũng có thể kiếm được một miếng cơm, tìm được một người đàn bà trong danh dự... Cớ sao anh không thể hành động như một bậc trượng phu?...

- Không, không tôi bất cần những kẻ trượng phu và tôi cũng chẳng thể hành xử như họ. Bởi họ còn có cơ làm lại cuộc đời, tôi thì không. Người đàn bà này là tất cả những gì tôi còn lại trên đời. Tôi phải có được cô bằng mọi giá.

- Nhưng người ta đã có chồng đã sống cuộc sống êm ấm. Anh không thể phá vỡ ngôi nhà cô ta đang nương náu.

- Chúng tôi sẽ xây ngôi nhà khác... Tôi còn trẻ. Tôi và Miên bằng tuổi nhau, với thời gian chúng tôi sẽ có tất cả...

- Anh có ảo tưởng không? Cô ấy đang sống trong dinh cơ lớn nhất vùng. Nương vườn của cô ấy lớn cỡ đầu tỉnh. Liệu anh đào đâu ra ngần ấy tài sản để đảm bảo cho cô ấy cuộc sống như người đàn ông kia?

- Nếu tôi không đi lính, trong mười bốn năm qua tôi cũng có thể tạo dựng cuộc đời tôi như những người đàn ông khác. Tôi có sức lực. Tôi có chữ. Tôi cũng có tấm bằng phổ thông trung học như anh ta. Tôi yêu Miên và tình yêu sẽ giúp tôi vượt qua mọi thử thách.

- Có thể. Nhưng nếu cô ấy không còn yêu anh nữa?...

Đến đây, Bôn không dám tiếp tục cuộc đối thoại.

Linh tính mách bảo anh rằng Miên đã thuộc về người đàn ông khác nhưng con tim anh không thú nhận điều đó:

...Ta trẻ hơn anh ta bảy tuổi, và tuổi trẻ là thứ của cải vô giá tiền bạc không mua được. Đám đông đứng sau lưng ta. Họ không giơ tay ủng hộ cái gã trơn lông đỏ da, kẻ thụ hưởng quá nhiều may mắn. Lòng đố kị ngấm ẩn sẽ trở thành đồng minh đắc lực của ta trong lúc này...

Quả thực con tim si mê của anh đã tìm được ưu thế. Lòng đố kị là thứ bản năng tìm ẩn thường trực trong người dân quê. Sức mạnh của sự tầm thường và nhỏ nhen còn đáng kể hơn sức mạnh của các bậc hảo hán bởi nó bất chấp luật lệ và nó xảo trá hơn bất cứ sự xảo trá nào. Từ cổ chí kim bất cứ kẻ nào sống trong làng xã cũng phải tuyệt đối tuân theo ý muốn ngầm ẩn của đám đông nếu họ không muốn bị cô lập và bị tấn công từ mọi phía. Phép vua thua lệ làng. Một người đàn bà như Miên không thể kháng cự thứ luật lệ cao hơn luật lệ ấy. Những người đàn bà dám chống lại đám đông xưa nay đều phải bỏ

làng ra đi, hoặc buôn xuôi bán ngược hoặc làm gái chơi trong thành phố. Và cho dù đã rời bỏ làng xóm, khi quay về họ vẫn phải nếm chịu sự áp chế hà khắc không thuyên giảm theo thời gian. Thứ luật lệ ghi trên giấy trắng mực đen không đáng kể, không bõ bèn gì so với luật lệ vô hình không văn bản... Bôn hiểu rằng quyền lực đứng về phía anh, ấy là thứ quả chín cho mười bốn năm gieo trồng, là phần thưởng cho mười bốn năm cam khổ.

...

- Tạo sao tôi không thể tận hưởng sự ưu đãi của xã hội đối với tôi một khi tôi đã hy sinh tuổi trẻ của tôi vì lợi ích cộng đồng?... Tôi là con người bằng xương bằng thịt, tôi muốn hưởng phần hạnh phúc như mọi người, kẻ nào muốn làm thánh nhân mặc họ.

- Vậy anh đã lạm dụng ưu thế của anh để buộc người đàn bà anh yêu phải quay về. Hành động như thế là thiếu danh dự.

- Danh dự là thứ không sờ mó nổi còn hạnh phúc cầm nắm được trong tay. Khẩu phần danh dự của tôi, tôi đã xài hết trong những năm chiến tranh, tôi không phản bội tổ quốc, không đào ngũ, không bắt trộm gà đào trộm sắn của dân khi đói... Tôi yên tâm về điều đó. Giờ đây, tôi cần người tôi yêu.

Tâm hồn anh bình lặng. Anh đã quyết. Anh hiểu số phận con người thường được quyết định trong tích tắc. Họ có thể đứng trên non cao, cũng có thể rơi xuống vực thẳm và thời khắc của định mệnh chỉ kéo dài trong chớp mắt hoặc một khoảnh khắc đủ cho ngọn gió thổi qua. Anh không thể chơi cái trò chơi quân tử của người đời. Anh phải bám lấy bờ vực, dù phải cạp cỏ, cắn đá, dù phải đánh đổi bất cứ thứ gì còn lại... Anh không thể mất Miên. Tim anh đập đốc thôi như nhịp trống ngày tòng quân, thứ nhịp điệu của những trò chơi nguy hiểm...

Miên vẫn im lặng, thẫn thờ nhìn khoảng trăng sáng trên sập giờ thu hẹp chỉ còn men theo song cửa. Năm cây nến cháy gần hết, sáp chảy đầy những chiếc lá nho đồng. Rồi tiếng gà cất lên. Thoạt tiên, tiếng lẻ loi xa xôi từ đâu vọng tới. Rồi lũ gà trong xóm gáy theo, đến gà chuồng nhà cũng tranh nhau tao tác. Tiếng gà báo canh lặng dần, vọng âm thung lũng bên kia những giải đồi vẳng tới râm ran mênh mang như có cả ngàn con gà rừng cất tiếng hòa lại.

Tiếng gà khiến người đàn bà bừng tỉnh. Chị lấy cây kim đồng gài dưới chân giá nến gạt tàn bấc. Đoạn chị thong thả cất lời:

- Thôi được... Em sẽ làm trọn phận sự của mình với một người có công với dân với nước... Em sẽ quay lại sống với anh. Nhưng em cần thu xếp việc nhà trong một tuần lễ. Tuần sau, anh Hoan sẽ quay

về. Tuần sau nữa em sẽ dọn tới gian buồng của anh. Đêm nay, anh ngủ lại đây như khách, không được đụng tới em. Trong ngôi nhà của vợ chồng em, em không làm những điều vô sỉ.

Nói xong, Miên đứng dậy:

- Nếu anh chưa ngủ cứ để nến cho sáng. Khi nào ngủ hãy tắt đi. Phòng của em đã có đèn.

Rồi chị bước vào buồng, khép cửa. Bôn nghe rõ tiếng chìa khóa xoay trong ổ, rồi tiếng chốt cài khô khốc, dằn dữ. Anh nhục. Nhưng anh cắn lưỡi, tự nhủ:

...Thôi được, thế cũng đã là may mắn cho ta. Phải biết cách chờ đợi. Thời gian sẽ trả lại những gì ta đã mất. Tiểu đội trưởng nói rồi: Trong cuộc đời này, thằng nào lì đòn, thằng ấy thắng...

Bôn tắt nến, lên phản nằm, chắp hai tay trên bụng.

Đèn trong phòng Miên lọt ra ngoài một vệt sáng. Anh nhìn vệt sáng, mơ một ngọn đèn xác bướm đêm rải trắng quanh chân, mơ một khoảng trời có đám cành soan đung đưa, và những vần mây trắng đục của một buổi lê minh lặng lờ, ngơ ngẩn...

*

Đám trai làng tụ tập ở sân nhà Bôn từ rạng sáng. Toàn những gã to con, lực lưỡng được chọn trong xã. Ấy là đội thanh niên tình nguyện của xã đoàn chuyên lo giúp các gia đình liệt sĩ thương binh vào kì gặt hái hoặc những lúc có công việc lớn. Bôn chẳng là thương binh, nhưng do gia cảnh của anh quá neo đơn bần hàn nên đảng ủy quyết định điều họ đến giúp anh sửa lại gian nhà trước khi đón Miên về chung sống. Lũ trai đã tự lo liệu bữa sáng ở nhà họ, tới đây chỉ đòi uống nước chè ngon trước khi bắt tay vào việc. May mắn cho Bôn, chiều qua cụ Phiều đem cho gói chè Thái Nguyên hảo hạng:

- Tôi biết anh không thể kiếm được loại chè này. Cầm lấy sáng mai đãi thợ.

Quả tình Bôn không thể kiếm được thứ chè xứ Bắc ngon tuyệt này, nó vốn là của hiếm đối với dân sơn cước miền Trung, những người trồng cà-phê nhưng chỉ quen uống chè tươi hoặc nước vối. Trà pha xong, hương bay thơm ngát, nước vàng màu hổ phách, đám trai vừa xì xoạp vừa tán như pháo nổ:

- Không biết chú Bôn làm đến chức gì, nhưng hôm nay chú được phong lên cấp soái. Dưới quyền chú có hai mươi lăm tốt hỉn, xin cứ việc phân công.

- Đề nghị bí thư chi đoàn hạ chức chú xuống chức anh. Anh Bôn

mới ngoài ba mươi, gọi chú tức là đẩy anh ấy gần tới hàng bô lão.

- Đúng đấy... Sửa nhà xong đón chị Miên về còn sản xuất tí nhau. Gọi là chú làm anh ấy xúi quẩy.

- Xin lỗi các cậu, đừng nói hàng chú, hàng bác, ngay đến hàng ông nội ông ngoại vẫn cứ cho ra lò được tốt.... Tháng trước cụ Phiều chẳng sinh quý tử ở tuổi sáu mươi chín hay sao?... Người ta gọi như thế là: Lão bạng sinh châu đấy...

- Nói ngon thật, ai bì được với cụ Phiều?... Nương vườn nhà cụ ấy bát ngát, đàn dê lúc nào cũng tám chín chục con, tháng vài lần cụ ấy chọn con khỏe nhất chọc tiết hứng vào hũ rượu uống còn dái với hai hột cà đem hấp thuốc nam, thuốc bắc, thơm điếc mũi xóm làng.

- Cậu ngớ ngẩn thật, thuốc nam thuốc bắc là hai thứ khác nhau bài bản khác nhau, làm sao dùng ẩu xị như thế được?...

Bôn vừa pha trà, vừa lắng nghe bọn trẻ bàn tán. Những điều họ nói hoàn toàn xa lạ, chúng đánh thức nỗi tò mò trong anh. Đời người có quá nhiều điều cần phải biết. Anh đã tách xa cuộc sống bình thường quá lâu để hội nhập vào một cuộc sống khác, trong cuộc sống ấy anh phải thuộc lòng sử dụng vũ khí, cách tránh các loại bom mìn, các tư thế đâm kẻ địch trong lúc giáp lá cà, cách tự băng bó vết thương, cách dò tìm dấu vết địch, cách phân biệt chất đất để đào hào hoặc chôn mìn bẫy... Giờ, anh chợt nhận ra rằng có một loại kiến thức khác: kiến thức về cách nấu tinh hoàn lẫn dái dê với thuốc nam hoặc thuốc bắc để có thể sinh một đứa con trai vào tuổi bảy mươi:

...Biết đâu chẳng có lúc ta cần đến những bài thuốc ấy?... Một vùng đất chưa hề trồng trọt, cần khai phá....

Nỗi lo ngại tràn đến, nhưng Bôn cao giọng trấn an mình:

...Đừng sợ. Ta còn trẻ. Nếu kiên trì ta sẽ học được tất cả những gì muốn học. Trước kia ta vốn là niềm hy vọng của các thày cô giáo trong trường... Giờ, ta có Miên. Một tuần nữa cô ấy sẽ về đây, ta sẽ có một mái ấm như mọi người. Ta sẽ khai phá những miền đất trắng...

Lũ trai uống xong nhất loạt đứng lên:

- Nào tướng quân, hãy biết tận dụng thời giờ. Chúng cháu chỉ giúp chú được ba buổi sáng thôi. Sau đó, sẽ phải sang thôn khác...

Lũ trai bắt đầu vào việc rồi, Bôn ra vườn hì hục rãy cỏ. Anh dự định trồng luống hương nhu trước hết. Buổi tối ở nhà Hoan, anh ngửi mùi nước gội đầu của Miên thơm lừng. Thứ nước ấy đun bằng cây hương nhu già, hoa hương nhu, lá bưởi và vỏ bưởi khô. Vườn nhà anh hẹp, không có bưởi nên anh phải cấp tốc trồng hương nhu cho chị có lá gội đầu. Anh không thể xây cho chị ngôi nhà lộng lẫy, sáng trưng đèn nến như người đàn ông kia nhưng anh có thể lấy tình

yêu và sự tận tụy bù đắp lại:

...Tôi sẽ làm tất cả vì em... Miễn là em ở bên tôi, chúng ta còn trẻ và chúng ta sẽ cùng nhau xây đắp cuộc sống mới...

Cuốc được hai giờ đồng hồ, Bôn thấm mệt, đành ngồi nghỉ. Mấy cô gái trong đội thanh niên tình nguyện đang vo gạo, vỗ rá bồm bộp chuẩn bi nấu ăn bữa trưa. Chính quyền xã kêu gọi những gia đình khá giả trợ giúp anh lương thực lẫn thực phẩm đủ cho mấy chục người ăn trong ba ngày. Cụ Phiều cho ba chục cân gạo với nửa con dê, bà Hơn cho hai chục cân gạo mười cân nếp, bà Giá cho hai luống cải trong vườn. Anh chỉ bỏ tiền mua mắm muối và vài cân mỡ lợn cho họ nấu nướng. Xoong nồi bát đĩa mượn láng giềng. Gia đình Tá không có chút đồ dùng nào khả dĩ nhìn vừa mắt. Bôn nhục. Nhưng anh không biết làm cách nào. Chiều qua, anh bảo Tá:

- Mai họ sửa nhà cho tôi, cũng là sửa luôn cho mẹ con chị. Hãy lo việc bếp núc với mấy cô trong đội.

Tá lắc đầu:

- Tôi mắc nợ người ta. Mấy mẹ con tôi phải làm khấu nợ.

Bôn biết không ai có thể thuyết phục chị anh, người đàn bà hoang dã, kẻ làm bung xung cho tất thảy những câu chuyện tục tĩu của đám đàn ông trong vùng. Tá sống như cây cỏ, chẳng cần biết đến lời đàm tiếu. Trời phú cho chị một đời sống tình dục dồi dào như muông thú, bất chấp tuổi tác, thời gian và sự khốn cùng. Năm mười lăm tuổi, Tá đi củi, bắt gặp một gã sơn tràng quê tận tỉnh Thanh xứ ngoài. Chị dẫn anh ta về. Lúc đó, cha mẹ đã chết, Bôn chúi đầu vào việc học và kiếm tiền mua giấy bút. Anh cũng chẳng thể can ngăn hoặc khuyên bảo chị ruột mình. Họ ngăn đôi căn nhà, Tá lấy hai gian, để cho anh một gian phía trong. Lúc đó, Bôn đã nghĩ:

...Ta chẳng cần chút gia sản còm này. Ta phải tìm mọi cách thi đỗ đại học về thành phố...

Cuộc sống vợ chồng của Tá bắt đầu ngay sau đó, chẳng cheo cưới. Chính quyền xã đành quay mặt đi trước cảnh tảo hôn. Nhưng dân Xóm Núi tò mò đổ tới nhà họ xem mặt anh thợ sơn tràng tỉnh Thanh như xem vật lạ. Anh chàng hai mươi lăm tuổi, to như gấu ngựa, hai vai nổi u đen bóng, ngực đầy lông, gáy cũng đầy lông. Mình anh có thể chấp ba tay sơn tràng khác kéo cưa từ sáng đến tối. Bữa, anh ăn hết mười hai bát cơm vật với mắm cá dầm ớt chẳng cần thịt cần rau. Các ông bà già trong xóm thỉnh thoảng gọi Bôn tới:

- Coi chừng con chị mi, lấy thằng nớ khéo ba bốn năm là chui vào hòm ngủ.

- Này, cha chết, con trai là trụ cột gia đình. Phải bảo con chị mi

liệu lấy thân. Tốt trống ắt phải tổn mái... Coi chừng...

Tá còn thấp bé hơn Bôn, người bằng chét tay. Dân làng sợ chị chết yểu vì gã sơn tràng lưng hùm dáng gấu... Vậy mà chính người đàn bà loắt choắt ấy đã quật chết gã khổng lồ. Sau hai năm chung sống, da anh ta nhợt hẳn đi, lưng và vai không còn nổi cuồn cuộn những bắp thịt cứng như sắt nguội. Lớp lông trước ngực và sau gáy rụng thưa hẳn. Đầu năm thứ ba họ có đứa con trai. Tá đẹp nõn, da mỡ màng, mắt long lanh. Anh chồng càng xuống mã nhanh. Anh không còn dám thách đấu với các thợ sơn tràng khác. Thậm chí cưa gỗ với một người bằng tuổi, anh cũng phải ngồi năm bẩy lần uống nước, đấm lưng. Hễ ai bóng gió trêu:

- Gái một con, mòn con mắt, tổn đàn ông lắm...

Anh chỉ lắc đầu quầy quậy.

(Xem tiếp kỳ sau)

DƯƠNG THU HƯƠNG





NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU
giới thiệu sách mới

LỜI PHẬT DẠY, Kinh Pháp Cú, Buddha's Teachinggs, Dhammapada, Đinh Sĩ Tráng dịch, Văn Nghệ xuất bản, giá 12MK, ngoài Mỹ 15MK.

"ghi lại những lời Phật dạy đầy tính chất thiết thực, sâu sắc và linh động do chính đức Phật nói ra.

"Tại các nước theo Phật giáo Nam Tông các vị sa di phải học thuộc lòng kinh này. Đáng tiếc là tại VN kinh này không thuộc danh sách các kinh nhật tụng nên ít được đồng bào Phật tử biết đến."

TRẦN DẦN, GHI 1954-1960, bìa Trần Tri Vũ, td mémoire xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 18MK.

Trong di cảo đồ sộ Trần Dần để lại, có những cuốn sổ ghi chép ông viết cho ông, không nhằm phổ biến cho ai khác, nên giá trị văn học và sử liệu rất cao. Nhà văn Phạm Thị Hoài đã bỏ công đọc những trang viết tay khó đọc, đoán chữ, hiệu đính, ghi chú những cuốn sổ tay này, giới hạn từ năm 1955-1960, là thời gian Trần Dần bị trừng trị trong

vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Lời nhân chứng chính là Trần Dần, có những điều mới mẻ soi sáng thêm về phong trào cải cách ruộng đất, về Nhân Văn Giai Phẩm, về mặt trái của giới lãnh đạo Văn nghệ Hà Nội (Văn Học số 180 tháng 4, 2001)

Những ghi chép của Trần Dần tập hợp trong tập sách này là chứng chỉ tự cấp về bảy năm mở ra quyết định cái thành quả hoạn nạn đó. Đối với chúng ta, đó là những văn kiệu và sử liệu vô giá về một gian đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn còn xếp sổ, nếu quả còn có sổ. Với Trần Dần, đó là phần mở đầu "tác phẩm dành cho một người", tác phẩm bất đắc dĩ mà thành đồ sộ và gay cấn nhất của văn nghiệp ông, khi "ghi trở nên một hình phạt", khi ông "bắt tội mình", "cưỡng bức" mình vào một "chế độ ghi sổ tay" ba mươi năm ròng rã. (Phạm Thị Hoài, Lời nói đầu)

TÔ ĐÔNG PHA, NHỮNG PHƯƠNG TRỜI VIỄN MỘNG, Tuệ sỹ, Ca Dao xuất bản lần thứ nhất, Sài Gòn 1973, An Tiêm tái bản lần thứ hai, Paris 2001, Văn Nghệ phát hành. Giá 14MK.

"Thơ vẫn là một cuộc lịch nghiệm Riêng và Chung của Thời đại và Lịch sử, Từ cuộc Riêng, thơ nương theo đôi cánh Thi và Dịch để đi về nơi hoằng viễn, dẫn lịch sử Uyên nguyên tụ hội vào Thời đại. Hình như những sự này tôi nghe được từ nơi thơ của Đông Pha, có nghe lộn hay không, thì không biết. Nhưng cứ xin lấy chỗ nghe được đó ra để bố trí cho quyển sách này." (Tuệ Sỹ, tựa)

BƯỚC ĐẦU HỌC ĐẠO, A. Builling - J.C. Cleary, Thích rí Thủ, Phương Thuần dịch, Giao Diểm xuất bản. Giá 7MK.

Cuốn sách nhỏ này có bốn bài bao gồm những chủ đề căn bản mà người Phật tử cần biết sau khi qui y.

SONG OF THE CICADAS, Mộng Lan, University of Massachusettes Press xuất bản. Giá 13MK.

Sáchg dày 84 trang, thơ Anh ngữ.

NHỮNG GIỌT SƯƠNF MUỘN, thơ, nhiều tác giả, bút nhóm Đào Nguyễn Song Yên thực hiện và xuất bản. Liên lạc: 713—, Email: dnsy@usa.com

Sách dày 402 trang, với góp mặt của 15 tác giả.

POEMS IN RAIN & FLOWERS - THƠ TORNG MƯA & HOA, Vi Khuê, Sao Publications xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 20MK.

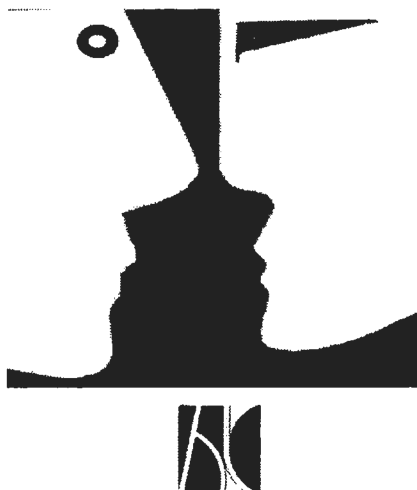
Liên lạc: 5649 MT. Burnside Way, Virginia 22015.

Thơ tam ngữ Việt, Anh, Pháp (phần dịch thuật được thực hiện bởi Hồ Trường An, Chử Nhất Anh, Chử Nhị Anh, Bernard Detrez, Nguyễn Ngọc Bích, Cao Biền, Nguyễn Huỳnh Điệp, Võ Đình, Vũ Đức, Trần Nhã Hoa, Vi Khuê, Tường Minh, Thanh Thanh, Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Phương Viên)

Tác phẩm thứ bảy của Vi Khuê.

"Những tác phẩm của bà đều có giá trị về cả 2 phương diện văn chương và sử liệu, đáng lưu trữ cho các thế hệ sau" (Huỳnh Sanh Thông)

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu & độc gia

Từ tháng Giêng năm 2001, giá in ấn và bưu phí tăng vọt, đẩy Hợp Lưu đến nguy cơ đình bản. Tòa soạn bày tỏ mối âu lo này với một số văn hữu và đã được họ chia xẻ tận tình bằng hành động cụ thể: mỗi người hỗ trợ một ít hiện kim, nếu chia đều, cũng tạm đủ cân bằng phần nào cán cân chi thu cho sáu số Hợp Lưu nữa, kể từ số 58. Thay mặt độc giả, tòa soạn trân trọng cảm ơn những văn hữu có tên dưới đây:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trịnh Y Thư, Trương Vũ, Đỗ Kh., Phạm Chi Lan và thân hữu, Trịnh Thanh Thủy, Thận Nhiên, Thu Thuyền, Lê Thị Thấm Vân, Trần Mộng Tú, Ngu Yên, Phạm Việt Cường, Bùi Bích Hà, Trân Sa, Phan Tấn Hải, Nguyễn Hương-Lê Bi, Thu Tứ, Hoàng Khoa Khôi, Huỳnh Hùng-Quỳnh Giao, Vương Văn Đông, Trần Thị Diệu Tâm, Phan Thị Trọng Tuyến, Thường Quán, Trần Quang Đáng, Mai Ninh, Phan Huy Đường, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Văn Khoa, Nguyễn Đức Tùng....

Riêng với các độc giả cư ngụ tại Hoa Kỳ, chúng tôi nhận thấy trong vòng bốn tháng qua, dù mỗi số báo chỉ tăng **một dollars**, lượng độc giả dài hạn cũng giảm hẳn, chỉ còn trên dưới hai phần ba (ở các quốc gia Âu,Úc, Á châu, tình trạng còn bi đát hơn nữa!!!). Chúng tôi hiểu sâu xa rằng, nếu chỉ mua duy nhất một tờ Hợp Lưu, thì năm mười đồng tiền cước phụ trội không là bao, thế nhưng hầu hết độc giả hiện nay tại hải ngoại còn có nhu cầu đọc tiếng Việt, thường đặt mua hàng

năm ba bốn tờ: HL, Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21, Việt... Cộng chung mỗi tờ năm, mười đồng, số tiền tất không nhỏ, nhất là đối với độc giả Âu, Úc, Á châu, giá trị tiền tệ so với dollars Mỹ chênh lệch rất cao. Cho nên quí độc giả này buộc phải chọn lựa nên loại và nên giữ lại tờ nào hợp với mình nhất, là hữu ly, dù sự hữu lý quả thực rất đau buồn cho dòng văn chương nằm bên ngoài quê hương! Vài hôm nay, khi đi gửi báo, chúng tôi được nhân viên bưu điện cho biết, đầu tháng bảy giá tem cước sẽ tăng thêm một đợt nữa. Nếu tin trên xác thực, thì đúng là... đại họa cho báo chí sách vở tiếng Việt hải ngoại!

Đối với quí độc giả nào vẫn còn tiếp tục thủy chung với Hợp Lưu, tòa soạn chân thành cảm ơn, đồng thời trân trọng thông báo lại: Kể từ số 58, trị sự chỉ gửi duy nhất bằng phương tiện MEDIA, tức hạng thường dành cho văn hóa phẩm theo cách phân loại mới của bưu điện, và hủy bỏ hạng gửi bằng AIR MAIL. Trong Hợp Lưu số vừa rồi, do sơ sót, trị sự chưa kịp thay đổi phiếu tái hạn cũng như phiếu mua dài hạn. Vậy độc giả nào đã lỡ tái hạn bằng giá AIR MAIL ($US60), trị sự sẽ tự động tăng thêm một số nữa vào hạn kỳ tái hạn.

Cũng xin lưu ý độc giả cư ngụ ngoài Hoa Kỳ mua báo bằng đường bộ hoạc đường thủy: Trị sự đã hủy bỏ hạng mục này, **vì giá cước Surface (hạng tư) tăng cao tương đương giá Air mail.** Như thế, chỉ còn hai hạng: GLOBAL PRIORITY MAIL (hỏa tốc) qua Âu châu, Úc châu, Á châu, và AIR MAIL (máy bay) qua Canada. Có nghĩa, độc giả nào cư ngụ tại các châu vừa kể, xin gửi thêm tiền **phụ trội sai biệt 3 dollars.** Riêng **Canada 2 dollars** cho mỗi số (Xin xem hàng trên cùng của label ngoài bao thư để biết còn lại mấy số cần gửi thêm phụ trội).

Hợp Lưu rất mong được cảm thông, hổ trợ, để diễn đàn văn học này còn có cơ hội đưa các sáng tác của các tác giả trong và ngoài nước đến với quí độc giả.

HỢP LƯU



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU TẶNG BÁO

Tên người tặng: ____________________
Địa chỉ: ____________________

____

Email: ____________ Điện thoại: ____________

tặng [ ] (1,2) năm HỢP LƯU bằng máy bay [ ]; hạng tư [ ] đến

Tên người nhận : ____________________
Địa chỉ: ____________________

____

Email: ____________ Điện thoại: ____________

Yêu cầu tòa soạn báo cho tôi biết khi nhận được phiếu tặng báo kèm check (or money order) bằng điện thoại, thư bưu điện, hoặc email.

(Xin xem PHIẾU MUA DÀI HẠN ở mặt sau để biết giá)

PHIẾU GIỚI THIỆU

Yêu cầu tòa soạn gửi đến:

Tên: ____________________
Địa chỉ: ____________________

____

Email ____________ điện thoại ____________

HỢP LƯU số mới nhất. Nếu người nhận vừa lòng với nội dung của tạp chí, sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ (Four class only)

- *Một năm / One year* ☐ US$50.00.
- *Hai năm / Two years* ☐ US$95.00.

Gia Nã Đại (Canada) (Air mail only):

- *Một năm / One year* ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$135.00

Úc, Âu châu, Á châu (Australia, Europe & Asia) (Global priority only):

- *Một năm / One year* ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$155.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HOP LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.

SÁCH MỚI! SÁCH MỚI!

Trong di cảo đồ sộ Trần Dần để lại, có những cuốn sổ ghi chép ông viết cho ông, không nhằm phổ biến cho ai khác, nên giá trị văn học và sử liệu rất cao. Nhà văn Phạm Thị Hoài đã bỏ công đọc những trang viết tay khó đọc, đoán chữ, hiệu đính, ghi chú những cuốn sổ tay này, giới hạn từ năm 1955-1960, là thời gian Trần Dần bị trừng trị trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Lời nhân chứng chính là Trần Dần, có những điều mới mẻ soi sáng thêm về phong trào cải cách ruộng đất, về Nhân Văn Giai Phẩm, về mặt trái của giới lãnh đạo Văn nghệ Hà Nội (**Văn Học** số 180 tháng 4, 2001.

Những ghi chép của Trần Dần tập hợp trong tập sách này là chứng chỉ tự cấp về bảy năm mở ra quyết định cái thành quả hoạn nạn đó. Đối với chúng ta, đó là những văn kiệu và sử liệu vô giá về một gian đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn còn xếp sổ, nếu quả còn có sổ. Với Trần Dần, đó là phần mở đầu *"tác phẩm dành cho một người"*, tác phẩm bất đắc dĩ mà thành đồ sộ và gay cấn nhất của văn nghiệp ông, khi *"ghi trở nên một hình phạt"*, khi ông *"bắt tội mình"*, *"cưỡng bức"* mình vào một "chế độ ghi sổ tay" ba mươi năm ròng rã. (**Phạm Thị Hoài**, Berlin tháng 4 năm 2000)



TRẦN DẦN
ghi 1954-1960

460 trang
Giá 18MK tại Hoa Kỳ
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK
TD MÉMOIRE xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành
tại nhà sách VĂN NGHỆ:
9351 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 934-8574



VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: 714-934-8574

td mémoire xuất bản
VănNghệ phát hành

trần dần

ghi

1954
1960

td mémoire



Giá 18 Mỹ Kim